

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

TẬP TRUYỆN VÀ TẢN VĂN

TIỂU LỤC THẦN PHONG

NHÀ XUẤT BẢN
ANANDA VIET FOUNDATION

Copyright © 2022 Tiểu Lục Thần Phong
All rights reserved.
ISBN: 978-1-0880-6547-1

MỤC LỤC

1. Cùng tử
2. Giải thoát
3. Lễ trắng tròn tháng tư
4. Mừng trắng tròn tháng tư
5. Chuyện một Phật tử
6. Đêm vu lan phương ngoại
7. Chỉ có con đường đó mà thôi
8. Cái thấy biết bọn chúng mình có bệnh
9. Cầu kiến
10. Chánh niệm rong đời thường
11. Sư Hộ Nguyên
12. Có ngờ gì không
13. Cư sĩ và Phật pháp
14. Đêm nằm nghe đào rụng
15. Đội điều về ăn chay
16. Hoa khai năm cánh
17. Hội đêm rằm
18. Kiềng ba chân
19. Không can hệ gì
20. Thư gửi đức Phật
21. Lãng đãng tháng năm
22. Lễ Phật đản giữa lòng New York
23. Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay
24. Mùa đông thủ thi
25. Mùa hạ chiều phương ngoại
26. Mùa thu vĩnh viễn
27. Mùa xuân vĩnh viễn
28. Mùa Phật đản lại về
29. Ngươi vời ta đến
30. Những gã du tử mang nghiệp chữ
31. Những người con gái Phật
32. Oan gia
33. Phật cười với con
34. Phổ Hiền nguyện qua cái nhìn Phật tử sơ cơ
35. Phước họa khôn lường
36. Phước phần như thế
37. Như một vết trâm

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

38. Sợi dây vô hình
39. Sống để bụng chết mang theo
40. Tâm động tâm tịnh
41. Tâm kinh
42. Tản mạn khi xuân sang
43. Tản mạn tháng năm
44. Tay cù khôi
45. Thần núi và thần nước
46. Tháng tư lại về
47. Thành Vijaya
48. Thầy vẫn thiền mọi đêm
49. Tiểu trấn Thanh Châu Sa
50. Trộm hương
51. Văn tự kinh chữ nghĩa đời
52. Về tuyết sơn
53. Về với thiên nhiên
54. Vesak
55. Vô thường lãng đãng
56. Vu lan mùa dịch
57. Xã hội hiện đại và đạo pháp
58. Ý nghĩa những biểu tượng trong đạo Phật
59. Yển

LỜI NÓI ĐẦU

Đạo Phật đã song hành cùng dân tộc Việt suốt mấy ngàn năm nay, ngay từ thuở mới du nhập vào xứ Việt. Đạo Phật đã lập tức bén rễ và ăn sâu vào dòng tâm thức của người Việt, giáo lý từ bi, giải thoát kết hợp với truyền thống văn hóa đã tạo nên một bản sắc riêng của tộc Việt, cũng nhờ thế mà tộc Việt vẫn tồn tại độc lập với tộc Hán, mặc dù các triều đình phong kiến Trung Hoa liên tục xâm lược và cố gắng đồng hóa người Việt.

Từ thuở ban đầu với trung tâm Phật giáo nổi tiếng Luy Lâu, với những chùa Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện... cho thấy sự hòa nhập và ảnh hưởng qua lại của Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, văn hóa bản địa. Sau đó là những thời kỳ phát triển rực rỡ của Phật giáo ở Đại Việt, huy hoàng nhất có lẽ từ khi Đinh Tiên Hoàng xưng đế, định chế ra giáo phẩm tăng thống và đỉnh cao là giai đoạn Lý -Trần. Bấy giờ Đại Việt có cả một dòng văn học thấm đẫm tinh thần Phật giáo. Phật giáo có đặc điểm là luôn khế cơ khế lý, nói theo ngôn ngữ đời thường là sự thích hợp với hoàn cảnh và trình độ của cư dân, chính nhờ thế mà đạo Phật truyền đi bốn phương, phát triển ở những vùng đất mới xa lạ, có truyền thống văn hóa khác nhưng không gây ra sự xung đột, xung khắc nào.

Đạo Phật đến với người dân thông qua những câu chuyện, giai thoại, bài ca , bài vè... dễ dàng và thấm thấu sâu hơn là

những pho kinh đồ sộ, nội dung thâm sâu. Thật tình mà nói, kinh điển nhà Phật chất cao như núi, tính chất văn tự bác học, giáo lý thâm sâu, triết lý uyên áo... người dân khó mà thâm nhập được, thậm chí đọc cũng không nổi. Những pho kinh và hệ thống triết lý ấy chỉ dành cho những bậc tu hành, những nhà Phật học, những người nghiên cứu Phật pháp... Ngay cả bút giả cũng không hiểu biết gì mấy, tuy cũng có đọc tụng nhưng chẳng dám đụng đến những triết lý Tánh Không -Bát Nhã. Những gì bút giả viết ra cũng chỉ là những câu chuyện đơn giản của đời thường, những chuyện rất thật của chính bản thân, của bạn bè hay của những Phật tử quen biết.

Tập truyện và tản văn Chỉ Có Con Đường Đó mà Thôi này có thể xem như chuyển tải một tí tí đạo Phật thông qua những câu chuyện đời. Tác giả không có ý “Văn dĩ tải đạo”, chỉ đơn giản là khi hứng khởi thì viết và viết với tư cách một Phật tử sơ cơ thôi. Bút giả không dám nhận đây là văn chương, càng không dám xưng là người hiểu biết Phật pháp. Biền học mênh mông, giáo lý Phật pháp thâm sâu, văn tự chữ nghĩa nhiều chiều kích... Bút giả chỉ như là con ong võ vẽ bay lượn trong vườn hoa chữ nghĩa, như con đò bên mép nước của biển học Phật pháp. Những câu chuyện, truyện ngắn hay bài tản văn phần lớn được viết ra trong lúc làm việc mỗi ngày. Bút giả vẫn thường làm việc và thâm nhiếp tâm niệm Phật, được lúc nào hay lúc ấy và những khi hứng khởi nổi lên hay trong tâm ý xuất hiện ý tưởng là lập tức viết ngay ra. Bởi thế văn thô mộc chứ không được trau chuốt, ý tứ vụng về chứ chẳng được sửa sang cho tròn đẹp, nội dung đơn sơ cạn cợt, câu chữ thiếu sắc sảo chăm chút... Bút giả chỉ mong sao giúp bạn đọc có được một chút vui, một chút nhớ về Phật pháp, chỉ nhiều đó thôi là cũng mãn nguyện lắm rồi.

Tiểu Lục Thần Phong
Ất Lăng thành, 06/22

CÙNG TỬ

Quá nửa đời người rong ruổi giữa dòng đời, một ngày kia y soi kiếng chợt nhận thấy những sợi tóc bạc xuất hiện lẫn lộn trong mớ tóc đen. Y giật mình lắm lắm:” Rồi, sứ giả của quỷ vô thường đã gửi tin nhắn”

Y nhỏ bỏ những sợi tóc bạc ấy đi vì không muốn những người bạn làm chung chế giễu, tiếc thay chỉ vài tuần sau thì những sợi tóc bạc khác lại xuất hiện, thế này thì đã đến lúc rồi, nhỏ hay không nhỏ cũng thế thôi. Cái thân bất tịnh mấy mươi năm nay thiện ác lẫn lộn, sự vô thường can thiệp tận từng sát na nhưng không để ý, không nhận thấy; giờ thì nó phô bày rõ bản lai diện mục rồi. Vô thường thì không có ai có thể biết nó đến lúc nào, có thể vài mươi năm nữa, có thể năm sau, thậm chí tháng sau hoặc ngày mai... Vì nó là vô thường nên nó cũng không thể biết khi nào đến hoặc đi. Chỉ có những bậc giác ngộ như Phật hay Arahanta thì mới tường tận được.

Ngày trước, khi học Phật đọc thiên sử tông lâm y từng mê mẩn tâm thần, từng có một giấc mơ đẹp hơn cả chuyện cổ tích. Y hâm mộ vô cùng chuyện các thiền sư: Nào là Bồ Đề Đạt Ma cứu niên diện bích, thiền sư Nghĩa Huyền đốt Bách Trượng, Lâm Tế với chiêu đả cầu hát bông, Thiền sư Hoài Hải xem trăng, thiền sư Thạch Đầu đối đáp, thiền sư Shoju đốt cảm nang thiền của chư tổ, thiền sư Gasan quát sư phụ, thiền sư Ryuokan xin lỗi tên trộm vì không làm sao cho y mặt trắng... hành trạng các vị như thể “khùng điên”, ngôn các

ngài như thô tháo vô nghĩa. Người sơ cơ, kẻ vô duyên thì chẳng thể nào hiểu hay ngộ được, tất nhiên y cũng chẳng hiểu gì nhưng lòng yêu thích không sao tả được. Y cũng từng nuôi mộng xuất gia tu học, muốn nhập tông lâm lâm đệ tử các ngài, cái không khí thiền lâm thạch thất sơn đầu sao mà như thật như mơ.

Y đọc qua kinh Lăng Nghiêm cũng thích lắm, nhất là những mẩu chuyện làm chứng cứ mang đậm dấu ấn và văn hóa Trung Hoa. Rồi đọc kinh Pháp Hoa, thấy những hình ảnh: Dược thảo, tháp Đa Bảo bay lên hư không...lòng liên tưởng đến những chuyện hoạt kê trong Tây Du Ký, nhưng thích nhất vẫn là hình ảnh tay cùng tử con ông trưởng giả. Y liên tưởng và thấy mình cũng giống ở chỗ hèn kém và bạc nhược. Y nghĩ y cũng như hầu hết mọi người trên thế gian này đều là những tay cùng tử cả. Chỉ có những vị cất ái từ thân ly gia đoạn dục mới là những gã cùng tử đã quay về nhà và đã nhận ra hạt châu giấu trong chéo áo, dám nhận gia tài của ông trưởng giả trao cho. Y biết mình hèn kém, ngu muội, bạc nhược chưa dám quay về chứ đừng nói chi đến chuyện dám nhận gia tài.

Thời gian qua mau, những năm sau y lại nghe pháp của ngài Ajahn Chan, Ajahn Brahm, sư Toại Khoanh, Giới Đức...Những lời pháp, bài pháp gần với Phật giáo sơ kỳ, rất thực tế, rất sâu sát và sắc bén. Những bài pháp ấy giúp y tỉnh mộng và biết mình nên làm gì.

Thuở còn mơ mộng xuất gia, y cứ như người ngủ giữa ban ngày, tưởng tượng ra đủ thứ, lòng đinh ninh: Mình sẽ giữ giới, sẽ tinh tấn, sẽ trở nên sống phạm hạnh, sẽ ra tay chấn tác thanh quy, dựng lại những gì hư hỏng, thanh tẩy thiền môn,

sẽ trục hết những kẻ “Mượn đạo tạo đời”...Bởi vì y thấy Phật môn bây giờ nặng về hình thức, phô trương màu sắc mà không có thực chất. Khắp nơi đua nhau xây chùa lớn, dựng tượng to, đúc chuông bự mà chẳng chịu xây người dựng đức. Nơi nơi chấp tướng mà biến hoại sự hành, xem nhẹ giới luật. Rất nhiều vị xuất gia mà lại đua chen với đời, tranh danh vãn lợi dưỡng. Gã cùng tử ôm giấc mộng cuồng ngu cao vọng.

Ngày nay y thấy chùa to Phật lớn khắp nơi nhưng chỉ để bán vé tham quan, phục vụ du lịch tâm linh. Người ta đến chụp hình quay clip tự sướng để đăng lên mạng xã hội. Có rất nhiều người đi chùa nhưng chẳng biết Phật dạy gì, nói gì... Họ đến chùa đốt một nắm nhang to tướng, vái búa xua, nhét vài đồng vào thùng phước sương rồi xin xem, bói quẻ, cầu lộc cầu tài...Thật đáng buồn thay, thật đúng là cả một bọn cùng tử, ai cũng có viên minh châu trong chéo áo nhưng chẳng biết, lại đi cầu những thứ vật vãnh tầm thường; điều đáng nói là không thể cầu được, phước đức tự làm chứ chẳng có ai ban phát. Y vốn là một gã cùng tử nhưng thấy đám cùng tử kia còn cùng tử hơn, còn hèn mọn hơn cùng tử trong kinh.

Y cuồng mê xuất gia tu học rồi làm hòa thượng để chán tác lại chốn già lam, sẽ tách già lam ra khỏi những thế lực chính trị, lược bỏ những yếu tố Tào trong thiền môn, ngăn chặn sự xâm nhập và điều khiển của thế lực chính trị thế tục. Những tác động của các thế lực chính trị đã làm xiêu lệch tông môn, biến tướng thiền lâm. Không ít người trong chốn già lam đã trở thành công cụ phục vụ chính trị, không ít người của thế lực chính trị cài cắm vào trong già lam. Ngày hôm nay trong một khoảnh khắc tỉnh thức, y biết mình đã vượt quá phận mình, đã mơ giấc mơ hoang tưởng. Y vẫn là một gã cùng tử chưa biết ngày nào quay về , thân mình chưa xong mà lại lo

chuyện thiên hạ, nực cười cho:” Ốc không lo cho ốc, ốc lo đầu cóc mọc râu”. Gã cùng tử lang thang trên đường đời, vất vả đường mưu sinh, chẳng biết đường đi về, không có đường tiến lui, Dậm chân tại chỗ trên đường đạo, dang dở đường thăng đạo.... May là giờ này y nhận ra được cái thực tế nhất và cái có khả năng nhất là giữ phận của một Phật tử sơ cơ, giữ những giới cơ bản một cách tốt nhất mà mình có thể.

Việc thịnh - suy của quốc gia hay thanh - trọc trong già lam cũng là lẽ vô thường, thịnh suy liên li có phút giây nào ngừng, ngay cả chánh pháp của Thích Ca mâu Ni Phật cũng sẽ có lúc diệt (khi mà có một vị Phật mới xuất hiện). Thế gian này xưa nay cũng đã có bao nhiêu quốc gia mới hình thành và bao nhiêu quốc gia đã diệt vong. Vô thường là thế, không có hạn kỳ hẹn thời, vô thường có thể dài đằng đặc nhưng cũng có thể trong một khoảnh khắc sát na. Gã cùng tử nhổ sợi tóc bạc, cầm sợi tóc bạc ngắm nghía thấy trong ấy có cả đất nước gió lửa đang chuyển động, lại thấy gương mặt của sứ giả vô thường. Trong đầu y văng vẳng lời từ tận cùng sâu của tâm thức:” Rồi cái thân này sẽ hoại, cùng tử ơi! Người đã chuẩn bị tư lương gì chưa? Cái người mang theo sau khi thân hoại mệnh chung không phải là của cải, tiền bạc, gái đẹp trai xinh.... Mà là những nghiệp lành, dữ đã tạo và đang tạo”

GIẢI THOÁT

Mỗ là quan chức thường thường bậc trung, tuy chưa phải là đại gia nhưng cũng có thể gọi là giàu sang có máu mặt. Sau nhiều năm lẫn lộn chốn quan trường, mỗ ngán ngẩm lắm rồi. Mọi người mang mặt nạ để đối đãi nhau, đồng liêu cười cười nói nói, bắt tay, ôm hôn vỗ lưng bộp bộp nhưng sẵn sàng lụi nhau những phát chí tử. Quan trên thì hót công đồ tội, bọn bên dưới thì rập rình đoạt ghế mỗ đang ngồi. Chính trường tràn gió tanh mưa máu, miệng lẫn lưỡi rắn, tâm lang dạ sói, óc muối bụng voi. Triều đình đầy nghi kỵ, luôn rình mò từng cử chỉ hay lời nói, hễ lệch hướng một tí là triệt hạ ngay lập tức. Ở công đường là thế, về nhà càng mệt thêm, vợ suốt ngày chung diện đua đòi làm phu nhân, bà lớn. Con trai nhập băng hút xách, đua xe, quậy phá tung bừng. Con gái ăn chơi mát trời ông địa luôn. Mỗ ngán ngẩm tình đời, muốn tìm cách giải thoát. Suy nghĩ nhiều lắm, cuối cùng thấy chỉ có xuất gia đầu Phật là con đường giải thoát tuyệt nhất. Nghĩ là làm, tuy nhiên mỗ cũng thủ thế trước, kinh nghiệm quan trường dạy mỗ vậy. Trước hết mỗ xin nghỉ việc không lương trong ba tháng để đi chữa bệnh, sau là mở tài khoản nhà băng bí mật và gom hết giấy tờ tài sản đứng tên riêng cất kỹ. Mỗ cũng nghe nói Phật xuất gia lúc nửa đêm để tránh sự quyến luyến và cản trở. Bởi vậy mỗ đợi ngày vợ con đi chơi xa, lúc bấy giờ mới lên chùa:

- Bạch hào thượng, con muốn xuất gia đầu Phật, xin hòa thượng nhận con làm đệ tử.

Hòa thượng bất ngờ nhưng rồi cười độ lượng:

- Vì sao ông muốn xuất gia?

- Dạ, đời là bể khổ, con muốn giải thoát để hết khổ.

- Nói vậy! Ai bảo đời khổ? Đời vui lắm, có tiền, có rượu ngon, gái đẹp, thức ăn mỹ vị...Ở trong chùa mới khổ, chùa hồng có những món ấy đâu!

- Dạ, đời khổ thật mà, vì những món ấy mới khổ, hơn nữa lòng người đa trá, quan trường nham hiểm, vợ con nợ nần, sắc dục cạm bẫy... chỉ có chốn già lam mới bình an thanh tịnh.

- Trong chùa cơm hẩm áo thô, vào ra đơn độc, thức khuya dậy sớm, bắt tác bắt thực, kham nhẫn nhịn nhục, rước khổ thiên hạ, thí lục cho đời... toàn đi ngược lại với người đời cả!

- Dạ, lòng con đã quyết, những cái khó khăn ấy không làm con nhụt chí đâu!

- Cứ cho là ông chịu được những điều ấy, nhưng ông xuất gia để cầu gì?

- Dạ, cầu giác ngộ

- Chùa chẳng có gì ngộ ngộ để ông vác đâu.

- Cầu hầu cận Phật, gần tổ

- Vậy thì càng không được! Làm Phật, làm tổ khó lắm, ngày ngày ngồi đó chịu trận chúng đến cầu xin đủ thứ nào là tài

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

lộc, thăng quan tiến chức, gia đạo bình an, con cháu đỗ đạt, thậm chí cầu sanh con trai...Nếu ngẫu nhiên mà được thì không sao, bằng như không vừa ý thì chúng lại đổ vấy tại Phật, tại tổ không linh. Khổ lắm, kham không nổi đâu!

- Dạ, tại người mê mới cầu như thế nhưng Phật, tổ từ bi đâu có trách

- Ông nói cũng có lý, Phật, tổ không trách. Chúng lại làm những việc ma nhưng cứ đổ riệt cho Phật, Bồ tát gọi là Phật sự. Chúng lợi dụng Phật, bồ tát tổ chức xin xăm, bói toán, cúng sao, giải hạn, trục vong, mở ngải... để thu tiền, làm cho thiên hạ hiểu sai về Phật. Chúng bôi nhọ như thế đấy, làm Phật, làm tổ khổ lắm! Chưa hết đâu, chúng tàn hại thiên nhiên, phá rừng bạt núi dựng chùa to như tử cấm thành để làm du lịch thu tiền mà chúng bảo là Phật sự! Chúng đăng đàn nói nhảm linh tinh, phò thế lực quan quyền thế tục... đủ hết các trò mà ngày xưa ma vương ba tuần còn chưa dám làm. Chúng bôi gio trát trấu lên mặt Phật, chúng phỉ báng như thế mà vẫn phải nhẫn nại từ bi thương chúng vô minh. Làm Phật, làm tổ khổ lắm! Ngày xưa Phật buông hết xuống chỉ còn tam y nhất bát, nay chúng vơ hết vào mình, ôm đủ thứ mà miệng thì cứ oang oang bảo Phật sự. Ông thử nhìn lên bàn thờ mà xem: Đèn, nhang, hoa, quả... chúng dí sát vào tượng Phật, bày biện tùm lum, chúng sợ Phật không thấy phẩm vật nên hồng linh chẳng? Ông thử đi một vòng các chùa thì biết, gom tiền bá tánh đi rước sư tử Tàu, La Hán Tàu, pháp khí Đài Loan... chung la liệt, chẳng biết chung vậy để làm chi? Vừa hao tài tốn của vừa làm cho người mê. Chúng làm bậy nhưng rồi chỉ có mỗi Phật, bồ tát chịu trận thay. Suốt ngày chúng réo Phật, làm Phật, làm Bồ tát khổ lắm!

Hòa thượng nói thế nào mỗ cũng vẫn khăng xin xuất gia cho bằng được, cuối cùng hòa thượng cũng cho mỗ xuất gia để tìm đường giải thoát:

- Được rồi, ông muốn tránh khổ của đời để nhận cái khổ của chùa thì tui cũng chịu ông, tuy nhiên sau này kham hồng nổi thì đừng đổ thừa tui. Tui đã nói trước rồi đấy, làm Phật làm tổ khổ lắm!

Thế rồi hòa thượng tập hợp chúng lại làm lễ cạo đầu cho mỗ xuất gia. Những ngày đầu mỗ lâng lâng vui sướng, hùng tâm tráng khí bốc cao như núi, lòng nhẹ nhõm rỗng rang như mây bay. Từ nay không còn thủ thế ở chốn quan trường, chẳng phải nhúc đầu vì vợ con, đời tu hành thông dong tự tại. Mỗ hăng hái làm cái này cái kia, tập đi đứng chậm rãi, nói năng nhỏ nhẹ từ tốn, học giáo lý, học giới luật... Tuy hăng hái như vậy nhưng khổ một nỗi bản tánh xưa nay ở đời rất hùng hổ, quen thị uy, nóng nảy giờ đè nén xuống rất là khó chịu, nhiều lúc đang ngồi thiền mà nó cứ chực chờ bùng trào nổ tung. Mỗ ngồi trên bồ đoàn mà trong lòng bí bách như đang có cơn lũ dữ bị chặn lại. Những ngày đầu, khi cơn hưng phấn còn cao thì không sao, sau đó thì bắt đầu nếm trải với bữa cơm toàn rau với đậu, mỗ cố nuốt nhưng sao thấy nhạt nhẽo khô khan quá. Trong tâm mỗ nổi lên cơn thèm miếng sườn, lát cá, ly bia... Mỗ phải trấn tĩnh, thực hiện chánh niệm:” Giờ mình đã xuất gia, phải hướng thượng, phải từ bỏ những cái tầm thường ấy để mà giải thoát”.

Một đêm kia mỗ ngủ không được, bụng còn cào vì đói, ngật nổi ở chùa đâu thể xuống bếp ăn vụng, vả lại bữa cơm chiều cũng tém gọn sạch sẽ rồi, chẳng còn gì cả. Mỗ thầm nghĩ:” Phải chi giờ này ở nhà, mình chạy ra quán quất một bụng cho

đã đời”. Mỗ trần trọc không sao ngủ được dù đã cố gắng niệm Phật thầm, chú mục vào hơi thở... nhưng chỉ được một tí là lòng lại dậy sóng. Mỗ nhớ những ngày tháng ăn nhậu tới bến, hết tăng một gậy tăng hai, tăng ba hát karaoke, mát xa mát trời ông địa luôn. Những cô tiếp viên trẻ đẹp chịu mỗ tới bến lên đỉnh vu sơn. Mỗ trở mình, chiếc giường chùa cứng quá, không có chăn ấm nệm êm làm cho thân thể mỗ đau và mỗi nhừ, giấc ngủ chập chờn, đến bốn giờ sáng thì chuông thức chúng đã vang lên. Mỗ buộc lòng bò dậy theo chúng để vệ sinh rồi công phu buổi sớm. Ngồi lim dim quán thân bất tịnh, mỗ thấy mấy cô tiếp viên đẹp quá, thơm quá có chi bất tịnh đâu. Quán thọ là khổ, chao ôi khổ thật, cơm hẩm áo thô, giường cứng, ngồi tê chân, đau lưng, ngủ không đầy giấc... Còn thọ mấy em tiếp viên thì sướng quá, êm dịu, mát mẻ đâu có gì khổ đâu! Quán lý vô thường, đành rằng là thế, vì vô thường nên hãy hưởng cái sướng đi, khi nào vô thường đến hẵng hay, tội gì chịu khổ rồi khi vô thường đến lại hối tiếc. Quán pháp vô ngã, mỗ sanh hoài nghi, của cải nhà cửa, tài sản sờ sờ ra đó sao là vô ngã? Có của thì nhất hô bá ứng, muốn gì được vậy cơ mà!

Thế là mỗ xuất gia được hai tháng, phải thú thật hai tháng này đối với mỗ như hai thế kỷ. Mỗi lần ngồi thiền nó bức bối khó chịu, gối đau, chân tê, lưng nhức, tâm thần lơ đãng ngủ gật ngủ gà, trong lòng mỗ ngổn ngang tâm sự, những tưởng thoát khổ nào ngờ còn khổ hơn. Trước khi xuất gia cứ ngỡ vào chùa là giải thoát giờ mới thấy giải thế nào cũng không thoát. Mỗ nhớ lời hòa thượng khi đến xin xuất gia:” vào chùa khổ lắm, làm Phật làm tổ khổ lắm, kham không nổi đâu!”. Ngày chưa xuất gia, hề mỗi khi không vừa ý thì lập tức la hét, chửi mắng, thậm chí đập phá hay thượng cẳng chân hạ cẳng tay cho hả

giận, giờ phải tịnh khẩu, bó thân thật là khổ! Mỗ ngược nhìn tượng Phật tổ trên bàn thờ mà lòng hoang mang, Mỗ lâm râm cầu khẩn Phật Bồ tát phù hộ giải thoát.

Một ngày đầu của tháng thứ ba, sau khi xong buổi điểm tâm sáng, mọi người bắt đầu ra vườn chấp tác, riêng mỗ thì hòa thượng giữ lại:

- Đã thấy có gì ngộ ngộ để vác chưa? Đã giải nhưng không thoát phải không? Thôi hãy về đi! Ta giải thoát cho ông đấy!

Thì ra hòa thượng biết hết cả tâm sự trong lòng mỗ, hòa thượng đọc được từng ý nghĩ trong đầu mỗ, hòa thượng biết mỗ khổ thân và cả tâm. Nghe hòa thượng nói thế, lòng mỗ vui như mở hội, chợt thấy mình như chim sổ lồng, như cá ra sông, như tù nhân được thả cửa. Mỗ vội vàng quỳ xuống tạ ơn hòa thượng từ bi giải thoát cho, rồi lập tức xuống núi trở về nhà.

LỄ TRĂNG TRÒN THÁNG TƯ

Theo lệ thường thì Elite Nguyen thức giấc lúc bảy giờ sáng vào mỗi cuối tuần, riêng tuần này thì dậy sớm hơn, sau khi vệ sinh cá nhân thì Elite công phu buổi sáng. Mỗi thời công phu của Elite chỉ chừng hơn một tiếng đồng hồ, có khi thì niệm Phật, tụng kinh hoặc ngồi quán hơi thở. Elite đã có lần cảm nhận sự an lạc tuyệt vời, cái an lạc từ nội tâm làm khoan khoái lan tỏa khắp thân và có cảm giác như bay bổng như làn mây. Cũng có đôi khi đang niệm Phật, Elite thấy thân mình phình to ngang trời đất, nhìn xuống thấy sơn hà đại địa nhỏ xíu như cái sa bàn, những giây phút ấy rất ngắn nhưng đủ để cảm thấy lạ thường. Elite cũng tự cảnh tỉnh mình, đó chỉ là cảm giác huyền hoặc, dù có hỷ lạc nhưng không chấp vào cái cảm giác ấy.

Sáng chủ nhật tuần này cũng thế, sau khi công phu thì Elite ra vườn tưới hoa và ngắm hoa, khu vườn nhỏ nhưng đủ các loại hoa cho bốn mùa, nào là: Pansy, tulip, dạ lý hương, dã yên, cẩm tú cầu, lyli... Trong vườn có bài trí những pho tượng Phật nho nhỏ dưới gốc cây hoặc giữa những cụm hoa. Những tượng Phật và bồ tát dường như tỏa ra một làn sóng năng lượng tích cực cho cảnh vật trong vườn và quanh vùng. Đặc biệt pho tượng đức bổn sư ở dưới gốc cây mộc lan vô cùng đẹp, trông pho tượng rất thanh thản và từ bi, nhờ thế mà Elite

có được những phút giây thoải mái sau những ngày làm việc mệt nhọc. Elite thường dạo quanh vườn vào những buổi sớm cuối tuần hay chiều tà sau ngày làm. Tươi hoa xong, Elite vào nhà hỏi:

- Em ơi, thay đồ xong chưa? Minh đi chùa kéo trễ, hôm nay chùa Bồn Thanh cử hành lễ Phật đản.

Chị Linda Tran lên tiếng:

- Chờ em chút xíu, sắp xong rồi.

Linda thử cái váy dài, nhìn ngắm trong kiếng nhưng không thấy hài lòng bèn đổi qua cái váy khác, xoay xoay mấy vòng cũng chưa được như ý nên đổi qua bộ đồ tây. Elite cảm thấy sốt ruột nên góp ý:

- Em mặc áo dài có lẽ thích hợp hơn, hôm nay lễ Phật ở chùa, với lại dáng em thanh mảnh nên mặc áo dài rất đẹp, dịu dàng và thướt tha

Linda thấy có lý bèn thay áo dài, nhìn chiếc áo dài tân thời ngắn cũn cỡn, bó tay, hở cổ... trông rất buồn cười. Elite bảo:

- Áo dài tân thời là cái mới hiện nay, tuy nhiên anh thấy nó rất xấu và không hợp với em.

Linda gật đầu:

- Em cũng thấy vậy, nhưng vì thấy nhiều người lăng xê nên em cũng muốn thử xem thế nào.

Nói xong Linda chọn chiếc áo dài truyền thống màu vàng nhạt, sau khi mặc vào và ngắm nghía trước kiếng, phải công nhận Linda đẹp rạng rỡ và tha thướt, cả Linda và Elite mặt

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

rạng rỡ tươi như hoa.

Chùa Bồn Thạnh sáng nay tung bừng nhộn nhịp. Phật tử khắp nơi tụ về đông đảo. Người người mặt tươi tắn và tíu tít. Chị em phụ nữ phụ bếp núc, còn cánh đàn ông lo hoàn thành những chi tiết cuối cùng để chuẩn bị cho buổi lễ

Đúng giờ lễ, toàn thể Phật tử vân tập về trước lễ đài, ba hồi chuông trống bát nhã vang vọng khắp vườn chùa. Hòa thượng trụ trì dẫn đầu tăng ni tiến vào lễ đài và dâng hương bạch Phật, sau đó ngài đọc lời khai mạc:

- Kính ngưỡng đức bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính ngưỡng chư Phật ba đời mười phương

Kính lễ quý hòa thượng tăng ni cùng toàn thể Phật tử

Hôm nay chúng con vân tập về đây để làm lễ tưởng niệm ngày khánh đản đức bốn sư. Hai mươi sáu thế kỷ trước, ngài đã thị hiện ở Lâm ty Ni. Đức Phật vì lòng đại bi mà đã vào đời để chỉ dạy chúng sanh giác ngộ và nhập vào tri kiến Phật. Phật thị hiện ra đời như một con người, sống như một con người và cuối cùng ra đi cũng như một con người. Ngài từ thân phận một ông hoàng, có đầy đủ danh thơm tiếng tốt, của cải bạc vàng, dục lạc thế gian, sắc dục trần trề, âm thực phủ phê có thừa điều kiện để hưởng thụ cả đời nhưng ngài buông bỏ như dép rách để đi tầm đạo. Ngài đã tu khổ hạnh cho đến khi chỉ còn da bọc xương. Ngài đã thực hành trung đạo và đã khai phá ra con đường tu tập chánh pháp. Ngài đã thành bậc chánh đẳng chánh giác dưới cội bồ đề. Con đường trung đạo là con đường giải thoát cho loài người. Ngài đã nhập niết bàn dưới hàng cây song thọ... Lần đầu chuyển pháp luân và nói

tứ diệu để làm chấn động cả trời người, ba luân mười hai chuyển làm chấn động cả tam thiên đại thiên:”... Pháp luân vi diệu! Những điều này chưa từng được giảng dạy bởi bất cứ ai dù là sa môn, Bà la môn, chư thiên, ma vương, phạm thiên nay được đức Thế Tôn tuyên thuyết tại Lộc Uyển...”- Kinh chuyển pháp luân

Công hạnh của đức bốn sư bao trùm cả tam thiên đại thiên thế giới, dù chúng ta có dùng miệng lưỡi trùng tuyên, xưng tán đến măn kiếp cũng không thể nào nói đủ. Phương pháp tu hành, con đường giải thoát mà đức Phật khai sáng để lại cho chúng ta là một công trình vĩ đại, không có công rình nào của loài người có thể sánh được. Giáo pháp của Thế Tôn không chỉ giúp ta hiện đời mà còn nhiều đời, không chỉ có ích cho loài người mà còn lợi lạc cho cả chư thiên, phi nhơn và muôn loài, nói chung là cả cửu pháp giới chúng sanh!

Kính thưa chư liệt vị!

Năm nay lễ Phật đản được tổ chức vào lúc cơn dịch Corona Virus vẫn còn nên có những hạn chế nhất định, cơn dịch quả thật tai hại đầy nguy hiểm và chết chóc. Mặc khác cơn dịch cũng cho chúng ta thấy, biết thế nào là vô thường, khổ đau. Con người học được nhiều điều từ cơn dịch để điều chỉnh sự hành hoạt của mình. Dịch không phải bây giờ mới có, nó vẫn thường xảy ra trong quá khứ và tương lai chắc cũng không thể tránh khỏi, khi mà con người vẫn sống với sự tham lam vô độ, hận thù oán ghét tăng trưởng. Nghiệp sát khi đến cực độ thì dịch bệnh ắt xảy ra, dịch cũng là một trong tam tai mà đức Thế Tôn nói trong kinh điển. Dịch bệnh không thể tránh, nó là cộng nghiệp của loài người.

Kính lễ chư liệt vị!

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Hôm nay mừng lễ đản sanh, chúng ta về đây dâng hương hoa cúng dường đức bổn sư cũng như chư Phật ba đời mười phương. Chúng ta tưởng nhớ và cảm niệm công đức trí huệ, từ bi của đấng Từ Tôn. Cách mà chúng ta tưởng nhớ và biết ơn thiết thực nhất chính là làm theo lời Phật dạy, mỗi người tùy theo vị trí và danh phận của mình mà hành hoạt. Hàng tứ chúng phải luôn hòa hợp thì mới xứng đáng là con Phật!

Sau đó hòa thượng Thanh Đồng Lạc đến từ chùa Tân Hưng, Pennsylvania ban đạo từ:

- Quý Phật tử thân mến, xin đừng nghĩ rằng mình làm lễ tắm Phật để được phước, được phù hộ.., Không có phước đức gì ở đây cả! Lễ tắm Phật mang ý nghĩa tượng trưng, hãy để dòng nước tắm Phật gột rửa đi những phiền não, sân hận, tham lam, si mê. Nước thơm tắm Phật tượng trưng cho tư tưởng, hành vi, lời nói trong sạch và hiền thiện, tam nghiệp mình thơm tho như nước thơm vậy! Người nào thật sự nhớ ơn Phật, tắm Phật là người giữ cho thân hành, khẩu ngữ và tâm ý trong sạch, hiền thiện.

Buổi lễ trang nghiêm, thanh tịnh và rất thiêng liêng. Những người con Phật cung kính ôn lại công hạnh của đức Phật, trong giờ phút này lòng người dường như chan hòa từ ái và tràn đầy tinh thức. Bầu trời trong xanh, hoa lá trường vườn chùa hoan hỷ theo làn sóng lan tỏa trong trời đất.

Sau khi buổi lễ kết thúc, Elite và Linda ra về mà lòng an lạc và thanh thản lạ thường, trên đường về Linda tỏ ý muốn đi shopping. Elite bèn đổi hướng ngược ra xa lộ, ngồi trong xe Linda thắc mắc:

- Em nhớ lúc còn nhỏ, ba em thường kỷ niệm ngày sanh đức

Phật vào ngày tám tháng tư, sao giờ mấy chùa làm lễ vào ngày rằm tháng tư?

Elite giải thích:

- Lễ Phật đản ngày tám tháng tư là theo truyền thống bắc tông. Phật giáo nam tông thì tổ chức ngày rằm tháng tư, sở dĩ có sự khác biệt này là cách tính lịch pháp của hai trường phái có khác, lịch pháp và thời gian chỉ là tương đối, nhất là vào thời Phật đản sanh cũng chưa có sự ghi chép cụ thể như bây giờ. Lịch pháp mỗi nơi mỗi khác, thời gian mỗi quốc độ chênh lệch nhau... tuy nhiên sự lệch về thời gian chỉ là tiểu tiết không quan trọng, cái chính là sự tương đồng của giáo pháp, vị giải thoát của đạo.

Linda lại hỏi:

- Thế còn tam hợp nghĩa là gì?

Elite bảo

- Cũng vì sự khác biệt này mà các nước Phật giáo nhóm họp dưới sự bảo trợ của liên hiệp quốc, tất cả đồng thuận chọn ngày rằm tháng tư âm lịch làm ngày kỷ niệm đức Phật, không chỉ là ngày sinh mà còn là ngày thành đạo và ngày nhập niết bàn luôn, vì vậy mà có lễ tam hợp, tiếng Phạn là Vesak. Thật sự thì lễ tam hợp (vesak) có từ xa xưa, Phật giáo nam tông đã cử hành lễ tam hợp từ lâu rồi. Ngày nay hầu hết các nước đều cử hành lễ tam hợp vào rằm tháng tư và lễ tam hợp không chỉ cử hành ở cộng đồng Phật giáo mà còn là ngày lễ chính thức của liên hiệp quốc.

Linda lại hỏi:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Phật Thích Ca là người khai sáng đạo Phật, vậy sao Phật tử xứ mình quanh năm chỉ niệm Phật A Di Đà, đến ngày đản sanh mới thấy niệm Phật Thích Ca?

Elite phì cười, câu hỏi tuy ngô nhưng cũng rất có lý, quay qua nhìn Linda một cách trêu mến và nói:

- Sở dĩ chúng ta niệm Phật A Di Đà là căn cứ theo tam kinh tịnh độ: Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ. Niệm Phật A Di Đà để nhiếp cái tâm mình, không để buông lung và cũng để tạo cái nhân sau khi chết vãng sanh về An Lạc Quốc hay là cảnh giới an lành hơn. Thật ra niệm Phật A Di Đà hay niệm Phật Thích Ca cũng như nhau, niệm một vị Phật là niệm tất cả chư Phật, vì chư Phật vốn đồng như nhau: Đồng đức, đồng năng, đồng giải, đồng hành, đồng nguyện, đồng thắng, đồng từ, đồng thể... Mình niệm Phật tức là nghĩ nhớ Phật, để cái tâm không dính bận vào chuyện thị phi, ngũ dục lục trần, thất tình lục dục... Cách Phật tử xứ mình niệm Phật phần lớn là theo phương pháp Phật giáo bắc truyền. Phật giáo nam truyền cũng niệm Phật nhưng có khác, tức là niệm mười đức hiệu của Như Lai, niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm thí, niệm thiên, niệm tử... Thú thật anh cũng có nhiều lúc phân vân và hoang mang giữa hai trường phái. Có đôi khi thấy người bên này khích bác bên kia. Nam truyền thì cho mình là con đường duy nhất, bên kia là pha tạp, hoa lá cành. Bắc truyền thì cho rằng, bên kia bảo thủ, nhỏ bé... Tuy nhiên nhìn kỹ thì cả hai trường phái đều có cùng chung cái cốt lõi: Tứ diệu đế, bát chánh đạo, thập nhị nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo... Người con Phật, học Phật, tu Phật cứ bám theo cái cốt lõi này mà hành thì bảo đảm đúng đường lối, đúng chánh pháp. Đạo Phật dạy người sống tỉnh thức, dạy con đường thoát khổ, sống an lạc

và giải thoát. Đạo Phật là đạo của từ bi, trí huệ, giáo pháp của Phật đà là kim chỉ nam cho người đi đường, là thuốc để trị bệnh, thuốc là quan trọng, còn cái vỏ hay nhãn mác không thành vấn đề.

Linda lại nói:

- Em lên youtube nghe giảng, có khi thầy này chê Phật giáo kia là:” Nhỏ bé, ích kỷ, tiêu nha bại chủng...”, rồi thầy kia lại bảo Phật giáo nọ là:” Hoa lá cành, pha tạp, không phải chánh pháp...” Em thật sự hoang mang.

Elite trầm ngâm bảo:

- Kể cũng đáng tiếc thật! Hàng Phật tử sơ cơ chẳng biết đâu mà lần, lẽ ra những vấn đề này chỉ nên nói trong những cuộc hội thảo hoặc trao đổi trong giới Phật học, nghiên cứu Phật... Việc ấy để cho các vị tôn túc và những học giả lo. Phần mình cứ tu học theo những gì thầy mình dạy, Phật giáo nào cũng được, miễn giúp mình sống an lạc, buông bỏ, giúp mình giảm thiểu tham, sân, si hay giúp mình nhìn việc, nhìn người một cách rõ ràng, tâm hiền thiện, trí huệ mình phát triển... thì Phật giáo ấy là hữu hiệu.

Linda lại thắc mắc:

Những năm gần đây, một số chùa, nhất là chùa ở trong nước phát triển rầm rộ việc dâng sớ, cúng sao, giải hạn, trừ tà, xin xăm, bói toán, cầu cơ, lên đồng... việc ấy có lợi chăng?

Elite cười to:

- Lợi thì có lợi mà hồng có răng, những việc ấy là tà, là sai quấy, hoàn toàn không có trong Phật pháp. Đó là việc của đạo

giáo, là tín ngưỡng dân gian... và chỉ có ở Phật giáo bắc truyền. Minh không tin và cũng mạnh dạn nói không! Phước đức, phúc họa của một con người là do chính người ấy tạo nên, không có ai có quyền ban phát cả! Mỗi người tự tạo lấy, phước huệ họa phúc là do từ hành động của thân, lời nói của miệng, ý nghĩ của tâm trí mà thành.

Linda tiếp tục hỏi:

- Em nghe trong kinh Phật có tích:” Phật dạy một vị bà la môn: Dù cho có cầu nguyện hay nguyện rửa thế nào đi nữa thì dầu vẫn nổi đá vẫn chìm”, vậy thì cầu nguyện có ích gì?

- Đúng thế, đúng thế! Phật từng dạy vị Bà la môn như thế cũng tức là dạy chúng ta đây! Cầu nguyện là để hướng cái tâm mình đến điều cao thượng tốt đẹp, khi cầu nguyện là dồn cả thân tâm, lời nói, hành động vào việc thanh tịnh, tạm dừng sự tham, sân, si. Khi cầu nguyện là đã tỏa ra một năng lượng tích cực, cầu nguyện là cái trợ duyên chứ không phải cái nhân để thay đổi hay đạt được một ước nguyện nào đó. Đức Dalai Lama đã từng phát biểu với truyền thông phương tây rằng:” Tôi là một tu sĩ Phật giáo, tôi tin tưởng ở cầu nguyện nhưng không thể cầu nguyện suông...” Rõ ràng là như thế, không thể cầu nguyện suông, phải hành động, phải thực hành bằng cả thân, khẩu và ý! Phật dạy tất cả do tâm tạo tác, Con người, vạn vật muôn loài cho đến sơn hà đại địa không ngoài một niệm tâm, tốt, xấu, thăng, đọa cũng tự mình thôi!

Xe đang chạy phom phom ngon trớn trên xa lộ, bất chợt một chiếc Mustang chuyển làn xe ẩu, cắt ngang đầu xe Elite. Elite giật mình thẳng gấp và bóp còi inh ỏi, cơn giận nổi lên nên định chửi tục và chĩa ngón giữa nhưng Elite kịp thời trấn tĩnh, khởi chánh niệm nên dừng lại, tuy vậy tim vẫn còn đập thình

thích.

Trung tâm thương mại chiều chủ nhật thật đông vui, người đi chơi, đi mua sắm dập dìu như trẩy hội. Linda ngắm nghía cái váy với vẻ thích thú. Elite nhận biết nên để mặc cho Linda lựa chọn, sau khi xem xét giá cả thì Linda quyết định mua, khi cầm đến quầy xếp hàng chờ tính tiền, không biết cô ấy nghĩ gì mà chợt nhiên bỏ cái váy lại và kéo tay Elite đi ra khỏi tiệm thời trang

- Thôi, em có quá nhiều áo quần rồi, mặc dù em thích cái váy ấy nhưng em sẽ dùng tiền mua cái váy ấy để gởi về quê giúp đỡ những người bệnh tật nghèo khổ... coi như chút lễ mừng ngày đản sinh đức Phật.

Elite ôm Linda thật chặt và hôn lên má:

- Em đã gieo một hạt giống yêu thương cho tương lai.

Chủ nhật này tuy không phải là ngày rằm, nhưng ở quốc độ này thì ngày lễ đản sanh không chỉ có một ngày mà là cả một mùa. Các chùa luân phiên làm lễ mừng Phật. Cả một vùng đất mới hoa cỏ xanh tươi hòa với màu cờ ngũ sắc của tín, tấn, niệm, định, huệ càng trở nên rực rỡ và sáng lạn biết bao.

MỪNG TRĂNG TRÒN THÁNG TƯ

Tin hoàng hậu Ma Gia đã hạ sanh con trai ở vườn Lâm Tỳ Ni bay về thành Ca Tỳ La Vệ làm cho cả hoàng tộc hớn hởi vui mừng. Dân chúng trong thành cũng vui như thể đó là người của nhà mình, những đám đông đổ ra đường nhảy múa reo hò, những nhóm người tụ tập ở các đền thờ để tạ ơn thần Brahma. Một đám rước tiểu vương Nikhil Vijaya Bagel đi vào thành, quan quân xa hoa rực rỡ, xiêm y lộng lẫy lụa là, ngọc ngà trang sức, những chiếc vòng tay vàng, vòng mũi, vòng eo lấp lánh. Ngay cả con voi cũng phủ mảnh thảm Ba Tư và đeo những chiếc anh lạc vàng. Tiếng hát véo von của những ca nữ, tiếng kèn rộn ràng, tiếng trống tung tung rộn rã những con đường trong thành. Tiếng la hét dẹp đường của quân lính lẫn tiếng roi da vụt vun vút. Bà Madhavi Tayade kéo thẳng Suraj Sarvade ngồi thụp sát đất, nép mình vào góc tường nhô ra trên con đường. Giọng bà sợ sệt lo âu căn dặn thẳng Suraj Sarvade:

- Con phải tránh xa những người thuộc đẳng cấp Bà La Môn và Sát Đế Lợi, đừng để cái bóng của con ngã lên bóng của họ, kéo không bọn họ sẽ giết con đấy!

Thằng bé ngoan ngoãn, tỏ vẻ sợ nhưng thắc mắc:

- Tại sao họ giết ta chỉ vì cái bóng của ta chồng phải bóng của

họ?

- Vì bọn họ là hàng Bà La Môn và Sát Đế Lợi, còn chúng ta là Chiên Đà La. Bọn họ sanh ra từ miệng thần Brahma và chúng ta thì sanh ra từ bàn chân.

- Tại sao họ sanh ra từ miệng mà chúng ta sanh ra từ bàn chân?

- Đó là số phận

-Ai đã định số phận cho bọn họ và cho chúng ta?

- Thần Brahma

- Tại sao thần Brahma cho họ số phận giàu sang quyền quý còn chúng ta thì hèn kém thế này?

Bà Madhavi Tayade lúng túng không biết làm sao trả lời. Thằng bé có cả ngàn lẻ một câu hỏi tại sao, sự hiểu biết của bà thì có chừng ấy thôi. Bà không biết nói thế nào nữa nên bảo:

- Mẹ không biết, việc này đã có từ xa xưa rồi. Bọn họ vĩnh viễn cao quý và chúng ta mãi mãi là nô lệ thấp hèn. Bọn người ấy có thể đánh đập hoặc giết chết người của hàng Thủ Đà La, Chiên Đà La mà không phải bị tội. Chúng ta thậm chí còn không được đến gần đền thờ thần Brahma của bọn họ, chúng ta muốn lễ thần thì chỉ được đến đền thờ dành riêng cho hạng Thủ Đà La thôi! Bọn họ khinh miệt và coi chúng ta như những con chuột của đường phố.

Thằng Suraj Sarvade đã mười lăm tuổi, da đen kịt, ăn mặc rách rưới tồi tàn, dơ dáy và hôi hám, mặc dù vậy, đôi mắt nó long lanh và đen láy toát ra nét thông minh lanh lợi. Hai mẹ

con nó sống lây lất nhờ sự bố thí của người qua đường, cả hai lê la nơi đầu đường xó chợ, quanh năm đói khát, chẳng mấy khi được no bụng. Thằng Suraj Sarvade đã nhiều lần tự so sánh bản thân với những con bò lang thang trên đường, nó thấy những con bò còn được no đủ, được an toàn, không một ai dám đụng đến. Trong khi nó, mẹ nó, những người cùng giai cấp thì đói khát và có thể bị giết chết, xem ra mạng người không bằng mạng con bò.

Thằng Suraj Sarvade nhìn đám rước tiểu vương Nikhil Vijaya Bagel đi qua, nó thấy mọi người vui vẻ nên muốn gia nhập nhưng nó không dám bước ra. Nó nhớ lời mẹ và cũng đã từng thấy những người Ba La Môn đánh đập dã man người Chiên Đà La rồi. Nó ao ước có một tấm áo đẹp như những người trong đoàn rước, chân nó ngứa ngáy muốn nhảy nhót hát những bài dân ca mà nó thuộc lòng. Nó dần lòng ngồi yên, nó thừa biết hễ đến gần đám rước ấy thì những chiếc roi da kia sẽ vụt lên mình nó, thậm chí những mũi giáo nhọn kia sẽ đâm thủng nó.

Dưới cái nắng như nung, bàn chân Suraj Sarvade chai sạn xù xì, đời nó còn đen hơn cả làn da của nó. Nó thầm trách thần Brahma sao nỡ tàn nhẫn với mẹ con nó, với những người Thủ Đà La, những thằng bạn đường phố của nó như thằng Rajendra Kake, thằng Mohanlal Agrawal, thằng Bajrang Agrawal... số phận cũng không khác gì nó! Nó thổ lộ với bà Madhavi Tayade:

- Thần Brahma quá nhẫn tâm với mẹ, con và những người Thủ Đà La, chiên Đà La. Tại sao chúng ta còn phải thờ phụng?

Bà mẹ hoảng hốt vội bịt miệng nó:

- Con không được nói lời bất kính như thế, thần nổi giận sẽ giáng họa, người Ba La Môn hay sát Đế Lợi nghe được họ sẽ giết con!

Thằng bé vùng vẫy ra khỏi bàn tay khô đét ồm yếu của bà Madha Tayade, nó bắt bình:

- Chúng ta như những con chuột của đường phố, đói khổ và bất hạnh hơn cả những con bò, vậy thì còn có tai họa nào khổ hơn nữa mà sợ?

Bà mẹ ôm lấy nó, rên rỉ năn nỉ:

- Dù có đói khát khổ sở nhưng chúng ta vẫn muốn sống, chúng ta không muốn chết, chẳng có ai muốn chết cả!

Đám rước qua đi để lại bao nhiêu rác rến, thằng Suraj Sarvade và mẹ nó bước ra vùng sáng, bây giờ không biết từ những góc ngách nào mà rất nhiều người Thủ Đà La, Chiên Đà La cùng xuất hiện như mẹ con nó. Đám rước đã để lại rất nhiều bánh trái bên vệ đường, có lẽ vị tiểu vương muốn bố thí thức ăn cho bọn người hạ tiện nhân ngày vui thái tử hạ sanh. Mọi người ủa ra tranh nhau lấy thức ăn. Thằng Sarvade ăn ngẫu nhiên những cái bánh curd chutney quệt sabzi, chưa bao giờ nó được ăn no nề như hôm nay, cả bà Madhavi Tayade cũng thế, những thằng Pradymna Kumar, Shahab Uddin... cũng vui quá vì được ăn thỏa thích. Thằng Sarvade còn nhặt được mấy đồng Ru pi lẫn lộn trong cái giỏ bánh curd chutneys, lại còn có cả món dal, khichidi, sabzi. Chưa bao giờ thành Ca Tỳ La Vệ vui như hôm nay, có lẽ vì thế mà bọn Thủ Đà La, Chiên Đà La trong thành cũng được vui theo và còn được ăn no. Cuộc đời của bọn Thủ Đà La, Chiên Đà La toàn tui nhục, đói khát, bất công, họ sanh ra với nhân dáng con

người nhưng không được xem bằng con người, vì cái định kiến bọn họ sanh được sanh từ bàn chân thần Brahma, đã bao nhiêu đời rồi và sẽ vĩnh viễn như thế!

*

Thời gian thấm thoát qua mau, thằng Suraj Sarvade giờ đã là người đàn ông trung niên với năm đứa con. Bà Madhavi Tayade đã chết từ lâu, ngày bà chết, Sarvade vừa có đứa con đầu lòng. Cuộc sống của ông cũng nghèo khổ như bà Tayade, thậm chí còn khốn khó vì những đứa con nheo nhóc. Xác bà Tayade chỉ được đốt sơ sài qua loa rồi người ta ném xuống dòng sông, cái xác phập phều lẫn lộn với xác sinh trương của những con bò, dòng nước đầy rác rến nên uế oải chảy như không muốn trôi. Sarvade đứng nhìn mãi cho đến khi không còn nhìn thấy xác bà Tayade nữa mới chịu quay về. Cả nhà ông Sarvade sống trong một cái hang ở ngoài thành, ngày ngày kéo đi ăn xin, hoặc ai có kêu làm gì thì làm, tiền công cũng tùy lòng thương hại của họ, ông không dám hỏi bao giờ.

*

Một buổi sáng ngày trăng tròn tháng tư, thành Ca Tỳ La Vệ lại rần rật vì cái tin sa môn Cù Đàm sẽ vào thành khát thực. Bọn người thuộc hàng Bà La Môn, Sát Đế Lợi và cả triều thần ra ngoài nghinh đón để cúng dường sa môn Cù Đàm và tặng đoàn. Ông Suraj Sarvade nhớ lại ngày này ba mươi lăm năm trước, khi ấy cả thành rộn rã hoan ca vì thái tử ra đời, hôm nay thái tử đã là sa môn. Sa môn Cù Đàm cũng là hàng Ba La môn sao lại đi khát thực như một người Thủ Đà La? Ông Sarvade đã nghe nhiều điều về sa môn Cù Đàm, lòng ông rất hoan hỷ và ao ước được gặp sa môn Cù Đàm. Sáng

hôm ngày trăng tròn, ông Sarvade và cả vợ con vào thành rất sớm, tìm một chỗ ẩn an toàn để ngắm nhìn sa môn Cù Đàm.

Sa môn Cù Đàm đầu trần chân đất, mặc y phần tảo, tay ôm bình bát, khoan thai từng bước chân, ánh mắt nhìn xuống và hướng về phía trước cỡ tầm vài bước chân. Sa môn Cù Đàm đi trong sự lặng yên tịch tĩnh, những đệ tử đi phía sau cũng giống y hệt. Dân trong thành cứ ngỡ như từ một sa môn Cù Đàm mà hóa ra bao nhiêu người như thế. Nhiều người cung kính đặt thức ăn vào bình bát của sa môn Cù Đàm và những đệ tử phía sau của ông ấy. Ông Sarvade thấy có cả những người Thủ Đà La và Chiên Đà La cũng dám đến gần và đặt thức ăn vào bình bát. Ông còn đang ngạc nhiên thì nghe có nhiều tiếng nói giận dữ từ những người Bà La Môn và Sát Đê Lợi:

“ Sao sa môn Cù Đàm cao quý lại nhận đồ ăn từ bọn thấp kém kia?”

Thậm chí có tiếng quát:

“Tên Chiên Đà La kia dám để cái bóng ô uế của nó ngã lên bóng của sa môn Cù Đàm, hãy giết nó đi!”

Lại có người Sát Đê Lợi hét:

“ Tên nô lệ xấu xa dám lại gần bậc tôn quý, giết chết con chuột thôi tha kia!”

Những người Thủ Đà La dâng thức ăn sợ sệt lui ra. Sa môn Cù Đàm gơ tay an ủi và đọc kinh chúc phúc cho những người khốn khổ ấy. Đoạn quay sang bảo những người Bà La Môn:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau, không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn.

Bọn bà La Môn ấy có kẻ thốt lên:

- Sa môn Cù Đàm, nhưng bọn nô lệ thấp kém sanh ra từ bàn chân của Brahma, làm sao có thể bằng người tôn quý được?

- Thân thể người của Bà La Môn, Sát Đế Lợi hay Thủ Đà La cũng đều từ bốn đại, hoàn toàn không có gì khác nhau, tất cả chỉ là những cái duyên hợp lại mà sanh ra, mai kết hết duyên thì trở lại với đất nước gió lửa. Liệu các ông có phân biệt được đâu là tro cao quý hay tro thấp hèn?

Bọn chúng vẫn ngoan cố:

- Nhưng sa môn Cù Đàm là người cao quý, chúng tôi dư sức cúng dường, người không cần phải nhận thức ăn của bọn họ

- Lành thay, lành thay, nhưng phước đức ban rải cho mọi người, ta không có lòng thiên vị! Một bữa ăn đối với các ông rất là nhỏ nhưng với người Thủ Đà La là cả chuyện sống còn. Bọn họ vẫn sẵn sàng cúng dường thì mới biết tâm thành của họ lớn biết dường nào và cái phước báo của họ cũng sẽ rất lớn.

Những người Bà La môn và Sát Đế Lợi nghe thế thì cũng không còn cản trở những người Thủ Đà La cúng dường nữa, tuy nhiên trong lòng vẫn ngầm ngầm không chấp nhận bọn nô lệ lại được sa môn Cù Đàm đối xử bình đẳng với bọn họ.

Ông Sarvade ban đầu sợ lắm, nét mặt lo lắng nhưng khi nghe và thấy như thế thì ông ta bớt sợ và càng thêm kính ngưỡng nên nhìn sa môn Cù Đàm đăm đăm. Sa môn Cù Đàm trông

thấy ông, ngài bước lại gần hơn nữa thương xót vỗ về ông Sarvade.

- Đừng sợ, đừng sợ! Sẽ không có chuyện gì xảy ra với ông đâu,

Ngài đọc kinh và chúc phúc cho ông như đã làm với những người Thủ Đa La kia, đoạn sa môn Cù Đàm bảo với những người Ba La Môn:

- Các người hãy mở lòng tư bi đối đãi với người anh em, tất cả chúng ta đều như nhau, cái làm cho chúng ta khác biệt chính là cái nghiệp của chúng ta. Chúng ta là những kẻ thừa tự nghiệp, chính cái nghiệp đã phân chia ra sự dị biệt cao thấp trong đời, chính cái nghiệp đã làm cho ta thanh tịnh hay uế trước, không có ai có thể làm cho ta thanh tịnh hay uế trước!

Một người Sát Đế Lợi nói:

- Sa môn Cù Đàm, ngài cũng là một người thuộc hàng sát Đế Lợi, sao lại hạ mình xuống thấp như vậy? Tôi nghe ngài đã giác ngộ, có sao làm cái việc ngộ như thế?

- Chính cái ý nghĩ và lời nói của ông mới ngộ, tất cả chúng sanh đều tham sống sợ chết, tất cả đều biết cảm thọ đau đớn như nhau, có sao lại phân biệt đối xử nhần tâm với đồng loại? Nước mắt chúng sanh từ vô thủy đến giờ còn nhiều hơn bốn biển, lẽ nào chưa đủ đau khổ hay sao còn có gây thêm khổ đau?

- Sa môn Cù Đàm, nếu đối xử bình đẳng với bọn Thủ Đà La thì e thần Brahma nổi giận giáng tai họa!

Sa môn Cù Đàm điềm nhiên từ tốn bảo y:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Ta là người đã giác ngộ, các ông cũng có thể giác ngộ, người Thủ Đà La cũng thế! Ai ai cũng có sẵn tánh giác, chỉ vì vọng tưởng vô minh che lấp nên tánh giác không sáng được. Các ông bị thân kiến, biên kiến, giới kiến thủ và bao nhiêu cái định kiến trói buộc nên mới mê muội như thế! Thần Brahma hay phạm thiên thọ đến tám vạn đại kiếp nhưng khi hết phước vẫn đọa như thường.

Vị tư tế Tharindu Nandara ở đền thờ Namchi bước ra hỏi:

- Nay ông Cù Đàm, ông nói sao? Bọn Thủ Đà La và Chiên Đà La cũng có thể thành Phật được ư? Làm sao ta có thể tin được!

- Đúng như thế! Như Lai nói lời thật, đã vô số kiếp Như Lai chưa từng vọng ngữ nên lưỡi Như Lai có thể che phủ cả tam thiên đại thiên này! Như Lai là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành, không cứ là Bà La Môn, Sát Đế Lợi hay Thủ Đà La. Chỉ cần các ông y theo chánh pháp mà hành!

- Chánh pháp của ông có những gì mà khiến người ta thành Phật? Chánh pháp của ông có bằng kinh Vệ Đà chăng? Có phải do Phạm Thiên ban chăng?

- Chánh pháp chẳng phải của riêng ta, chẳng phải do Phạm Thiên, chánh pháp của cả ba đời mười phương chư Phật, ba đời mười phương chư Phật nhờ chánh pháp mà thành chánh đẳng chánh giác. Khi Như Lai chuyển pháp luân ở vườn Nai, Như Lai đã nói bốn đế cho năm anh em Kiều Trần Như, trong ấy có đạo đế, đạo đế chính là trung đạo! Nếu y cứ vào trung đạo mà tu hành thì ai cũng có thể giác ngộ thành đẳng chánh giác!

- Sa môn Cù Đàm, ông đã là Phật, vậy quyền năng của ông có hơn thần Brahma chăng?

- Ta không phải thượng đế hay thánh thần, ta là người đã giác ngộ, là người chỉ đường. Việc cần làm ta đã làm, việc cần nói ta đã nói. Khi sao mai mọc trên bầu trời, ta đã giác ngộ dưới cội bồ đề và đã tuyên bố:” Nay kẻ làm nhà kia, ta đã nhận biết người, từ đây rui mè cột kèo đã gãy tan...” Ta đã không còn sanh tử luân hồi nữa. Ngày hôm nay và mãi mãi mai sau, nếu các ông nương theo chánh pháp mà tu hành thì cũng sẽ chứng đắc và giác ngộ như ta!

Bấy giờ toàn bộ các người Bà La môn, sát Đế Lợi đều im lặng. Ông Suraj Sarvade vẫn quỳ mọp ở đáy hai bàn tay ôm lấy chân sa môn Cù Đàm, giây lát sau thì ông ngẩng lên đánh lễ rồi từ từ lui đi. Bấy giờ sa môn Cù Đàm nói:

- Khi các ông giết chết một người tức là giết mất một cơ hội giác ngộ của một chúng sanh, vì thế các ông không được giết, không bảo người khác giết, không vui với việc giết! Phật tánh ẩn tàng trong xác thân tứ đại, Phật tánh không can hệ gì đến chủng tộc, màu da, giới tính, địa vị... các ông có biết ông Ưu Ba Ly chăng? Một người mê muội u tối, là thợ hớt tóc, bị khinh miệt nhưng khi hốt nhiên chứng đắc nhập vào hàng thánh. Các ông có biết nàng Ma Đăng Già chăng? Dù là nữ giới xuất thân hạ tiện nhưng đã chứng đắc nhập vào Dự Lưu. Các ông vì cái định kiến đẳng cấp sai xử đã lâu nên mới hành động mù quáng như thế! Ta nói cho các ông biết, không có giai cấp khi mà dòng máu cùng đỏ nước mắt cùng mặn.

Một số người trong bọn người Bà La Môn, sát Đế Lợi quỳ xuống đánh lễ Thế Tôn, nhiều kẻ không dám ngược nhìn lên. Sa môn Cù Đàm khoan thai bước đi, những kẻ còn lại dạt ra

hai bên cung kính chấp tay bái vọng theo.

Đêm ấy trăng tròn vành vạnh, ánh sáng bàng bạc khắp sơn hà, thành Ca Tỳ La Vệ rực rỡ trong muôn vạn ánh đèn, cờ mào hoa giăng, hương khói thơm xông ngào ngạt, hương bột tung khắp nơi, hương xoa , hương gổ... và những nhúm hoa vạn thọ xé toà ra để khắp các đền đài thờ tự, những tràng hoa Champa treo trên tháp và được người mang trên cổ... trên không Càn Thát bà tấu nhạc cúng dường, chư thiên hoa hỷ tung hoa mạn đà la, mạn thù sa cung kính cúng dường. Ánh sáng vi diệu từ Phạm Thiên giới, ma vương giới , vô sắc giới... chiếu soi tịnh xá Hỷ Hoàn. Chư thiên và người Ca Tỳ La Vệ mừng trăng tròn tháng tư, mừng ngày đức từ phụ hạ sanh ở cõi trần.

CHUYỆN MỘT PHẬT TỬ

Giờ ăn trưa rất nhộn nhịp, cả căn phòng rộn ràng với trăm người ăn uống và nói chuyện, nhiều người vừa ăn vừa lướt mạng xã hội. Steven lơ đãng nhìn ra ngoài bãi đậu xe thấy thằng Omamudho Abdulah đang trải chiếu thảm cá nhân ở giữa hai chiếc xe và quỳ mọp xuống cầu nguyện. Không biết một ngày nó cầu nguyện mấy lần chứ từ khi vào làm ở hãng này thì thấy nó cầu nguyện trước giờ làm, giờ ăn trưa và sau buổi làm. Có tận mắt thấy nó quỳ lạy mới cảm nhận được sự toàn tâm toàn ý như thế nào. Tháng Ramadan là tháng ăn chay của tín đồ hồi giáo, nó nhịn ăn từ trước khi mặt trời mọc cho đến sau khi mặt trời lặn, công việc dù có nhiều giờ hay nặng nhọc cách mấy nó vẫn nhịn ăn trong khoảng thời gian đó. Thằng Mauricio nói với Steven:

- Nếu tao theo đạo thằng Omamudho chắc tao chết mất! Tụt đường huyết chịu sao nổi? Không biết những người bị đau bao tử mà nhịn ăn kiểu này chắc lên thiên đàng sớm.

- Chắc những người bệnh có sự nói lỏng?

- Tao không nghĩ vậy! Giáo luật của tụi nó rất khắc nghiệt! Tháng ăn chay của những tín đồ thiên chúa như tao thì khác. Tụi tao chỉ cử ăn thịt súc vật, ngoài ra tôm, cá, ốc, hến... chơi tuốt. Chúng ta có quyền thụ hưởng những gì chúa ban tặng.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Steven nói với thằng Mauricio:

- Phật tử tụi tao cũng khác, ăn chay là ăn thực vật, rau, củ , quả... Không ăn thịt bất cứ loại động vật nào.

- Đó là giáo luật à?

- Không, chỉ là sự khuyến khích mà thôi. Đạo Phật khuyến khích ăn chay để nuôi dưỡng lòng từ, tôn trọng sự sống của muôn loài.

- Mày không ăn thịt vì tình thương, vậy mày thử vào chuồng cạp trong sở thú thử nó có thương mày chẳng?

Cả bàn ăn cười rần rật, cười ngả nghiêng. Thằng Justin gio hai ngón cái lên, thằng Jerome vỗ tay lớp lớp. Thằng Jessie la to:

- Đúng đấy! Mày thử vào chuồng cạp thử xem cạp có từ bi với mày hay không?

Steven chờ một tí cho lắng xuống rồi mới bảo:

- Vì tao là con người, cạp là động vật, người thì hành xử có tri giác, văn hóa, kiến thức và tâm linh. Cạp chỉ sống theo bản năng sinh tồn.

Thằng Mauricio lại hỏi:

- Tao nghe Phật giáo có ngồi thiền, vậy mày có thực tập chẳng? Thiền để làm gì vậy?

- Đúng đấy! Thiền để tâm mình lắng xuống, mày cứ thử xem thì biết, một hồ nước nếu cứ quây hoài thì sẽ đục, để lắng xuống thì nước mới trong, khi nước trong sẽ hiện được cảnh vật. Con người cũng thế, thiền là để tâm mình lắng xuống, từ

đó mới có thể phát sanh sự hiểu biết khôn ngoan. Cái tâm mình quyết định tất cả, thắng hay thua cũng từ tâm.

Thăng mauricio lắc đầu quày quây:

- Thật mơ hồ, tao không hiểu nổi, tao tin chúa tạo ra tất cả, thắng thua gì cũng do chúa. Mày cầu nguyện và tin ở chúa thì khi chết sẽ được lên thiên đàng, bằng không sẽ bị ném xuống hỏa ngục.

- Đạo Phật tao thì khác, tự mình chịu trách nhiệm những gì mình nghĩ, nói và làm; làm lành thì thắng làm ác thì thua, không có ai có thể làm cho người khác thắng hay thua được!

Thăng Mauricio là bạn thân của Steven, nó lai nửa trắng nửa đen, ngày nào vào chỗ làm cũng đùa giỡn rần rật. Nó mê hàng hiệu như điều đồ, ăn mặc toàn đồ mắc tiền, nó có hàng trăm đôi giày, mỗi tuần thì đổi một kiểu tóc, cuối tuần đi hộp đêm. Nó thường nói với Steven:

- Mày mặc toàn đồ rẻ tiền, người ta xem thường. Mày phải ăn mặc sang trọng thì người ta mới nể!

- Tao chẳng cần ai nể, vả lại giá trị con người là ở nội tại chứ không phải ở quần áo bề ngoài.

- Mày mặc đơn sơ, lại ăn chay, sống khắc khổ thế! Tội gì phải chịu vậy? Mày làm vậy để được gì?

- Tao chẳng thấy khổ tí nào, thậm chí ngược lại nữa là khác, lúc nào cũng an lạc và hài lòng vì biết đủ. Tao sống vậy, làm vậy là hoàn toàn tự nhiên, chẳng có mục đích hay mong cầu gì.

Thăng Mauricio giơ hai tay lên kêu trời:

- Tao không hiểu nổi mày!

**

Sáng thứ bảy, Steven dẫn Mauricio tới quán cà phê Việt ở trong thị trấn, nó quán tô phở xong còn chơi thêm ổ bánh mì. Nó khen ngon nức nở rồi thắc mắc:

- Mày ăn chay sao cho tao ăn phở và bánh mì thịt?

- Tao tùy thuận mọi người, với vợ con tao cũng thế thôi. Tao không có quyền và cũng không thể buộc người khác ăn chay theo. Ngay cả đức Phật cũng thế thôi! Ngài chỉ khuyến khích chứ không bắt buộc, trừ những người đã là tu sĩ thì khác.

Steven và Mauricio chơi thân đến độ có thể giỡn và chơi khăm nhau suốt ngày, có thể nói mọi chuyện từ gái gú, ăn mặc, thời sự cho đến những vấn đề gai góc dễ gây xích mích như: Tôn giáo, chính trị và giới tính, chẳng có gì để ngại, cái đáng ngại ấy là trình độ tiếng Anh ba rọi của Steven không đủ để hiểu hết lời, nói hết ý mà thôi. Trong những chuyện ấy, đôi khi cũng có những vấn đề tranh cãi, ai giữ ý người đó nhưng mọi ngày gặp nhau vẫn vui vẻ như chẳng có gì xảy ra. Steven bảo nó:

- Mày biết không? Con vật đánh nhau, cắn xé nhau vì tranh giành hang ổ, lãnh địa, miếng mồi và con cái để giao phối. Con người cũng thế, chẳng khác gì mấy, từ xưa đến giờ đánh nhau liên miên vì tranh đất đai lãnh thổ, đánh nhau để cướp của cải tài sản, đánh nhau vì nhan sắc...Con người còn hơn con vật một bậc là đánh nhau vì danh tiếng, vì sự háo thắng, vì cái bản ngã của mình. Mày thấy đấy! Putin xua quân xâm lăng Ukraine cũng vì háo danh, y mơ làm đại đế, cướp đất lập

đế quốc, y muốn Ukraine cũng như các nước nhỏ phải làm chư hầu. Quân lính của y tàn độc giết người, phá nhà, cướp của, hãm hiếp... Tham vọng cá nhân của y cộng với bản năng của quân binh đã đẩy Ukraine vào thảm họa, gây tang thương thống khổ ngất trời cho người Ukrainian. Mauricio, những người Phật tử như chúng tao nghe lời Phật dạy:” Không trực tiếp giết hay xúi người khác giết, không vui với sự giết” tuy nhiên với trường hợp những tên độc tài như Putin thì tao thật sự mong cho y bị lật đổ hay ám sát chết đi.

Thằng Mauricio tán đồng:

- Tao cũng nghĩ vậy! Nếu y bị lật đổ hay bị giết chết thì cục diện chính trị sẽ thay đổi, có thể cuộc chiến phi nghĩa và tàn bạo này sẽ chấm dứt.

Trước khi cuộc chiến này nổ ra, Steven cũng đã nghĩ:”Giá mà có thể lực nào đó làm đảo chánh hoặc ám sát y thì có lẽ cuộc chiến sẽ không xảy ra”. Nguyên nhân sâu xa hay ân oán quả báo thế nào thì không biết , tuy nhiên nguyên nhân trực tiếp và gần nhất ấy chính là sự tham lam và hoang tưởng của Putin. Y thèm khát đất đai và mong tái lập lại đế quốc như thuở trước. Y độc tài, hiếu chiến và bản tánh tàn độc nên y bất chấp mọi lời can gián, cảnh báo trừng phạt của thế giới. Y xua quân tấn công Ukraine. Steven giật mình thoát ra khỏi phút giây tâm ý miên man khi nghe thằng Mauricio gọi:

- Steven, sao tự nhiên im lặng vậy? Đang nhập thiền hả?

Steven cười:

- Không! Tao đang để tâm ý chạy rong như ngựa hoang trên đồng cỏ, như khi chèo thuyền trên rừng. Chính vì cái tâm

mình vọng động như thế nên Phật mới dạy ngồi thiền. Thiền để ngăn chặn và hóa giải cái tâm viên ý mã đó, thiền để mình lắng xuống, để nhận biết sự thật, để sống chánh niệm.

**

Thằng Mauricio cũng như những người Âu – Mỹ khác, nó chỉ biết đạo Phật chỉ có thiền chứ không biết đến những pháp môn khác. Hiện nay ở Âu – Mỹ cũng có nhiều người dạy thiền và đủ loại thiền, trong số ấy có khá nhiều loại thiền hoàn toàn không phải của Phật giáo, không giúp ích gì trong việc tĩnh tâm hay chánh kiến mà chỉ mang tính chất như yoga hoặc chỉ là liệu pháp tâm lý để chữa trị bệnh về mặt thân xác. Thằng Mauricio cười cười:

- Tao nghe thiền hay lắm nhưng chịu thôi, tao không thể ngồi thiền được!

- Thiền đâu chỉ ngồi, còn có nhiều tư thế oai nghi khác, ngồi chỉ là một trong nhiều cách tối ưu để thực tập. Nếu mày giữ được tâm ý bình an, không loạn động, giảm ham muốn vật chất, giảm sự tham đắm hưởng thụ vật chất như: ăn ngon, mặc đẹp, sắc dục hay tánh háo danh... ấy chính là đang thực tập thiền vậy.

Thằng Mauricio nhấp một ngụm cà phê rồi cười:

- Thiền thế nào được? Khi mà cà phê kích thích tim tao đập mạnh như thế này!

Nhìn mặt nó, biết nó láu lỉnh cả khía, Steven cùng cười xòa với nó.

ĐÊM VU LAN PHƯƠNG NGOẠI

Ánh trăng bàng bạc phủ khắp sơn hà, gió thổi qua tàng lá cây quanh vùng làm cho ánh sáng loang loáng rơi trên mặt đất, tạo ra những mảng sáng tối xen kẽ nhau. Dòng ánh sáng chảy từ đỉnh Stone Mountain xuống trông cứ như những dòng sữa từ biển Hương Thủy. Stone Mountain không phải là núi lớn, nó chỉ là một hòn đá liền khối khổng lồ. Người ta ước tính nó đã hai trăm năm mươi triệu tuổi rồi. Nó đã chứng kiến biết bao dâu bể của xứ sở này. Đêm nay cũng như hàng vạn đêm trăng khác, lặng lẽ, tịch mịch đến vô cùng.

Chợt có tiếng chuông từ đâu đó ngân lên, làn sóng âm thanh lan tỏa khắp đất trời. Dòng ánh sáng của trăng chảy từ trên xuống hòa vào dòng âm thanh bay lên lay động cả ngân hà. Tiếng chuông loang như những vòng sóng âm tan vào không gian cả một vùng ngoại thành đang yên ả ngủ. Thăng Jeffrey lẩm bầm:

- Quái lạ nhỉ? Giờ này sao lại có tiếng chuông? Mà tiếng chuông cũng không ngân nga thánh thót như chuông nhà thờ của cha xứ Jame Winston. Tiếng chuông này thỉnh thoảng tao cũng nghe nhưng rất lạ, lạ từ thanh âm cộng hưởng của nó và lạ cả về giờ giấc.

Con Mitchell cười giòn tan, nó vỗ vỗ vai và bẹo má thăng Jeffrey:

- Màay khờ quá! Màay cư ngụ ở đây đã lâu mà hông biết gì hết

trơn! Đó là tiếng chuông chùa Phật giáo chứ không phải chuông nhà thờ cha xứ. Ngôi chùa Hồng Liên cách đây dặm đường do đồng hương của tụi thằng Mai, con Thames đó!

- Thế chùa Phật giáo của tụi Việt Nam có thờ phượng chúa không?

Con Mitchell cười ngật nghễo, nó giơ hai tay lên và kêu trời:

- Trời đất, mây như thằng bù nhìn vậy, gì cũng hồng biết hết ráo. Chùa Phật giáo thì thờ Buddha chứ sao lại thờ chúa?

- Thế Buddha là ai mà phải thờ?

- Buddha là ông Phật, ông ấy vốn là ông hoàng ở xứ Ấn Độ. Ông ấy sống trong nhung lụa nhưng vì thấy đời là sanh, già, bệnh, chết và toàn khổ não nên mới buông bỏ để đi tìm con đường giải thoát. Ông ấy đã nhiều năm tu khổ hạnh, theo nhiều vị thầy nhưng cuối cùng thấy cũng chỉ sanh thiên làm đế thích là cùng. Ông ấy bèn bỏ cả hai lối phóng túng và khổ hạnh để tu trung đạo. Ông ấy đã thành công, trở thành vị thầy giác ngộ và từ đó đem giáo pháp này chỉ dạy cho khắp nhân gian.

- Sao mà rành quá vậy?

- Tao nghe tụi thằng Mai, con Thames nói thế. Tao cũng đã nhiều lần đến ngôi chùa đó với tụi nó nên nghe được nhiều điều như thế.

- Thế ông Phật là người Ấn Độ, sao bọn Việt Nam lại tôn thờ và còn đến xứ này lập chùa?

Con Mitchell vỗ trán, nó ngao ngán nói:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Trời! Tao không ngờ mày lại dốt thế, đầu mày toàn đất sét! Đâu chỉ bọn Việt Nam tôn thờ ông Phật, tụi Miên, Lào, Chệt... cũng đều thờ ông Phật, ngay cả dân da trắng chúng mình giờ cũng rất nhiều người tin Phật và tôn thờ ông Phật. Giáo lý của ông phật đầy từ bi, yêu chuộng hòa bình, bình đẳng và cũng rất trí tuệ, khoa học. Đạo Phật không có cuồng tín, giáo điều, không ép buộc ai bao giờ. Bởi vậy bây giờ đạo Phật được yêu chuộng khắp thế gian này.

Thằng Jeffrey vừa nghe vừa gật gù, “ờ hớ, ờ há”, chợt một tiếng chim đêm kêu lên thẳng thốt, nó giật mình hỏi

- Sao giờ này thằng Mai và con Thames chưa đến? Hay tụi nó quên hẹn đêm nay rồi?

Mitchell bảo:

- Không đâu! Tao nghĩ chắc tụi nó kẹt chi đó nên đến trễ thôi.

Vừa nói xong thì có một làn hơi thoảng nhẹ sau lưng, hai đứa quay qua thấy thằng Mai và con Thames. Thằng Mai nói:

- Tao xin lỗi vì đến trễ

Thằng Jeffrey cự:

- Tao chờ phát mệt, cứ ngỡ tụi bay xù hay quên hẹn rồi.

- Không, tao nhớ chứ, nhưng vì kẹt ghé qua chùa nên đến trễ thôi

- Mày đến chùa làm gì vào đêm trăng?

- Ờ, chuyện dài dòng lắm, tao nói vắn tắt thôi nhé! Đêm nay là đêm trăng rằm tháng bảy, người Việt tụi tao có lễ Vu Lan, còn gọi là lễ hiếu, hội hiếu. Ngày lễ này ai ai cũng lên chùa lễ

Phật, cầu cho ông bà cha mẹ quá vãng siêu sanh, cha mẹ hiện tiền sống an lạc. Lễ Vu Lan này cũng có thể coi như lễ cha và lễ mẹ của tây phương, tuy nhiên ý nghĩa và mức độ thì sâu rộng hơn, vì không chỉ hiếu thảo với cha mẹ mà còn là tứ ân.

Mitchell thắc mắc:

- Sao tụi con Nimphon Chandara và thằng Dara Kutunga cũng là phật tử nhưng không có lễ Vu Lan?

Thames nãy giờ yên lặng, nghe Mitchell nói thế nó liền giải đáp:

- Tụi nó là người Khmer và người Sri Lanka . Tuy là cùng đạo Phật nhưng không có tổ chức lễ Vu Lan. Đạo Phật truyền đến đâu thì kết hợp với bản sắc văn hóa và tập quán địa phương ở đó, bởi vậy Phật giáo nam truyền và Phật giáo bắc truyền có những khác biệt. Duy cái căn bản về giáo lý thì giống nhau. Phật tử theo dòng nam truyền không tổ chức lễ Vu Lan nhưng tinh thần hiếu đễ và tứ trọng ân thì như nhau.

Thằng Jeffrey hỏi:

- Mày có thể cho tao biết một chút về cái lễ hiếu này?

Mai tăng hăng lấy giọng, nó liếm láp những giọt sương trên lá rồi từ tốn:

- Lễ Vu Lan có tích từ ngài Mục Kiền Liên trong Phật giáo. Ngài ấy chứng thân thông và quán xét thì biết mẹ ngài đọa địa ngục, ngài đến thăm mẹ, thấy mẹ đói khát thống khổ nên bưng bát cơm đút cho mẹ, khổ thay cơm đưa tới miệng là hóa lửa. Ngài bèn về cầu xin đức Phật chỉ dạy cách cứu mẹ. Đức Phật bảo ngày rằm tháng bảy hãy thỉnh mười phương tăng

cùng hợp sức chú nguyện cho mẹ ngài. Ngài có thần thông nhưng không cứu được mẹ, Phật cũng không cứu được. Nhờ thần lực mười phương tăng hợp sức chú nguyện khiến cho tâm niệm của mẹ ngài thay đổi thì ngay lúc ấy mẹ ngài liền thoát khỏi cảnh u đồ. Từ đó mới có ngày lễ Vu Lan vào rằm tháng bảy, đây là âm lịch, lịch căn cứ theo chu kỳ mặt trăng, khác với dương lịch căn cứ theo chu kỳ mặt trời của người phương tây.

Thằng Jeffrey lại hỏi:

- Thế ai đày mẹ ngài Mục Kiền Liên xuống địa ngục?

Thằng Mai cười khanh khách, tiếng cười của nó lay động cả ánh trăng, những dòng tơ sáng từ không trung buông xuống dường như cũng lả lướt lay, dòng sữa ánh sáng tuôn chảy từ đỉnh Stone Mountain lấp lánh trên triền đá. Bóng trắng lung linh giữa đêm khuya. Mai thôi cười, nó nhìn cái mặt ngờ ngạc nhiên khờ khờ của thằng Jeffrey:

- Chẳng có ai đày bà ấy cả, chẳng ai có quyền đày hay đưa kẻ khác lên. Đọa hay thăng do chính từ bản thân người ấy. Những hành động, nói năng và suy nghĩ của người ta làm cho người ta đi xuống hay đi lên. Trong Phật giáo hay nói:” Tâm tạo tác. Tâm chủ tử” là vậy!

Thằng Jeffrey bảo:

- Mơ hồ và khó hiểu quá, tâm là gì mà ghê gớm vậy?

Con Mitchell cắt ngang:

- Thôi, đủ rồi, đêm trăng này chúng ta hẹn nhau để vui chơi chứ không phải để truyền đạo.

Nói xong nó lôi ra chai “Ông già chống gậy” rót đầy cái ly nhỏ và làm nghe cái ót ngon lành. Những đĩa khác lần lượt tự rót lấy mà uống. Sau vài ly thì thằng Joshua nhảy tung tung, đôi chân nó dẻo như thằng Micheal Jackson, nó khuấy động làm cho cả đám hứng thú lây. Cả bọn nhảy nhót rập rờn dưới ánh trăng. Thằng Johnson cất giọng techno cao vút, âm thanh từ cổ họng nó vọt ra nghe lạnh lạnh đến rờn rợn cả vùng Stone Mountain. Không gian tịch mịch càng làm cho chất giọng techno của nó nghe rõ đến tận chót lán hơi. Âm giọng của nó quyến vào sợi tơ trắng, dòng sữa trắng. Dòng ánh sáng trắng chảy xuống càng tha thướt thì dòng âm thanh bay lên càng sắc bén, cả hai dòng sáng và âm quấn quýt quyến chặt nhau như hai lưỡng cực cứ xoay chuyển bất tận.

Thằng Mai dìu con Thames nhảy nhót đến rũ rượi ra, nó tọt thêm một ly “Ông già chống gậy” nữa khi ngồi bẹp xuống tựa lưng vào tảng đá, bất chợt nó khóc tu tu:

- Lúc sống tao quá buông lung phóng túng, mặc kệ những lời khuyên nhủ, bất chấp giới cấm nên khi chết bị đọa làm ma bơ vơ lạc lõng, đã bao lâu rồi cũng không còn nhớ được nữa, chẳng biết khi nào mới có thể đầu thai để đi tái sinh. Tao hối hận lắm!

Thằng Jeffrey đến bên vỗ vai an ủi:

- Mày đừng có buồn quá, tụi mình đều chung cảnh ngộ như nhau, bởi vậy mới gặp nhau và tụ lại dưới chân hòn Stone Mountain này. Tụi mình tuy khác giống nòi, khác văn hóa nhưng giờ thì những chuyện ấy chẳng có ý nghĩa gì nữa. Chúng mình vất vưởng bụi bờ đồng hoang, may có chỗ này tạm nương náu cũng ổn được bấy lâu nay. Tụi mình còn may mắn hơn những đứa lang thang vất vạ trong thành Ất Lăng,

mà tội nó dữ dần ghê gớm lắm, quen thói bắt nạt kẻ yếu, nã hại người ta. Nhóm thằng cổ đỏ Robin. Carpenter... Con Liza, Esther... vô cùng kinh khủng. Tội nó quen thói kỳ thị người khác. Tội nó vất vưởng kể từ thời nội chiến đến giờ vẫn chưa tan, những ngôi nhà hoang, những nhà xưởng tàn lụi là hang ổ của bọn chúng.

Thằng Mai quát ly nữa, ngửa mặt nhìn trăng, nó cả quyết:

- Ở đây cũng yên ổn nhưng không thể ở mãi được! Chúng ta phải đi đâu thai để thoát khỏi cảnh giới này!

Thằng Jeffrey ngò vực:

- Bằng cách nào?

- Mình phải chuyển đổi tâm niệm, phải tìm cách giải thoát, vừa tự lực nhưng cũng cần sự trợ lực của chư Phật và quý thầy. Đó là lý do tao thường đến chùa nghe kinh thánh pháp là vậy.

- Mày là ma Việt, làm thế được. Tao là ma Mỹ làm sao tao đến chùa Việt được?

- Ma Việt, ma Mỹ, ma đen, ma trắng gì cũng vậy thôi! Mày không thấy giờ có rất nhiều vị tỷ kheo da trắng đó sao.

- Nghe nói đến chùa phải nghiêm trang, gò bó rất khó phải không?

- Chẳng có gì khó cả, Phật và quý thầy từ bi chẳng bỏ ai. Tuy nhiên mày đến đó mà phá phách thì mấy ông hộ pháp đập mày một chùy thì đến má mày nhìn cũng không ra.

- Mày là tay chơi, ăn chơi phá tán mà sao lại biết đi chùa, học

cái tốt ở chùa? Tao không sao hiểu nổi

Con Thames đỡ lời cho Mai:

- Nó lúc sống đã là Phật tử rồi cơ mà, nó cũng đi chùa, ăn chay, làm từ thiện nhiều lắm. Tuy nhiên nó lại sống phóng túng, buông thả thậm chí ăn chơi sa đọa quá đáng nên khi chết nó bị đọa. Những chúng tử thiện trong tâm thức của nó không địch nổi những chúng tử ác, phút lâm chung cái niệm hưởng thụ bay bướm đã lôi nó vào ma đạo.

Mai cất giọng rên rỉ:

- Ma đạo vất vưởng bờ bụi, đồng không mông quạnh, gá nhờ nhà hoang, cây cội... Tuy vậy cũng còn đỡ hơn nhiều so với địa ngục thống khổ và trường cửu. Chử Vu Lan còn có nghĩa là cõi trói cho tội nhân bị treo ngược. Ngày lễ này để cầu siêu cho tổ tiên cha mẹ quá vãng, cầu siêu cho tất cả tội nhân địa ngục...

Cả bọn nghe thế rùng mình ớn lạnh, thằng Jeffrey nói:

- Tội tao không biết đạo lý và lời Phật nên đọa đã đành. Mai, may mắn được biết và có cơ hội giải thoát vậy mà để bị đọa thật tiếc lắm thay!

Nghe thế con Nimphon Chandara và thằng Dara Kutunga cùng lên tiếng:

- Đâu chỉ mình thằng Mai, còn tao, thằng Dara, con Thames và nhiều người xưng là Phật tử nữa cũng bị đọa nhiều lắm. Cái danh xưng mà chẳng có thực chất nên bị đọa là chuyện thường, trong đạo Phật người ta thường nói:” “ Ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng”, hoặc “ Ông tu ông đắc bà tu bà đắc”... hồng

có chuyện tu giùm hay ai đó có thần thông cứu vớt cho mình.

Con Mitchell một lần nữa phàn nàn:

- Đêm trăng đẹp như thế này, tại bay nói chuyện buồn quá, đừng có nói chuyện ấy nữa được không? Vui đêm nay đi, mai làm lại

Không có ai hưởng ứng, Mitchell tự rót một ly ngựa cỏ uống cạn. Thằng Mai ngồi tựa lưng vách đá nhìn trăng say mê, nó mê ánh trăng từ những ngày còn mang thân phận con người, dường như giữa nó và ánh trăng có mối ràng buộc mơ hồ, những đêm trăng sáng nó thường lên sân thượng nhà nó để ngắm trăng, thì thầm với trăng. Những đêm hè có trăng nó giăng mùng ngủ ngoài trời với ánh trăng. Nó cảm thấy như hòa thân mình vào trong ánh trăng, có lần nó thổ lộ với bạn bè là nó mơ ước khi chết sẽ tan vào trong dòng ánh sáng bàng bạc của trăng. Nó sẽ là một tia sáng trong cái ánh sáng vô tận phủ khắp sơn hà và lúc ấy tâm hồn nó sẽ tha hồ rong ruổi trong cõi vũ trụ bao la kia. Nó vốn tên Minh, tên nó cũng có nghĩa là ánh sáng, một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay là dấu hiệu định mệnh sẵn thế thật khó mà biết được. Tụi ma Mỹ đọc chữ Minh thành ra Mai chứ thật sự không phải là Mike. Con ghê của nó tên Tâm nhưng bọn kia đọc thành ra Thames, cứ ngỡ như ba mẹ con nhỏ lấy tên con sông Thames bên xứ sương mù đặt cho con gái. Hai đứa nó nhập bọn với tụi thằng Jeffrey, con Mitchell, con Nimphon Chandara... và kéo nhau về nướng náu dưới hòn Stone Mountain này. Thằng Jeffrey vốn là thằng da trắng, cao to, đẹp trai và hiền lành, khổ nỗi nó chơi thuốc quá liều nên đột tử, lúc sống mê ma túy giờ chết đọa vào ma đạo. Con Mitchell là gái làng chơi, gặp phải khách cuồng dâm bóp cổ chết tức tức. Con Nimphon

Chandara dân Miên, mê bùa chú thần thông... nào ngờ chết yểu mà vẫn còn mê nên nhập vào ma giới luôn. Bọn chúng vất vưởng và gặp nhau, kết bạn rồi kéo nhau về dưới chân hòn Stone Mountain nướng nấu. Tuy là ma thất thủ lang thang nhưng nhờ dư phước nên không đến nỗi đói khát, thậm chí thức ăn đối với chúng khá phủ phê.

Đêm dần về sáng, ánh trăng tan nhòa trong làn sương khói trắng đục, ánh trăng bàng bạc lãng đãng trùm lấy cả vùng ngoại thành Ất Lăng. Cảnh giới sao mà tiêu sái hoang sơ đến lạ lùng. Người và vạn vật còn chìm trong giấc điệp mơ màng, riêng bọn Mai, Thames, Jeffrey... vẫn vất vưởng cả đêm trường. Một tiếng chim ăn đêm, một tiếng chó sủa vu vơ cũng làm cho cả bọn giật mình. Khi dăng đông bắt đầu có chút le lói ửng hồng, bầu trời dăng tây vẫn xanh ngắt với vàng trắng vàng nhạt. Cả bọn tiếc nuối nhìn vàng trắng lần nữa rồi kéo đi vào bóng tối trước khi ánh bình minh lên.

Chùa Hồng Liên sau thời công phu sáng, hòa thượng Thanh Đồng Sơn cùng đồ chúng ăn điểm tâm và thưởng trà sen tháng bảy. Một ông tăng trẻ thưa:

- Đêm qua trăng Vu Lan đẹp quá, nghe người ta bảo là trăng xanh, cảnh vật im lìm lặng lẽ như những đêm trăng khác. Không biết là con tưởng tượng hay liên tưởng đến trăng máu trong mấy phim Ma cà rồng mà con nghe văng vẳng có tiếng ma khóc quỷ cười văng vẳng trong gió

Một ông tăng khác cũng thưa:

- Con bách bộ ngắm trăng, không hiểu sao trăng đẹp vậy mà con có cảm giác gai gai ròn rợn cả người, dường như âm khí rất thanh đêm qua.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Hòa thượng Thanh Đồng Sơn chiêu ngậm trà, thoáng cười nhẹ như một gợn sóng trên mặt hồ thu, vẻ mặt an lạc và bình thản:

- Các con cảm nhận đúng, tuy nhiên các con chưa nhận thấy được những gì đã xảy ra. Đêm qua là đêm trăng tròn tháng bảy, chùa mình cũng như các chùa bắc tông đều khai kinh Vu Lan, cầu siêu cho vong nhân quá vãng, cầu sinh cho người sống, cầu hòa cho thế gian. Thầy ở xứ này đã nửa thế kỷ qua nhưng chưa từng thấy trăng Vu Lan nào đẹp như thế. Trong lúc tụng kinh, thầy thấy nhiều vong đi lại trong sân và vùng quanh, một số vào chánh điện ngồi yên nghe kinh. Không chỉ vong Việt, còn có vong trắng, vong đen và những vong gốc châu Á. Tuyệt nhiên bọn họ không có quấy phá hay gây phiền nhiễu. Sau khóa lễ, đại chúng về hết, các con vào thiền thất, thầy một mình kinh hành dưới trăng, lúc ấy cả một vùng mây và sương khói hòa với ánh trăng tan, không gian ngoại thành trở nên một cảnh ngoạn mục lạ lùng chưa từng thấy bao giờ, có điều chỉ trong vài phút là sự diệu ảo tan biến mất. Thầy vẫn giữ chánh niệm, nhìn biết sự vật hiện tượng nó như thế, không khởi tâm mong cầu hay nhận xét, từng bước chân an lạc tỉnh thức. Chợt có sáu bảy hình nhân với vóc dáng cả Việt lẫn Mỹ xuất hiện và chấp tay chào thầy, sau đó bọn họ lặng lẽ lui và đi về hướng hòn Stone Mountain

Một ông tăng khác lên tiếng:

- Họ chịu về chùa nghe kinh thánh pháp, vậy là tốt biết bao. Nếu họ nương tựa nơi an lành này thì tốt hơn vật vờ ngoài bờ bụi đồng hoang

Ông tăng trẻ lúc ban đầu gợi chuyện nêu nghi vấn:

- Nếu họ đến nương tựa mà quấy phá thì sao?

Người kia lý giải:

- Ma cũng có hiền dữ, vả lại ở chùa có hộ pháp, thật sự thì họ có quấy phá thì cũng chẳng hư hao gì!

Thầy bảo:

- Bọn họ mê mờ đã lâu, tuy không còn thân xác nhưng cứ chấp còn nên cứ vất vưởng như thế. Nếu họ nhận ra sự thật, chuyển đổi tâm niệm thì họ sẽ siêu thoát. Họ sẽ tái sinh vào cảnh giới tương ứng với cái nghiệp của họ. Thầy mong họ hàng ngày về chùa nghe kinh thánh pháp, lâu dần ắt sẽ có ngày tỉnh thức và chuyển đổi tâm niệm. Các con còn nhớ tích Quan Công trong truyện Tam Quốc Chí không? Khi sống, ông ấy là võ tướng, chém vô số người, vậy mà khi bị quân đông Ngô chém mất đầu thì sân hận đến độ đêm đêm gây cuồng phong làm kinh hồn dân chúng khắp nơi. Ông ấy bay đi khắp nơi kêu gào:” Trả đầu cho ta, trả đầu cho ta”. Mãi đến khi có một vị hòa thượng can cường, khí phách kim cương, chống tích trượng, chặn ông ta lại hỏi:” Ông đòi người ta trả đầu cho ông, vậy ai trả đầu cho những người bị ông chém?” Quan Công nghe thế rơi xuống, tỉnh ra và xin quy y với hòa thượng và tình nguyện đời đời làm hộ pháp trong chùa. Thầy mong những cái vong quanh vùng Stone Mountain này cũng sớm hồi tâm chuyển ý, tỉnh giác. Trong khi bọn họ còn vất vưởng, các con chớ có quên cúng thí thực mông sơn vào mỗi buổi chiều, ấy là phước người mà cũng là đức ta vậy.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Tiếng kèn réo rất như xoáy vào tâm, thầy yoga ngồi xếp bằng nhập thần trong tiếng kèn, mắt nhắm nghiền, thân lắc lư, má phồng lên, bụng hóp lại vận hơi để thổi. Làn hơi thoát qua những cái lỗ kèn hoá thành những âm thanh ma mị đầy sức mê hoặc. Hai con rắn hổ mang từ trong hai cái nôi đất vươn mình lên cao, lắc lư, uốn éo theo điệu kèn, mang nó bạnh ra to bè, lưỡi thè thật dài, thở phì phò, khi thì lặng lẽ như hai sợi dây thừng. Tiếng kèn lên cao, tiết tấu nhanh thì thân nó cũng lượn nhanh, âm điệu trầm lắng khi thầy yoga nập hơi thì nó hạ xuống thấp ngang miệng nôi. Không biết nó bị mê hoặc bởi tiếng kèn hay là nó đang thôi miên thầy yoga? người xem cũng ngẩn ngơ chẳng biết là đang mơ hay mê?

Trong đền Parranajata hương xông, hương bột, hương xoa được các tín đồ dâng lên, các loại bột màu hồng, cam, vàng... rắc và xoa khắp nơi, những nhúm hoa vạn thọ xé toại ra để quanh bên các bệ tượng thần Brahma. nến cháy lung linh, thầy tư tế vừa dứt lời kinh thì nhã nhạc lập tức rộn rã reo rất, tiếng trống paranung vỗ tom tom, tiếng kèn da diết, tiếng đàn bay bổng như quần lầy đôi chân và đôi tay nàng Kumaratunga. Nàng xoay tít múa, đôi chân trần quấn quít những bước như dúi vào nhau, hai bàn tay bắt ấn với ngón tay cong điệu đà múa vô cùng ảo diệu, eo nàng tròn trịa và phin

phấn nhưng dẻo như sợi bún, điệu lắc eo nồng cháy, dải xà rồng lắt phất, sợi dây đeo mũi lắc theo nhịp điệu của nàng. Đôi mắt nàng to tròn đen lay láy, nhìn vào mắt nàng như thấy cả ngàn năm Hindu. Thần Brahma đã lấy hai ngôi sao sáng trên bầu trời gắn vào hốc mắt cho nàng, khi nàng mới tượng hình trong bụng mẹ, xương cốt nàng thần lắt đất nặn ra, thịt da và máu thần khuấy nước mà thành, sau đó thần lấy một tí gió thổi vào lá phổi của nàng. Thế rồi nàng từ bụng thần Brahma mà vào đời. tiếng hát thánh thót như Ca lãng tần già, trong veo như nước suối giữa rừng, lại da diết như tiếng kèn của thần yoga. Nàng múa hát để cúng dường thần Brahma. Khi nàng dần tượng hình, mỗi sát na đi qua thì thần Shiva lại lấy đi chín trăm chín mươi chín tế bào từ thân nàng. Thần Brahma và thần Vishnu lại bồi vào một nghìn linh tám tế bào mới cho nàng. Thần Vishnu xoa bóp tạo hình cho đến ngày nàng chào đời. Lớn lên nàng có tiếng xinh đẹp, hát hay, múa giỏi ai cũng công nhận nàng là bông hoa rực rỡ nhất của thành Vidarasina

Khi nàng múa hát, bọn công tử vương tôn trong thành mê đắm, ngoài lễ vật dâng lên thần Brama. Bọn họ còn tranh nhau dâng những món quà tặng quý giá cho nàng, đó là những tấm xà ri đẹp nhất, những món vàng ngọc trang sức đặc biệt nhất. Trong đám công tử ấy, chàng Rajipbalanca là nổi trội hơn cả. Chàng rất tuấn tú đẹp trai, thân hình săn chắc, hai bắp tay đeo vòng vàng hình rắn thần Naga. Chàng luôn tặng cho nàng những món quà độc nhất và chàng chưa bỏ qua một cuộc múa hát nào của nàng. Trái tim chàng đã bị cầm tù bởi ánh mắt nàng. Linh hồn chàng bị trói buộc bởi nhan sắc và tiếng hát của nàng.

Thế rồi nàng ưng thuận làm vợ chàng, ngày cưới của hai

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

người trở thành ngày hội của cả thành Vidarasina. Các thầy tư tế đọc kinh và cầu phúc suốt hai ngày đêm, sau đó là những ngày tiệc tùng múa hát cả mùa trăng. Hai người sống trong những tháng ngày hoan lạc tuyệt mỹ của kiếp người, hạnh phúc tưởng chừng như bất tận, tuổi trẻ sung mãn không hề biết mệt, của cải quá phủ phê để không phải bận tâm mưu sinh, danh vọng cao nhất thành... Cuộc đời họ ngập trong mật ngọt và hoa thơm.

Hai người quên mất, lúc họ hoan lạc và hạnh phúc như thế thì thần Shiva mỗi ngày âm thầm rút đi ba ngàn tế bào từ thân thể họ. Lúc bấy giờ thần Vishnu chỉ bồi đắp lại một nghìn linh tám tế bào mà thôi. Họ vẫn vui chơi, vẫn tháng ngày tiệc tùng thâu đêm suốt sáng mà không hề hay biết gì.

Một ngày hạ huyền của tháng năm, mẹ nàng, bà Vaijarajita trút hơi thở cuối cùng. Thần Shiva đã hoàn tất công việc của mình, thần đã hủy diệt một sự sống, một tiểu phẩm mà thần Brahma tạo ra và thần Vishnu giữ gìn gia cố bấy lâu nay.

Nàng khóc lóc thảm thiết, tiếng khóc của nàng cũng da diết như tiếng hát, tiếng khóc làm bao người phải rơi lệ theo. Chàng Rajipbalanca tưởng chừng trái tim mình tan nát vì tiếng khóc của nàng. Chàng dùng bao nhiêu phương thuốc để an ủi nàng nhưng không làm sao cho nàng vơi sầu não. Nàng lên đèn dâng lễ vật và than khóc:

- Hỡi thần Brama, Vishnu, Shiva! hỡi các vị thần linh tối cao và thiêng liêng! Các thần đã tạo ra chúng con, cho chúng con sự sống, sao lại nỡ hủy diệt chúng con? Những tháng ngày hoan lạc của chúng con vội tàn lụi, để rồi chúng con phải chịu cảnh già nua, khổ đau, bệnh tật và chết chóc.

Khóc than xong, nàng lấy bột màu cam xoa lên các pho tượng, các loại hương bột, hương xông, hương thiêu được nàng dâng lên, mùi thơm ngào ngạt trong đền. Rajipbalanca nói:

- Em đừng vì đau khổ mà nói lời bất kính các vị thần. Các vị thần chỉ làm trách vụ của mình, nếu thần Shiva không hủy diệt thì lấy đâu ra thần Brahma tạo ra và thần Vishnu duy trì? Chúng ta chết đi rồi lại tái sinh cũng từ đất, nước, gió, lửa cái vòng luân hồi này bất tận! Em đừng than khóc nữa, một ngày kia cũng sẽ đến lượt mình, càng than khóc càng khổ đau mà người chết cũng không thể sống lại, anh thì tan nát cõi lòng.

Buổi sáng tháng năm, thầy Krishinatanga đi khát thực qua cửa dinh nàng. Nàng ra đặt bát và chấp tay cuối đầu chào thầy

- Bạch thầy Krishinatanga, thầy ít bệnh, ít thiếu ão. Người ta đồn đại thầy có thần thông? có thể nào giúp cho mẹ tôi sống lại chăng?

Thầy Krishinatanga từ tón:

- Cảm ơn thí chủ đã cúng dường thực phẩm, cầu chúc thí chủ an lạc. Sa môn Krishinatang này không có thần thông, cũng không có thể làm cho người chết sống dậy, không có ai làm được điều đó cả! Ngay cả thần Brahma cũng chịu thôi!

Nàng lại hỏi:

- Tôi nghe Sa môn Cù Đàm có lực thông, các đồ đệ cũng chứng đắc thần thông, vậy mà không giúp người chết sống lại thì hoá ra thần thông không có thật ư?

- Thần thông có thật, tuy thần thông không thể làm cho người

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

chết sống lại được nhưng thần thông giúp cho người sống ít bệnh, ít khổ, ít thiếu ngủ, nhiều an lạc, nhiều tỉnh giác, nhiều hoan hỷ. Thần thông của Sa môn Cù Đàm là giúp cho người sống biết làm thiện lành.

- Thế nào là thiện lành?

- Không giết hay vui với kẻ khác giết là thiện lành, không lấy những gì không phải của mình là thiện lành, không hành dâm với người ngoài giá thú là thiện lành, không nói sai sự thật là thiện lành, không uống rượu và chất gây nghiện là thiện lành

- Thế Sa môn Cù Đàm là ai?

- Là người tỉnh thức, người đã đoạn sạch mọi lậu hoặc, không còn sanh tử nữa

-Sa môn Cù Đàm không còn sanh tử nữa, vậy có bằng thần Brahma không?

- Thế Tôn Gotama không phải là thượng đế, càng không phải là thiên thần. Brahma thọ tám vạn đại kiếp, hết phước vẫn đọa như thường. Thế Tôn Gotama là thầy của trời và người.

- Thế Tôn Gotama không còn sanh tử, thế sao không giúp cho người khác cũng hết sanh tử?

- Có đây! vì vấn đề này mà Thế Tôn Gotama đã thị hiện đản sanh ở vườn Lumbini. Ngài lớn lên trong hoàng cung, rồi ngài buông bỏ tất cả để tu tập và tìm ra con đường thoát sinh tử luân hồi. Ai y cứ theo phương pháp ngài chỉ dạy thì cũng đắc được như ngài. Thế Tôn chỉ dạy phương pháp và con đường cho mọi người chứ không thể đi thay cho ai. Ai muốn thoát sanh tử luân hồi thì phải tự dẫn thân, tự thấp đuốc lên

mà đi!

- Mẹ tôi mới mất gần đây, thầy là đồ đệ của Thế Tôn Gotama, thầy có thể cho tôi biết mẹ tôi sẽ tái sinh vào đâu?

- Tôi không có ngũ nhãn, cũng chưa chứng đắc tam minh lục thông nên tôi không thể biết mẹ của thí chủ thác sanh về đâu. Tôi chỉ biết chắc mẹ của thí chủ thác sanh vào một cảnh giới tương ứng với những gì mà khi sống bà ấy vẫn thường làm.

Nói xong, thầy Krishinatanga đọc bài kinh phước đức hồi hướng cho mẹ nàng và chúc phúc cho nàng. Thầy quay lưng và khoan thai từ tốn trở về vườn trúc bên ngoài thành Vidarasina.

Năm ấy, nàng Kumaratunga, bông hoa xinh đẹp, tiếng chim Ca lãng tàn già của thành Vidarasina bước vào tuổi ngũ tuần. Khuôn mặt xinh đẹp xuất hiện nếp xếp, quanh đôi mắt sáng ngày nào giờ nhiều vết chân chim, mái tóc óng ả đen tuyền như gỗ mun đã lốm đốm bạc dù nàng vẫn thường dùng củ nâu, vỏ sò để nhuộm. Cơ thể nàng đầy đà không còn nhanh nhẹn nữa, các khớp xương ít nhiều đau nhức, nếu lúc trước nàng có thể múa hát thâu đêm thì bây giờ chỉ chừng canh giờ là đuối

Bảy giờ thần Shiva ngày ngày lấy đi tám vạn bốn ngàn tế bào từ thân thể và trí óc của nàng. Thần Vishnu chỉ có thể bồi lại tám ngàn bốn trăm tế bào mới mà thôi, cái già đang xồng xộc đến. Thần Shiva đang huỷ diệt, đang hiện diện trong mỗi sát na. Thân xác như thế, tinh thần nàng còn khỏe hơn. Chàng Rajipbalanca không còn yêu nàng như thuở nào, chàng đã nạp thêm ba cô gái xuân thì, vị chi trong dinh nàng giờ có bốn vị phu nhân. Đã mấy năm nay chồng nàng say sưa với các cô

gái trẻ đẹp, không còn đoái hoài gì đến nàng, thỉnh thoảng ghé thăm qua quýt mà thôi.

Một buổi sớm mai nàng ngồi soi bóng qua chiếc gương đồng, lòng nhiều phiền muộn thiếu náo. Chợt nàng nhớ lại lời thầy Krishinatanga năm nào, nàng bèn gọi hai thị tỳ thân tín sửa soạn lễ vật để đi đến vườn trúc. Ở vườn trúc, mấy thầy sa môn cho biết thầy Krishinatanga đã đến vườn Sa la, tìm đến vườn sa la thì thầy đã về rừng muồn. Nàng vẫn không nản lòng, cất bước đến rừng muồn thì gặp được thầy. Nàng mừng lắm, đánh lễ và cúng dường vật thực đến các thầy ở đây. Sau khi các thầy thọ thực xong nàng mới giải bày nỗi niềm u uất. Thầy Krishinatanga nhẹ nhàng chậm rãi:

- Con người ta đến với nhau không ngoài bốn mối quan hệ: báo ân – báo oán, đòi nợ - trả nợ. Phu thê cũng không ngoài duyên và nợ, có duyên thì xa xôi cách mấy cũng gặp, không duyên thì có ở cạnh bên vẫn xa. Nợ hết mà duyên còn thì tốt đẹp biết bao, duyên hết mà nợ còn thì tội lắm. Trường hợp của thí chủ cũng không tệ lắm, chồng thí chủ mê ái dục, sắc dục cũng là lẽ thường tình, nhưng ông ấy chưa đến nỗi bạc đãi với thí chủ. Con người ta đến thế gian này rất cô độc, độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai, gặp nhau chung một quãng đường để làm cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em... nhưng rồi cũng phải chia ly, đường ai nấy đi, nghiệp ai nấy chịu, phước ai nấy hưởng. Việc được lại thân người, gặp lại người cũ thì khó vô vàn. Thí chủ hãy lo cho thân mình, đừng hời tiếu chuyện ngày đã qua, đừng mong cầu chi chuyện ngày chưa đến, hãy sống với ngày hôm nay, hãy làm việc thiện lành. Một ngày nào đó thần Shiva hoàn thành việc hủy diệt thì thí chủ còn phước lành để tái sanh cõi an lành.

Ngưng một lát, thầy hỏi:

- Thí chủ thấy sức khỏe và nhan sắc bây giờ so với mười lăm năm trước như thế nào?

Bạch tôn giả:

- Đã suy giảm rất nhiều

Thầy Krishinatanga lại hỏi:

- Thế mười lăm năm nữa thì ra sao?

- Bạch tôn giả, sẽ rất tồi tệ và có thể không kịp nhận biết nó sẽ ra sao.

- Thí chủ đã hiểu, đã thấy sức mạnh của thần Shiva rồi! thần Brahma, thần Vishnu, thần Shiva có mặt trong mỗi sát na, ở trong mỗi con người và vạn vật. Năm xưa mẹ thí chủ qua đời, ấy là lúc thần Shiva hoàn tất nốt công đoạn cuối và thần Brahma lại bắt đầu công đoạn mới. Việc sanh tử cứ như thế không bao giờ dừng dứt. Chỉ có Thế Tôn Gotama đã chấm dứt sanh tử luân hồi, một số tôn giả lỗi lạc hành đúng pháp mà Thế Tôn chỉ dạy cũng vượt thoát sanh tử luân hồi. Tôi và các thầy ở đây ngày đêm nương náu và hành các pháp mà thế tôn chỉ dạy. Các thầy cũng đang trên đường vượt thoát sanh tử. Thí chủ và những người như thí chủ, tôi không dám khuyên gì hơn là hãy giữ gìn năm điều thiện lành mà tôi đã nói năm xưa. Năm điều thiện lành ấy là cơ sở để tái sanh lại cõi người, còn nếu thí chủ tinh tấn hơn thì làm mười điều thiện lành, sau khi thân hoại mệnh chung thì sanh cõi thiên.

Nàng Kumaratunga nghe pháp mà lòng sanh hỷ lạc lạ thường, tâm thần nhẹ nhõm, bao nhiêu thiếu não phiền muộn tan như

khói mây. Nàng qùy hôn chân thầy Krishinatanga và chào từ biệt, trên đường trở lại thành Vidarasina nàng và thị tỳ đi qua làng Raja, lúc ấy có một gã đàn ông túm tóc đánh đập dã man một người phụ nữ gầy còm, có lẽ người ấy là vợ y, những đứa trẻ nheo nhóc đứng nhìn đầy sợ hãi. Nàng tiến lại gần, gã đàn ông thấy người của hàng Sát đế lợi thì vội vàng lẩn tránh, còn thiếu phụ thì sợ sệt không dám ngước mắt nhìn. Nàng đỡ bà ấy lên, thì bà ấy sợ tội nên qùy sụp xuống. Nàng cố an ủi và bảo bà ấy đừng sợ, lúc ấy bà ta mới dám nhìn nàng. Đôi mắt bà ta đen mà khô ráo, có lẽ cái khổ của kiếp người, nỗi nhọc nhằn của người nữ bao năm nay đã vắt khô nước mắt và sức lực của bà ta. Nàng cho bà ta một ít tiền và an ủi thêm vài lần nữa trước khi về lại dinh

- Đừng sợ, bà đừng sợ! tôi cũng như bà thôi, tôi cũng có chồng và có nỗi khổ khác, không có cái khổ nào giống cái khổ nào, có điều cái khổ của tôi không thấm vào đâu so với cái khổ của bà. Thế Tôn Gotama đã nói: Không có giai cấp trong giòng nước mắt cùng mặn, giòng máu cùng đỏ. Tôi tuy sanh ra trong dòng Sát đế lợi nhưng rồi cũng chịu sanh tử như bà thôi, cuộc sanh tử này không bao giờ ngưng nghỉ, cái khổ còn đeo đuổi khi mà tử sanh chưa tận.

Nàng Kuramatunga lại lên đường, lòng vẫn thắc mắc:” Thân Brahma tạo ra chúng con, sao nữ để chúng con khổ như thế này? nàng lại thì thầm, không biết là tự nói với lòng mình hay nói với hai thị tỳ:

- Thế Tôn Gotama vượt thoát sanh tử, chỉ có con đường của ngài mới dẫn đến hết khổ mà thôi!

CÁI THẤY, BIẾT BỌN CHÚNG MÌNH CÓ BỆNH

Hàng ngày chúng ta vẫn thường nghe: “Mắt bò câu”, “Mắt hạnh nhân”, “Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn”... Còn trong văn chương thì ví nào là:” Mắt xanh má phấn”, “Mắt đẹp mày xinh”... cho đến cao độ của cái đẹp là:”Mắt biếc”!

Đôi mắt có vị trí quan trọng trên gương mặt con người, nhìn vào đôi mắt ít nhiều cho chúng ta biết con người ấy thế nào, hoặc là thanh hay đục, hoặc là sáng hay mờ, hoặc giả thật thà hay gian trá... Mới đầu gặp nhau, đôi mắt cũng cho chúng ta biết người đối diện ấy nồng hậu hay hững hờ, ân cần hay lơ đãng thậm chí đăm đuối hay bất cần...Cái ấn tượng gặp nhau ở phút ban đầu quan trọng lắm, đôi khi quyết định cả mối quan hệ về sau. Thế gian có nhiều người kém phước, sanh ra sáu căn khiếm khuyết, những người đầy đủ sáu căn kẻ cũng có phước lắm rồi, những người phước báo lớn hơn nữa thì sáu căn rõ ràng, trong sáng, thanh tú và rất diệu dụng.

Thông qua tai- mắt mà tiếp xúc với thế giới bên ngoài, rồi từ thế giới bên ngoài lại tác động vào bên trong nhưng có một điều rằng: Nhà đạo bảo cái thấy, cái biết có bệnh, cái thấy, cái biết của phàm phu, của bọn nhị nguyên. Sở dĩ như vậy bởi vì cái thấy, cái biết thông qua tai- mắt của chúng ta quá hạn hẹp, quá nhỏ bé, quá phiến diện và thiên lệch theo cái tâm đầy

vọng tưởng.

- Thuở Không Tử còn lưu vong khắp các nước, có lần thầy trò đói quá và được người ta tặng ít gạo nấu cơm, khi chia phần thì Nhan Hồi không ăn. Không Tử hỏi sao thì y thưa: Lúc mở vung, một cơn gió làm rớt cát bụi vào nồi nhưng không dám hớt bỏ sợ mang tội nên con ăn phần đó, giờ con không ăn nữa. Không Tử giật mình hỏi hận than:” Chính mắt ta thấy mà còn hồ đồ không rõ sự việc, chút nữa thì ta kết tội oan cho người rồi!”

Cái thấy, cái biết thông qua mắt- tai của chúng ta quá thô nên nhiều khi thấy vậy mà không phải vậy, nghe thế nhưng không phải thế! Khi cái tâm ta thích gì thì cái nhìn sẽ hướng về đó, rồi thêm thoát, rồi tưởng tượng thêm, xấu thành đẹp, dở thành hay, bậy cũng thành đúng; còn khi tâm ghét thì sẽ ngược lại. Giả sử có người thích xem những cảnh bạo lực, tình dục... rõ ràng đó là xấu, không tốt nhưng vì thích nên bao biện bằng mọi lý lẽ, thậm chí còn cho là hay với những luận cứ bịa thêm ra.

Con người chỉ có nhục nhãn, thiếu hẳn bốn thứ nhãn kia nên nhìn rất hạn hẹp, phiến diện, cục bộ... Phật dùng tỉ dụ năm anh thầy bói mù xem voi để ví cho cái thấy, cái biết bị bệnh của chúng ta. Năm người mù, mỗi người sờ một phần của con voi nhưng ai cũng cho là mình biết cả con voi, ai cũng cho là mình đúng người khác sai rồi dẫn đến bất đồng, cãi cọ và thậm chí ẩu đả nhau. Bọn chúng mình chắc ai cũng đã từng đọc qua hay xem phim Tây Du Ký rồi. Khi Tam Tạng gặp chùa Lô Âm là lập tức lễ lạy nhưng Ngộ Không thì không vì Ngộ Không biết đó là chùa giả, đồ giả. Tam Tạng chỉ có nhục nhãn nên mới vậy. Cũng vì nhãn- nhĩ có bệnh nên cái thấy-

cái biết của Tam Tạng có bệnh khiến cho Tam Tạng liên tục sa vào những tai nạn, khiến cho Ngộ Không phải nhiều lần khổ sở vì giải cứu sư phụ lại vừa bị sư phụ trừng phạt! Vì bọn mình mắt- tai có bệnh, cái thấy- cái biết có bệnh nên Phật mới thị hiện ra đời để mà độ sanh, để mà chỉ ra con đường tỉnh thức, con đường giác ngộ.

Mắt- tai có bệnh nên thấy mắt biếc má đào là mê, nào đâu hay rằng đó cũng chỉ là máu mủ, là đất- nước-gió- lửa duyên hợp lại mà thôi! hoặc giả biết nhưng vì cái thấy- cái biết có bệnh nên chỉ biết suông chứ chẳng chịu làm gì để tỉnh ra hay thoát khỏi mê hồn trận của sắc tướng, âm thanh. Cái thấy – cái biết có bệnh vì chịu sự sai xử của cái ý thức, cái tâm. Mắt – tai có bệnh nên luôn cho mình là phải người là quấy, ngông cuồng, tự cao, tự đại. Cái thấy- cái biết có bệnh mà lại có quyền lực trong tay thì càng kinh khủng lắm! hại người, hại vật, hại môi trường, hại nước non...

Chuyện kể rằng: Ở cái quốc gia nọ sau cuộc chiến có ông tướng của triều đình ghé thăm và cũng để thám thính thầy. Y huênh hoang tuyên bố: Sức mạnh trong tay ta, thuận ta thì sống chống ta thì chết; Theo ta sống có chỗ theo giặc chết không mề”. Thầy cười nhưng giọng rành rẽ:” Tôi chẳng theo ai cũng chẳng chống ai. Tôi cứ theo trung đạo mà đi.”. Tay tướng võ biền lại khinh khỉnh:” Tôn giáo các ông là thuốc phiện vô tích sự. Thần Phật, nhân quả, luân hồi niết bàn, địa... là chuyện mơ hồ, hão huyền ta không tin, ta chỉ tin những gì mắt thấy tai nghe! Thầy tùm tùm, ung dung nhưng mạch lạc:” Ông có thấy những làn sóng vô tuyến chẳng? Ông có nghe những làn sóng âm vượt qua ngưỡng nghe được của tai người chưa? Chúng tưởng không nhưng lại là có, là hiện hữu đấy!” Y cứng họng không đáp được, thế đấy! cái thấy-cái

biết có bệnh mà cứ ngỡ mình là đúng, là trí tuệ rồi lại dùng sức mạnh bạo lực buộc mọi người phải bệnh theo. Vì vô phước, vì nhơn duyên chi ấy mà mọi người phải chịu cảnh áp bức này. Chuyện ăn-mặc, nói năng, suy nghĩ, hành động...đều phải theo cái thấy cái biết của kẻ đang nắm quyền kia, thế là địa ngục! Địa ngục hiện tiền đâu phải chết mới thấy. Địa ngục có trên trần gian, ở những nơi mà kẻ nắm quyền đang buộc mọi người theo cái- thấy biết bị bệnh của bọn họ chứ đâu cần phải chết mới thấy địa ngục. Địa ngục ngay trong đời sống này chứ đâu phải ở biên địa, hay không du.

Ở cái cõi này ngoài con người và sinh vật ra còn có vô số phi nhân và những chúng sanh không có sắc tướng. Chúng ta chỉ có nhục nhãn mà không có thiên nhãn, pháp nhãn...nên không thể thấy được những chúng sanh kia. Vì cái thấy- cái biết có bệnh nên cho là không có, nhất là những người duy vật.

Hồi Thế Tôn còn tại thế, ngài Mục Kiền Liên sau một đêm ngồi thiền ở bãi tha ma bèn thưa với Phật:” bạch đức Thế Tôn, đêm khuya con thấy có những hình nhân bụng to cổ nhỏ cứ cầm gậy đập mấy cái mả và than khóc”. Phật mới bảo:” Đó là nga quỷ, khi còn sống họ là người quá tham lam, bòn sẻn và bao tính xấu khác nên khi chết là đoạ làm quỷ đói. Chúng than khóc vì cái thân một thời mà tâm phải đoạ dài lâu. Các ông chỉ có nhục nhãn, chưa có ai chứng thiên nhãn nên ta không nói!

Thế đấy! không nghe, không thấy, không biết không có nghĩa là không có. Cái thấy, cái biết có bệnh nên cứ ngỡ là mình giỏi, mình lành, mình hơn người...

Cái mắt- cái tai bọn chúng mình có bệnh, cái thấy- cái biết đại đa số con người ở thế gian này có bệnh. Có những ông đạo dẫn dắt tín đồ bằng cái thấy- cái biết sai lệch, có bệnh quá thật là người đui dắt người mù. Có những chính thể, học thuyết có bệnh lại dẫn dắt con dân quốc gia ấy đi vào con đường lụn bại. Cái thấy- cái biết của bọn chúng mình là cái biết nhị nguyên, đối đãi... nên luôn phân biệt: Đúng – sai, phải- quấy, tốt - xấu... chỉ thấy ở bề mặt cạn cợt mà không thể thấy được bản chất.

Có viên cảnh sát bắn chết một người khách, chợ búa, láng giềng xôn xao cho là ác, là vi phạm quyền con người... mà đâu biết rằng trong người anh ta toàn thuốc nổ chuẩn bị cho nổ tung cái chợ này. Có cô gái bán thân, người ta dè bỉu, chê bai, kỳ thị: Đồ làm gái, hư thân... mà đâu biết mẹ cô ta bị ung thư cần có tiền để chữa bệnh. Có những người giàu sang, quanh năm ăn nhậu, chơi bời, sống hoan lạc... Những tưởng là thành phần ưu tú, làm đẹp xã hội, nào ngờ lại là những kẻ ích kỷ cùng cực, ăn hết bao nhiêu động vật hoang dã, hút xách, rượu chè... làm băng hoại xã hội! những cái ngõ là xấu lại hoá hay, đẹp; những cái tưởng là đẹp lại ra xấu xa... chao ôi cái biết bị bệnh của bọn nhị nguyên này!

Trần gian này có bao nhiêu gã du tử vì mắt, tai có bệnh nên mê mắt biếc má đào, mê âm thanh đầy dụ hoặc... Để rồi lầm lỡ trên đường đời, lạc loài trên đường tình, lui sụt trên đường đạo. Chao ôi, cái thấy- cái biết bị bệnh thì làm sao có thể nhìn thấu được bây giờ?

CẦU KIẾN

Sau khi dâng tâm thư lên đức Phật, con được một số đồng tham đạo hữu và bạn bè gần xa khen. Con cảm thấy vui, một chút vui thanh tịnh ở giữa cuộc đời đầy phiền não và nhiều hệ lụy. Cái quan trọng hơn là con cảm nhận hình như có sự gia hộ của chư Phật, bởi vì sau đó phiền não và những khuất tất trong lòng giảm đi rất nhiều, tâm trí thoải mái thanh thoi, tín tâm được gia cố, từ tâm vun bồi thêm. Lòng con sanh cảm kích lắm! Con đề đầu đánh lễ đức Thế Tôn, đánh lễ chư Phật ba đời mười phương, đánh lễ tất cả chư bồ tát, chư hiền thánh tăng. Nay con lại mong khởi tâm cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng.

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, phàm ở đời, người ta thích cầu kiến quan gia, cầu kiến những người có danh vọng, địa vị, thế lực...những cái cầu kiến này xem ra chẳng hay ho chút nào, nếu người thanh cao thì nhất định không làm. Người có liêm sỉ, quý danh dự, trọng khí tiết thì coi khinh. Quả thật những cái cầu kiến ấy đáng xem thường lắm! nhưng việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì ngược lại, đây là việc nên làm, cần phải làm, nhất định làm. Nếu là người hướng thượng, người biết tu tâm dưỡng tánh, người biết cù bị tư lương cho tương lai thì ắt phải cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Việc cầu kiến này chẳng phải hướng ra ngoài cầu, phải quay về bên trong mà cầu. Cầu chính bản

tâm thanh tịnh của mình, cầu Phật tánh và tánh giác của mình, cầu cho linh tánh của mình tỉnh thức, cầu để cho mọi hành vi, suy nghĩ và nói năng của mình không sai quấy, cầu để trí huệ mình phát triển, tâm từ tăng trưởng, cầu để cho rộng lớn lòng bao dung, cầu để vững chãi trước sóng gió thử thách, cầu để cho tâm bồ đề không thoái chuyển.

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là những hữu tình chúng sanh đã giác ngộ và đang giác ngộ cho những hữu tình chúng sanh khác. Với con thì chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không phải ở trên mây, không ở trong những ngôi chùa đồ sộ lộng lẫy, càng không phải là những pho tượng bày la liệt kia. Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng đang khoác áo chúng sanh, lăn lộn trong cuộc đời ô trược phiền não này. Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng có thể hiện thân ở một người nào đó, ở một hoàn cảnh nào đó để xả thân cứu người, cứu vật, để thức tỉnh người mê... Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng ẩn tàng ở chính trong tâm mỗi con người chúng con. Con cầu kiến là để đánh thức chính tâm mình. Khi con làm việc gì đó hiền thiện và thanh tịnh tức là lúc ấy chư bồ tát, chư hiền thánh tăng đang hiện hữu. Còn giả như con làm việc gì mà trái với bản tâm hiền thiện, thanh tịnh tỷ như: sát, đạo, dâm, vọng, tửu thì lúc ấy con đã quên chư bồ tát, chư hiền thánh tăng. Ở trong đời ngũ trược, đầy dẫy phiền não, vô vàn trói buộc này thì việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là một việc cấp bách, khẩn thiết và quan trọng biết bao. Bởi vì tài, sắc, danh, thực, thùý nó rù quên chúng con; tam độc tham, sân, si nó sai xử chúng con. Nếu không cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì chúng con sẽ thoái thất tâm bồ đề, sẽ mê mờ lạc lối, sẽ bị ma quân chiêu dụ dắt đi... Nhất là thời đại hôm nay, chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa kim tiền

cực thịnh, con người ta đang lấy tiền bạc, vật chất, danh vọng, sắc dục... để làm thước đo sự thành công. Con người quay cuồng trong cái vòng danh vọng, quyền lực, sắc dục... không có một giây an lạc, không có một cơ hội nào thoát ra được! Trong hoàn cảnh như thế này thì việc gặp được thiện hữu tri thức rất khó, thầy lành bạn tốt cũng chẳng dễ dàng. Đừng nói chỉ ngoài đời, ngay cả trong chốn A Lan Nhã cũng khó gặp thầy lành bạn tốt. Bởi thế, việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng mới là việc có thể, mới đem lại hữu ích lớn lao cho hiện tại và tương lai. Ngay việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng đã là một biểu hiện rõ ràng của phước báo và trí huệ. Thế gian có muôn vạn ức người nhưng chẳng có mấy người chịu cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, cứ đào thải từng bậc thì biết thôi! thế giới có mấy tí người nhưng có bao nhiêu người là Phật tử? trong số Phật tử ấy có bao nhiêu người là hiểu và hành theo giáo lý Thế Tôn? rồi trong số biết đến giáo lý của Thế Tôn ấy có mấy ai chịu cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng? ấy là con nói đến hạng Phật tử sơ cơ chứ không dám đề cập đến những bậc xuất gia, còn những người theo bằng môn tả đạo thì không nói đến làm gì!

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Nhà Nho có câu:” Vô cầu phẩm cách tự nhiên cao”, ấy là nói đến việc cầu tài lộc, cầu danh vọng, cầu kết thân với những người có thể lực...Quả là những cái cầu ấy thật nhọc thân, mệt tâm! thật chẳng đáng để người có lòng tự trọng làm, một khi đã không cầu những việc ấy (danh lợi, địa vị, thế lực) thì phẩm cách người vô cầu tự nhiên sẽ cao là lẽ đương nhiên. Một khi đã không cầu thì những thứ ấy (tài lộc, danh vị...) không thể ràng buộc, không thể sai khiến được người ấy nữa. Nếu ở ngoài đời, việc vô cầu những thứ danh lợi, thế lực... thì phẩm

cách tự nhiên cao. Còn trong đạo, việc cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì phẩm cách mới cao. Làm người ai mà không có phiền não, vô minh, trong tâm ẩn tàng những niệm ngũ dục, cái ác ngũ ngầm cho nên mới có những hành động, suy nghĩ, nói năng lầm lạc. Chính vì những lầm lạc vô minh ấy nên mới cầu kiến bồ tát, cầu kiến chư hiền thánh tăng! Làm người, ai cũng có lúc khủng hoảng, suy sụp, thối tâm... những lúc ấy thì càng khẩn thiết cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng ! Nếu bây giờ, mỗi ngày, mỗi phút giây đều cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì mình sẽ có những phút giây sống an lạc, từng giai đoạn sẽ có những cái ngộ nhỏ, sẽ biết buông bỏ dần dần... nếu mình cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng suốt đời, phút giây chung cuộc có thể ngộ bồ tát, ngộ hiền thánh tăng. Còn giả như có phước báo lớn, đời đời cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì việc này không thể nghĩ bàn, nói như kinh điển là “ bất khả tư nghị”!

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, con cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng cũng chính là để dẹp bỏ cái ngã mạn, tiêu trừ cái vọng tưởng đảo điên, giảm bớt cái vô minh phiền não của chính thân mình. Giả dụ khi con chấp tay lễ bái một vị phạm tăng, ấy là con thật sự cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng vì lúc ấy con lễ bái cái bản tâm thanh tịnh, sự giác ngộ buông bỏ, cái trí huệ sáng suốt, cái tâm từ chứ không phải lễ bái cái xác thân tứ đại của vị ấy! Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là một việc đại phước, đại huệ. Người không biết cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là người thiệt thòi đáng thương lắm thay! Người không cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là những người đầy phiền não, vô minh nhưng lại ngỡ mình hay, mình mạnh! Cái sự cầu kiến

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

chư bồ tát, chư hiền thánh tăng cũng chính là vô cầu, không phải cầu kiến để được phước, vì nếu cầu kiến mà được phước thì thiên hạ ai cần tu học chi nữa! phước thì phải tự thân tạo lấy, tu phước thì có phước, tu huệ thì có huệ. Chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không thể ban cho. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng là để mình vững chãi đức tin, đồng mãnh và tinh tấn trong tu phước, tu huệ. Cầu kiến để mình thấy chư bồ tát, chư hiền thánh tăng luôn có ở chính tâm mình. Sở dĩ nói như thế là vì căn cứ lời Thế Tôn năm xưa đã dạy, chúng sanh ai cũng có Phật tánh, ai cũng có đức tướng của Như Lai, ai cũng có thể giác ngộ và thành Phật. Cái tánh giác trong con, trong mỗi con người giống như ngọc ở trong đá, phải phá đá mới lấy được ngọc, phải mài giũa thì ngọc mới sáng. Chúng con cũng thế, phải tu phước, tu huệ, phải cầu kiến chư Phật, cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì mới hiển lộ được Phật tánh của mình. Cái mức độ tỉnh thức, giác ngộ của mỗi người nó phụ thuộc vào mức độ tu tập và cầu kiến vậy!

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Con cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không phải có cao vọng gì, chỉ đơn giản là thực tập để sống an lạc trong phút giây hiện tại, bây giờ và ở đây. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng để trí óc bớt suy nghĩ bậy bạ, nói năng nhảm nhí và hành động không mạnh động. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng cũng chính là dẹp đi cái bản ngã ích kỷ, ngã mạn hay hạ liệt của mình. Càng cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng thì càng thăng hoa và phát triển tâm linh của mình.

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Ngày nay giáo pháp của Thế Tôn lan toả khắp năm châu, nhiều người da trắng, da đen đã vâng lời Như Lai buông bỏ tất cả để đi theo con đường giải thoát mà Thế Tôn đã vạch ra. Ngày hôm nay, nhiều vị tỳ

kheo, tỳ kheo ni đủ màu da, đủ sắc tộc đang ngày đêm đem giáo pháp của Thế Tôn đến giới thiệu với những người xưa nay chưa từng biết hay nghe đến Thế Tôn. Ngày hôm nay có nhiều người với sắc vóc hình thể và màu da khác nhau, văn hoá và tập quán khác nhau, đức tin khác nhau... cũng đang quay về cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng.

Kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Con thật sự vui mừng và cảm động khi tiếp cận những thông tin hay tiếp cận trực tiếp với những người da trắng, da đen hay da vàng... quay về nương tựa Thế Tôn, thực hành giáo pháp của Thế Tôn! Cho dù họ xuất gia hay tại gia con vẫn thấy vững tin, thấy con đường mình đi như có bạn đồng hành và thấy ấm áp hơn khi mình và họ cùng cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Là Phật tử sơ cơ, con luôn cung kính chấp tay kính lễ những người có hình tướng sa môn, cho dù họ là đàn ông hay đàn bà, cho dù họ có màu da vàng, trắng, hay đen. Con luôn kính lễ họ như kính lễ chư bồ tát, chư hiền thánh tăng (biết đâu trong số họ có người chính là chư bồ tát, chư hiền thánh tăng hiện thân phàm tăng để hành hoạt hoá độ chúng sanh). Con kính lễ họ, những vị sa môn, vì con thấy chư bồ tát, chư hiền thánh tăng ở trong họ.

Ở thế gian này, con người, sự vật, sự việc rất vô thường, thay đổi liên li, sanh - diệt không ngừng, tụ - tán vô kỳ, lên - xuống vô hồi, được - mất vô chừng, vui - buồn vô tình, có - không vô hậu, không - thời vô biên...cho nên việc cầu danh, cầu lợi, cầu ở người đời là việc khờ khạo, mà chắc gì cầu được! duy chỉ có cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng mới là việc quan trọng, việc cần phải làm, nhất định phải làm!

Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng! Không chỉ một đời

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

này mà phải cầu kiến mãi mãi, nếu còn tiếp tục làm người. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng, chính là cầu kiến Phật tánh, tánh giác của mình, cầu kiến bản tâm thanh tịnh của mình, cầu kiến để tiêu trừ vô minh phát sinh trí huệ, tăng trưởng từ bi, kiên cố bồ đề tâm. Cầu kiến chư bồ tát, chư hiền thánh tăng không chỉ mỗi mặt lý hay đơn thuần mặt sự mà lý sự phải đi đôi thì mới không bị nghiêng lệch, phải lý sự viên dung thì mới thật sự là cầu kiến.

CHÁNH NIỆM TRONG ĐỜI THƯỜNG

Theo các dòng di dân, Phật giáo được truyền vào đất Mỹ, kể ra cũng hơn trăm năm rồi, nếu tính từ khi những phu đường sắt người Trung Hoa đến đây. Sau này các sắc dân Hàn, Nhật, Tây Tạng, Việt... lại mang theo những sắc thái mới của đạo Phật đến. Đạo Phật vốn có tính linh hoạt, uyển chuyển truyền đến đâu thì hoà với đặc tính và văn hoá địa phương, vì vậy mà tính thích nghi rất cao. Tuy nhiên cũng có nhược điểm dễ bị tính bản địa làm cho giáo pháp thay đổi và pha trộn nhiều yếu tố phi Phật pháp của địa phương ấy, ví dụ như khi truyền đến Trung Hoa thì các tổ thêm thoát vào: xin xăm, bói toán, cúng sao, giải hạn... Phật giáo có nhiều tông phái khác nhau, ở mỗi quốc gia lại có nét đặc thù riêng nhưng nhìn chung đều thống nhất nhìn nhận cái cốt lõi của giáo pháp: Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo...Tu tập theo môn phái nào cũng phải giữ cái cốt lõi này!

Chánh niệm (right mindfulness) là một yếu tố quan trọng đối với người Phật tử, một khi mất chánh niệm thì dễ “ Hư thân” và “ Thối thất tâm”. Thế chánh niệm là gì? hiện nay ở trên mạng xã hội cũng như trong đời sống có rất nhiều người dạy chánh niệm, viết về chánh niệm nhưng nhìn chung thường bảo chánh niệm là: “ Sống trọn vẹn trong từng giây phút hiện tại”, “ Biết cái việc mình làm”, “ Làm trọn một việc trong

thời gian của việc ấy”... Ví dụ như: khi tôi ăn thì tôi biết là tôi ăn, khi tôi đi thì tôi biết tôi đang đi... và khi ăn thì chỉ ăn, khi đi thì chỉ đi, không suy nghĩ gì khác, không làm thêm gì khác...Nếu hiểu thế này thì e có vấn đề, nếu chánh niệm là thế thì một người nào đó hành dâm thì họ cũng bảo: Tôi đang hành dâm tôi biết tôi hành dâm, hoặc giả tôi sát sanh tôi biết tôi đang sát sanh...Tôi hành dâm, tôi sát sanh trong phút giây hiện tại này và tôi cũng không nghĩ gì khác!

Niệm là từ Hán-Việt, ý nghĩa của nó là ghi nhớ hiện tại, cái tâm hiện tại, còn chánh là đúng đắn (right). Vậy thì chánh niệm là giữ và ghi nhớ đúng trong phút giây hiện tại. Khi mình có chánh niệm thì mình phải biết cái niệm đó là đúng, là phải. Chánh niệm gắn liền với chánh tư duy (right intention, right thought) và chánh kiến (right view, right understanding). Trong cái phút giây hiện tại đó, mình làm việc gì đó thì mình phải suy nghĩ, phải có sự thấy biết đúng (theo sự chỉ dạy của giáo pháp) thì mới có thể nói đó là chánh niệm. Có chánh tư duy và chánh kiến không chưa đủ, còn phải có chánh tinh tấn (right effort), có tinh tấn mới giữ được chánh niệm. Ví dụ như một em thiếu niên (Teenage) đi học hay đi chơi, bạn bè dụ em ấy hút cần sa (marijuana) nhưng em ấy giữ được chánh niệm, liền lập tức biết đó là điều không tốt, em ấy suy nghĩ cái ấy không tốt, tuy biết và hiểu vậy nhưng cần phải cố gắng (tinh tấn) thì mới có thể vượt qua cám dỗ của bạn xấu! Chánh niệm rất quan trọng trong phút giây hiện tại, giả sử em ấy lái xe, chỉ cần phút chốc mất chánh niệm là dễ nguy hiểm như chơi. Chánh niệm gắn liền với chánh tư duy và chánh kiến, nhờ thế mà em ấy biết vừa lái xe vừa xài điện thoại hay gởi tin nhắn là phạm luật, là nguy hiểm...

Đời sống hiện nay vô cùng bận rộn vào nhiều loạn, công

nghề điện toán và mạng xã hội chi phối con người nặng nề. Mọi người trong cái vòng quay bất tận khó mà dứt ra được, những tin tức thật giả trộn lẫn nhau rất dễ làm ta lạc lối. Bởi thế chánh niệm vô cùng cần thiết biết bao, khi đối mặt với một cái tin, một sự kiện nào đó. Chúng ta phải giữ chánh niệm, phải có hiểu biết đúng mới không thể bị cuốn hút theo và hành động theo cái tin giả, cái sự kiện phi lý đó! Chánh niệm phải đi liền với chánh nghiệp (right action) để mình biết cái việc làm ấy, cái lời nói ấy, cái suy nghĩ ấy có tốt hay không. Chánh niệm cũng không thể rời chánh mạng (right livelihood), giữ chánh niệm là luôn luôn biết chánh mạng, việc mưu sinh bằng cái nghề ấy có gây hậu quả xấu hay không và cuối cùng là chánh định (concentration) chánh niệm phải có định lực mới giữ được, có định lực mới biến sự hiểu biết đúng, tư duy đúng thành hành động đúng. Chánh niệm không thể rời khỏi chánh ngữ (right speech), người có chánh niệm luôn biết chánh ngữ, luôn nói lời đúng, nói hoà nhã... Tóm lại chánh niệm bao hàm cả các cái kia, không thể nào có chánh niệm mà thiếu các phần còn lại được. Một phút giây chánh niệm thì cũng là một phút giây nghĩ đúng, hiểu đúng, nói đúng, làm đúng, cố gắng đúng...

Giới trẻ người Việt sinh ra và lớn lên ở hải ngoại có một trở ngại lớn về mặt tiếng Việt. hầu hết các em đi chùa tụng thuộc lòng những bài niệm hương, tán Phật... nhưng không hiểu nội dung là gì. Nhà chùa cũng chỉ tổ chức tụng kinh, niệm Phật hay các sinh hoạt khác nhưng thiếu hẳn việc dạy giáo lý hay dạy chánh niệm cho các em. Ngay cả người lớn cũng vậy, tuy là Phật tử nhưng giáo lý cơ bản của đạo Phật cũng lơ mơ lắm. Lên chùa tụng kinh, niệm Phật, làm phước... nhưng chưa chắc đã có chánh niệm và khi hỏi căn bản giáo lý của

Phật đà là gì thì không biết. Việc học giáo lý, học chánh niệm là việc cần thiết biết bao, một khi mình mất chánh niệm thì kéo theo bao cái mất khác, nhiều khi chỉ một phút giây đủ để gây hậu quả lâu dài về sau. Nếu một người đi làm mà giữ được chánh niệm thì chắc chắn sẽ không nói lời đâm thọt, lời hung ác; sẽ không làm những việc tổn hại đến người khác; sẽ cố gắng làm cho đúng trách nhiệm của mình... Nếu một người Phật tử giữ chánh niệm thì cũng là đương nhiên, nhưng nếu một người khác đức tin tôn giáo mà cũng học và giữ được chánh niệm thì họ cũng nhận được những lợi ích thiết thực như người Phật tử vậy. Lớp trẻ Việt ở hải ngoại cũng như những người trẻ bản xứ, sống trong một xã hội mở, có nhiều điều tốt nhưng mặt trái của nó cũng dễ dẫn các em vào con đường sai trái, ví dụ như: chơi cần, tình dục quá sớm, theo băng đảng... đơn giản hơn là phát tán những hình ảnh hay nội dung tình dục, bạo lực, tin rác... lên trên mạng. Việc dạy chánh niệm sẽ giúp các em có nhận thức đúng, kiến thức đúng, cố gắng đúng, lời nói, đúng, hành động đúng và một định lực đúng.

Chánh niệm thật ra chẳng có gì quá to tát và cao siêu, chỉ cần mình nhận thức trong phút giây hiện tại này không nói, không làm những việc có hại cho mình và người. Trong phút giây hiện tại này, mình nên làm hay nói những lời có lợi cho mình và người. Trong phút giây hiện tại mình sống hết mình, làm hết trách vụ hiện tại của mình, không quá mong cầu ở tương lai xa xôi hay cứ hối tiếc những gì đã qua trong quá khứ. Chánh niệm trong từng việc làm, lời nói, suy nghĩ. Chánh niệm giúp mình biết mình là ai trong cuộc đời này. Học Phật từ những căn bản nhất là chánh niệm, bát chánh đạo... chứ nếu chỉ nói những điều ca xa, thâm sau quá mà cái nền tảng

không có thì thật không ổn chút nào. Chánh niệm trong đời thường hay chính là đang thực hành Phật pháp một cách hiệu quả và thực tế nhất. Chánh niệm trong đời thường chính là đưa Phật pháp, giáo lý vào trong hiện thực. Giáo pháp của Phật là để thực hành chứ không phải nói suông, cũng không phải cất trong các tàng kinh. Có vậy Phật pháp mới hữu dụng, đem lại lợi ích cho con người và xã hội, nhất là trong xã hội hiện đại hôm nay.

Việc dạy chánh pháp, hướng dẫn chánh niệm cho các bạn trẻ ở hải ngoại thật cần thiết biết bao. Các chùa cần có những giờ hướng dẫn chánh niệm cho các em trong những buổi sinh hoạt cuối tuần. Vô cùng cần thiết những quý thầy, quý sư cô và các anh huynh trưởng rành tiếng Anh. Với các em phải dùng tiếng Anh chứ dùng tiếng Việt thì các em chỉ thuộc lòng như vẹt mà không hiểu gì cả. Ngoài việc dạy, hướng dẫn trực tiếp mong sao các bậc huynh trưởng biên soạn những tài liệu về căn bản giáo pháp, về chánh niệm cho các em đọc. Có như vậy giúp các em hiểu biết chánh pháp, chánh niệm, giữ vững tín tâm nơi đạo Phật.

SƯ HỘ NGUYÊN

Tuyết đổ ba ngày liền, trời đất trắng xóa, hơi lạnh như thấm vào từng tế bào tưởng chừng như đông cả máu. Muôn vật trên mặt đất chìm trong màn tuyết tinh khôi, không còn phân biệt được đâu là đường đi, đâu là đất bằng hay mặt nước...Mấy tuần nay không một bóng người lai vãng, chùa lại không dự trữ thức ăn. Sư Hộ Nguyên thấy đói và lạnh buốt, mặc dù tập trung hơi thở để nhập thiền và quán thân bất tịnh, quán lý vô thường... nhưng cái đói vẫn cứ cồn cào làm tán loạn cả tâm ý. Chỉ khi nào tuyết hết đổ thì lúc ấy mới có đàn na tín thí đến chùa dâng vật thực

Chùa vốn là ngôi nhà nhỏ và cũ kỹ, những máy sưởi cá nhân không nhằm nhò gì. Tượng bốn sư ngoài sân cũng ngập trong tuyết trắng, trong chánh điện leo lét ngọn đèn điện và hũ đèn cây âm ỉ cháy. Sau giờ thiền tọa, sư pha bình trà ngồi đọc ẩm ngắm tuyết bay bên ngoài cửa sổ, dòng tâm tư chợt hiện lên

Năm ấy thành đô mở cuộc hội thảo của các tông phái Phật giáo. Các đại biểu lần lượt đọc tham luận và tham gia tranh luận rất sôi nổi. Người nào cũng biện minh cho mình là đúng chánh pháp. Người nào cũng đủ lý lẽ để biện bác cả, cuộc tranh luận có lúc trở nên gay gắt, hoà thượng Hạnh Tâm đứng đàn:

Chúng tôi rất linh động, đi đến đâu thì thích ứng với môi

trường địa lý và văn hoá ở đây. Hệ thống kinh điển phát triển cao độ, các vấn đề tánh không, bát nhã... đều thâm nhập và giải quyết rất ráo. Hệ thống luận đã chú giải tường tận kinh điển, những lời Phật dạy, những huyền chỉ và huyền ký của đức Phật. Hệ thống luật cũng có những châm chú, thay đổi cho phù hợp với từng thời đại, mỗi thời đại có những vấn đề mới và khác nảy sinh. Phật pháp không rời thế gian pháp, vì vậy chúng tôi luôn thích ứng với mọi hoàn cảnh, đây cũng là đặc tính của đạo Phật: khế cơ và khế lý. Chúng tôi không chấp chặt vào giáo điều. Chúng tôi hoàn toàn từ bỏ ăn thịt, nêu cao lòng từ bi, hiếu sinh, tôn trọng sự sống của muôn loài. Nếu một người nào đó tu thiền, tu quán chứng đắc này nọ, biết thâm sâu ngoại giới nội tâm...mà bảo rằng: Tôi ăn thịt vì không biết con vật bị giết, không nghe tiếng kêu bi thương, không thấy cảnh con vật bị xẻ thịt... quả là vô lý! Tam tịnh nhục là lúc ban đầu Phật chế ra để dẫn dụ mọi người từ từ tập bỏ dần thói quen ăn thịt, hoàn cảnh sau này đã thay đổi, nhận thức đã thay đổi mà vẫn khư khư chấp chặt ấy là cố chấp hay nguỵ biện vậy! Việc khát thực cũng thế, khát thực là pháp đúng nhưng thích hợp với thời đại nông nghiệp lạc hậu xa xưa. Ngày nay không còn thích hợp vì xã hội đã quá văn minh, lương thực quá dồi dào, quốc độ quá mở rộng, không còn khu trú trong thành ấp, xóm làng...Có những quốc độ sa mạc mênh mông hay vùng tuyết bao la thì làm sao mà khát thực? bởi vậy nhà chùa dự trữ thức ăn là phù hợp chứ chẳng có gì phạm giới cả! Việc tụng kinh cũng thế, tùy theo quốc độ và văn hoá của mỗi vùng miền mà dùng ngôn ngữ của xứ ấy, không nhất thiết phải tụng bằng tiếng Pàli. Tiếng Pàli giờ còn mấy ai hiểu, nhất là đại chúng, và lại tụng tiếng địa phương hay tiếng Pàli thì có gì khác nhau? không lẽ tụng tiếng Pàli mới linh thiêng và cảm ứng hơn sao? Cái chính là hiểu và

hành lời kinh chứ không phải ở phương tiện ngôn ngữ.

Kế tiếp sư Ajahn Chandara đọc tham luận

Lời Phật dạy năm xưa, chúng tôi cứ y như vậy mà hành. Kinh điển không thể sửa đổi hay thêm bớt, dù chỉ là một chữ. Các bộ luận mãi sau này mới có, các bộ luật thì gần như giữ nguyên vẹn những gì mà đáng thiện thế Sakyamuni Buddha đã tuyên nói, tuy vậy cũng có chút xíu thay đổi. Chúng tôi trung thành với cách trùng tụng như thời Thế Tôn còn tại thế, vẫn dùng tiếng Pàli. Các hệ kinh điển và luật khác, chúng tôi không chấp nhận. Chúng tôi không thể chấp nhận cho cái việc sửa đổi, thêm bớt trong kinh và luật rồi bảo rằng phương tiện. Chúng tôi vẫn giữ hạnh khát thực, trì trai đúng ngọ, có gì ăn nấy dù là rau cải hay thịt cá. Chúng tôi cũng không dự trữ thức ăn. Chúng tôi sống như hai ngàn năm trăm năm trước đức Gotama đã sống. Chúng tôi chỉ quy y và thờ duy nhất đáng thiện nhân sư Gotama. Các vị Phật và Bồ tát khác vốn không có trong kinh điển là sản phẩm sáng tạo của Phật giáo phát triển, điều này không có trong kinh điển Pàli. Vì vậy chúng tôi cũng không tin ở tổ, chỉ tin và y theo lời của đáng Gotama Arahanta mà thôi!

Mỗi vị đọc xong tham luận đều có tiếng vỗ tay tán thưởng của những người ngồi bên dưới. Sư Hộ Nguyên đứng dậy tán thán bài tham luận của sư Ajahn Chandara, ngài cũng thường phát nguyện giữ vững giới luật như thời nguyên thủy, không chấp nhận thay đổi dù cho hoàn cảnh có thay đổi thế nào đi nữa.

Dòng đời vẫn lặng lẽ trôi, xã hội thay đổi không ngừng, những chính thể lần lượt lập nên rồi lụn bại nhường chỗ cho chính thể khác, vận nước cũng thịnh suy trong từng giai

đoạn... Dòng người di cư, vượt biên sang những vùng đất mới để mưu cầu tự do, sinh kế... Người ta ra đi mang theo bao ký ức trong tâm hồn, mang theo niềm tin làm chỗ dựa. Phật pháp theo dòng người ra đi mà hiện diện nơi đất mới. Sau một thời gian ổn định, họ lập chùa và cử người về cố quận thỉnh thầy sang. Đây là cơ duyên và lý do mà sư Hộ Nguyên có mặt ở vùng đất tuyết này. Sư sang đây vẫn giữ nguyên luật như hồi còn ở quê nhà, ngày ăn một bữa, có gì ăn nấy, không trừ thức ăn, tụng kinh bằng tiếng Pàli... riêng việc khát thực dù sư không thay đổi nhưng cũng không sao làm được. Ở đây nhà cách nhà cả mấy dặm đường, tuyết mênh mông bao la, dân địa phương chưa biết đến Phật pháp thì nói gì đến đặt bát, ấy là chưa kể việc có nhiều người không thích, luật pháp và phong tục địa phương không cho phép... Bởi vậy mấy ngày nay chẳng có gì để ăn cả. Sáng nay sư ngồi uống trà sau buổi công phu, nhìn tuyết mà tâm tư chợt nhớ về việc tham luận năm nào. Bất chợt một mảng tuyết từ trên mái đổ xuống ào ào, sư giật mình quay về với thực tại, thì thầm:

- Có lẽ phải thay đổi thôi! Có lẽ ta đã cố chấp? với hoàn cảnh thực tại như thế này xem ra không thay đổi thì không được! hoặc là phải thay đổi để thích nghi, hoặc là chết trước khi việc tu học và hoằng pháp có kết quả! nếu chết thế này thì uống quá, chẳng có ích lợi gì cho bản thân cũng như cho tha nhân.

Tuyết bay phơ phất ngoài hiên, bình trà nguội lạnh tự bao giờ. Sư lại châm thêm nước sôi vào, hai tay cầm chặt tách trà ấm mà lòng phân vân. Tâm sư chợt nảy ra so sánh:

- Thế các sư Tây Tạng vẫn ngồi trong hang đá trên núi tuyết thì sao? họ vẫn sống và hành trì khổ hạnh bao đời nay kia

mà!

Tâm sư tự hỏi và tự trả lời luôn

- Đó là mật hạnh, là truyền thống của các cao tăng Tây Tạng. Mình không đủ sức chịu đựng băng giá và đói rét như họ. Nếu mình cứ noi theo thì sẽ chết trước khi chưa đạt được bước tiến nhỏ nào trên đường đạo.

Ngoài trời tuyết vẫn bay, gió thổi từng cơn rét đến ngưng đọng cả mây. Sư vào trong choàng thêm mấy lớp áo nữa mà dường như hơi lạnh vẫn có kẻ để len vào trong, hai dải tai và chóp mũi cứ tưởng như của ai chứ chẳng phải trên thân mình nữa. Sư lục lọi tủ bếp thì còn sót chút ít sữa bột mà hôm trước đàn na dâng cúng khi bị bệnh, lấy ra khuấy nước nóng mà uống cầm hơi.

Vào chủ nhật cuối tuần thì tuyết hết đổ, trời quang đãng, nắng chói chang trên tấm thảm tuyết bao la. Phật tử về chùa thật đông, mọi người mang theo thực phẩm để cúng dường khá nhiều. Có kẻ thừa với sư là họ không hiểu tiếng Pàli, dù cũng thuộc lòng vài bài kinh ngắn. Khoá lễ hôm ấy sư quyết định tụng bằng tiếng Việt với mọi người, sau buổi lễ sư nhờ người Phật tử thân cận chở đi siêu thị mua thêm thức ăn dự trữ vì đài khí tượng thông báo tuần tới tuyết sẽ đổ nhiều hơn.

CÓ NGỜ GÌ KHÔNG

Chẳng biết Tâm Kinh truyền đến cổ quận mình tự bao giờ, Phật tử xứ mình hầu như ai cũng biết, ai cũng thuộc Tâm Kinh. Bản Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ là cô đọng, là cốt tủy của bộ Bát Nhã Tâm Kinh sáu trăm quyển. Người xứ mình ngày xưa thường uống thuốc Bắc, ắt ai cũng biết sắc thuốc Bắc từ một lít còn tám phân. Bản Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ ấy cũng là tám phân tinh túy, cô đọng vậy! Chỉ hai trăm sáu mươi chữ mà vượt qua mọi phân tích, chia chẻ, giảng giải, bình luận...bằng ngôn ngữ của thế gian. Ai cũng tụng niệm thuộc lòng, càng tụng càng sáng khoái, càng lâng lâng; càng đọc càng nồng cái mùi vị giải thoát khó mà dùng từ ngữ để diễn tả được. Ví như người ăn món ngon nhưng ngon thế nào, mỹ vị hương sắc ra sao thì chỉ người ấy biết, chỉ người ấy cảm nhận chứ đem lời diễn tả ngon cho người chưa ăn hay không ăn thì đành chịu thôi! Cũng như người hút thuốc phiện vậy, cảm giác thống khoái lâng lâng diệu ảo thế nào thì chỉ người hút biết, người không hút trọn không thể nào biết được!

Mở đầu Tâm Kinh là lập tức “ Quán tự tại”, quán cái gì mà tự tại? tại sao quán mới tự tại mà không quán thì không tự tại? Quán Tự Tại cũng là danh hiệu của bồ tát Quán Thế Âm nhưng không chỉ riêng bồ tát Quán Thế Âm quán mới tự tại. Hễ ai quán thì cũng tự tại (tất nhiên không thể một sớm một

chiều). Thế bồ tát là ai? Bồ tát là bậc hữu tình đã giác ngộ và cũng là bậc giác ngộ các hữu tình chúng sanh; phải thực hiện quán một cách sâu sắc và không ngừng nghỉ cái trí huệ Bát Nhã cho đến một lúc nào đó thì sẽ chiếu kiến, tức là thấy rõ ràng, hiểu một cách tường tận sâu sắc cho đến tận chân tơ kẽ tóc, thấy hết mọi sự thật, thật tướng của thân tâm và các pháp. Chiếu kiến như đèn pha soi, như ánh mặt trời rọi, như siêu kính hiển vi... Thấy năm uẩn (tức thân và tâm) đều là không (không này nếu không khéo sẽ rơi vào hư vô chủ nghĩa). Không không phải là không có mà là không có một cái ngã độc lập. Sắc tức là phần thân, là do các tế bào duyên sanh giả hợp mà thành; cái thân này là thế, vạn vật trên thế gian này đều là thế, không có một cái tự ngã mà tất cả do duyên hợp mà tạm gọi là có. Ví như ta gọi cái nhà, thật sự không có một cái độc lập nào để gọi là cái nhà mà cái nhà tạm gọi là thế vì so duyên hợp của: gạch, gỗ, cát, đá, xi măng, sắt, kiếng, công thợ... Rồi bản thân mỗi món đồ cũng là duyên hợp từ những nguyên tố mà thành. Cái nhà vì thế mà tạm có nhưng một mai hết duyên thì mọi thứ lại rời ra, tan hoại đi. Vì dùng trí huệ Bát Nhã để quán nên thấy rõ (chiếu kiến) bản chất thật sự của thân tâm nên Bồ tát (hay người quán) mà vượt qua những khổ đau, ách nạn của thế gian.

Xá Lợi Tử tức ngài xá Lợi Phất, một bậc đại trí huệ đệ nhất. Khi Phật gọi tên ngài tức là dụng ý đây là kinh khai ngộ đệ nhất vậy. Học Phật thì phải dùng trí huệ chứ không thể dùng cảm tính hoặc hành động bằng cảm tính; phải học quán chiếu tứ niệm xứ để biết rõ thân tâm, phải nắm vững Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, ...phải học và tu đúng chánh pháp chứ không thể suốt ngày cứ réo gọi bồ tát cứu khổ cứu nạn, ban phước, cầu con, cầu tài, cầu lộc...Phật gọi Xá Lợi Phất tức cũng là

gọi chính mỗi người chúng ta vậy!

Tại sao sắc tức là không, sắc chẳng khác không? Sắc là phần vật chất, là sắc thân. Cái thân lồ lộ thế này sao bảo là không? Vì nó có là do duyên hợp các tế bào mà thành, nó không thật là có mà giả tạm là có, vì thế mới bảo nó chính là không, nó tức là không vậy. Cái thân (sắc) là giả hợp, là không thật có vậy thì: thọ, tưởng, hành, thức thật được sao? bởi thế mới nói: diệt phục như thị! tất cả đều như vậy cả!

Các pháp vốn không có thật tướng, cái tướng hiện hữu vốn là giả tướng do duyên hợp mà thành, mà tạm có! Vì là giả hợp mà có nên cái sự sanh-diệt, tăng-giảm, dơ-sạch cũng không thể có được! đây là ba cặp đối đãi tiêu biểu của mọi tướng trạng, mọi pháp trong đời. Khi đã không thật có thân này thì thọ-tưởng-hành-thức ở đâu ra? vì thế mà không có cái gọi là sáu căn (mắt-tai-mũi-lưỡi-thân-ý), không có sáu căn thì làm thế nào để dính sáu trần(sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp) và vì thế mà cũng không có sáu thức nốt (vô nhãn- nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý) . Bỏ tất hay người quán chiếu trí huệ Bát Nhã hiểu rõ thật tướng nên tâm không có gì ngăn ngại hay sợ hãi cả! thật ra thì vốn đã không có gì ngăn ngại, sợ hãi vì sắc chẳng khác không thì có gì để ngăn ngại hay sợ hãi. Từ quán chiếu trí huệ Bát Nhã mà xa rời những điên đảo của thế gian này, những gì là điên đảo? là tài-sắc-danh-thực-thuỳ, là tham-sân-si, là tà kiến, tà tri, là chấp trước... các pháp nhiều bao nhiêu thì điên đảo cũng nhiều bấy nhiêu.

Quá khứ- hiện tại- vị lai chư Phật cũng đều từ quán chiếu trí huệ Bát Nhã mà thành, thành Phật là thành gì? Là Tam Miệu Tam Bồ Đề, là giác ngộ , là thành chánh đẳng chánh giác, là không còn lậu hậu sanh-tử, là bậc phước-trí nhị nghiêm. Phật

còn là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Thế Tôn.

Tiếng Tâm Kinh thì thâm vọng trong đất trời như làn sóng âm ba, thì thâm trong lòng người từ xa xưa cho đến hôm nay và sẽ mãi mãi mai sau. Bóng dáng Tâm Kinh như ánh trăng ảo diệu sáng lung linh soi sáng thế gian này. Trời người nghe mà lòng hoan hỷ và an lạc biết bao. Tâm Kinh lắng đọng trong lòng hay xuất phát từ trong thâm sâu của tâm mình thì gã du tử ấy không sao phân biệt được! Tâm Kinh là lời kinh chân thật của tâm Phật, tâm Bồ Tát, của chơn tâm. Phật và chúng sanh vốn đồng một thể (Sanh Phật bất nhị) nhưng vì mê- ngộ nên sanh ra khác biệt, sanh ra trần thế - Niết Bàn. Phật- Bồ Tát quán chiếu trí huệ Bát Nhã mà vượt qua ngăn ngại, khủng bố, mà chứng đắc Niết Bàn tịch tịnh nên vượt qua cả sinh tử luân hồi!

Thế gian này vô thường, sanh-diệt trong từng sát-na, lẽ thịnh – suy vẫn liên tục quay vòng, cuộc bể dâu chưa hề dừng dứt. Có những chùa chiền, đền tháp, đá bia...đã tan hoại, có biết bao công trình vật chất đã lụi tàn theo thời gian nhưng tiếng thì thầm của Tâm Kinh vẫn vang vọng truyền từ đời này sang đời khác. Hai mươi lăm thế kỷ trôi qua nhưng lời Tâm Kinh chưa hề dứt bao giờ! Tâm Kinh là tiếng lòng của chư Phật, của những người tin theo Phật. Tâm Kinh là tiếng lòng của những ai muốn liễu sanh thoát tử, muốn giải thoát khỏi những ràng buộc của thế gian này!

Bồ Tát Quán Tự Tại nhờ quán chiếu mà tự tại. Ai quán thì người ấy tự tại. Ai quán thì người ấy là bồ tát quán tự tại cũng đồng một nghĩa lý với: Ta là Phật đã thành, các người là Phật

sẽ thành!

Gã du tử trên đường tìm về nguồn cội ít nhiều cũng vâng lời Phật, ít nhiều cũng quán chiếu nhưng chưa tự tại, thiên hạ bao nhiêu người cũng ít nhiều quán chiếu nhưng chưa tự tại tại là làm sao? Vì dù rằng biết thân là giả hợp, là túi da thối nhưng vẫn chấp chặt trong lòng, bởi vậy còn chỗ nào trống để cho Tâm Kinh khởi dụng! ngũ dục vẫn còn ôm chưa buông hoặc giả chỉ buông hời hợt thì làm sao mà tự tại được đây? Dù nghe tiếng thì thâm của Tâm Kinh nhưng vẫn mê mắt biếc, má đào... nên đường về còn xa diệu vợi. Đôi lúc lắng lòng tưởng đã buông nhưng thật sự vẫn còn ràng buộc biết bao. Có những lúc hào tâm hứng chí khởi lên thì nói rằng thôi nhưng chẳng mấy chốc thôi rồi lại thôi, thế thì thôi rồi còn gì là quán mà ngưỡng vọng Tâm Kinh. Lời thì thâm của Tâm Kinh vẫn nghe mà mắt biếc, má đào vẫn như ảo giác lung linh trong tâm thì biết rằng chưa thể nào “ vô quái ngại, vô khủng bố” được! gã du tử tháng ngày nghe Tâm Kinh nhưng vẫn:

Thưa rằng chẳng đợi nhau đâu
Ngẩn ngơ du tử từ lâu chữa về
Cố công vun cội bồ đề
Này em mắt biếc có ngờ gì không
(thơ TLTP)

Bảo rằng không thì không phải lẽ, bảo rằng có thì lại như không, bởi thế nên sắc vẫn tức là sắc, không vẫn tức là không! Nếu một mai thật sự sắc tức thị không, không tức thị sắc thì cần chi buông bỏ nữa, vì lúc ấy thì còn có gì để buông. Tháng ngày còn chưa buông đăng thì:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Em ở đâu vẫn thảng ngày mắt biếc
Áo hạ vàng bất tuyệt vẫn vương tơ
Lời thì thầm đồng vọng hoá trang thơ
Tiếng Tâm Kinh hiện cung trời nguồn cội
(thơ TLTP)

Đời vẫn xôn xao, em vẫn mắt biếc lung linh, tiếng lòng vẫn
đồng vọng và lời thì thầm Tâm Kinh vẫn vang vọng giữa đời.

CƯ SĨ VÀ PHẬT PHÁP

Đạo Phật ra đời và phát triển đến nay cũng đã hơn hai mươi lăm thế kỷ, ban đầu từ miền bắc Ấn Độ, sau đó lan truyền toàn xứ Ấn và phát triển sang các nước Trung Á, Nam Á, Bắc Á... và đến Âu, Mỹ hôm nay. Phật giáo truyền đến đâu thì kết hợp với văn hoá và đặc tính riêng của địa phương mà hình thành nên những truyền thống, tông phái Phật giáo khác nhau. Các tông phái có cách hành trì, hình thức y phục khác nhau, thậm chí một số nhìn nhận khác nhau nhưng tất cả cùng tôn thờ đáng sáng lập đạo là Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng tôn kính tam bảo: Phật – pháp – tăng, cùng thống nhất cái cốt lõi của đạo Phật là: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ đạo...Nói một cách tổng quát có ba nhánh chính: Tiểu thừa (thịnh hành ở các nước Nam Á), đại thừa (thịnh hành ở các nước Bắc Á) và Mật tông Kim Cang thừa (thịnh hành ở tây Tạng và vùng Himalaya)

Đạo Phật cũng như mọi pháp khác của thế gian, không thể nằm ngoài quy luật: Thành - bại - hoại – không hay Sinh - trụ - dị - diệt. Trải qua hai mươi lăm thế kỷ, đã có không biết bao nhiêu thăng trầm, xáo trộn, khủng hoảng thậm chí bị tiêu diệt hẳn như ở Ấn Độ, vùng Trung Á (Afghanistan, Pakistan, khu vực rộng dọc theo con đường tơ lụa cổ xưa...)

Đạo Phật ở Việt Nam cũng thế, phát triển rực rỡ nhất vào thời Lý - Trần, sau đó suy vi kéo dài nhiều trăm năm (thời hậu

Lê, thời Pháp thuộc, thời Ngô triều...). Dù thăng trầm vậy, nhưng đạo Phật gắn bó và đồng hành với lịch sử dân tộc hơn hai ngàn năm nay.

Trong đạo Phật chia làm hai mảng: xuất gia và tại gia, có thể ví rằng xuất gia (tăng, ni) là những chuyên viên hoằng pháp chuyên nghiệp, thành phần tại gia là những người hoằng pháp tại tử, nghiệp dư. Phật tử tại gia cũng có thể ví như là cơ sở hạ tầng, thành phần xuất gia là kiến trúc thượng tầng. Hạ tầng cơ sở có vững chắc và mạnh mẽ thì thượng tầng kiến trúc mới phát triển và xây dựng được huy hoàng, nếu không có hạ tầng cơ sở thì thượng tầng kiến trúc cũng khó mà tồn tại hay phát triển được.

Khi Thế Tôn còn tại thế, ngài rất hiểu điều này, bởi vậy ngoài việc thuyết pháp cho những vị xuất gia. Đức Phật còn chú ý nhiều đến hàng Phật tử tại gia, có nhiều những bài pháp, những bài kinh dành cho hàng Phật tử tại gia như: Kinh Hạnh Phúc, Thắng Hạnh, Châu Báu, Từ Bi, Suy Niệm Về Nghiệp....Đặc điểm những bài kinh này rất ngắn, đơn giản, dễ thuộc, dễ nhớ phù hợp căn cơ của người tại gia, phù hợp khả năng lãnh hội của đại chúng, quan trọng là có thể áp dụng và thực hành ngay trong đời sống thường nhật. Trong những thời thuyết pháp, đức Phật có lần nói về bốn pháp an lạc cho hàng Phật tử tại gia, đây có thể coi như kim chỉ nam cho người Phật tử sống đời an lạc, sống đúng chánh pháp.

1. Phương tiện đầy đủ:

Người phật tử tự nuôi sống mình và gia đình bằng những nghề như: làm nông, buôn bán, phục dịch, viết sách, nghệ thuật... luôn trau dồi cho ngày một tinh xảo, hoàn thiện; luôn siêng năng làm việc và học hỏi để phát triển

2. Thủ hộ đầy đủ:

Người Phật tử có tiền bạc, lúa gạo, của cải, tài sản...do nỗ lực làm việc mà thu hoạch được, tự mình làm ra, làm đúng như pháp. Người Phật tử biết giữ gìn để của cải tài sản không bị mất mát, biết phòng thủ trước những nạn: vua quan, nước, lửa, giặc, trộm, oan gia trái chủ...

3. Thiện tri thức đầy đủ:

Người Phật tử không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Người Phật tử phải biết khéo léo làm cho sự sầu khổ chưa sanh sẽ không sanh; sự sầu khổ đã sanh có thể mau khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh sẽ sanh nhanh chóng; Những điều vui thích đã sanh sẽ giữ gìn không bị mất

4. Chánh mạng đầy đủ:

Tài sản, của cải bảo quản chu toàn, cân đối việc thu và chi, không nhập nhiều xuất ít và cũng không nhập ít xuất nhiều. Người Phật tử có tiền của không chi xài phóng túng một cách quá trớn, chi cho ham muốn ngu si, không nghĩ đến ngày sau, việc này giống như “ Quả ưu đàm bát không có hạt giống”. Người Phật tử có tiền của mà không dám chi xài, người ở gần sẽ nói:” Người ngu si này như con chó chết đói”. Vì vậy người Phật tử có tiền của phải tự mình cân đối xuất nhập ngang nhau.

Bốn pháp này mang lại an lạc ngay hiện tại cho người Phật tử tại gia. Bốn pháp này được nói trong kinh Tạp A Hàm, người Phật tử tại gia áp dụng sẽ sống an lạc, sẽ có điều kiện để hộ pháp và duy trì niềm tin nơi Phật pháp. Có thể nói rằng, bốn

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

pháp này không chỉ áp dụng cho người Phật tử tại gia, mà có thể áp dụng cho tất cả mọi người trên thế gian này. Bốn pháp này là sự tỉnh thức, sự khôn ngoan nếu ai áp dụng thì người ấy sẽ đắc được an lạc ngay trong cuộc sống hiện tại. Nếu bỏ yếu tố tôn giáo ra thì bốn pháp này có thể coi như mẫu mực đạo đức, là cái mức độ hành xử căn bản của con người, phù hợp với pháp luật thế gian (dù đó là hình thái nhà nước nào)

Kinh Phước Đức là bản kinh ngắn, rất dễ học thuộc và dễ áp dụng trong đời sống, có thể nói là bản kinh thích hợp và tiêu biểu cho hàng Phật tử tại gia. Sở dĩ có kinh này là do sự cầu kiến tham vấn của một vị thiên. Đức Phật dạy:

Lánh xa kẻ xấu ác
Được thân cận người hiền
Tôn kính bậc đáng kính
Là phước đức lớn nhất

Sống trong môi trường tốt
Được tạo tác nhân lành
Được đi trên đường chánh
Là phước đức lớn nhất

Có học, có nghề hay
Biết hành trì giới luật
Biết nói lời ái ngữ
Là phước đức lớn nhất

Được cung phụng mẹ cha
Yêu thương gia đình mình
Được hành nghề thích hợp
Là phước đức lớn nhất

Sống ngay thẳng bố thí
Giúp thân bằng quyến thuộc
Hành xử không lỗi lầm
Là phước đức lớn nhất
...

Bài kinh ngắn gọn, cô đọng, từ ngữ đơn giản dễ hiểu, thể lệ thi - kệ dễ thuộc, có những bản dịch khác dài hơn một tí nhưng nội dung cũng gói trọn những điểm chính như thế. bản kinh này rất thích hợp cho hàng Phật tử tại gia, thích hợp cả với người khác tôn giáo, không tôn giáo. Ngoài yếu tố tôn giáo ra, bản kinh này có thể coi như luân lý đạo đức căn bản, là lối sống, cách hành xử của con người. Đức Phật đã chỉ dạy rõ ràng, còn có thực hành hay không là vấn đề chính ở chúng ta, cứ đi sẽ đến, cứ thực hành đúng pháp như thế sẽ an lạc.

Đôi khi vẫn có người hỏi: Người Phật tử có nên làm giàu không? tất nhiên là được và nên, làm giàu không có gì sai trái, miễn là không phạm pháp, phạm luật thế gian và nhất là phải: Chánh mạng. Có những nghề nghiệp trong xã hội được pháp luật thế gian cho phép nhưng lại là tà mạng, chẳng hạn như: giết mổ gia súc, mua bán súng đạn, mua bán chất gây nghiện ở mức độ nhẹ (marijuana, cần sa), mua bán rượu, cờ bạc, khai thác tàn hại môi trường tự nhiên, du lịch tình dục (sextour), ...Người Phật tử làm giàu nên tránh những nghề tà mạng, vì một khi làm thì sẽ tạo nghiệp nặng nề về sau, cái giàu như thế thì thật không đáng để trả giá vĩnh kiếp luân hồi. Người Phật tử làm giàu để nuôi thân, nuôi gia đình, giúp đỡ những người cùng khổ, cứu tế xã hội, hộ trì Phật pháp... cái giàu như thế thì ý nghĩa biết bao, lợi lạc biết bao. Ông Cấp Cô Độc là một Phật tử tại gia, một đại phú hào thời đức Phật còn

tại thế. Ông ấy là tấm gương cho hàng Phật tử muôn đời noi theo. Người Phật tử làm giàu, đúng pháp luật thế gian lại chánh mạng nữa thì tuyệt vời biết bao. Trong bốn pháp mang lại an lạc kể trên cũng đã minh định rõ ràng, làm giàu đúng pháp, chánh mạng sẽ mang lại an lạc.

Trong hàng cư sĩ hay Phật tử tại cũng có những tấm gương vô cùng xuất sắc. Thời đức Phật tại thế có ông trưởng giả Cấp Cô Độc, một vị hộ pháp đắc lực, một con người nhân hậu trang trải tình thương cho những người khốn cùng trong xã hội. Sau đó có vua Asoka, một vị hộ pháp, hoàng pháp vĩ đại của Phật giáo, nhiều hoàng tử và công chúa con của ông đã xuất gia. Chính họ đã trở thành thầy tổ, mang Phật giáo đến Tích Lan (Sri Lanka) và các nước Nam Á khác. Bên Trung Hoa cũng có những vị cư sĩ lớn như vua Lương Võ Đế, Võ Tắc Thiên, đặc biệt nhất, xuất sắc nhất có lẽ là cư sĩ Bàng Long Uẩn và cả nhà ông, tương truyền cả nhà ông đều đắc đạo, đều tự tại thị tịch, cứ như là du hí nhân gian.

Phật giáo Việt Nam có thể nói là bắt đầu từ thiền sư Khương Tăng Hội, Luy Lâu là trung tâm Phật giáo lớn thời bấy giờ, từ thế kỷ thứ mười trở về trước thì chúng ta có rất ít tài liệu, nên không biết đến những tấm gương cư sĩ. Từ thế kỷ thứ mười trở về sau thì sử sách trong đạo ngoài đời đều ghi nhận những tấm gương cư sĩ xuất sắc. Vua Lý Thái Tổ (Công Uẩn) có thể coi như một Phật tử tại gia lớn nhất vậy, ông cũng như các vị vua sau này của thời đại Lý - Trần hết mình phò hộ Phật giáo: xây chùa, tô tượng, đúc chuông, độ tăng...Ngoài các vị vua, còn có vương tôn công tử, đại thần, hoàng thân quốc thích, phú hào...phần nhiều đều là cư sĩ tại gia và hết lòng hộ trì Phật pháp. Thời cận đại và hiện đại có rất nhiều những tấm gương cư sĩ điển hình như: bs Lê Đình Thám, Thiền Chử,

Đoàn Trung Còn, Trần Trọng Kim, Mai Thọ Truyền... gần hơn nữa có rất nhiều những bậc cư sĩ vừa nhiệt tâm, vừa tài giỏi có thể kể: Tâm Tấn, Tâm Huy, Tâm Quang, Tâm Lễ, Tâm Diệu, Nguyên Thọ, Hoàng mai Đạt, Minh tiên, Tâm Thường Định... còn nhiều và rất nhiều nữa. Hàng cư sĩ tại gia này là cơ sở vững chãi để thượng tăng kiến trúc phát triển việc hoằng dương Phật pháp.

Nhân việc nói về các pháp an lạc cho hàng Phật tử tại gia, cũng như lạm bàn một chút về cư sĩ. Nhân tiện đây cũng xin nhắc đến hai tấm gương Phật tử tại gia người Mỹ và người Úc (Australia). Ông Henry Steel Olcott là một Phật tử tại gia người Mỹ, ông có công lớn trong việc phục hưng Phật giáo ở Sri lanka và hoàn thiện lá cờ Phật giáo, nhờ đó mà đạo Phật trên toàn thế giới hôm nay có chung một lá cờ (một số nước có sự thay đổi màu lá cờ, để dùng riêng trong nước họ, ví dụ: Myanmar đổi màu cam ra màu hồng). Ông Henry Steel Olcott là một đại tá hải quân Mỹ, ông đã trở thành một vị hộ pháp đắc lực của Phật giáo. Người thứ hai là ông Ian Green, một Phật tử tại gia người Úc (Australia), cả hai vợ chồng đều mộ Phật, học Phật và tu Phật. Chính ông đã khởi xướng, bỏ công sức, của cải để hoàn thành pho tượng Phật ngọc hoà bình. Pho tượng được mang đi khắp thế giới cho Phật tử và loài người chiêm ngưỡng, đây là một sự kiện lớn làm nức lòng hàng trăm triệu người con Phật, đã làm khơi dậy một làn sóng ngưỡng mộ hướng về Phật pháp. Sau khi hoàn thành sứ mệnh vòng quanh thế giới, pho tượng Phật ngọc đã được an vị vĩnh viễn ở ngôi tháp Great Stupa of Universal (Australia).

Hơn hai mươi lăm thế kỷ trôi qua, đạo Phật bây giờ có mặt khắp năm châu, người quy y tu học đủ các sắc dân. Đạo Phật đem ánh sáng trí huệ đến cho con người, làm thức tỉnh con

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

người, trang trải tình thương đến con người và muôn loài, cổ vũ hoà bình. Những người con Phật vì nhiều lý do chưa thể xuất gia thì vẫn có thể tu học tại gia, vẫn có thể tinh tấn pháp học, pháp hành và hộ trì Phật pháp. Các bậc xuất gia đầy mạnh hoằng pháp và hàng Phật tử tại gia hộ trì Phật pháp, nhờ thế Phật pháp sẽ còn lan toả khắp nơi.

ĐÊM NĂM NGHE ĐÀO RỤNG

Cứ thỉnh thoảng lại lộp độp, lộp độp... cái điệp khúc suốt cả tháng giữa mùa hạ. Đêm đêm đào rụng trên mái nhà, âm thanh như vọng từ một thời cổ tích xa xưa nào vậy. Cái xứ sở lạ lùng, cây gì cũng chỉ chít trái trên cành, nhiều cây sai quả oằn trĩu đến độ gãy luôn: Đào, lê, táo, mận, cam, quýt...

Ở Hoàng Hoa trang này, nếu mùa xuân thì đẹp như cõi thiên thai. Hoa đào nở hồng cả một góc trời nhưng đến mùa hạ thì..." địa ngục" mở cửa: Trái đào chín rụng đầy đất, nát ra nhầy nhụa, bọn côn trùng kéo đến trông mà phát ón. Với bốn mươi gốc đào, số trái rụng phải tính bằng tấn, thật kinh khủng mỗi khi mùa trái rụng! Hoa đào đẹp, trái đào chín nhầy nhụa dơ, vốn chẳng phải hai mà lại không phải một. Mùa xuân xanh, mùa hạ biếc vốn không là một mà cũng chẳng phải hai. Bởi vậy mới biết rằng: thích với chán, yêu với ghét vốn không một mà cũng không hai. Tất cả từ một niệm tâm mà ra!

Trái đào non thì chát, không ăn được, trái đào già thì giòn và chua chua ngọt ngọt, ăn ngon lắm. Tự thân nó chuyển hoá chẳng cần ai phải "độ" cho nó từ chát thành ngon. Con người cũng vậy thôi, tự mình "độ" mình, tự mình chuyển hoá thân tâm của mình, tâm mình chuyển thì tướng mình chuyển, vì "Tướng tòng tâm chuyển" "Nhất thiết pháp tòng tâm tướng sanh" cơ mà! Phật, Bồ Tát là người chỉ đường, chỉ phương cách cho mình. Mình phải cất bước đi thì mới đến, có bệnh

thì phải uống thuốc mới hết bệnh. Phật và Bồ Tát không thể đi thay hay uống thuốc giúp mình được! Phải tự mình đi thôi, con đường đã có, phương cách đã bày...Người xưa đã đi, người nay đang đi, người sau đang đến, con đường này nhất định phải đi, không đi thì không bao giờ đến được!

Đêm nằm nghe tiếng đào rụng lộp độp trên mái nhà, cứ ngỡ tiếng vọng từ một miền xa lơ xa lắc nào đó của tuổi thơ vọng về. Tiếng đào rụng làm nhớ đến tiếng mạn rụng trên mái tôn của ngày xưa. Hồi ấy ba trồng cây mạn bên chái hiên nhà, cây mạn cũng cho quả sai lắm, trái mạn to như nắm tay người lớn, chín ửng hồng thấp thoáng trong tàn lá xanh. Mạn nhiều quá, đêm đêm rụng trên mái tôn lộp bộp. Cứ hai ngày ba lựa những chùm mạn to đẹp nhất để dâng cúng Phật. Thường thì sau hai ngày để trên bàn thờ thì trái mạn mất giòn đi. Ba hạ xuống thay trái mới, trái cũ dù không còn ngon nhưng vẫn phải ăn, vì bỏ thì sợ mang tội. Từ chuyện trái mạn cúng xong thì hết giòn, hết ngon tôi lại nhớ chuyện người ở quê nhà. Hồi ấy hàng xóm có người từ Bắc mới vô, y là tay vô thần và cực đoan. Có lần y cũng làm giỗ cho mẹ (tất nhiên là y chẳng biết lễ tiết gì cả) chỉ nấu thức ăn dâng lên bàn thờ mẹ y, đốt nắm nhang và chờ nhang tàn thì hạ xuống. Lúc mọi người ăn uống thì y oang oang nói:” Rõ ràng các vị có về hưởng, hãy xem này! thức ăn mất hết hương vị như lúc mới dâng lên!” thật mắc cười, rõ ràng tận trong thâm tâm y vẫn tin có hương hồn ông bà, cha mẹ, trời đất quỷ thần...mặc dù y tôn thờ chủ nghĩa vô thần, làm việc bá đạo! Máy tay vô thần gộc hoặc đầu lãnh, khi về già thường viết sách chạy tội, lấp liếm chuyện ác đã làm, thanh minh thanh nga niềm tin xằng bậy...Có nhiều tay vô thần còn quy y, sám hối trước khi chết! chỉ tội bọn tép riu đi theo phỉ cả đời, suốt đời phò ác, hại người, hại vật, hại

nước non, phỉ báng thánh thần.

Đêm phương ngoại nằm nghe đào rụng lộp độp trên mái nhà, lòng thấy xốn xang chi lạ. Cái xứ sở lạ lùng này. thông thường người ta biết đây là xứ sở phồn vinh về kinh tế, hùng mạnh về quân sự, thanh minh về chính trị, tân tiến về khoa học kỹ thuật, nhân bản về giáo dục, khai phóng về văn hoá nghệ thuật...Nhưng người ta không ngờ rằng, cái xứ sở này còn là nơi mà nền nông nghiệp vô cùng trù phú và phát triển, sản vật phong nhiêu sung túc, hoa quả nhiều vô kể. Cái đất chi mà lạ, cấy cây gì xuống cũng sống, gieo hạt gì xuống cũng mọc lên. Lòng tự hỏi lòng, sao người ở đây nhiều phước báo thế? phải chăng quá khứ gieo trồng nhân lành nên nay hưởng quả? phải chăng những người cùng tâm lượng rộng, chí nguyện lớn nên cùng cộng sinh ở quốc độ này? hỏi tức là thừa rồi vậy. Tất cả mọi người, hàng ngày đang hưởng quả và cũng là đang tạo nghiệp. Mỗi năm xứ Cờ Hoa viện trợ cho thế giới hàng trăm tỷ mỹ kim (gồm cả tiền của chính phủ, tư nhân, các tổ chức từ thiện...), cứu mang hàng triệu nạn nhân khắp thế gian này. Không ở đâu mà chính phủ và người dân có lòng bao dung, cởi mở để chấp nhận hàng triệu, triệu người di dân như thế! Không ở đâu trên thế gian này mà người ta có thể tự do truyền đạo, hành đạo như ở đây. Ai cũng dễ dàng và tự do theo đuổi đức tin của mình, việc xây cất nhà thờ, thánh đường, chùa chiền... rất dễ dàng, chỉ cần đủ những yếu tố cơ bản mà luật pháp đòi hỏi như: diện tích đất, chỗ đậu xe, sự an toàn cho tín đồ...Ở đây đủ các sắc dân trên thế giới và cũng từ đó đủ các sắc thái văn hoá, các tôn giáo mà người di dân mang theo. Tất nhiên không thể không nói đến mặt trái của nó, ở đây cũng có nhiều bất công, bất cập về địa vị, thu nhập, quyền lợi, màu da...Dân chúng tiêu thụ một cách hoang

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

phí, hàng năm có cả trăm nghìn tấn thức ăn thừa đổ đi. Chính phủ can thiệp quân sự nhiều nơi trên thế giới, sản xuất mua bán vũ khí nhiều nhất thế giới, súng đạn trong dân chúng nhiều như kẹo...Nghịch thiện và bất thiện cùng tồn tại, ngày ngày đang thọ hưởng quả và tạo nghiệp không ngừng.

Mùa xuân hoa đào nở, mùa hạ trái đào rơi, hoa quả của mùa màng dễ dàng nhận thấy và nắm bắt. Quả của quy luật nhân quả, luật tự nhiên thì đâu dễ gì thấy và biết được, đôi khi nó như sương khói mờ hồ, khó hiểu khó tin. Quả có thể trở liền tức thì như “Hậu quả nhân tiền” nhưng phần nhiều thì quả trở đời sau, gọi là hậu thế báo, lai thế báo...thậm chí quả có thể không trở, vì nó còn bị chi phối bởi cái duyên, không đơn giản cứ hễ có nhân là có quả. Cái duyên quan trọng lắm, có thể làm tăng trưởng thúc đẩy cái quả sớm xảy ra hay chậm lại hoặc thui chột đi, ví như gieo hạt lúa trên ruộng nước, có phân bón, chăm sóc, thời tiết thuận lợi... thì sẽ có mùa màng bội thu; còn như gieo hạt lúa trên cát sa mạc, không nước, phân, chăm sóc...thì chắc chắn không có gì để gặt! Bởi thế trong nhà Phật không chấp nhận chuyện số mệnh, tương lai nằm trong tay của mình, những nghiệp cũ có thể sửa đổi chuyển hoá. Kệ có bài viết rằng:

Dục tri tiên thế nhân
Kim sanh thọ giả thị
Dục tri lai thế quả
Kim sanh tác giả thị

Ở đời gặp thầy lành, bạn tốt không phải dễ, gặp duyên lành cũng không phải dễ. Phần nhiều gặp duyên không tốt vì cái tâm, cái tôi, cái ngã nó thích hưởng thụ, ngại khó... từ đó nó

hương ta về những cái: tài- sắc- danh-thực-thuý. Nó ràng buộc ta vào: Sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp, để rồi tháng năm qua đi, đời nối tiếp đời cứ như trái đào rụng trong sự uổng phí vô tình.

Đêm nằm nghe đào rụng lộp độp trên mái nhà, nhớ về tiếng mạn rụng ngày thơ ấu xa xưa. Lại nghĩ đến trái táo rụng xuống đầu nhà bác học Newton. Đã từng vô số lần rụng, vô số trái táo rụng nhưng chỉ có mỗi trái táo rụng trên đầu ấy mà nhà bác học đã khám phá ra định luật sức hút của trái đất. Rõ ràng trong tạng thức nó chứa vô số chủng tử, khi có một cơ duyên đặc biệt nào đó tác động thì nó lập tức khởi tác dụng vậy! cũng vì thế mà có nhiều người chợt ngộ rất tình cờ. Ví như ngài A Nan, vì chưa chứng quả Arahanta nên không được dự kết tập kinh điển. Ngài buồn lòng suy nghĩ nhiều, rồi trong lúc vừa toan đặt lưng nằm nghỉ thì bất chợt ngộ mà chứng quả. Hoặc giả như Lục Tổ Huệ Năng trong lúc gánh củi đi bán, nghe người tụng kinh mà ngộ ra...

Trái đào rụng, chín bầy nát bét ra, những tướng thế là xong. Nào ngờ hạt vùi trong đất, năm sau lại mọc cây đào mới. Mùa thu lá đào vàng, mùa đông trơ trụi cả cành nhưng nhựa sống vẫn âm thầm nuôi những nụ, mùa xuân nở ra rực rỡ đất trời, mùa hạ thì trái đào chín rụng rơi. Sinh-già-bệnh-chết cái vòng quay bất tận, sinh-trụ-dị-diệt vẫn tiếp diễn không ngừng, tử - sanh vẫn hiện diện trong từng tế bào và trong mỗi sát- na này!

ĐÔI ĐIỀU VỀ ĂN CHAY

Những năm đóng cửa, cuộc sống về mặt vật chất vô cùng túng thiếu, đời sống tâm linh coi như phế bỏ... con người cuốn vào những những cơn sóng vô minh. Từ khi mở cửa tái hội nhập, đời sống những năm sau dần dần khá lên. Có một điều đáng nói là sau khi con người khăm khá quay ra sống thực dụng quá đáng. Ăn nhậu vô tội vạ và kết quả những căn bệnh như: Thống phong (gout), cao mỡ, cao máu, béo phì, tim mạch, ung thư... đang phát triển mạnh. Những năm gần đây khi đời sống tâm linh phục hồi mạnh mẽ, người người tu học, việc ăn chay cũng phát triển theo. Ngoài những người ăn chay vì lý do tôn giáo cũng có không ít người ăn chay vì sức khỏe, vì môi trường, kể cả ăn chay theo phong trào...

Ăn chay thông thường có ba diện: ăn chay trường, ăn chay kỳ (ví như những ngày trai trong tháng, theo quan điểm đạo Phật) và ăn chay không định kỳ. Xét về chất thì có: ăn chay tuyệt đối (vegan) nghĩa là chỉ thuần thực vật, không sử dụng cả đồ vật bằng da, không ăn cả trứng sữa... Ăn chay một phần (vegetarian) có thể sử dụng thêm trứng, sữa... Có một vài tôn giáo có quan điểm ăn chay khá lạ: Họ cho phép tín đồ ăn: Tôm, cua, ốc...vì họ bảo chúng không có máu!!!

Vì sao ăn chay? Theo quan điểm Phật giáo: Ta ăn chay vì từ bi, vì tình thương, vì tôn trọng sự sống của muôn loài. Mình và vạn vật vốn đồng một thể (Sanh- Phật bất nhị hay là tất cả

chúng sanh đều có Phật tánh như nhau...) ăn chay cũng để tránh khỏi cái họa nợ mạng. Kiếp này ăn nó nửa cân kiếp sau nó ăn lại tám lạng...Hoặc quán xét kỹ và sâu hơn thì những con vật ấy có thể là thân nhân, bà con, bạn bè...của ta trong kiếp trước! Ăn chay cũng là một cách phóng sanh tuyệt vời, chẳng những không ăn thịt mà còn yêu thương bảo hộ chúng. Các con vật cũng có giác quan, cũng biết cảm nhận sợ sệt, cũng biết đau như con người, nỡ nào cắt cổ, đập chết, thiêu đốt chúng để mà ăn! miếng ăn cũng ngon thật, ngon ở đầu lưỡi thôi, nhưng khi qua khỏi cổ đồ ai dám ăn lại lần nữa!

Vì sao ăn chay? Theo những người ăn chay vì sức khỏe thì: ăn chay rất có lợi cho sức khỏe, ít bệnh tim mạch, tiểu đường, béo phì,cao mỡ, cao máu, thống phong... Đạm động vật tích tụ nhiều sinh ra acid uric, ấy là nguyên nhân gây ra thống phong, đau các khớp xương. Thịt động vật ngày nay được người nuôi tiêm, chích hormone tăng trưởng, hoá chất tạo nạo...tích tụ trong cơ thể sẽ gây các loại ung thư. Thịt và mỡ động vật chứa nhiều cholesteron, là nguyên nhân nghẽn mạch máu, nhồi máu cơ tim, béo phì...Những người ăn chay vì sức khỏe họ ý thức được cái họa, cái bệnh từ việc ăn thịt nên dù không muốn cũng phải ăn chay để tự bảo vệ sức khỏe của mình. Ngày nay những thành phần trí thức cao, doanh nhân giàu có, nhân viên cao cấp...nói chung là thuộc thành phần tinh hoa (elite) Họ biết sống và ăn chay để khỏe mạnh. Cho dù không vì từ bi nhưng việc ăn chay của họ cũng tạo được ảnh hưởng tốt trong xã hội!

Vì sao ta ăn chay? Theo quan điểm của những người đấu tranh cho quyền của súc vật, của những nhà bảo vệ môi trường ... thì ăn chay để tránh cho trái đất nóng lên. Những trại chăn nuôi thải ra lượng phân khổng lồ, đây là nguyên

nhân gây ra hiệu ứng nhà kính. Những trại chăn nuôi vì lợi nhuận tối đa. Họ đối xử tàn bạo với con vật: từng con vật ép sát nhau, từng con vật gần như chỉ được đứng hoặc nằm (hạn chế tối đa đi lại). Từ khi sanh ra đến xẻ thịt, cuộc đời chúng chỉ trong trại hoặc các lồng nhốt! những con vật không đạt tiêu chuẩn bị loại bỏ bằng cách xay để làm thức ăn cho những con khác... Từ trại nuôi đến lò mổ là một vòng khép kín! Một địa ngục trần gian cung cấp miếng thịt cho người ăn. Những nhà đấu tranh cho vật quyền họ bí mật quay được những clips về tính tàn bạo trong việc nuôi và mổ xẻ con vật! có những clips quả thật ta không dám xem hết, quá sức độc ác!

Ăn chay ngày nay đang phát triển và lan rộng, không chỉ ở Việt Nam mà còn nhiều nơi khác trên thế giới. Ăn chay ngày càng lan rộng trong nhiều giới và trẻ hoá: Học sinh, sinh viên... Đây quả là một tín hiệu đáng mừng! tuy nhiên ăn chay cũng cần có quyết tâm một chút vì dễ nản, dễ bỏ cuộc! người ăn chay ban đầu thường thấy lạt miệng, món ăn nhạt nhẽo... và ăn chay thường mau đói bụng, vì thực vật tiêu hoá mau. Nếu người làm văn phòng, làm việc nhẹ thì dễ nhưng với người làm việc nặng thì cần ăn bổ sung nhiều hơn, ăn quả vật... Ngày nay việc ăn chay tương đối dễ vì nhà hàng chay có ở khắp nơi, thức ăn ta hay Tây cũng khá phong phú. Nếu mới bắt đầu ăn chay bạn có thể chọn một vài ngày trong tuần để ăn và nhớ giữ đúng lịch chọn của mình, sau một thời gian thì tăng thêm, hoặc là ăn chay toàn phần hoặc là ăn chay một phần, cái này tùy thuộc vào hoàn cảnh và lựa chọn của bạn. Sau đây có một vài gợi ý lựa chọn cho việc ăn chay:

Ngày thứ hai vào bữa ăn sáng: có thể một ổ bánh mì chay và một ly coffee loại nhẹ như của Starbuck hay Highland, buổi trưa chọn một khẩu phần cơm theo truyền thống gồm: cơm,

món xào, canh... tráng miệng hoa quả, buổi chiều vẫn bữa cơm truyền thống

Ngày thứ ba vào bữa sáng: một chén cháo yến mạch (oatmeal), một ly sữa hạnh nhân hoặc bông lúa... buổi trưa: một hoặc hai cái bánh mì sandwich kẹp miếng ham đậu đen, xà lách, cà chua... buổi chiều: bữa cơm truyền thống

Ngày thứ tư: buổi sáng một chén cháo diêm mạch (grist) một ly cà phê dạng nhẹ, buổi trưa có thể chọn: bún, hay phở chay; buổi chiều có thể ăn buffet chay

Ngày thứ năm, buổi sáng chọn hai lát bánh mì vuông (toast) phết mứt hoa quả hay mật ong, một ly trà bông cúc (ngọt hay nhạt tùy thích), buổi trưa chọn bữa cơm truyền thống, buổi chiều chọn tô cháo đậu xanh hoặc cháo chay thập cẩm

Ngày thứ sáu, buổi sáng chọn: bún, bánh truyền thống; buổi trưa chọn hai cái sandwich và nước trái cây, buổi chiều chọn cơm và những món ăn truyền thống

Ngày thứ bảy, buổi sáng chọn một chén xôi, cà phê hay nước trái cây tùy thích; buổi trưa chọn một miếng pizza chay, buổi chiều ăn cơm truyền thống

Ngày chủ nhật có thể ăn tùy thích, tùy hứng (ngày nghỉ mà)

Ăn chay kết hợp món ăn truyền thống và món ăn Tây sẽ tạo cảm giác mới, ngon, đỡ chán miệng. Đặc biệt người mới ăn thường lạt miệng thì ăn vặt những món như: khoai Tây chiên, chips (snack)... Rất ngon miệng và có cảm giác đậm đà! Ăn chay thường dễ thiếu vitamine B12 vậy nên bổ sung bằng cách mua B12 uống thêm, trái bơ cũng là nguồn cung cấp B12 rất tuyệt vời. Người mình đôi khi xem thường trái chuối

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

vì nó rẻ và quá phổ biến, nhưng trái chuối là nguồn dinh dưỡng quan trọng có nhiều đạm, kẽm, xơ. Đậu nành là nguồn đạm, nguồn dinh dưỡng quan trọng và nhất là đối với người ăn chay. Người Trung hoa đã ăn đậu nành 5000 năm nay. Hiện nay ở Mỹ đậu nành cùng với bắp là loại thực phẩm quan trọng để cung cấp cho gia súc cũng như tạo nguồn đạm cho con người. Người ăn chay không thể thiếu đậu nành và các chế phẩm của đậu nành như: Tào hũ ky, đậu ky, sữa đậu nành, bánh, kẹo...thực vật nói chung, rau quả, hoa trái, củ... chúng cung cấp đủ dinh dưỡng cho con người. Chỉ có điều là chọn thức ăn sao cho phù hợp và khoa học, ăn chay không hề thiếu chất như nhiều người lầm tưởng!

Tóm lại ăn chay vì tôn giáo hay vì sức khỏe, môi trường... cũng đều tốt đẹp cả. Ăn chay mang lại nhiều lợi lạc mà thực tế đã chứng minh. Xu thế xã hội hôm nay những người ăn chay mang lại sự an lạc, hài hoà, nhu thuận hơn. Làn sóng từ ái sẽ lan toả, sẽ tương tác, sẽ đem lại một tương lai hoà thuận hơn, phát triển bền vững hơn. Cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt. Vật và người cùng cộng sinh trên trái đất này, tác động qua lại lẫn nhau, không thể vật này diệt mà vật kia tồn tại được! Phong trào ăn chay sẽ phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian tới, sẽ tăng trưởng từ bi, sẽ tái tạo một môi trường sống xanh, thân thiện, gần gũi hơn.

HOA KHAI NĂM CẢNH

Tiếng thầy tri chúng oang oang:

- Chú Trí Giải đâu rồi? có mấy mâm dưa chua mà vẫn chưa xong à? cỗ cũng chưa cắt? nhà khách chưa lau chùi? Chú làm gì mà cả ngày không xong vậy?

Trí Giải dù nhỏ nhẹ nhưng trong chất giọng không giấu được sự bất mãn:

- Thưa huynh, ba bốn việc một lúc làm sao kịp? có ba đầu sáu tay cũng không xong chứ nói gì hai tay!

Thầy tri chúng vẫn không hạ giọng

- Chú lười quá, có gì khó đâu, tại chú không chịu cố gắng nhanh lên thôi. Ngày trước bằng tuổi chú, tôi còn làm nhiều việc gấp bội kia!

Trí Giải im lặng và tiếp tục làm mà không nói gì thêm. Từ ngày nhập chúng đến nay đã hơn mười năm nhưng chỉ toàn làm đồ chay để bán, gây quỹ để góp tiền xây dựng, đi cúng đám... năm thì mười họa mới có một dịp tu học với các bậc thầy danh tiếng từ xa ghé thăm chùa. Còn an cư thì cả năm chừng nửa tháng hoặc hai tháng là phải về lại chùa cũ để lo công việc. Sư phụ, sư huynh luôn luôn bận Phật sự phải đi nơi này nơi kia, khi thì dự lễ lạc thành, an vị; khi thì thuyết pháp hoặc họp hành trên tỉnh; có khi về trên bộ bàn thảo công việc

cả mấy tuần liền. Hơn mười năm rồi mà chẳng học thêm được tí gì, ngoài mấy bài kinh, chú đã thuộc lòng và những nghi lễ căn bản. Nhiều lúc chú nghĩ: Như thế này làm sao mà phát triển trí huệ nói chi đến khai ngộ! Nếu cứ lo quyền giáo, kinh tế để xây chùa thế này thì ở ngoài đời chứ cần gì phải xuất gia, những tưởng xuất gia để giải thoát nào ngờ lại gia vào một cái buộc ràng khác. Chú càng miên man suy nghĩ thì càng thấy mình như chìm vào một cõi xa lạ nào đấy, tâm tư tự độc thoại một mình. Chú lại nhớ một điển tích của thiền lâm: có vị tiểu tăng quanh năm cơm bưng nước rót hầu sư phụ mà chẳng thấy thầy dạy bảo điều gì, một hôm chú xin từ biệt ra đi thì sư phụ hỏi: "Tại sao ngươi muốn ra đi?" chú thưa: "Đã hầu sư phụ bao nhiêu năm nay nhưng chẳng thấy sư phụ dạy điều chi cả!". Sư phụ của chú mới bảo: "Ta đã dạy ngươi bao nhiêu năm nay, có lúc nào ta không dạy ngươi đâu?" vị tiểu tăng chợt ngộ điều gì đấy bèn sụp lạy sư phụ. Trí Giải đem chuyện ra so sánh với phận mình rồi lẩm bẩm một mình: "Có lẽ nào như thế chẳng? phải chăng thiền từ những việc nhỏ nhiệm này?". Chú lại miên man nghĩ và khẳng định: "Tuy có giống nhau nhưng vẫn khác, trường hợp mình nếu có cố gắng nữa thì cũng chỉ được chữ nhẫn chứ trí huệ thì cùn nhụt; nhẫn và từ bi tuy có nhưng không có trí huệ thì làm sao khai ngộ? làm sao giải thoát? Chú vẫn nghe các thiền sư vân du khắp nơi cầu đạo, tuy chú không có ý nghĩ mình sẽ là thiền sư nhưng đi cầu đạo các nơi hoặc giả tìm một đạo tràng phù hợp căn cơ mình có lẽ sẽ hay hơn. Nếu cứ nhẫn nhục nơi đây suốt đời thì cũng chỉ là ông thầy cúng đám hoặc giữ chùa mà thôi. Sau nhiều đêm trằn trọc, chú lấy can đảm lên thưa với sư phụ:

- Bạch sư phụ, cho phép con được rời khỏi chùa này!

Sư phụ chưa nói gì thì thầy tri chúng đã mắng;

- Chú muốn đi chứ gì? ở đây khổ quá chứ gì? Đi tu mà còn muốn hưởng sướng! muốn thì cứ đi nhưng mai kia không vừa ý đừng quay về đây nhé!

Sư phụ gật đầu, thế là chú khăn gói ra đi, trải qua hai năm trời khi thì chùa sơn thôn, khi thì viện nơi thị tứ... Có nơi trú lại vài tuần, có nơi hai tháng nhưng vẫn chưa gặp được cơ duyên như ý. Nơi nào chú đến cũng thấy không khác gì mấy với bốn tự mà chú xuất gia, có lúc chú nghĩ:” Có lẽ thời kỳ chùa tháp kiên cố nên nơi nào cũng lấy việc xây chùa to Phật lớn làm Phật sự?” Một hôm chú nghe một vị huynh trưởng bảo chú:

- Trên đồi Cổ Châu ở trấn Long Bằng có một ngôi già lam trông thì vắng vẻ nhưng ở đây vị thầy trụ trì có phát nguyện:” Độ tất cả những ai xuất gia mà không có nơi tu học.”

Nghे thế, chú liền hỏi tên chùa và đường đi. Hôm sau chú đi tìm chùa, cứ mỗi chặng chú lại hỏi thăm người địa phương về ngôi chùa trên đồi Cổ Châu. Dân cư có người không biết, có người biết mơ hồ nhưng chú cứ dần bước tiến tới. Sau khi hết đường lộ thì chú lội bộ chừng mười cây số đường đất nữa thì thấy xa xa một ngọn đồi. Lên đến đỉnh đồi thì thấy một ngôi cổ tự tuy nhỏ, đơn sơ nhưng có gì đó làm cho chú thấy hứng khởi mà chú cũng không biết tại sao, quanh chùa nhiều cây cao bóng cả rợp mát cả một vùng nắng gió. Chú nhìn thấy trên tấm biển đề ba chữ Bản Viên Tự , khẽ mở cánh cổng bước vào thì gặp một vị tăng đang gánh nước tưới rau. Chú đến thì lễ:

- Bạch hoà thượng, con là Trí Giải từ xa đến đây, xin hoà thượng cho con tá túc một thời gian.

Vị tăng ấy hỏi:

- Người từ đâu đến?

Trí Giải thưa:

- Bạch hoà thượng, con từ Vân Mộng Viện.

Ông tăng lại nói:

- Không, ta không hỏi địa danh! Ta chỉ hỏi người từ đâu đến!

Bất chợt Trí Giải cảm thấy như có một luồng điện chạy xuyên suốt cơ thể, lập tức nói như một cái máy:

- Bạch thầy, con từ mê đến!

- Vậy người đến đây để làm gì?

- Dạ, con xin học pháp giải thoát.

- Ai buộc người mà cần phải giải thoát?

- Dạ, không có ai cả, tự mình buộc lấy mình.

- Người đã xuất gia ắt cũng biết tám vạn bốn ngàn pháp môn, nhiều đó chưa đủ sao mà còn cầu pháp?

- Dạ, không cầu thêm mà cầu bớt.

- Ở đây chõng tre, áo thô, cơm hẩm...kham nổi không?

- Dạ, nếu sợ những thứ ấy thì con không dám lên đây quấy rầy hoà thượng!

Hoà thượng mỉm cười:

- Người là Trí Giải, ở đây trọn chẳng có gì để giải trí cho

ngươi!

- Dạ, hoà thượng từ bi. Con không cầu giải trí mà cầu giải, cầu trí!

Hoà thượng không hỏi gì thêm mà chỉ bảo vào trong cất hành trang đi. Trí Giải đi vài bước thì quay lại;

- Bạch hoà thượng, cho con biết pháp danh của người!

Hoà thượng cười to:

- Sư phụ của ta ban cho pháp danh Thanh Đồng Xứng nhưng pháp lữ và người đời vẫn quen gọi ta là lão Dã Sơn tăng.

Trí Giải sụp lạy:

- Con xin bái tạ sư phụ lão Dã Sơn tăng.

Lão hoà thượng cầm nguyên thùng nước tưới lên người Trí Giải rồi ngửa cổ cười vang vọng cả ngọn đồi, đoạn đọc bài thơ ứng tác:

Nay ta tưới giọt nước này

Ngày mai lớn cội cao cây bồ đề

Sa Bà là lối đi về

Chơn tâm vẫn vậy chưa hề hư hao.

Tối hôm đó sau buổi công phu khuya hai thầy trò đi bách bộ quanh đồi ngắm trăng. Hoà thượng bảo:

- Ta có cả kho pháp bảo, ngươi kham nổi không?

- Trí Giải thưa:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Con một tuy bé xiu nhưng tháng ngày có thể đục ruỗng cả ngôi nhà lớn.

Lão tăng lại bảo:

- Ngoài pháp bảo ra ta chẳng còn có gì để cho người cả!

- Hoà thượng từ bi, nhiều đó cả kiếp này cũng dùng không hết- Trí giải đáp

- Người hãy nói xem, ta với người chỉ có thân tứ đại ngũ uẩn còn chư Phật thì có tam thân-tứ trí-ngũ nhãn-lục thông... thế sao bảo là đồng, là bất nhị?

- Bạch sư phụ, đồng ở tánh giác.

- Tại sao chư Phật giác mà chúng ta chưa giác?

- Bạch sư phụ, tại chư Phật sáu căn thanh tịnh, không nhiễm sáu trần.

- Thật sự tại ý căn, ý căn tạo tác, sanh khởi mới lộ qua năm căn kia và từ đó chúng ta mới nhìn, nghe, nói, làm, người, nếm, sờ... Ý căn thanh tịnh thì mình làm đúng, ý căn nhiễm thì mình mê! vậy làm sao để giác đây?

- Vì cầu giác mà sư phụ trụ ở đây và cũng vì cầu giác mà con tìm đến đây.

- Người khá lắm, Hãy nhớ rằng: người cầu đạo cần có từ bi, trí huệ và vô úy. Ba điều này như cái kiềng ba chân, thiếu một thì hỏng!

Đến đây thì hai thầy trò ngồi xếp bằng dưới gốc thông, chỉ phút chốc là nhập vào định. Chung quanh lặng im đến độ nhịp đập của tim như làn sóng tỏa vào không gian làm lung lay cả

ánh trắng. Ánh trắng bàng bạc xuyên qua tàng lá rơi lấp loáng trên tà áo lam trông như dát bạc lên hai pho tượng. Cả đất trời tĩnh lặng tịch mịch đến vô cùng!

Ngày kia ba vị huynh đệ Thanh Đồng Nguyên và Thanh Đồng Hành và Thanh Đồng Đắc vừa mãn khoá an cư trở về. Sư phụ giới thiệu Trí Giải với ba người và bảo:

- Năm xưa Thế Tôn chuyển pháp luân và độ năm anh em Kiều Trần Như. Từ đấy Phật môn mới có tích:” Nhất hoa khai bách diệp”. Hôm nay thầy và các con cũng năm người, đều bái Thế Tôn làm thầy. Thầy không dám ví chúng ta với năm anh em của tôn giả Kiều Trần Như nhưng ở Bản Viên Tự hôm nay cũng có năm cánh hoa nở ra. Trí Giải, thầy ban cho con pháp danh là Thanh Đồng Giải, hãy chào các huynh của con đi!

Bốn vị huynh đệ thi lễ xong đồng thanh quay sang lạy tạ sư phụ:

- Tạ ơn thầy, hoa nở năm cánh cúng dường Thế Tôn, phụng sự chúng sanh!

HỘI ĐÊM RẼM

Chùa Châu Lâm nằm ẩn mình dưới những tàng cây bồ đề xanh mướt quanh năm, trước sân là mảnh vườn đủ hoa xinh cỏ biếc, rộn ràng tiếng chim. Chùa tuy không to lớn bề thế nhưng rất đẹp với lối kiến trúc truyền thống, tuổi đời cũng gần trăm năm, tuy qua nhiều lần tu sửa nhưng vẫn giữ nguyên vẹn dáng vóc thuở ban đầu. Chùa nằm giữa lòng Hạnh Hoa trấn, tháng năm đã lên màu rêu xanh. Dân trong trấn sống về chùa cầu nguyện, tịnh tâm, phò hội...chết gởi cốt nghe kinh, hưởng hương khói, dựa Phật. Người làng quen thuộc đến độ có người bảo:” mỗi khi lên chùa, có nhắm mắt đi cũng không lạc đường”.

Sáng hôm nay chùa trở nên sáng lạn vô cùng, lá đại kỳ năm sắc bay lất phất trong nắng gió ban mai, những dây cờ ngũ sắc giăng mắc khắp sân chùa, lễ đài trang hoàng rất đẹp và trang nghiêm. Sau khi ba hồi chuông trống bát nhã vang lên, tiếng trống thì thùng trầm hoà với tiếng chuông ngân bổng thánh thót như đánh thức tâm niệm của mọi người và vang vọng đến những cung trời. Tiếng niệm danh hiệu đức bốn sư hoà với tiếng khánh bay cao bay xa vượt cả không gian. Sau khi thầy trụ trì đọc lời khai mạc là những tiết mục múa dâng hoa cúng dường của các em nhỏ, lễ tụng kinh và lễ tắm Phật diễn ra trong không khí thành kính, trang nghiêm. Lòng người xúc động tạ thâm ân của đức bốn sư. Hoà thượng Thanh

Đồng Chương ban đạo từ:

- Hôm nay ngày Phật đản sinh, hàng tứ chúng về đây dâng hương hoa cúng dường Thế Tôn. Lão tăng tôi có đôi lời nhắn nhủ cùng mọi người: Thế giới này vốn tăm tối đã lâu, con người, phi nhân, chư thiên quanh quẩn trong sáu đường. Từ khi Thế Tôn thị hiện ở cõi Sa-bà, khai phá con đường giải thoát, đem lại lợi lạc cho hàng trời người. Ánh sáng chánh pháp xua tan vô minh, pháp vốn chỉ có một nhưng vì căn tánh chúng sanh thiên sai vạn biệt nên mới có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Hơn hai mươi lăm thế kỷ truyền thừa, chánh pháp của Như Lai không tránh khỏi những sai sót, thậm chí sửa đổi và thêm thắt. Chánh Pháp của Thế Tôn truyền đến đâu thì mang màu sắc văn hoá bản địa và phù hợp với đặc tính của cư dân nơi ấy, đó là tính khế lý, khế cơ, phù hợp nhân tâm. Có nhiều pháp môn tu học, nhiều trường phái Phật giáo khác nhau nhưng tất cả cùng công nhận cái cốt lõi: Tứ diệu đế, bát chánh đạo, thập nhị nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Dù tu pháp môn nào cũng phải bám lấy cái cốt lõi ấy thì không thể sai lạc. Chánh pháp chỉ có một vị giải thoát. Ngày khánh đản đức từ phụ, chúng ta dâng lên hương hoa, đèn nến để cúng dường, thực hiện các nghi lễ... là để tỏ lòng thành, phếp tắc tôn giáo. Muốn báo ân Phật một cách chân thật nhất, đúng đắn nhất, hữu hiệu nhất đó là làm theo những gì Phật dạy.

Buổi sáng mừng ngày Phật đản sinh, trời trong sáng như thanh minh, lễ tiết trang nghiêm, kính cẩn và hoan hỷ. Dòng nước thơm tắm pho tượng Thích Ca sơ sinh như tẩy đi những cấu uế phiền não, những sân si tham đắm của đời thường. Lòng người thư thái, an hoà như giải thoát, ít ra trong giây phút hiện tại này.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Âm thanh niệm danh hiệu bốn sư vang khắp sân chùa, xuyên qua tán lá bồ đề, bay lên hư không, trời xanh dường như xanh hơn, mây trắng tự hoá vô số hoa, từng đàn chim trắng bay qua giữa bầu trời. Lòng người hân hoan liên tưởng như chư thiên đồng hội tụ về đây đánh lễ Phật, mừng ngày đản sinh.

Buổi chiều có thời pháp thoại và vấn đáp, một Phật tử nêu câu hỏi:

- Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo chủ cõi Sa-Bà, là một vị Phật hiện tại đang giáo hoá, tại sao Tịnh Độ lại tu niệm hồng danh Phật A Di Đà?

Hoà thượng Thanh Đồng Chương cười hiền hoà:

- Phật Phật đạo đồng, đồng đức, đồng năng, đồng giải, đồng hành hoàn toàn không có sai biệt và phân chia như tâm chúng ta. Niệm một vị Phật cũng là niệm tất cả chư Phật, sở dĩ chúng ta niệm Phật A Di Đà là căn cứ vào chỉ dạy của tam kinh Tịnh Độ: A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ. Kinh Kim Cang cũng có câu:” Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” với chúng ta thì “ vô sở trụ” khó quá, thật khó, khó hành, khó hiểu chỉ có cách trụ vào câu Phật hiệu là dễ nhất, dễ tu, dễ hành...Cái tâm chúng ta luôn loạn động như khi chuyển càn, như ngựa chạy rong. Cái tâm chúng ta chấp vào sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp, dính mắc ở Tài-sắc-danh-thực-thù, cuốn theo dòng bộc lưu lục dục thất tình. Bây giờ niệm danh hiệu A Di Đà, trụ vào câu Phật hiệu, dùng phương pháp trụ vào Phật hiệu để buông bỏ những thứ kia thì còn gì tuyệt diệu hơn!

Thầy dứt lời thì một Phật tử khác lại hỏi:

- Chúng con lâu nay niệm Phật cũng ít nhiều an lạc, bây giờ có nhiều ý kiến cho là Tây Phương Cực Lạc không có Thật, không có Phật A Di Đà. Chúng con thật hoang mang, nhiều người thối thất tâm.

Thầy từ tốn:

- Vấn đề này không mới mẻ gì, tuy có lúc lắng và cũng có lúc nổi lên. Vũ trụ vô cùng tận, hành tinh chúng ta chỉ như một hạt bụi, thế giới không biên tế, cái thấy biết chúng ta quá nhỏ bé. Không có ai dám khẳng định ngoài thế giới loài người còn có thế giới khác hay không! Nhà Phật có câu:” Nhất thiết duy tâm tạo”, sơn hà đại địa, tinh tú, con người, muôn loài, trời, thần, phi nhân...không ngoài một tâm niệm. Vậy cho thế giới này có thế giới khác không có thì câu kinh kia để vào đâu? Kinh sách cũng thường viết:

“ Thập phương hư không bất ly đương xứ

Cổ kim tam thế bất ly đương niệm”

Thời gian vô thủy vô chung, không gian không ngăn mé, quốc độ biến thiên vô cùng, từ-sanh bất tận... tất cả không ngoài một niệm tâm! Vậy thì sao có thể bảo thế giới này có thế giới kia không? Phật này có Phật kia không? Có những sự việc ở ngay hiện đời, trước mắt mà còn chưa thấu rõ thì nói gì đến tha phương thế giới, ba ngàn thế giới, vô cùng tận thế giới. Nhà thiền có câu:” Tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ” tâm tịnh thì độ tịnh, mình niệm Phật mà tâm bình khí hoà thì cứ thế mà niệm. Mình niệm Phật mà giảm bớt sân hận, si mê, tham lam thì cứ thế mà niệm. Mình niệm Phật mà sống giữa đời an lạc thì cứ thế mà niệm. Thà bỏ lý lấy sự vẫn có ích, nếu mà chấp lý bỏ sự thì nguy to!

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Thầy vừa trả lời xong thì đại chúng vỗ tay giòn dã, tiếng vỗ tay tưởng chừng như không dứt.

Đêm rằm tháng tư, chùa Châu Lâm lung linh trong muôn ngàn ngọn nến, hoa toả hương, mùi trầm thoang thoảng... tượng bốn sư ngồi an nhiên tự tại dưới cội bồ đề. Một cảnh tượng khiến nhiều người liên tưởng đến một thời pháp hội ở tịnh xá Kỳ Hoàn. Năm ấy, khi Thế Tôn còn tại thế, tịnh xá Kỳ Hoàn có pháp hội lớn. Vương tôn công tử và bá tánh nô nức cúng dường hương thơm và đèn. Có một bà lão ăn mày vét hết túi chỉ được đồng bạc, bà mua đèn và ít dầu đem đến cúng dường Phật. Khi đêm về khuya, các vị tăng đi tắt đèn, bao nhiêu ngọn đèn đều tắt hết, duy chỉ có một ngọn đèn không sao tắt được, có vị vận thần thông mà cũng không tắt được, càng quạt thì càng sáng hơn. Các vị tăng bèn vào thưa với Phật, Phật bảo” Đó là cây đèn cúng dường của bà lão ăn mày, đó là ngọn tâm đăng, các ông không thể dập tắt, không có ai có thể làm tắt được.

Cảnh tượng chùa Châu Lâm đêm rằm tháng tư thật đẹp và ảo diệu, nhiều người buộc miệng:

- Chùa Châu Lâm đêm nay sao giống tịnh xá Kỳ Hoàn quá vậy!

Một tháng trước đây, khi chuẩn bị công việc tổ chức lễ mừng ngày đản sinh Phật, nhiều Phật tử muốn chùa làm lễ thả hoa đăng ở hồ Tịnh Thủy trước chùa. Thầy ngăn ngừa sau đó bảo:

- Kể cũng hay, cũng đẹp nhưng trước là đèn sau thành rác sẽ làm dơ hồ, ô nhiễm môi trường. Hễ việc gì mà tổn hại đến thiên nhiên, đời sống tự nhiên hay con người thì đều là ác

pháp cả. Thả hoa đăng đẹp mắt thật, đẹp trong canh giờ nhưng di hại lâu dài, ý tưởng thả hoa đăng mừng đản sanh Phật cũng hay nhưng không thiết thực. Chi bằng hãy thường xuyên niệm Phật, “ không làm các việc ác, hãy làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch”, luôn làm theo lời Phật dạy ấy là cách cúng dường cao quý nhất, ấy là cách báo ân Phật tốt nhất, ấy cũng là bản hoài của chư Phật nói chung của Phật bổn sư Thích Ca Mâu Ni nói riêng.

KIỀNG BA CHÂN

Tiếng khánh réo rất ngân dài và lan toả trong không gian như những vòng sóng tròn, càng loang xa vòng tròn càng lớn, bao trùm cả đất trời. Âm thanh bay lên tận trời xanh, xuyên thấu vào lòng đất như mũi dùi chọc thủng cả địa ngục A Tỳ. Bọn quỷ đói rùng rùng kéo về hướng phát ra tiếng khánh, chúng đông hơn quân Nguyên, hình thù quái dị, trông gớm ghiếc vô cùng. Cứ thường lệ mỗi buổi chiều, chúng ngóng đợi tiếng khánh để được ăn bữa chiều

Chùa Tâm Tịnh rất nhỏ bé và đơn sơ, vốn là ngôi nhà cũ cải gia vi tự, chánh điện nhỏ, tôn trí pho tượng Thích Ca ở chính vị và sau lưng là bộ Tây Phương tam thánh. Vật có giá trị nhất có lẽ là quả đại hồng chung, quả chuông to bự sư vừa mới đúc năm rồi, màu đồng còn sáng choang chưa lên màu thời gian. Tuy là chuông mới nhưng âm thanh lại có nội lực không khác những quả chuông vài trăm tuổi, tiếng chuông đã sớm trở thành một điều không thể thiếu của cư dân khắp các tổng quanh chùa.

Tiếng khánh vừa dứt thì bọn quỷ đói đã đầy sân, chúng ồn ào, nhốn nháo trông lộn xộn quá. Con quỷ đầu đàn tên là Hoả Diện Bạch Trảo Nha gầm gọng:

- Chúng mày im lặng và trật tự, ăn uống chẳng mất phần! Đứa nào quậy phá thì Hộ Pháp đập cho một chùy thì ba má

chúng mày cũng nhận không ra.

Một con quỷ nữ bước lại gần nó, hình dong cũng rất dễ sợ không khác gì bọn quỷ kia cả nhưng nếu tinh ý thì sẽ thấy nó là một con quỷ đẹp nhất trong bọn, nét son sắc má đào của nó ẩn dưới lớp quỷ. Nó cất giọng ỏn ẻn:

- Đại vương, em đói quá, em phải ăn trước!

Hoả Diện Bạch Trảo Nha gật đầu:

- Dĩ nhiên, em phải trên trước bọn chúng!

Những con quỷ đứng gần nghe thế bèn lùi ra xa hơn một tí, có đứa không hài lòng nhưng không dám ho he. Ni sư Minh Lý vẫy mấy muông cháo, lập tức cháo biến hoá đầy cả hư không. Bầy quỷ ăn no nê, không cần phải tranh làm gì, thế mà chúng vẫn tranh. Con quỷ chúa phải canh chừng la hét kéo không chúng làm loạn lên. Buổi thí thực xảm tối chấm dứt, bọn quỷ ăn xong biến mất nhanh như lúc chúng kéo đến.

Tối cuối tuần, ni sư Minh Lý cùng những đệ tử và mấy Phật tử tại gia ngồi trì chú trong chánh điện. Tiếng trì chú rì rầm, tiếng mõ lốc cốc, thỉnh thoảng tiếng chuông boong vang lên, đánh thức sự hôn trầm của vài người, vực dậy cái âm bình bình và không khí trầm lắng. tiếng chuông như đập vỡ cái vỏ ảo giác vô minh trong phút giây hiện tại, lại như đoá hoa sen vượt lên khỏi đầm bùn mà nở hoa. Trong đám ngạ quỷ ấy, có vài đứa ăn cháo xong chẳng chịu đi, mà nán lại nghe chú, nghe kinh. Hoả Diện Bạch Trảo Nha và con quỷ cái kia thường ở lại cho xong khoá lễ đêm. Con nữ quỷ ấy tên Mỹ Diện Tế Yêu, nó thì thâm với quỷ chúa:

- Mấy cô đệ tử nhỏ quá, sao lại đi tu chi cho cực?

Quý chúa trả lời rằng:

- Với những cô đã đủ tuổi trưởng thành thì đó là tâm nguyện của họ, còn những cô quá bé có thể là những đứa trẻ mồ côi do chùa nuôi, hoặc con nhà quá nghèo, nuôi hồng nãi nên đem lên gởi cho chùa.

Nữ quý lại hỏi:

- Vậy khi lớn lên, họ không muốn tu nữa mà muốn về nhà thì có được không?

- Dĩ nhiên! đạo Phật rất tự do, dân chủ. Ai cũng có thể tu và ai cũng có thể rời bỏ, đạo Phật không có trừng phạt hay nguyên rủa như những tôn giáo khác.

Mỹ Diện Tế Yêu lại hỏi:

- Vậy bọn người họ tu chi vậy?

- Để thoát kkkhở, để vượt qua sinh tử, còn nếu như thấp hơn thì để kiếp sau tái sinh vào một hoàn cảnh tốt đẹp hơn, thân tướng xinh đẹp hơn...

- Thế những người vốn giàu có, xinh đẹp, thông minh rồi thì còn tu để làm gì?

- Nếu kiếp hiện tại là thế nhưng chắc gì kiếp sau còn được như vậy, bởi thế mới tu để duy trì hoặc là thăng tiến hơn

- Bỏ thí để kiếp sau giàu có, học kinh để kiếp sau thông minh, tu tâm tu tướng để kiếp sau thân tướng xinh đẹp. Nhưng khi giàu sang xinh đẹp rồi thì sanh hưởng thụ, gây nghiệp xấu thế là lại đọa, há chẳng phải luẩn quẩn vô ích sao?

Quý chúa ngần ngừ chưa đáp thì lúc ấy có vị thiên vương

hiệu là Đa Văn hiện thân tướng rực rỡ trước mặt chúng và nói rằng:

- Tu để để đời sau giàu sang, xinh đẹp, thông minh... là phương tiện mà nói, đây không phải mục đích của nhà Phật. Việc dùng phương tiện để dẫn dụ cũng giống như bọc đường cho viên thuốc dễ uống. Con đường tu tập vất vả gian nan và dài lâu, không dễ gì đạt được thánh quả, nhất là trong đời mạt pháp này. Không đạt thánh quả thì sinh tử luân hồi vẫn còn, bởi vậy tu để đời sau tốt đẹp hơn cũng quan trọng lắm, giữ được thân người đã khó, được thân người mà đầy đủ phước báo thì còn khó hơn khó. Năm xưa Thế Tôn từng dạy:” Được thân người như đất dính ở móng tay, mất thân người như đất ở đại địa”. Vì vậy tu phước tu huệ để đời sau có thân tướng xinh đẹp, thông minh, giàu sang cũng là quý lắm. Đời sau đủ phước báo lại tạo nghiệp thì đời kế tiếp bị đọa, nhà Phật gọi là tam thế oan. Đạo Phật là đạo xuất thế, không chủ trương mưu cầu phước báo nhân thiên mà mục đích chính là trí huệ để liễu sanh thoát tử.

Vị thiên vương dứt lời thì tiếng chuông hậu kết khoá lễ cũng vang lên. Vị thiên vương ấy cùng với quý chúa Hoả Diện Bạch Trảo Nha và nữ quỷ Mỹ Diện Tể Yêu đồng bái tạ Phật xong rồi biến mất. Ni sư Minh Lý xuống trai đường cùng các sư muội và mấy đệ tử tại gia ăn nhẹ bữa tối. Cô điệu Diệu Liên hỏi:

- Bạch sư cô, giới luật bảo ngày ăn một bữa mà chùa mình ngày ăn ba bữa, vậy có phải là phạm giới chăng?

Sư cô Minh Lý nhẹ nhàng cười:

- Giờ con ăn ngày một bữa chịu nổi không? tất nhiên là

không rồi, giới luật là thế, nhưng vào sâu đời mật pháp căn cơ con người càng xuống thấp, trí huệ kém, đạo hạnh yếu, đã thế những bậc tông lâm thạch trụ bị đồng đạo cô lập, quyền lực thế tục bao vây phong tỏa... Bọn chúng mình chỉ là những kẻ giữ chùa mà thôi, không mong gì chứng đắc giải thoát trong kiếp này. Duy có việc ráng tu để đời đời được gặp Phật pháp, gặp chánh pháp là có hy vọng lớn nhất. Tuy kiếp này không chứng đắc liễu sanh thoát tử nhưng chúng ta giữ gìn ngọn đèn chánh pháp, giữ gìn mạng mạch Phật pháp tại thế gian này. Chúng ta là gạch nối tiếp nhận từ lịch đại tổ sư và truyền lại cho thế hệ sau. Việc duy trì Phật pháp ở thế gian không chỉ lợi ích cho người mà còn lợi ích cho chư thiên thần và vô số chúng sanh mà mắt mình không thấy được. Chúng ta tuy là phàm tăng, phàm ni nhưng vẫn là con Phật, là hạt giống Phật pháp ngày đêm thực hành sứ mạng Như Lai phó chúc.

Cô Phật tử Quảng Hương là một Phật tử siêng năng và thành tâm, luôn hộ trì chùa và những công việc lợi ích cho đạo cho đời. Cô tâm sự:

- Bạch ni sư, đời bây giờ có nhiều vị lạm dụng của cải tam bảo, tiền bạc của đàn na tín thí, mua đất, tích trữ tài sản riêng, du hí khắp nơi, thậm chí làm những việc bại hoại xấu xa làm cho hàng Phật tử chúng con rất hoang mang, nhiều người bỏ chùa, xa rời đạo, mất niềm tin ở quý thầy. Có nhiều vị lên ti vi công khai xu nịnh quyền thế, phát biểu linh tinh, thế tục hoá chuyện đạo...Nhiều Phật tử bất bình, dân chúng mĩa mai, các tín đồ đạo khác lợi dụng cơ hội bài bác đạo Phật.

Ni sư Minh Lý lắng nghe và im lặng hồi lâu

- Đúng thế, truyền thông và mạng xã hội đưa tin khá nhiều, đây là điều đáng tiếc! Ni tôi giữ Bát kinh pháp nên không thể

nói gì, chỉ mong các Phật tử giữ gìn chánh tín, đừng để những việc sai trái của các vị ấy làm suy giảm đạo tâm của mình. Việc ai sai người ấy chịu, tuy nhiên chúng ta cũng dính lây vì cùng cộng nghiệp. Đạo Phật cũng như mọi pháp của thế gian, không thể tránh khỏi việc thăng trầm, không thể nằm ngoài quy luật thành- trụ- hoại- không. Kiếp người ngắn ngủi, không kịp thấy được thời gian thịnh suy của đạo pháp, ni tôi mong mỗi các Phật tử giữ vững niềm tin vào chân lý mà Thế Tôn đã dạy, hãy tu học Phật pháp bằng lý trí, đừng dụng cảm tình, nhiều khi cứng dường không đúng cũng là cái duyên tạo nghiệp xấu vậy! Đêm cũng khuya, các Phật tử về nghỉ, ni và các sư muội cũng cần nghỉ một tí để sáng sớm dậy công phu.

Quá nửa đêm, ni sư mơ màng thấy hai vị hộ pháp và thổ địa đến. Thổ địa thưa:

- Bạch ni sư, đất linh tại đức! thổ địa tôi coi gạch đất đai, tất nhiên có cuộc đất của chùa Tâm Tịnh này. Tôi luôn hộ trì những nơi giữ gìn Phật pháp và những vị có giới đức, tinh tấn tu học. Cuộc đất ở đây tuy không vượng nhưng dưới sự hộ trì của thổ địa tôi thì không có một việc xấu nào có thể vào được phạm vi kiết giới của chùa. Có những nơi cuộc đất tốt nhưng vì người ở đây giải đãi, phạm giới, mượn chuyện Phật làm việc ma thì tôi nhất định không ngó ngang gì đến. Chùa Tâm Tịnh tuy nhỏ và tuổi đời chưa nhiều nhưng tôi hết sức hộ trì.

Thổ địa thưa gởi xong thì hộ pháp nói:

- Tôi vừa đến đây, chùa tuy nhỏ, Phật tử còn thưa thớt, cuộc đất không hẳn tốt nhưng đôi khi ấy lại là cái hay. Ni sư chắc cũng biết câu:” Duyên đời thịnh thì duyên đạo suy và ngược lại”. Hộ pháp tôi không câu nệ hình thức chùa to tượng lớn, không quan tâm đệ tử đông, cứng dường nhiều... hễ ai tinh

tấn tu học, giữ gìn giới đức, không xu phụ quyền thế thì tôi tận tâm hộ vệ. Cứ mỗi chiều đến giờ thí thực, bọn quỷ đói kéo về rất đông, trong số ấy có không ít đứa phá phách và cũng có nhiều đứa mến mộ Phật pháp. Tôi nhiếp phục những kẻ ngỗ nghịch và hộ trì cho kẻ mộ đạo kia. Sư cô cũng đã cảm hoá không ít kẻ trong bọn chúng bởi đạo hạnh và giới đức. Người đời không biết, không thấy nhưng trời đất quỷ thần chẳng có làm bao giờ.

Sáng hôm sau sư cô nhận được cuộc điện của bà chủ tịch cộng đồng trong thị trấn, bà ấy nài nỉ:

- Thưa ni sư, chúng tôi mời ni sư đến dự và cắt băng khánh thành cho buổi lễ:” Xúc tiến kinh doanh, thương mại và du lịch” tại thương xá Tân Thịnh Đạt. Trong buổi lễ này chúng tôi sẽ giới thiệu ni sư và gây quỹ cho chùa của ni sư

Ni sư Minh Lý từ tốn:

- Xin cảm ơn tình cảm của bà chủ tịch cộng đồng, tôi chúc cho buổi lễ thành công tốt đẹp và mọi việc thịnh đạt như cái tên của thương xá. Tôi không thể tham dự buổi lễ này và cũng xin đừng lạc quyền gì cho chùa Tâm Tịnh, mong bà chủ tịch thông cảm cho.

Bà chủ tịch cộng đồng vẫn nài nỉ mấy bận nữa và hỏi lý do tại sao thì ni sư bảo:

- Chùa Tâm Tịnh đủ vật thực để sống và tu nên không cần lạc quyền, người xuất gia không thể tham gia vào những việc của thế gian

Mấy cô điệu ngời nghe ni sư Minh Lý từ chối, lòng đầy thắc mắc. Cô điệu Minh Phước hỏi:

- Bạch ni sư, người ta tạo cơ hội gây quỹ cho chùa, mình sẽ góp dần để xây lại chùa đúc tượng lớn, sẽ có nhiều người biết đến danh tiếng của chùa, các mối quan hệ xã hội sẽ rộng mở hơn... sao ni sư từ chối?

Ni sư Minh Lý nhớ lời của Thổ Địa:” Duyên đời thịnh thì duyên đạo suy” nên cười mỉn:

- Chùa mình đầy đủ vật thực để sống, tuy nhỏ và cũ nhưng không sao cả, xây chùa to tượng lớn thì cũng đẹp nhưng không quan trọng, quan trọng là ở chỗ tinh tấn tu học, hành trì giới luật. Có trí huệ mới có định, có trí huệ mới giải thoát. Mình đi tu là để buông bỏ chứ không phải tích lũy . Ngày xưa Thế Tôn bỏ cả của cải, địa vị, danh vọng... mà thế gian này ước ao, nay mình đi cầu một tí danh lợi ấy để làm gì? vừa vô nghĩa vừa uổng cho đường tu của mình. Ni tôi đã thấy nhiều ngôi chùa sau khi xây to lớn xong thì bao nhiêu chuyện xảy ra: điều hành, chức danh, lo tiền chi trả, lo giao tế xã hội, việc thế gian xen vào chùa, hoạt động thế tục lấn át việc tu...và nguy hiểm hơn là những âm mưu chính trị hoá việc chùa. Duyên đời cực thịnh thì duyên đạo suy trầm trọng, thật tình mà nói thì chùa to tượng lớn chỉ thoã mãn thị hiếu khách du lịch, người văn cảnh chứ chẳng có ích chi cho việc tịnh tu, tấn tu cả!

Mấy cô đệ tử lí nhí cảm ơn ni sư khai thị, ni sư lại nói:

- Chúng mình ở đây đủ vật thực để sống, đủ hương hoa để cúng dường , đi theo con đường Thế Tôn đã mở... vậy là có phước báo lớn lắm rồi. Các con giữ giới mình đã thọ, tất nhiên cũng phải theo nội quy của bốn tự, nếu các con cảm thấy không thoã mãn thì các con có thể tìm nơi thích hợp hơn với duyên mình. Ni sư không cấm cản các con, nghe thế cả

bọn đứng dậy đánh lễ ni sư và đồng thưa:

- Chúng con nguyện tu học và noi theo gương ni sư.

Ni sư dạy:

- Chúng mình là con nhà Phật, cách báo ân Phật chân thật nhất, hiệu quả nhất là giữ gìn giới đức, tinh tấn tu học, hiểu rõ nghĩa lý ý thú kinh điển và lời Phật dạy. Chúng mình phải sống sao cho xứng đáng với ba chữ: “ Chúng Trung Tôn”. Nhà Phật có câu:” Sa môn bất bái vương gia”, sa môn là người tu đạo không kể là nam hay nữ, không xu phụ quyền thế, không theo gian nhân ác đảng, không phò thế tục... tuy xuất gia nhưng sa môn cũng là con dân của một nước, chúng mình không thể mũ ni che tai làm ngơ trước thảm cảnh dân oan nước loạn. Người tu đạo ngoài tâm đại bi còn phải có trí huệ và chút vô úy nữa. Có từ bi mà thiếu huệ và vô úy thì không làm được gì, có trí huệ mà thiếu từ bi và vô úy thì cũng như không, có vô úy mà không có trí huệ và từ bi thì việc sẽ sai vạy...Bởi vậy từ bi, trí huệ và vô úy như cái kiềng ba chân, hễ thiếu một là hỏng, phải có ba thì mới xứng là “ Chúng Trung Tôn”.

Các tiểu ni và tiểu đệu cảm thấy khoan khoái với lời dạy của ni sư, làn sóng giao thoa của những tâm hồn đồng điệu làm cho ai nấy mặt mày tươi tắn như hoa, rạng rỡ như toả quang và hoan hỷ.

Buổi sáng vườn chùa tươi mát trong lành, tiếng chim rít rít rộn ràng, hoa nở hương bay theo làn gió. Các tiểu ni và tiểu đệu vui vẻ đi làm phần công việc của mình.

KHÔNG CAN HỆ GÌ

Con sông Hoàng Hạ chảy xuyên qua trấn Hoàng Hoa quanh năm xanh biếc, nước từ miền tuyết lạnh tan ra nên tinh khiết vô cùng. Khúc quanh qua trấn nước lại có màu như ngọc lưu ly, đứng trên cầu Hoàng Hương nhìn xuống dòng sông thì cứ ngỡ bông bênh. Mây trắng lững lờ không biết là trên trời soi bóng xuống hay là từ đáy nước hắt lên? Hai bên bờ cao lâu, tửu điểm san sát nhau, những bồn hoa bốn mùa khoe sắc... Khách du từ bốn phương tìm đến thưởng thức cái đẹp cũng như cái ẩm thực nổi danh của trấn, giai nhân mặc khách nhiều nhưng phạm phu tục tử cũng không ít. Khách thô ấy vậy mà nhiều tiền, cũng nhờ thế mà trấn ngày càng hưng thịnh hơn

Quán Hoàng Vân nằm sát mép sông, thủy tạ của quán xia ra ngoài mặt nước, bàn ghế bằng sắt sơn đen với hoa văn kiểu phục hưng trông xinh xắn, những lẵng hoa viền quanh lan can đủ màu sắc trông đẹp mắt vô cùng, quả thật đây là một điểm lý thú để ngồi ngắm cảnh. Khách ra vào khá tấp nập, ở một góc sát lan can có hai người đang ngồi với một nệm Hoàng Hoa tửu danh tiếng của trấn này. Họ lặng lẽ như chìm đắm trong một thế giới nào đó, thỉnh thoảng nâng chén cụng nhẹ làm vang ra một âm thanh keng như tiếng pha lê cũng rất mơ hồ chứ không ồn ào sôi động như những thực khách của mây bàn bên trong.

- Này Tú, tớ tôn trọng sự lựa chọn của cậu nhưng thật sự tớ

thấy thật uổng khi cậu quyết định bỏ ăn thịt! đời có bao nhiêu đâu? Sao không cứ hưởng đi, vả lại thịt cá và thức ăn trên đời này đều do thượng đế ban cho, kể cả mạng sống của chúng ta cũng do chúa tạo ra. Chúng ta có quyền hưởng những gì chúa cho, vả lại vạn vật sinh ra rồi nó cũng phải chết kia mà! Đoan vừa chiêu ngụm rượu vừa nói

Tú nhìn Đoan cười mỉn:

- Tớ cảm ơn cậu, tớ cũng tôn trọng đức tin của cậu nhưng tớ thấy con vật nó cũng biết đau, cũng tham sống sợ chết như mình, nó cũng có gia đình và biết quyến luyến...Khi mình bị một vết thương, vết bỏng...thì đau xót lắm phải không? vậy mà con vật bị đập chết, bị thiêu đốt, bị giết thịt... thì nó đau đón biết đường nào! Con vật nó nào có cam tâm chịu chết dâng máu thịt cho mình ăn, cái tâm oán hận của nó sẽ sâu lắm! về mặt khoa học thì ăn thịt hiện nay rất không tốt, vì toàn được nuôi trong trại với các chất tăng trưởng, chất kích thích... nếu tích tụ nhiều sẽ gây ung thư hoặc các triệu chứng khác. Còn về mặt tâm linh, nếu đã bảo vạn vật và sự sống do thượng đế tạo ra lẽ nào thượng đế lại tàn nhẫn vô tâm đến độ cho phép giết mạng sống này để bồi bổ mạng sống kia? cậu nghĩ thử xem có hợp lý không ?

Đoan còn chưa nói gì thì lúc ấy có hai cô gái xinh đẹp đến mời rượu:

- Em xin chào hai anh đẹp trai, mời hai anh thử rượu của chúng em. Đây là danh tửu của lò Hoàng Hộ: nào là cửu xà thần công, hải cầu xung quan, ngọc dương thiết trụ, huyết tửu lưu tinh...rất sung sức, giúp các anh ăn chơi xả láng mà không biết mệt; ngoài ra chúng em còn làm đại lý cho các nhãn hiệu rượu Tây như: ông già chống gậy, nhân mã, sương

mù, nước mắt gấu Bắc Cực...cực kỳ bốc. Hiện chúng em có khuyến mãi, chai lớn tặng chai nhỏ.

Miệng nói tay rót rượu mẫu mời hai người, tuy cười cầu tài nhưng quả thật hai em xinh đẹp và vóc dáng rất hấp dẫn. Đoan xiêu lòng:

- Mình mua ủng hộ hai em chứ? đồng thời lâu lâu chơi xả láng đêm nay đi, còn chuyện gì thì để mai tính!

Tú không trả lời Đoan mà nói với hai em tiếp thị:

- Cảm ơn hai em, bọn anh đã có nệm Hoàng Hoa tửu trữ danh này rồi!

Hai cô vẫn ưỡn ẹo nài nỉ mấy bận nữa rồi mới bỏ sang bàn khác. Đoan cảm râm;

- Cậu sống khác khổ để làm gì? cứ như ông cụ non ấy, hay là cậu muốn thành thánh?

- Tớ thấy mình sống rất thoải mái, an lạc chẳng có gì khổ cả!
Tú trả lời

Đoan lại tiếp tục:

- Cái thuyết sắc sắc- không không của nhà Phật sao thấy mơ hồ, hư vô như phủ định hết tất cả! quan điểm gì mà nhìn đâu cũng thấy khổ, toàn nói khổ...làm cho cuộc đời này trở nên nặng nề và u ám quá!

Tú nhìn xuống dòng sông, bóng hoàng hôn rực đỏ chảy dài theo dòng nước, tay cầm chén rượu xoay xoay trông rất thư thả:

- Thật sự là thế! nhưng nói khổ, biết khổ để đi đến hết khổ

chứ không phải để u ám! Mẹ cậu cũng như bao người mẹ khác trên thế gian này mang nặng đẻ đau có khổ không? Mưu sinh vất vả có khổ không? rồi đau yếu bệnh tật, chết chóc...có khổ không? mới hôm nào người yêu của cậu bỏ cậu, cậu vất vả dờ sống dờ chết có khổ không? rồi thân tâm cậu ngày đêm mong muốn cái này cái kia mà không được có khổ không? rồi có những người cậu không ưa nhưng có phải đối diện hoài có khổ không? Cậu thấy nhà Phật nói khổ nhưng mới chỉ biết có một nửa, còn một nửa sự thật thì cậu không biết! đó là con đường thoát khổ, cách thoát khổ! Cậu thấy đây, tớ bỏ ăn thịt cũng vì tôn trọng sự sống. Tớ quyết bỏ rượu thịt, gái gú, nói xạo hay trộm cắp... cũng là cách thoát khổ, đi những bước đầu tiên trên con đường thoát khổ. Đây là những bước căn bản nhất, thấp nhất trong muôn ngàn cách mà nhà Phật chỉ dạy! đừng nói gì Phật tử hay không Phật tử, nếu tất cả mọi người trên thế gian này cùng thực hiện những điều căn bản trên thì thế giới này sẽ bớt khổ, sẽ an hoà từ ái, sẽ đẹp đẽ và đáng sống biết bao!

Đoan ngồi tựa lưng vào ghế một cách thoải mái lắng nghe, có lẽ anh ta cũng thấy có lý nên không ý kiến hay phản bác gì. Lát sau thì anh ta lên tiếng:

- Nhưng cái luật nhân quả thì hay, gieo gì gặt nấy! nhưng cậu biết đấy, tớ vốn người ngoại đạo, không thọ giới nên tớ chẳng chịu sự ràng buộc hay chi phối của nó!

Tú lấy chân đá Đoan một cái, nâng chén cộng mạnh làm vang lên tiếng keng trong chảo. Tú cười bảo Đoan:

- Cậu thấy không? Hai chén cộng nhau nhẹ thì âm thanh nhỏ, nếu cộng mạnh thì tiếng vang to và dài hơn, còn như không va chạm nhau thì sẽ không có âm thanh. Tiếng vang của việc

cụng nhau nó chẳng can hệ gì đến nhãn hiệu của cái chén cả, dù chén kiêu hay chén sành!

Đoan cãi:

- Tớ không đồng ý! Chén kiêu tiếng thanh và trong hơn chén sành.

Tú vỗ lên tay bạn:

- Cậu nói đúng! tiếng vang ngoài việc phụ thuộc vào lực va chạm mà còn ảnh hưởng bởi chất liệu và tay nghề của người làm ra. Cái đó trong nhà Phật gọi là duyên, giữa nhân và quả còn có cái duyên; đôi khi cái duyên nó lại làm cho cái quả tốt hơn hoặc tệ hơn. Ví như cậu gieo lúa mà thiếu nước, phân, chăm sóc, thời tiết... thì lúa sẽ mất mùa, cầm bằng ngược lại thì sẽ được mùa!

Đoan thôi không nói gì thêm, cả hai nhìn xuống dòng Hoàng Hạ đang loang loáng ánh hoàng hôn. Phố xá hai bên bờ bắt đầu lên đèn, những dây bóng đèn đầy màu sắc để trang trí in bóng xuống nước cứ như những chuỗi trân châu đầy màu sắc. Đặc biệt những trụ đèn sáng trắng hai bên bờ in dài theo con nước, nhìn xa xa cứ như một chuỗi ngọc nước khổng lồ.

Bất chợt Đoan khích:

- Cậu thánh thế! cậu chơi với tớ không ngại sao?

Tú đập Đoan một cái thật mạnh tưởng chừng như ngã cả ghế:

- Cậu nói nhầm, tớ với cậu là bạn từ nhỏ đến giờ, gần nhà chung lớp... Đừng nói là bạn của hôm nay, của kiếp này mà còn có thể là anh em, thân nhân trong quá khứ! Mỗi người chúng ta đến thế giới này đều có mối liên hệ gắn kết với nhau

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

cả, đến để đền ơn báo ơn hoặc đến để báo oán trả oán, tùy theo duyên nợ mà có những mối quan hệ thân hay sơ. Cậu có thể không tin hoặc chưa tin, nhưng một lúc nào đó thì cuộc đời cũng sẽ chứng minh cho cậu thấy!

Đoan cười ngặt ngẽo:

- Nói chơi vậy thôi chứ cậu là bạn thân nhất của tớ, dù thế nào cậu vẫn là bạn của tớ. Tớ hy vọng chúng ta không phải vì oán mà đến với nhau!

Cả hai nghe nhiều bước chân nện trên sàn gỗ và tiếng nói oang oang rất quen, quay lại nhìn thì thấy bọn thằng Tùng, Minh, Phước... kéo đến. Thằng Tùng la toáng lên:

- Hai thằng chơi mảnh lẹ, không hú anh em một tiếng!

Tú nói:

- Cậu xem lại điện thoại của cậu trước đi, tớ nhắn tin ba lần không trả lời mà còn trách!

Thằng Vân nhanh nhẩu:

- Nghe nói cậu bỏ ăn thịt rồi sao còn đến quán này?

Giọng tú chắc nịch và tự tin:

- Thì tớ có ăn thịt đâu?

Vân vẫn tiếp tục trêu:

- Cậu lại uống rượu nữa kìa!

- Thịnh thoảng tớ nhâm nhi tí chút với bạn hữu cho vui vẻ hoà thuận với anh em chứ không phải uống lún luôn cho say

xỉn, dù gì tớ cũng là cư sĩ tại gia cần hài hoà giữa lý tưởng và thực tế cuộc sống chứ không thể nhất nhất giới luật như tu sĩ. Hồi nào giờ cậu có thấy tớ ham ăn nhậu hay say xỉn lần nào chưa? Tú phân trần.

Cả bọn nhao nhao:

- Thôi đi Vân! đừng có trêu cậu ấy nữa, không chừng cậu ấy xuất gia thì tụi mình mất thằng bạn dễ thương nhất đây!

Thằng Vân áp sát ghế Tú và cù lét làm cho Tú cười ngặt nghẽo không thôi, cả bọn sà vào bàn và gọi người mang thêm chén đĩa ra. Tiếng cười đùa, tiếng chuyện trò vang động một khúc sông.

THƯ GỬI ĐỨC PHẬT

Ngày hôm nay, tháng này, năm hiện tại

Hôm nay con đang ở tại nơi đây và ngay lúc bây giờ, con viết lá thư này thành kính dâng lên đức Thế Tôn. Trước hết con đề đầu đánh lễ Thế Tôn, đánh lễ chư Phật ba đời mười phương cùng tất cả hiền thánh tăng. Không phải đến bây giờ con mới nhớ Phật để viết lá thư này, thật tình thì lúc nào con cũng nhớ Phật cả, tuy nhiên cũng có đôi khi con trốn Phật đi theo đám ma quân ngũ dục để làm những việc sai quấy hòng thỏa mãn cái tôi ích kỷ của mình. Đây chính là lý do mà hôm nay con viết lá thư này, cứ mỗi lần theo đám ma quân ấy, làm việc gì đó trái với thanh tịnh, hiền thiện thì con lại sanh tâm sám hối. Khổ nỗi sám hối rồi một thời gian sau lại tái phạm nữa, quả thật cái đám giặc ngũ dục lục trần nó đầy mê hoặc và quyến rũ, trong lúc ấy thì bản lĩnh của con kém quá, thiện hữu tri thức thì không có mấy ai gần, thầy thì xa... Đôi lúc con cũng tập buông bỏ nhưng buông một thời gian là lại ôm vào, cứ như thế mà xả quân chẳng tiến bộ được bao nhiêu. Thâm tâm con nhiều lần ước mong dần bước theo con đường mà năm xưa Thế Tôn đã đi, tiếc rằng cái giấc mơ đó không đủ mạnh để cưỡng nổi những ràng buộc của cuộc đời.

Kính lễ đức Thế Tôn, hình như người thế gian ai ai cũng dính chặt vào ngũ dục lục trần? chỉ có một ít người đồng mãnh tinh tấn mới buông được. Mà nào chỉ ngũ dục lục trần, những

mối quan hệ giữa người với người cũng là một sự ràng buộc chặt chẽ và rối rắm: nào là yêu - ghét, Thương - hận, thân - sơ, ta - địch, ơn - oán... Những mối ràng buộc đầy phiền não và hệ lụy này nó trói con người ta lại với nhau, người với người “dính” nhau như những con cua bị những cái que của chúng bầu víu thành một chùm. Con người tự làm khổ mình, làm khổ lẫn nhau, cái khổ và sự ràng buộc cứ hết đời này sang đời khác. Chỉ có những kẻ vâng lời Như Lai, cắt ái từ thân, ly gia đoạn dục mới thoát khỏi những hệ lụy này.

Kính lễ đức Thế Tôn, trong giai đoạn chánh pháp và tượng pháp có nhiều thánh nhân và hiền nhân ra đời. Con người còn dung dị, tâm địa còn tương đối thanh tịnh nên việc học đạo dễ dàng hơn hôm nay. Thời đại hôm nay là thời mạt pháp, tài sắc nó lấy lòng kinh khủng lắm, truyền thông và mạng xã hội đang từng phút giây thúc đẩy, khuếch trương tới đa sự đam mê ngũ dục. Nó làm cho con người ta mê muội và chìm đắm trong vũng bùn ngũ dục ấy. Con người càng ngày càng tham lam, sân hận và si mê. Chủ nghĩa vật chất thúc đẩy con người sa vào cái vòng quay điên cuồng, tham muốn hưởng thụ, manh tâm tranh đoạt, tàn bạo ra tay chiếm hữu... Con người ngày hôm nay không còn một phút giây nào để ngồi xuống thở trong an lạc. Thế rồi đại dịch xảy ra, toàn thế giới này hoảng sợ, người ta sợ đến độ không dám lại gần nhau, từ chối bắt tay, bịt mũi, bịt miệng, thậm chí còn tạo ra cái khiên che mặt mình. Mọi người nghi kỵ nhau, ai cũng nhìn người đối diện như một mối họa. Mọi hoạt động của xã hội loài người đình trệ, hàng chục triệu người nhiễm bệnh, hơn triệu rưỡi người đã chết, hậu quả thật dễ sợ! Nhưng thưa Thế Tôn, người ta thường nói “ Trong cái rủi có cái may”, nhà Phật cũng bảo “ Họa phúc xoay vần”, nhà Nho nói “ Họa trung

hữu phúc"... Đại dịch tuy đáng sợ, gây ra sự đình đốn và chết chóc nhưng nó cũng có mặt tốt. Nhờ đại dịch mà thiên nhiên có cơ hội phục hồi sau một thời gian dài bị phá hủy bởi sự khai thác tàn hại của con người: đất đai hoang hoá, núi rừng cạo sạch, đồng ruộng, sông ngòi, biển cả... ô nhiễm nghiêm trọng bởi chất thải công nghiệp, rác nhựa, hoá chất. Khí hậu ấm lên do hậu quả nhà kính, băng hai cực trái đất tan, nhiều vùng đất có nguy cơ bị nhấn chìm. Muôn loài thú hoang bị tàn sát để ăn thịt, làm đồ mỹ nghệ, làm thuốc, thậm chí bị giết để làm thú vui tiêu khiển với cái mỹ từ thể thao săn bắn...

Kính lễ đức Thế Tôn, dịch bệnh là một trong “ tam tai” mà Thế Tôn đã đề cập trong kinh điển, khi nghiệp sát đến cực điểm thì sẽ xảy ra chiến tranh, dịch bệnh, mất mùa đói kém. Thế giới hôm nay khoa học kỹ thuật phát triển cao độ, sản vật dư thừa, có thể không đến nỗi đói kém (tuy nhiên đói kém vẫn thường xảy ra nhưng cục bộ ở một số địa phương nào đó, như ở châu Phi chẳng hạn) nhưng chiến tranh thì vẫn xảy ra và càng ngày mức độ tàn bạo hơn, chết chóc nhiều hơn, tàn phá kinh khủng hơn. Người ta có thể chỉ cần bấm một cái nút nhỏ xíu cũng có thể xóa sổ một thành phố như chơi, có thể giết cả triệu người trong phút chốc. Con người hôm nay với kỹ thuật tân tiến nó kinh khủng lắm, vừa giúp ích cho sự tiện lợi của đời sống nhưng cũng vừa có thể hủy hoại tất cả. Khoa học kỹ thuật tân tiến giúp cả thế giới liên kết và dính với nhau thành một hệ thống nhưng cũng có thể giết người trong chớp mắt, hủy diệt tất cả trong phút giây. Con người trong thế giới hiện đại hôm nay càng ngày càng tham lam vô độ, lừa sân hận ngút trời, sự si mê mờ mịt. Vật chất của cải, tài sản, tiền bạc...bây giờ nhiều hơn bất cứ giai đoạn nào của lịch sử loài người nhưng sự an lạc thì tỷ lệ nghịch, loạn động liên tục xảy

ra, không nơi này thì nơi khác, không lúc này thì lúc khác, không với lý do này thì với lý do khác nhưng chung quy không ngoài việc tranh đoạt ngũ dục mà ra. Mạnh hiếp yếu, lớn hiếp nhỏ, đông hiếp ít... dù có biện minh với bất cứ lý do gì thì đó vẫn cứ là việc tranh đoạt với sự sai xử của lòng tham, lừa hận và lý trí mê mờ.

Kính lễ đức Thế Tôn, chúng con quả là những đứa cùng tử, xa nguồn cội đã lâu, lang thang trong cát bụi, chìm đắm trong bùn lầy, khổ sở trong cuộc đời, quờ quạng tìm đường ra mà quên đi mình có hạt minh châu trong ché áo. Có đôi khi tỉnh ra nhưng bản tánh hèn kém không dám tin mình có của quý đáng giá nhường ấy, hoặc giả có tin nhưng cũng chưa dám xài đến, vẫn cứ ngày đêm tìm kiếm những thứ vật vãnh ở bên ngoài. Những gã cùng tử như chúng con, tuy có biết chút ít lý thuyết nhưng chưa thực hành được bao nhiêu. Sáu căn mê mờ, dính chặt vào sáu trần hư dối, để rồi sáu thức mê lầm. Tuy chúng con biết sắc là giả tạm, nó vốn là tứ đại hợp thành, nó là cái đây da hôi thối nhưng mắt thấy sắc là bập vào ngay, vì thế mà đắm mê chìm đắm. Từ đó mà thọ đủ thứ, tưởng ra bao nhiêu điều kỳ quặc, hành quấy quá và cuối cùng nạp hết vào trong tạng thức. Tham dục có bao giờ thỏa mãn, vì không thỏa mãn mà tái sanh, bởi vậy sanh tử chẳng bao giờ dừng dứt. Vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý dính chặt vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà khổ mãi, khổ hoại, khổ dài lâu, khổ bất tận...Chao ơi, những gã cùng tử còn mê muội đến bao giờ mới buông bỏ được đây?

Kính lễ đức Thế Tôn, trong số những gã cùng tử ấy cũng có một số tay lẳng tử hay du tử thẳng hoặc tỉnh ra, chỉ tiếc là bản lĩnh yếu ớt không đủ can đảm đi theo con đường mà Thế Tôn đã khai phá. Con thấy mình cũng có phần giống những tay du

tử ấy, chỉ mon men bên lề, hoặc chỉ rón rén ngoài rìa, tuy có lúc cũng đặt được một chân lên con đường ấy nhưng chân kia dính chặt trong dòng đời, thật đáng thương mà cũng đáng trách lắm thay! Những tay du tử ấy có đôi khi vâng lời Như Lai nhưng rồi đắm đuối mất biếc trong đời nên chẳng buông bỏ xuống để mà dần thân. Có một điều khả dĩ có thể an ủi chút ít là những tay du tử ấy tuy là cùng tử nhưng phần nhiều đều là hiếu tử và khá thanh cao. Giá mà những tay du tử ấy buông đặng, vâng lời Như Lai mà đồng mãnh tinh tấn thì sẽ tiến xa bay cao, tiếc thay, tiếc lắm thay!

Kính lễ đức Thế Tôn, chúng con là những gã cùng tử trong đạo, những tay du tử ngoài đời. Đời không xong mà đạo cũng chẳng tròn, dang dở giữa hai bờ, tiến thoái lừng khừng, buông nắm dùng dằng, bỏ lầy do dự...

Kính lễ đức Thế Tôn, hôm nay, bây giờ và ở đây. Con viết bức thư này kính dâng lên Thế Tôn. Con mến mộ và kính phục đức Thế Tôn vô cùng, từ một ông hoàng tốt đỉnh cao sang quyền quý, tài sắc đủ cả, thế gian được mấy người? Vậy mà Thế Tôn buông một cách dứt khoát như vứt chiếc dép rách để xuất gia và khai phá ra con đường giải thoát. Con đề đầu đánh lễ đức Thế Tôn, tạ thâm ân đức Thế Tôn. Ngày nay giáo pháp của đức Thế Tôn truyền khắp thiên hạ, nếu ngày xưa chỉ khu trú ở châu Á thì bây giờ có mặt từ đông sang tây: Á, Âu, Mỹ, Úc, Phi. Hôm nay có rất nhiều người da trắng và một số ít người da đen, người Mễ Tây Cơ đã buông bỏ tất cả để đi theo con đường mà đức Thế Tôn đã khai phá. Họ thực sự chỉ tam y nhất bát mà hành đạo, họ đang tán dương đức Thế Tôn, làm rạng rỡ giáo pháp của Thế Tôn. Họ không còn là những cùng tử hay du tử nữa. Họ thật sự là những Thích tử chân chính và tinh tấn. Chúng con ngưỡng mộ họ biết bao!

Kính lễ đức Thế Tôn, Hôm nay, bây giờ và ở đây. Con muốn bộc bạch chút tâm tư, ở quê con giờ có nhiều người cũng xưng là Thích tử nhưng lại làm những việc trái với giáo pháp và bản hoài của Thế Tôn. Họ đăng đàn nói linh tinh, phò thế gia, tham chính, thân chính, càn tình pháp lữ. Tuy miệng cũng nói lục hoà nhưng thực sự chẳng làm theo. Hàng Phật tử sơ cơ như chúng con ít nhiều hoang mang dao động, thế lực ngoại môn thừa dịp cười chê. Có những người cũng khoác cà sa, xưng Thích tử nhưng lại suy diễn làm tổn hại đến giáo pháp của Thế Tôn, lợi dụng sự ngờ nghệch của những người sơ cơ để trục lợi, nặng danh văn lợi dưỡng... Những người như thế quả thật là loạn tử đang làm ô danh hàng Thích Tử. Viết đến đây thì con giật mình, xin sám hối vì nói lỗi của người mà chẳng chịu xem lại mình. Con xin sám hối, quả thật một phút buông lung ý mà nói lỗi người. Con vẫn thường nghe “ Sự im lặng sấm sét”, đó là sự im lặng của Thế Tôn, của chư Bồ Tát, của chư hiền thánh. Con không đủ bản lĩnh để im lặng và cũng không muốn thỏa hiệp với cái sai, cái xấu nên mới buộc miệng mà thốt ra. Con vẫn nhớ đức Thế Tôn nói: Trong đời nhĩ nguyên mới có tốt – xấu, thiện – ác, đúng – sai, sạch – dơ... nhưng ở cuộc đời này, thế gian này thì làm sao mà đem chơn để áp vào tục để cho được?

Kính lễ đức Thế Tôn, đời hôm nay có nhiều kẻ nói nhảm dễ sợ, tuy giàu mà không sang, phú mà chẳng quý, học mà chẳng thức, đạo mà chẳng đức... trong đạo cũng có hiện tượng này, lượng mà chẳng chất, học mà không hành, nói mà không làm, xuất mà chẳng buông, chay mà chẳng tịnh... Quê con bây giờ san đồng xẻ núi để dựng những ngôi chùa mới cả chục triệu đô la, to lớn nguy nga như tử cấm thành, lộng lẫy như vương cung, tượng Tàu bày la liệt, cúng sao, giải hạn, trừ tà, trục

vong... rất rầm rộ, giá cả niêm yết hẵn hoi, thậm chí cho trả góp. Nếu năm xưa Thế Tôn xem cung điện vàng son, tài sắc danh lợi như chiếc dép rách, vứt bỏ như vứt gạch bể ngói vỡ để tu tập. Ngày nay thì bọn họ nhân danh Thế Tôn để xây chùa to Phật lớn, sơn son thếp vàng, mưu cầu danh văn lợi dưỡng, xem việc thân cận quan gia là vinh hạnh. Có những vị xuất gia tưởng đâu buông bỏ nào ngờ lại gia vào một cái gia khác, in danh thiếp với hàng chục chức danh mà thực sự chỉ là hữu danh vô thực. Thiền gia Nhật có câu chuyện kể:” Có một vị tướng quân đến viếng chùa, ông đưa tám danh thiếp cho chú tiểu vào trình hoà thượng trụ trì. Chú tiểu quay ra bảo: hoà thượng nói không quen biết người này. Vị tướng quân lập tức lấy bút xoá đi hàng chữ đại tướng quân. Chú tiểu vào trình lần thứ hai thì hoà thượng mới cho mời vào và nói đây là người bạn cũ của ta!” Lẽ nào các vị khoác cà sa in danh thiếp với chức vụ dài thòng lòng không biết câu chuyện này chẳng?

Kính lễ đức Thế Tôn, Con lại sa đà chuyện người nữa rồi, giờ con quay lại chuyện con. Con cố gắng giữ chánh niệm ngay hiện tại ở đây và bây giờ. Chánh niệm phải đi liền với chánh tư duy, nếu chánh niệm là biết và sống trọn vẹn với phút giây hiện tại, thì chánh tư duy sẽ biết biện biệt chánh – tà. Giả sử có người đang sát, đạo, dâm, vọng, tửu nhưng vẫn nói tôi sống trọn phút giây hiện tại, tôi chú tâm hoàn toàn vào việc làm ở phút giây hiện tại thì cái phút giây hiện tại ấy là tà niệm chứ đâu phải chánh niệm. Vì thế chánh niệm phải gắn liền với chánh tư duy, từ đó mở rộng ra là phải có chánh kiến, chánh tinh tấn...nếu thực hiện được cả tám cái chánh thì đến một lúc nào đó sẽ có kết quả tốt đẹp. Bát chánh đạo là con đường để chuyển phàm thành thánh, chuyển mê thành giác.

Kính lễ đức Thế Tôn, chúng con là những gã cùng tử, có đôi khi thấy mình trong thân phận du tử, trọn chưa phải là hảo tử nhưng cũng không đến nỗi làm xấu mặt Phật môn. Chúng con có đôi khi muốn lên cô sơn hú một tiếng xem tiếng vọng bao xa trong hư không, muốn ra bể cả hét một tiếng cho dậy sóng muôn trùng. Chúng con tự nhận biết sức lực của mình. Con chim sẽ không thể làm việc của đại bàng, vẹt đẹt không làm hồng học được. Tuy nhiên Thế Tôn vẫn dạy:” Chúng sanh, ai cũng có Phật tánh, ai cũng có thể giác ngộ”, bởi thế mà chúng con nuôi giấc mơ như vậy! Chúng con tuy là cùng tử nhưng vẫn hằng ngưỡng mộ và vọng về Thế Tôn.

Kính lễ đức Thế Tôn, lúc con viết bức thư này. Thời gian vẫn không ngừng trôi, cứ mỗi sát na qua đi thì cái già, cái chết gần hơn một tí. Quá khứ, hiện tại, vị lai từ một niệm tâm sanh ra, rồi mười phương hư không cũng thế, tử sanh cũng thế... Nhưng chúng con đang sống ở cái thế giới đối đãi, thế giới tục đế này nên vẫn biết và phân biệt rõ ràng khứ, lai, hiện tại. Chúng con vẫn sanh tâm yêu tốt ghét xấu, thích sanh sợ tử, phò chánh ly tà... Chúng con biết mình trí huệ mê mờ, đức hạnh không có, tinh tấn lơ mơ nên mãi vẫn chỉ là những tay du tử mà thôi, vẫn mãi mon men bên lề con đường chánh giác, bên rìa vườn hoa trang nghiêm xinh đẹp như Lăng Nghiêm. Tuy vậy cũng hưởng được chút hương vị pháp, một chút pháp vị của giải thoát nhưng đem lại an lạc và hoan hỷ lớn lắm. Chúng con đề đầu tạ thâm ân của Thế Tôn, tạ thâm ân chư Phật ba đời mười phương, tạ thâm ân tất cả chư Bồ tát, chư hiền thánh tăng.

LÃNG ĐĂNG THẮNG NĂM

Thế là chớm thu, lá lác đác vàng. Thời gian đi rồi đến nhưng thật có đến đi chẳng? Năm xưa thi sĩ Bùi Giáng từng bảo:” Đêm là diệu tướng đo là nghi tâm” kia mà! Làm gì có đến đi, đến đi là vọng tâm sanh ra. Thời gian vô thủy vô chung, đất trời không đầu không cuối. Cái vọng tâm sanh ra đến đi, sanh diệt; không phải đến khi cái thân vật chất cơm gạo này tắt thở mới là sanh diệt. Mỗi một ngày sanh diệt không biết bao nhiêu lần, sanh diệt trong từng sát na, một lần khởi vui mừng, hờn giận là một lần sanh diệt, một mộng khởi yêu ghét là lại diệt sanh, sanh diệt trong từng hơi thở. Bởi thế thiền gia mới bảo: Không sống bằng quá khứ, không sống ở tương lai mà hãy sống ở ngay phút giây hiện tại này!

Thời gian lãng đăng như nước chảy mây bay, như hoa rơi lá rụng. Thời gian năm tháng ngày giờ vốn có mà không! Ấy là người ta đặt tên cho nó, cắt đặt cho nó để thuận tiện trong cuộc sống của mình. Thời gian nó chẳng tốt chẳng xấu, chẳng may, chẳng rủi, chẳng lên, chẳng xuống, chẳng nhanh, chẳng chậm... Tất cả từ tâm vọng mà ra. Mình mê, người mê nên mới có ngày giờ tốt xấu, bói toán, xin xăm, cúng sao, giải hạn... Người không rõ lý đã đành, người khoác cà sa cũng làm vậy, ấy là gạt người, gạt mình. Trong kinh Thắng Hạnh Thế Tôn từng dạy:” Khi thân khẩu ý thanh tịnh và hiền thiện thì đó là giờ phút hanh thông, cát tường...” Nhà phật cũng có câu:” Tâm tịnh quốc độ tịnh” , lý là thế nhưng tịnh sao được

đây khi mà ở cố quận bất cứ ai, bất cứ lúc nào cũng có thể mất nhà cửa, mất ruộng vườn...Nếu mảnh đất ấy lọt vào mắt của gian thương phi quan và rồi nó sẽ bị cướp với cái mỹ từ:” Qui hoạch”, “ sở hữu chung”...Tĩnh thế nào được khi mà còn đồ ngang nhiên lộ hành, vô quân vô pháp; an thế nào được khi mà mạng người quá rẻ, vào cửa nha môn có thể chết với bất cứ lý do gì, an thế nào được khi mà đồ ăn thức uống trở nên độc hại vô cùng, an thế nào? tĩnh thế nào? Khi mà kẻ thù truyền kiếp nay xà mai xẻo mảnh đất ông cha, người của chúng tung hoành như chỗ không người; an sao được?, tĩnh sao được? khi mà núi rừng tan hoang, biển cả sông ngòi... nhiễm độc, muôn loài chết thảm! Làm sao an? một biệt phủ nổi lên giữa muôn vạn túp lều rách nát, nó được xây cất bằng tài vật quốc gia, mồ hôi nước mắt thậm chí xương máu của dân; an thế nào? Khi mà trí thức mũ ni che tai, tu sĩ như đà điểu “ rúc đầu vào cát” với cái luận điệu “ Chỉ lo việc đạo” trong khi đất nước mất còn mặc kệ, đồng bào sống chết mặc bay! Đành rằng nhân quả không sai vậy nhưng “ Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”. Không thể sống vô cảm, thờ ơ mà còn nguy biện “nhân quả” để chạy tội cho cái ác, kẻ ác!

Lịch sử nhiều khi nghiệt ngã, lúc thịnh thì hiền nhân quân tử nhiều, khi suy thì lưu manh thắng thế. Nhớ năm xưa có người cung nữ già vào khóc với thái hậu:”... Nước Nam ta từ khi có đế vương đến giờ, chưa đời nào mà có ông vua luôn cúi đê hèn bạc nhược như thế!”- Hoàng lê Nhất Thống Chí. Xưa nay người ta vẫn nhìn nữ nhân là hạng hai, chỉ biết kim chỉ, tầm nhìn không quá góc bếp... Ấy vậy mà người cung nữ già kia còn khí khái và biết lo lắng cho vận mệnh nước non. Cố quận này còn những người như người cung nữ già kia thì vận nước ắt chưa tuyệt vọng!

Thời gian lãng đãng như bóng mây, mới phút trước là thể mà giây sau đã thay hình đổi dạng. Thời gian như bọt nước bông bênh lóp lóp thể mà vỡ tan ngay. Thời gian như giọt sương, in bóng cả sơn hà vậy mà bốc hơi ngay dưới ánh mặt trời. Thời gian là thể, có kẻ học trò nấu nồi kê rồi ngủ quên, trong mơ thấy mình trải qua mấy mươi năm thì đậu làm quan, lên voi xuống chó suốt, giật mình thức dậy thì nồi kê chưa chín. Có tổ sư thiền nấu nồi cháo, tranh thủ ngồi thiền và khi xuất thiền thì nồi cháo đã lên meo mốc xanh rồi. Thời gian bởi vọng tưởng nên không thật, thể gian vốn vô thường chẳng có bền lâu, luôn luôn thay đổi. Ấy vậy mà người mê, đôi khi biết nhưng vì quyền lực, vì danh lợi của mình, của dòng tộc mình, của băng đảng mình... mà cưỡng lại vô thường. Vì mê nên muốn vạn tuế, vạn niên, đời đời ghi nhớ... thậm chí kẻ sát nhân bắt nạt nhân phải nhớ ơn mình! quả là một tấn bi hài kịch của cuộc đời, một hí trường của dòng thời gian, của sự cười cợt vô thường!

Vùng phương ngoại chớm thu, lá lác đác vàng, khí trời mát mẻ, lòng người cũng man mác theo. Rồi một ngày kia, thức giấc trong sớm mai sẽ thấy bùng lên muôn sắc màu gấm hoa. Cái xứ này nhân ái, bao dung biết bao, cru mang hàng chục triệu con người tị nạn dù là tỵ nạn: chính trị, tôn giáo, giới tính, bất công, kinh tế... Tất cả tìm về đây “Đất lành chim đậu”, dù khác chủng tộc, khác màu da, khác tôn giáo, khác văn hoá... nhưng tất cả cùng chung sống, làm việc và xây dựng mảnh đất này. Không nhân bản sao được khi mà kết thúc nội chiến thì tử sĩ hai bên đều được chôn chung một nghĩa trang, tướng giỏi bên thắng hay thua cũng đều ghi danh bia đá tượng đồng... rất nhân bản, khai phóng và bao dung! Nhìn về cô quận mình cũng như những quốc gia Đông

phương khác, khi tàn cuộc chiến thì bên thắng sẽ trả thù tàn khốc, đào mồ cuốc mả, tru di diệt tộc, sẽ vì ba đời mà trả thù...Âu cũng là phúc phần của mỗi cá nhân, mỗi dân tộc khi sinh ra, khi cùng cộng sinh.

Trong mấy mươi triệu di dân đến đây, người Việt ta đến đây tính ra cũng gần nửa thế kỷ, tính từ ngày tàn cuộc can qua, thay ngôi đổi chủ. Những lớp người ra đi trước phải trải qua bao giông tố, hải tặc chín chết một sống... Để đến được bến bờ tự do. Rồi đây, năm mươi năm nữa bụi thời gian phủ lấp, sóng vô thường đẩy đưa, sẽ nhạt nhoà, sẽ thành dĩ vãng. Nếu ngày ấy, khi cụ Bùi Viện đến xứ Cờ Hoa rồi về dâng sớ canh tân mà triều đình nghe theo thì biết đâu sẽ như Phù Tang. Có những cơ hội cứ lần lượt vượt qua tay, có những lúc vận may có thể thoát khỏi chiến tranh, kiến tạo hoà bình; có những lần có thời cơ phát triển và thoát khỏi cái “Bóng đè” của gã côn đồ lẳng giềng... nhưng tất cả bỏ lỡ! Vận nước ta, số phận dân ta sao mà đau đến vậy!

Thời gian lẳng đặng chớm vào thu.

LỄ PHẬT ĐẢN GIỮA LÒNG NEWYORK

Người ta bảo New York là ngã tư quốc tế, thiên hạ bốn bên tụ hội về đây: trắng, đen, vàng với các bản sắc văn hoá khác nhau, phong cách ẩm thực khác nhau. Từ đó New York là một hỗn hợp của nhiều đặc trưng, một thành phố lớn có một không hai của thế giới này. New York là thành phố không ngủ, suốt ngày như một tổ ong khổng lồ, xe điện ngầm dưới lòng đất, dưới lòng sông, tàu bè trên sông, xe cộ trên đường, tàu điện trên cao, trên nữa là trực thăng, máy bay... cả thành phố rầm rập như mắc cửi không một phút ngừng nghỉ

Toà nhà trụ sở liên hiệp quốc cao sừng sững, trông rất uy nghiêm, hơn hai trăm lá cờ của các thành viên ngày đêm phất phơ bay trong gió. Sáng hôm nay lá đại kỳ năm màu của Phật giáo được trân trọng kéo lên, màn hình lớn trong đại sảnh đường chiếu hình chân dung đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Đại hội đồng liên hiệp quốc cử hành lễ vesak, mừng ngày đản sanh đức Phật Thích Ca. Ông tổng thư ký đọc diễn văn:

- Hằng năm, vào ngày rằm tháng tư, Phật tử và nhân loại cử hành trọng thể lễ đản sanh Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây là một nhân vật lịch sử có thật, hơn hai mươi lăm thế kỷ trước ngài đã được sinh ra ở Lâm Tỳ Ni thuộc Ấn Độ cổ xưa (nay nằm

trên đất Nepal). Phật Thích Ca đã khai phá một con đường sáng, một giáo pháp vĩ đại nhất từ trước đến nay, đề cao nhân bản và phẩm giá con người, xoá bỏ giai cấp, bất công xã hội, chỉ dạy cách thanh lọc tâm ý, sống hoà hợp với thiên nhiên, yêu thương muôn loài, đề ra phương pháp sống tỉnh thức và từ bi... mục đích tối thượng của giáo lý là giải thoát khỏi mọi khổ đau, ràng buộc. Đạo Phật là một tôn giáo trí tuệ và từ bi, khoan dung, bất bạo động, từ khi ra đời đến nay chưa hề gây ra cuộc chiến nào, ngược lại còn hoà giải, kêu gọi hoà bình, đem lại yêu thương, cảm thông và hiểu biết giữa những con người với nhau, giữa những chủng tộc khác nhau. Đạo Phật không có giáo điều, cuồng tín, cực đoan, có thể nói đạo Phật là một lối sống, một hệ thống triết học, một hệ tư tưởng, một trường phái nghệ thuật, một sự giáo dục...Thật khó định nghĩa hay phân tích, chia chẻ thế nào cho được! có thể dùng chính câu nói của nhà Phật để diễn tả đạo Phật:” Một là tất cả, tất cả là một” hoặc như:” Quang minh của vũ trụ có quang minh của tất cả tinh tú, quang minh của mỗi tinh tú có quang minh toàn vũ trụ”...

Tiếng vỗ tay vang dội cả sảnh đường, các vị đại biểu đại diện mỗi châu lục cũng được mời phát biểu cảm tưởng, tựu chung đều ca ngợi tính khoan dung, yêu chuộng hoà bình của đức Phật và đạo Phật. Sau đó một số chính khách và những đại biểu của các trường phái Phật giáo cũng như đại biểu các tôn giáo bạn được mời sang một sảnh đường khác để tiếp tục hội thảo về đức Phật và Phật pháp. Những tổng quan về các đề tài được lần lượt đọc như: “ Văn chương và nghệ thuật tạo hình trong Phật giáo”, “ Các truyền thống Phật giáo từ cổ xưa đến đương đại”, “ Phật giáo và văn minh nhân loại”, “ Những đóng góp của Phật giáo cho hoà bình thế giới”...

Ông Vincent Van, người xứ Greenland quanh năm tuyết băng đẳng đàn:

- Xứ sở tôi ít người biết đến đạo Phật, chúng tôi biết đạo Phật kể từ khi đức Dalai Lama đến Âu châu hoằng pháp và nhất là sau khi thiền sư Nhất Hạnh khởi xướng phong trào “Bước chân an lạc” (walk in peace). Chúng tôi có thắc mắc là: trong Phật giáo không có thượng đế, không có ban phước hay trừng phạt, không có sùng bái... vậy có phải vô thần chăng?

Hoà thượng Tâm Thanh , đại diện Phật giáo Đài Loan trả lời:

- Phật giáo, bạn có thể xem là một tôn giáo cũng đúng, mà bảo là sự giáo dục của Phật đà cũng không sai, thậm chí cho là một hệ thống triết học hay một nhân sinh quan cũng không sai, không có vấn đề chi cả. Phật giáo không đặt nặng vấn đề tên gọi, danh xưng, nhãn mác. Trong đạo Phật không có thượng đế, Phật thị hiện ra đời vì lòng bi mẫn thương chúng sanh khổ, chỉ dạy chúng sanh thấy biết cái khổ, nguyên nhân khổ và cách thoát khổ... Phật Thích Ca Mâu Ni không có mục đích gì, ngoài việc giáo hoá chúng sanh, ai tin thì theo, không tin thì thôi. Phật giáo rất tự do, dân chủ, cởi mở, phóng khoáng. Phật giáo giáo dục con người, làm cho con người trở nên chân- thiện-mỹ- tuệ. Các tôn giáo khác có giáo chủ quyền năng và toàn lực, tín đồ vĩnh viễn là con chiên, tôi đòi... nếu phạm lỗi thì bị trừng phạt, thậm chí đầy hỏa ngục. Đạo Phật thì không, có thể nói còn dân chủ hơn mọi thể chế có trên đời này. Ai cũng có cơ hội như nhau cả, ai cũng có thể thành Phật nếu y cứ theo chánh pháp mà tu. Đức Phật đã tuyên bố:” Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành”.

Ngài Vincent lại hỏi:

- Thế Thích Ca Mâu Ni Phật là ai mà có năng lực vĩ đại, trí huệ vô biên, từ bi vô hạn vậy?

Hoà thượng Tâm Thanh cười:

- Thích Ca Mâu Ni Phật là một vị Phật đời hiện tại, là một con người thật, thị hiện trong một hoàng gia của nước Ấn cổ xưa, ngày nay còn di chỉ ở Nepal. Đức Phật có trí huệ quang minh sáng suốt, vô lượng vô biên vì tâm ngài thanh tịnh. Người đời vẫn xưng tụng ngài là: “ vô tri vô sở bất tri, vô năng vô sở bất năng”. Trời, người, quỷ thần, chúng sanh ba cõi sáu đường đều là học trò của ngài, vì thế mà chúng ta thường nghe tôn xưng ngài là:” Thiên nhân chi đạo sư”. Ngài từ bi thương xót chúng sanh, phổ độ và chỉ dạy mà không có bất cứ sự phân biệt nào.

Bà Rebecca Ray, người Brazil gốc Bồ Đào Nha, đại diện cho phong trào nữ quyền của thế giới nêu nghi vấn:

- Phật từ bi vô hạn, giáo pháp đồng phổ độ chúng sanh, có sao ban đầu Phật không cho người nữ xuất gia, nhiều người phải xin xỏ bao bận, mãi về sau mới cho nhưng lại đặt ra bát kinh pháp để ràng buộc, phải chăng Phật phân biệt đối xử người nữ?

Ni sư Thanh Liên, thuộc phái đoàn Phật giáo Việt Nam thay mặt trả lời:

- Sở dĩ ban đầu Phật không cho người nữ xuất gia là vì lý do sau: Thân thể người nữ có cấu tạo sinh học khác người nam, chẳng hạn có kinh nguyệt, mang nặng đẻ đau...tâm lý người nữ cũng nhiều khúc mắc hơn người nam, nếu người nữ xuất gia sẽ có nhiều bất ổn trong tăng đoàn, sâu xa hơn thì có sự

ảnh hưởng không tốt đến thời gian tồn tại của chánh pháp. Khi hoàn cảnh nhân duyên đến thì đức Phật chấp nhận cho người nữ xuất gia nhưng phải tuân theo bát kinh pháp. Bát kinh pháp là giới, là hàng rào bảo vệ người nữ, ngăn cản những bất lợi cho người nữ và tăng đoàn, nhìn cận cọt thì có vẻ phân biệt nhưng thực tế thì lợi lạc vô cùng. Phật vì thương xót chúng sanh, vì hàng xuất gia mà chế giới luật để giúp người giữ được thân tâm thanh tịnh, thăng tiến trên đường tu học. Bát kinh pháp cũng không ngoài mục đích đó.

Quý vị cũng biết, chế độ đẳng cấp ở Ấn Độ vô cùng khắc nghiệt, vậy mà ngài từng tuyên bố:” Không có giai cấp khi mà nước mắt cùng mặn, dòng máu cùng đỏ”. Ngài độ từ vương tôn công tử cho đến hạng thường dân, kẻ an mày, giết người, gái làng chơi...tất cả bình đẳng như nhau. Lòng từ của ngài còn cảm hoá chư thiên, động cả nhật nguyệt trời đất, dầu con sâu cái kiến cũng không làm hại, thế làm sao có thể bảo ngài phân biệt người nữ cơ chứ?

Bà Rebecca Ray lại hỏi:

- Hiện nay vẫn còn có những nơi không cho người nữ xuất gia hoặc là không cho thọ đại giới đàn, vấn đề này là sao?

Ni sư bảo:

- Đúng là như vậy, có thể những nơi ấy chấp chặt vào quá khứ và truyền thống nguyên thủy, không có sự uyển chuyển linh hoạt cho phù hợp. Thời đại hôm nay thì vấn đề này không có gì khó, người nữ muốn xuất gia hay muốn thọ đại giới thì có rất nhiều đạo tràng tiếp nhận, thế gian này có nhiều ni viện và những trung tâm tu học sẵn sàng tiếp nhận bất cứ người nữ nào, chỉ cần họ có lòng tu học và quyết tâm

buông xả.

Ông Oma Boughati xứ Senegal hỏi:

- Lễ Phật đản là mừng ngày sinh của đức Phật, có sao lại là tam hiệp? Tôi thành thật mong quý ngài hoan hỷ giải thích cho.

Sư Ajachandara đại diện cho Phái đoàn Phật giáo Sri Lanka lên đàn trả lời

- Tam hiệp là hợp nhất ba sự kiện quan trọng trong cuộc đời đức Phật Thích Ca, đó là: Ngày đản sanh thị hiện, ngày thành đạo và ngày Phật nhập niết bàn. Thật ra thì ban đầu các nước theo dòng nam truyền kỷ niệm ngày sinh đức Phật vào ngày tám tháng tư, các nước theo dòng bắc truyền thì chọn ngày rằm tháng tư. Mãi đến năm 1954 các phái đoàn Phật giáo quốc tế họp ở Tích Lan mới chọn ngày rằm tháng tư làm ngày kỷ niệm đức Phật đản sanh, đồng thời hợp nhất ba sự kiện làm một, từ đó thế giới mới có ngày lễ vesak, tức là lễ tam hiệp tưởng niệm đức Phật đản sinh. Quan điểm của Phật giáo về ngày sinh khác với phương tây, ấy chỉ là một điểm đến trong dòng luân hồi sanh tử bất tận, ngày tử là điểm ra đi, chuyển đổi từ thân này ra thân khác, sanh tử bất tận. Với đức Phật, ngày sinh có ý nghĩa lớn, thị hiện để giáo hoá chúng sanh, ngày thành đạo mới thật quan trọng, giới thiệu cho loài người và trời một con đường quang minh để đi, một phương pháp thanh lọc tâm ý, một giáo pháp đúng để thoát khổ, thoát luân hồi sanh tử. Ngày nhập niết bàn của Phật có ý nghĩa chấm dứt sanh tử, đoạn diệt tất cả những mầm móng khổ đau, luân hồi.

Ông Robinson R, một giáo sư người Mỹ hỏi:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Phật pháp vốn dạy người ta về sự thật: khổ, không, vô thường, vô ngã! có sao khi sanh ra đức Phật Thích Ca chỉ trời chỉ đất nói: Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn?

Thầy Pháp Chánh, đại diện Phật giáo Việt Nam trả lời:

- Câu nói “ Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” quả thật bị hiểu lầm lớn, quá nhiều người không hiểu hoặc hiểu lệch lạc. Nguyên câu ấy vốn trong bài kệ:

Thiên thượng thiên hạ

Duy ngã độc tôn

Nhất thiết thế gian

Sanh lão bệnh tử

Có nhiều dị bản khác nhau nhưng đây là bản được công nhận nhiều nhất. Cái ngã ở đây không phải là cái ngã cá nhân, cái tôi, cái ta như người đời. Cái ngã ở đây là chỉ cho sự giác ngộ hoàn toàn, bản tánh thanh tịnh, cái ngã của: thường- lạc- ngã- tịnh bốn yếu tố của niết bàn tịch tịnh, cái ngã đây là chơn ngã, chơn không mà diệu hữu. Cái ngã trong câu này là cái ngã chỉ cho Phật tánh, tánh giác, bản lai diện mục...Phật cũng từng nói:” Ta là Phật đã thành các ngươi là Phật sẽ thành”. Cái ngã trong bài kệ này là cái ngã của pháp thân thường trụ, không có vọng niệm, không còn trầm luân sanh tử. Quả thật dùng ngôn ngữ để diễn giải thật khó, chỉ có thể nói một cách đại khái thế thôi! Nếu ngài quan tâm thì có thể đọc thêm kinh sách, việc hiểu thấu đáo giống như việc uống nước, người nào uống thì tự biết nước ấm lạnh hay ngọt mát thế nào, người không uống khó mà cảm nhận được.

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Thầy dứt lời, các đại biểu đồng đứng dậy vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Thầy chấp tay bái tạ và niệm danh hiệu bốn sư, cả sảnh đường đồng thanh niệm theo thầy:

Nammo Sakyamuni Buddha.

MỘT NGÀY CHUNG CUỘC BỐN BỀ HOA BAY

(thơ TLTP)

Suốt cuộc hành trình sanh tử của mình, con người luôn đau đáu về thân phận hình hài, không biết bao lần chúng ta tự hỏi:” Tại sao ta lại đến nơi này? đến đây để làm gì? Mai này sẽ về đâu?”... Dòng tử sanh vẫn bất tận, kẻ trước người sau , hết thế hệ này đến thế hệ khác, hết hình thái xã hội này đến hình thái xã hội khác... thay đổi liên miên nhưng câu hỏi ấy vẫn không có lời đáp.

Con người vẫn mò mẫm mơ một chốn bình an, mưu cầu hạnh phúc, vẫn tìm một phương pháp nào đó sao cho thân an tâm lạc... nhưng càng tìm thì càng hụt hẫng, có lúc tưởng chừng như chạm đến nhưng rồi vỡ mộng, việc ấy giống như người thấy trăng đáy nước, thò tay xuống vớt, nào ngờ chưa vớt thì bóng trăng đã vỡ tan!

Con người mơ một cõi địa đàng, thiên đàng, cực lạc... nhưng không làm sao để kiến tạo một địa đàng ngay chốn trần gian này, bởi thế con người hôm nay chẳng khác con người muôn năm trước, vẫn mơ một cõi địa đàng bướm hoa, một cõi bình an vô sanh bất diệt...Ở nơi đây không có chiến tranh, chết chóc, khổ đau, áp bức, bất công...

Thời đại hôm nay khoa học công nghệ đã phát triển cao độ, kỹ thuật lượng tử, điện toán...làm cho mọi người trên thế

gian này có thể thấy nhau, nói với nhau trong tích tắc. Khoa học kỹ thuật tạo cho mọi người một cuộc sống sung túc, thoải mái... nhưng giấc mơ thân an tâm lạc vẫn xa vời và càng ngày càng xa, giấc mơ vô sanh bất tử vẫn như bóng trăng dưới nước.

Trong đêm trường tăm tối, con người may thay gặp được ánh dương. Phật ra đời, mở đường chỉ lối cho con người thoát khỏi vô minh. Phật ba lần chuyển pháp luân: Đã thấy, đã biết, đã tu, đã chứng! đây là khổ, đây là nguyên nhân, đây là con đường thoát khổ, đây là kết quả... Phật khai mở con đường đi đến an vui, hạnh phúc cho con người. Phật dạy cho cách sống an lạc ngay trong hiện tại và tại nơi này (hiện xứ lạc trú). Khi thân, khẩu, ý hiền thiện và thanh tịnh thì:

“ Chính là ngày cát tường
Là giờ phút hanh thông
Là thời khắc hưng vượng”
(kinh Thắng Hạnh)

Mùa xuân muôn hoa nở, mùa hạ biếc ao sen, mùa thu lá vàng bay, mùa đông tinh khiết tuyết

“ Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà tri
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi”

Bốn mùa thay đổi, sanh diệt nối nhau, nếu mình không cưỡng cầu, không chấp trước... thì mình an vui; nếu mình chấp nhận sự thật tự nhiên của nó như thế, bản thể nó như vậy mà không áp đặt cái thiên kiến chủ quan của mình thì làm sao có bức bối, bất hoà! Không chỉ bốn mùa thay đổi mà mọi thay đổi của thế gian này, mọi khác biệt của con người.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Đời sống con người chỉ trong vòng trăm năm, ấy là nói vắn vể, là biểu trưng đại khái thế thôi. Thật sự thì mấy ai đủ trăm năm, thật sự thì mạng sống con người vốn mong manh giữa hai làn hơi thở, nó có thể dừng bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào và với vô vàn lý do.

Tử sanh là thế nhưng con người chỉ thích nói đến sanh mà kỵ nói đến tử. Con người ai cũng thích sanh sợ tử nhưng con người lại luôn thích làm hại nhau, tàn sát nhau, giết chóc nhau cho đến hại cả muôn loài động vật, thực vật, thiên nhiên... Chung quy cũng vì mê muội vô minh, con người chấp chặt vào cái “tôi” (ego, self) mà sự thật chẳng có một cái tôi độc lập (cứ thử lột bỏ chuỗi thì biết). Con người tham sống sợ chết, tránh né nói đến cái chết nhưng chết vẫn cứ chết, chết chẳng kiêng nể ai hay bất cứ thời gian nào, chết chẳng chê quyền quý hay bần hàn, chẳng nệ trí hay ngu... chết thế nào thì vẫn phải chết thế ấy. Nó chỉ phụ thuộc vào phước đức của bản thân mình, có những cái chết kinh hoàng, quỷ quái, đơng đau nhưng cũng có những cái chết nhẹ tựa lông hồng, hoặc êm đềm như một hơi thở, một giấc ngủ say, thậm chí có những cái chết đẹp như cỏ tích:

“ Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay”

(thơ TLTP)

Nếu con người muốn có một cái chết êm đềm, đẹp và thanh tịnh thì hãy chuẩn bị từ bây giờ. Dân gian vẫn nói “ Gieo gì gặt nấy”, nhà Phật thì dạy “Tâm tương sự thành” hoặc “ Tâm tạo tác”. Trong nhà Phật có vô số những tấm gương, những chuyện thật về những cái chết êm đềm, thanh thản đầy khí vị giải thoát. Thiền sư Shoun khi biết mình sắp ra đi, ông cho gọi đệ tử lại, thấp nhang cho mẹ xong, ông viết bài thơ:

“ .. Ta đã sống hết sức ta

Ta đã tạo ra con đường riêng của ta trong cõi trần gian này

Bây giờ mưa đã hết, mây trời quang đãng

Bầu trời xanh có một mặt trăng tròn”

Viết xong ông quăng bút và tịch

Trong hàng cư sĩ cũng có những tấm gương tu học và ngộ đạo. Họ đã sống “ hết sức ta” trong cõi đời này và ra đi như cánh hạc bay. Cư sĩ Bàng Long Uẩn là một hình ảnh mà “Ngày chung cuộc đầy hoa bay”. Tương truyền khi ông sắp tịch, bèn bảo cô con gái:” Con ra xem thử đúng ngộ chưa?” cô gái bảo:” Đúng ngộ rồi nhưng có nhật thực”. Ông ra cửa xem thì con gái lên bõ đoàn ngồi mà tịch, ông quay vào thốt lên:” Con gái ta lanh lợi quá” và nán lại bảy ngày sau mới tịch. Khi bà vợ ông hay tin, bèn đi tìm con trai:” Ông già ngu si và con gái vô tri đã bỏ chúng ta đi rồi”. Cậu con trai thưa:” vậy hả mẹ” rồi cũng tịch luôn. Bà mẹ sau khi lo hậu sự mới tịch sau cùng. Câu chuyện đẹp quá, hay quá như huyền thoại, như cổ tích Đông phương, những cái chết nhẹ nhàng, kỳ diệu như cuộc du hí nhân gian

Cuộc chơi khi đã đến hồi

Đứng đi với lại nằm ngồi sá chi

Rõng rang nhắm mắt cười khi

Xác thân này hoá xanh rì cỏ cây

(thơ TLTP)

Con người chỉ có nhục nhãn nên không thể thấy những gì không có sắc chất, bởi thế những cái chết ung dung, tự tại như vậy có khi đầy trời hoa trắng rơi. Những loại hoa Mạn Thù

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Sa, Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Thù Sa...ngập hư không.

Chết không phải là hết, chết là bắt đầu một cuộc tử sanh khác (khi mà chưa chứng đắc được A La Hán).

Nếu mình đã hiểu vô thường, nhìn nhận rõ ràng cái thân tứ đại ngũ uẩn này là giả hợp thì khi nó tan hoại thì có gì phải tiếc, bởi thế mà gã du tử chưa chết nhưng đã chuẩn bị đón nhận nó một cách tự nhiên

Tôi đã đến và sẽ đi như trùng khơi sóng nước

Một ngày đẹp trời đang chờ phía trước

(Nếu có yêu tôi – thơ TLTP)

Gã du tử đã sống hết mình, tuy hiểu rõ vô thường nhưng không làm sao biết vô thường xảy ra lúc nào, bởi vậy gã du tử luôn sẵn sàng đón nhận vô thường. Khi sanh ra là đã có yếu tố tử rồi, cái sanh, cái tử có mặt trong từng sát na

Tôi sẽ đi giữa khung trời mùa hạ

...

Tôi sẽ đi trong một sớm mùa thu

...

Tôi sẽ đi khi tuyết trắng mùa đông

...

Tôi sẽ đi khi mùa xuân bắt tận

(Em vẫn là nỗi đau đời – thơ TLTP)

Thế đấy! người học Phật tuy chưa tinh tấn, chưa chứng đắc gì nhưng ít ra cũng có được những phút giây an lạc, phi phong; cũng nhờ học Phật mà biết được ít nhiều sự thật của thế giới này, cuộc đời này, cái thân và cái tâm này! Không biết có một danh nhân nào đó đã từng nói (đại ý là thế chứ không phải nguyên văn):” Cái chết không đáng sợ, sợ cái chết mới đáng sợ”

Lịch sử hiện đại chúng ta đã chứng kiến một cái chết rất bi hùng, chấn động lương tâm nhân loại một thời. Bồ Tát Thích Quảng Đức ngồi trong biển lửa vẫn bình thản cho đến phút cuối. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương thốt lên:” Lửa, lửa cháy rực ba ngàn thế giới”, “ chỗ ngồi ngồi một tuyệt tác thiên thu”.

Nếu trong đạo có những cái chết (ngôn từ nhà phật gọi là tịch) đầy khí vị giải thoát, những cái chết tựa như du hí nhân gian thì ngoài đời cũng có những cái chết nhẹ tựa lông hồng, những cái chết vì dân, vì nước. Trần Bình Trọng hiên ngang quát vào mặt vua Nguyên:” Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”

Khi toà nhà World trade center bị bọn khủng bố đâm máy bay vào, toà nhà đang dần sụp đổ nhưng ba trăm lính cứu hoả vẫn xông vào và tất cả bị chôn vùi trong ấy. Những cái chết vì sự sống của đồng loại đầy ý nghĩa cao cả.

Một nhà thơ phe thắng trận từng viết:” Có cái chết hoá thành bất tử”, đúng thế! những cái chết vì đồng loại, vì dân, vì nước, vì đạo pháp, vì sự tồn vong của dân tộc... thì cái chết ấy là bất tử; còn nếu chết vì mê muội cuồng tín, vì lý tưởng điên rồ lệch lạc, chết vì phe đảng băng nhóm... cái ấy vô nghĩa biết bao.

Mùa xuân về nói chuyện tử sanh không khỏi có người sanh lòng áy náy, chuyện tử sanh vốn bất tận như bản thân của vấn đề, mình có nói hay né tránh thì nó vẫn hiển hiện bên mình như hình với bóng, sanh ra là đã có tử rồi, sanh tử - tử sanh như hai mặt của bàn tay. Mình học Phật không cao vọng chứng đắc nọ kia, chỉ đơn giản là biết mình là ai, vì sao mình đến nơi này? học Phật là để mỗi ngày giảm bớt tham lam, sân hận, si mê; học Phật là để mở lòng ra với người và với muôn

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

loài; học Phật là để biết sống với từng phút giây hiện tại này và nếu một lúc nào đó bất ngờ sẽ:

“ Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay”

MÙA ĐÔNG THỦ THỦ

Thế là một mùa đông nữa, trời ảm lạ thường. Người ta bảo trái đất nóng lên, khí hậu ấm dần... chẳng còn là giả thuyết nữa! nó đang hiện hữu và tác động đến muôn loài. Đã mấy mùa đông ấm, tiết trời không đủ lạnh, làm cho hoa đào không rục rờ lúc vào xuân; thủy tiên, nghệ tây... cũng kém sắc hẳn đi. Mùa đông không có tuyết, con trẻ mất thú vui. Thành Ất Lãng năm nay chim trời không di trú, chúng tụ tập từng bầy quanh vườn chí choé suốt ngày. Trái đất đang ở vào chu kỳ trầm trịch, nơi thì núi rừng cháy kinh khủng hơn hoả diệm sơn, nơi thì lũ lụt, bão tuyết, sóng thần, động đất... Băng ở hai cực đang tan, hàng tỉ tấn băng làm cho những loài sống ở vùng băng giá như gấu Bắc Cực, tuần lộc... thiếu môi trường sinh sống, chúng và nhiều loài khác đối diện với nguy cơ tuyệt chủng. Băng tan, nước biển dâng làm cho nhiều thành phố và những vùng trũng có thể bị nhấn chìm. Đồng bằng sông Cửu Long của cố quận mình là một trong những điểm có nguy cơ rất lớn. Hiện nay Trung Cộng xây hàng loạt con đập trên thượng nguồn, chúng có tham vọng cuồn công là lấy nước từ phía nam chuyển lên phía bắc. Sông Cửu Long cạn nước ngọt, nước biển xâm nhập sâu nội đồng, ngày xưa chín cửa chứ giờ chỉ còn bảy cửa mà thôi, không biết thời gian tới cửa nào sẽ bị cạn tiếp đây? nước lũ không về, phù sa không có, cá tôm cũng cạn kiệt...hậu quả đã hiện tiền rồi!

Mùa đông ảm lên nhưng tình người chẳng ảm theo mà còn ngược lại. Con người càng ngày càng cực đoan, cực hữu hay cực tả cũng đều gây họa cả! một khi đã cực đoan thì hành xử bằng cảm tính, cuồng ngôn vọng động. Phật giáo không kẹt hai bên, giữ lấy trung đạo, nêu cao nhân phẩm, trí tuệ, từ bi và lẽ phải...Phật giáo không xu phụ bên này, cũng chẳng chống báng bên kia, không chấp nhận cái cuồng, cái cực của hai bên, vì thế mà vô tình trở thành cái bia cho cả hai bên trút giận. Cả hai bên đều chụp cho Phật giáo những cái mũ vô cùng nặng nề và phi lý. Cho dù thế nào đi nữa Phật giáo vẫn giữ vững chánh kiến và con đường trung đạo của mình.

Mùa đông năm nay thành Át Lãng không lạnh nhưng tình người lạnh giá. Có ông thầy đã tám mươi, gần đất xa trời vậy mà bị người ta chụp cho cái mũ: phá giới, dâm ...và trục xuất ra khỏi chùa. Thành Át lãng có hơn ba mươi ngôi chùa mà không dung chứa nổi một ông thầy. Khi ông thầy tịch thì lại làm tang ma thật rình rang!

Xứ cờ hoa hiện thời vẫn giàu mạnh nhưng xem ra thoái trào về mặt nhân văn. Bang chủ là một tay cực hữu vô cùng ích kỷ, tham lam và bần tiện. Y không từ một thủ đoạn nào để làm giàu. Y kỳ thị người nhập cư và coi khinh người nghèo. Y là tay dê xồm hạng nặng, già không bỏ nhỏ không tha, gian xảo, dối trá, lật lọng, thô lỗ. Xứ sở cờ hoa xưa nay nổi tiếng hào phóng, cứu mang những nạn nhân của độc tài, chiến tranh, thiên tai... Nay y làm hoen ố hình ảnh của nó. Y phá bỏ cả những chuẩn mực đạo đức tối thiểu, mạ lỵ cả những đồng minh thân cận lâu đời...Một số cực hữu da trắng cuồng y, ủng hộ y là lẽ đương nhiên. Vậy mà cũng có khối anh mít da vàng cũng cuồng y mới thật khó hiểu! hể ai động đến y là bọn cuồng y lập tức chửi bới, văng tục, mạ lỵ, chụp mũ rất hò

đồ. Hiện nay có xu hướng quái đản này, hễ ai động đến y là bị chụp cho cái mũ: nằm vùng, thân cộng!!! xem ra y và bọn Cộng là một à?

Con người nhân danh này nọ, nhân danh chủ nghĩa gì đi nữa cũng không che giấu được sự sân hận, vô minh của mình. Có nhiều người xưng là chiến ngoan đạo, hàng tuần đi lễ, tụng kinh, rửa tội... mà lại ủng hộ những việc làm vô đạo, gian trá, độc ác, tham lam...Không biết câu bình đẳng, bác ái để đâu? lời răn của chúa để đâu? Có những người cho mình là Phật tử, đi chùa, tụng kinh, sám hối... mà lại cổ vũ cho một con người kỳ thị, ích kỷ, xảo quyệt, sân hận, lật lọng...Không biết chánh kiến đâu rồi, chánh tư duy đâu rồi? lời Phật dạy đâu rồi? Dân mít da vàng vì thiên tả, thiên hữu mà sanh ra bất đồng chánh kiến, sanh ra yêu – ghét, sanh ra thù hận nhau. Dân mít nghi kỵ, chia rẽ nhau từ xưa chứ không phải chỉ ở thời hiện đại, không phải bây giờ mới phân chia chánh – tà, Quốc - Cộng, Bắc – Nam... mà việc chia rẽ từ khi Trịnh - Nguyễn, Lê - Mạc, Đảng Trong – Đảng Ngoài, Tây Sơn - Nguyễn Ánh...

Dân mít lưu lạc hải ngoại, lẽ ra phải gạt bỏ những bất đồng, gạt bỏ cái tôi để mà quy tụ hợp quần lại với nhau, đảng này đấu đá nhau, mạ lỵ nhau, chụp mũ nhau vô cùng nặng nề. Địa phương nào cũng có vài cộng đồng, không ai chịu ai. Ai cũng cho mình là phải, là chánh còn kẻ kia là tiếm xưng, là mạo danh, đấu đá nhau triền miên, hết năm này qua năm khác, thật khó mà bảo mọi người gạt bỏ cái danh hão để ngồi lại với nhau. Chung quy cũng vì cái kiến (thấy, biết) không chánh nên tư duy không đúng, cộng với sự sai xử của danh và lợi nữa thành ra nói năng và hành động như vậy!

Mùa đông năm nay thành Át Lãng không có tuyết. Điền trang Tara nằm mơ màng trong khói sương, tiếng thì thầm từ trăm năm vẫn vọng đều, những cỗ máy cày xa xưa giờ là những cục sắt hoen rỉ, làm nhân chứng cho một thời huy hoàng của miền Nam. Khẩu ca nông năm yên, xem thường mưa nắng, chứng tích cuộc nội chiến khốc liệt và đầm máu năm xưa. Thành Át Lãng một thời lừng danh và phát đạt nhờ bông gòn, những thương thuyền đầy ắp bông gòn chở về châu Âu nay chỉ còn dĩ vãng trong viện bảo tàng. Mây trắng thành Át lãng vẫn bay, trắng xóa như bông gòn thuở ấy. Nàng Scalett O'Hara nay đâu? điền trang còn đây, nhà cửa còn đây... bóng nàng phát phơ cả một phương trời miền Nam thành Át Lãng này. Mùa đông năm xưa nàng đã nàng đã tự tin rằng:” Ngày mai lại là một ngày khác”, đúng thế! lại là một ngày khác, nó phải khác với ngày hôm qua, ngày hôm nay!

Mùa đông với người phương Nam cố quận mình thì chẳng có dấu ấn gì, vì phương Nam chỉ có mùa nắng và mùa mưa, nắng bụi mưa bùn. Người từ Thuận Hoá trở ra thì khác, ký ức ghi rất đậm, mùa đông rét thấu xương, những cơn mưa phùn gió bắc làm cho cả một vùng quê hắt hiu. Mùa đông xứ cờ hoa cũng sai biệt lớn, vùng đông bắc, trung tây...đầy băng tuyết thì vùng cực nam vẫn nắng vàng ấm áp. Trên bình diện địa cầu thì càng sai biệt hơn, khi Bắc Mỹ, Âu châu đang là mùa đông đầy bão tuyết thì xứ sở Kangaroo lại là mùa hè rực lửa, cháy rừng như hỏa diệm sơn. Thế giới thiên sai vạn biệt, nhân dáng khác nhau, họa- phước khác nhau, muôn việc trong đời khác nhau... vì tâm người chẳng đồng, “Nhất thiết duy tâm tạo” là thế! Với dân mít mình, không có vấn đề nào mà gây chia rẽ nặng nề bằng chuyện chính trị. Các thế lực cầm quyền luôn tìm mọi cách để giữ quyền lợi và quyền lực của mình.

Họ cấm cản người dân nói đụng đến chuyện chính trị. Họ độc quyền yêu nước hay bán nước, chuyện chính trị như một vấn đề cấm kỵ vậy! Người Âu-Mỹ thì có truyền thống dân chủ lâu đời, họ nói tiếng nói của họ. Họ dấn thân, tranh cử, bầu cử... bỏ phiếu là cách thể hiện sức mạnh của mình.

Lịch sử cổ quận mình trải qua biết bao mùa đông rồi, có những mùa đông vô cùng ảm đạm nhưng cũng có những mùa đông ấm áp tình người. Mùa đông năm 1055, Lý Thánh Tông ngồi trong điện cảm thương tù nhân nơi ngục tối:” Trẫm ngồi trong cung, có than sưởi, mặc áo hồ cừu mà còn lạnh thế này, huống chi kẻ tù đầy...” sau đó hạ lệnh cung cấp quần áo, chiếu chăn, cho ăn uống đủ, đốt bỏ hình cụ tra tấn, giảm thuế khoá...Lý Thánh Tông là một ông vua tài giỏi hàng đầu của sử Việt, đánh Tống, bình Chiêm, chấn nông, khuyến học... mọi việc đều đem lại kết quả tốt đẹp, làm cho nước Đại Việt cường thịnh đến độ Tống Thần Tông phải khen ngợi, nể nang xuống lệnh cấm quân binh quấy nhiễu Đại Việt, cách chức những tay quan lại hiếu chiến... Cái cao cả hơn nữa là lòng nhân, Lý Thánh Tông thương dân như thương con của mình. Có lần ông chỉ vào công chúa Động Thiên bảo:” Trẫm thương dân như con của mình, ngặt vì những kẻ làm càn nên phải tội, trẫm đau lòng lắm, từ rày về sau giảm bớt hình phạt, tội gì cũng giảm nhẹ đi...”. Lịch sử cổ quận mình hay của thế giới không thiếu những ông vua tài giỏi nhưng có lòng nhân ái, từ bi như Lý Thánh Tông quả là cực kỳ hiếm có. Có lẽ Lý Thánh Tông thấm nhuần giáo lý Phật Pháp, nuôi dưỡng bồ đề tâm, tăng trưởng từ bi vậy!

Giá mà những mùa đông cổ quận có được những ông vua tài giỏi, nhân từ như vua Lý Thánh Tông, giá mà mùa đông khắp thế gian này có thêm những ông vua từ bi như Lý Thánh

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Tông của Đại Việt.

Phương trời hải ngoại đang mùa đông nhưng cổ quận mình
đã vào tháng chạp. Tháng chạp đã vào xuân

“...

Tháng chạp gần xa đến mọi nhà
Đô thành mở hội chợ phù hoa

...

Tháng chạp mẹ ơi đã thật gần
Nhớ người nên dạ những băng khuâng...”

(thơ TLTP)

Mùa đông hải ngoại vẫn thì thầm trong tuyết sương, tiếng
lòng thủ thủ hay âm thanh của đất trời? hay lời vọng của sơn
hà?

MÙA HẠ CHIỀU PHƯƠNG NGOẠI

Mùa hạ chiều phương ngoại đẹp lắm, đẹp đến nao lòng. Trời xanh mây trắng vẫn bay như ngàn xưa...Mình đến để rồi đi, nhưng đi về đâu? Có bao giờ tự nhủ lòng như thế chẳng? Nhà Phật vẫn thường cảnh tỉnh:” Sinh ư hà xứ, tử ư hà quy”. Nếu em còn thao thức ắt phải tìm lời giải của câu hỏi khó mà trả lời này!

Mình đến để rồi đi, người xưa đã qua, người sau đang đến! Mình là vệt nối giữa trước và sau. Mình là kẻ thừa hưởng quá khứ và truyền lại cho tương lai, bởi thế mới có hai chữ truyền thừa. Đời trước còn có đời trước nữa, đời sau còn có đời sau nữa, quá khứ vô thủy, vị lai vô chung. Cuộc đời này là miên viễn. Cuộc đời này ràng buộc bởi cơm, áo, gạo, tiền...mà nào chỉ có thế, còn vô vàn thứ khác nữa: sắc dục, danh tiếng, ăn chơi, hưởng thụ... Trăm ngàn thứ nó bó buộc con người. Nhà Phật đúc kết lại là “Ngũ cái”. Năm cái dù nó che lấp mất bản tánh thanh tịnh của mình. Ngũ cái là năm món: tài -sắc- danh - thực - thủy. Dù là ông vua hay phó thường dân, ai ai cũng bị năm cái dù này che choáng mà không còn thấy được chơn tâm. Năm cái dù này làm cho mình triền miên trong sanh- tử, oằn oại trong khổ đau, vật vã trong cuộc đời...Mỗi người có những nỗi khổ khác nhau, cái khổ nó dày vò, giằng xé, bó buộc con người. Thân và tâm ngày đêm như thiêu đốt (xí thành) vì mưu cầu tài – sắc- danh- thực - thủy. Bởi thế nhà

Phật mới dạy mình con đường giải thoát, giải thoát cái gì? giải thoát những ràng buộc, những khổ đau của cuộc đời. Giải thoát (liberate) là ước mơ, là mục tiêu, là con đường hướng thượng mà những ai thao thức trong đời ắt phải tìm về.

Chuyện kể có gã du tử trẻ trở về nguồn cội để báỉ kiến sư phụ mong cầu chỉ giáo con đường giải thoát. Sư phụ hỏi:” Ai trói buộc ngươi?”. Gã du tử tỉnh ngộ lập tức và thưa:” Bạch thầy, không có ai trói buộc con cả!” thế đấy, mình tự buộc mình, em tự buộc lấy em! Không có ai trói buộc mình thì làm sao nhờ người ngoài giải thoát cho mình được cơ chứ! Chính cái vọng tâm của mình nó buộc lấy mình, chính “ngũ cái” nó bó buộc mình. Mỗi người mỗi nghiệp khác nhau. Có kẻ nặng về tiền bạc nhưng có người lại sống chết vì sắc dục. Sắc dục là thứ trói buộc bền nhất trên thế gian này, nó là khoá xích chắc nhất, là nhà tù kiên cố nhất. Sắc dục là thứ mà con người từ cổ chí kim, từ cao sang đến bần hàn, từ trí chí ngu đều khổ lụy và sống chết vì nó. Gã du tử trẻ kia cũng là con người thì đâu có lẽ nào nằm ngoài vòng cương toả của nó. Gã du tử cũng từng thao thức, khát khao, hy vọng, khổ đau...chỉ vì một nụ cười, một ánh mắt! Gã từng mơ đưa em về vườn địa đàng nào đó nơi không có vết chân người. Gã từng lo lắng thế gian này không có đủ cánh hoa để rải trên đường dưới mỗi bước chân son. Ràng buộc thế đấy! sắc dục như nước muối, càng uống càng khát. Sắc dục như mật ngọt trên lưỡi dao, càng liếm càng thương đau...Nhưng mấy ai hay, mấy ai tỉnh để mà buông!

Có những người vâng lời Như Lai buông xuống cả, cuộc đời chỉ một bát ba y mà thông dong trên bước đường đời. Những người vâng lời Như Lai đã tự giải thoát mình và ngày đêm chỉ dẫn cho người. Những người vâng lời Như Lai cũng chỉ là trợ

duyên, là ông thầy chỉ đường chứ không thể giải thoát giúp được! muốn giải thoát thì phải tự mình. Không có ai trói buộc mình thì cũng không có ai giải thoát cho mình!

Hãy dần bước (let go), hãy buông xuống (let down) mà thôi! Người ta bảo rằng: có ông chủ dẫn cậu con trai vào hăng chơi. Chú bé thấy những chai lọ thủy tinh đầy màu sắc và vô vàn bong bóng nên thích lắm. Chú bé cố ôm lấy cho thật nhiều nhưng càng ôm thêm, thì càng rơi rớt, đổ bể. Đến lúc ra về, chú bé lại cố buộc cho thật nhiều bong bóng nên càng vướng víu chẳng thể nào đi được. Ông chủ nhìn chú bé một cách trìu mến và bảo:” Let down let go”. Chú bé vâng lời cha buông xuống cả, lập tức thấy nhẹ tênh nhảy chân sáo mà miệng hát líu lo... trông rất thoải mái và tự do như chưa từng bị bó buộc bao giờ! Thế đấy, muốn giải thoát, muốn tự do thì phải buông xuống và dần bước mà thôi!

Thế đấy em ơi! Ngũ dục như bóng bóng, như ve chai tuy đẹp lấp lánh đầy màu sắc và hấp dẫn nhưng càng ôm lấy thì càng ràng buộc và rơi rụng. Mình cũng như chú bé con khờ khạo kia, một mai buông đăng là lập tức tự do; khi ấy ngại gì mà không lên cao sơn hú một tiếng vọng cả đất trời, ngại gì mà không ra bể cả ca cho dậy sóng nước trùng dương. Tài- sắc- danh-thực- thủy có ai hơn được thái tử Tất Đạt Đa nhưng rồi ngài buông bỏ như chiếc dép rách. Kế tiếp tổ sư cũng thế, ngài An Sĩ (Thế) Cao là vua của nước An Tức (Iran ngày nay) cũng buông bỏ để làm trưởng tử Như Lai. Ngài Bồ Đề Đạt Ma là thái tử con vua nước Hương Chí (một nước cổ ở Tây Vực, nay thuộc Ấn Độ) cũng rũ bỏ nhẹ như bụi trần. Vua Trần cũng bỏ ngôi mà lên yên Tử hành hạnh đầu đà... Thế đấy! các ngài buông bỏ và dần bước. Các ngài nêu tấm gương cho mình ngưỡng vọng và noi theo.

Dã sử kể Alexandre Đại Đế là ông vua vĩ đại nhất của loài người. Ông ấy từng chinh phục ba phần tư thế giới thời cổ đại, từng mang quân từ Macedonia vượt qua cả sông Hằng. Ấy vậy mà khi chết di chúc rằng: bắt những thầy lang giỏi nhất khiêng quan tài cho ta, quan tài khoét hai lỗ và để hai bàn tay ta ra ngoài, vàng bạc của ta rải hết trên đường đi quan...Dã sử không phải là chính sử, có nhiều huyền hoặc, thêm bớt, dã sử là chuyện giai thoại không có tính chính xác... nhưng cái thông điệp kia mới tuyệt vời làm sao. Thế gian này vốn vô thường, tranh đoạt cho lắm cũng thế thôi. Mình đến thế gian này hai tay trắng thì khi ra đi cũng trắng hai tay, tất cả bỏ lại hết, cái duy nhất mang theo là những nghiệp thiện-ác đã làm trong một đời. Cuộc trăm năm ngắn ngủi lắm em ơi! Nói trăm năm là ước lệ, là văn vẻ thế thôi, thật sự thì một khi hơi thở không vào ra là tất cả chấm dứt, lúc bấy giờ muốn buông thì cũng muộn màng rồi.

Thân này không thật, nó chỉ là giả hợp của những tế bào, nó chỉ là duyên sinh của tứ đại-ngũ uẩn. thế giới này không thật, nó chỉ là sự kết hợp của những nguyên tố vật chất, nó là tạm kết thành của những yếu tố cần và đủ. Thời gian không thật, quá khứ-hiện tại-vị lai khởi từ một niệm vọng tâm... vậy thì ngũ dục làm sao thật được em ơi! Ngày tháng qua mau, mình đến rồi sẽ đi sớm thôi. Gã du tử tìm về nguồn cội, con đường nhiều chông gai trắc trở, lắm lúc lòng lung lay lắm, con đường miên viễn độc hành đôi khi lại mê bướm đẹp hoa thơm và nghe lời rù quẩn của ma quân mà xao lãng mục đích ban đầu. Gã du tử cũng là một con người đầy thất tình lục dục kia mà, tuy vậy lòng vẫn hướng về Như Lai, nhớ về chư tổ. Các ngài như ánh trăng trong đêm trường, như hải đăng cho những con tàu trôi tránh sóng nước trùng khơi tìm về bến

bờ bình an.

Em ở đâu? vẫn mắt biếc trong đời làm cho lòng ta thao thức, dù rằng tập tễnh học hạnh buông nhưng đâu dễ một sớm một chiều! Mắt biếc, má đào, vóc hạc, gót son... chao ôi cả một trời tơ tưởng, mùa hạ chiều phương ngoại đẹp lắm, lòng nao nao vẫn nhớ về cố quận. Hình bóng cố quận là mái chùa làng cổ sơ, là góc phố nhỏ đêm khuya, là phần mộ tổ tiên, là hồn thiêng sông núi... dẫn cho những thể lực vô minh, hôn ám làm cho ít nhiều hư hao nhưng cố quận vẫn còn đó, hết suy sẽ có ngày hưng thịnh! Tuy nhiên sẽ cần nhiều thời gian, công sức và đôi khi cả máu xương. Cố quận vẫn lung linh lay động trong tâm hồn. Nhà Phật bảo: “Thập phương hư không bất ly đương xứ

Cổ kim tam thế bất ly đương niệm”

Thế đấy! sơn hà đại địa, vũ trụ hư không cũng từ một niệm mà ra; thời gian, không gian cũng một niệm tâm vậy! Vậy thì em mắt biếc cũng không ngoài một niệm tâm! Cũng từ một niệm tâm mà tháng ngày phương ngoại lắm lúc hồn mênh mông, lòng lung linh lạ lùng thay. Gã du tử vẫn thường:

Rót ly vang đỏ tưng bừng
 Mấy mươi năm lẻ đã từng vậy sao
 Ừ thì chẳng đón đưa nhau
 Thưa rằng quên đã từ lâu lắm rồi
 (thơ TLTP)

Thưa rằng quên đã từ lâu, ừ thì em vẫn mắt biếc trong đời, ừ thì mình chẳng đón đưa, có thật quên chẳng? Một niệm tâm em ơi! một quãng đường đời như thế, một cung trời ngoại phương như thế!

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Em ơi, mình vẫn là kẻ độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai! Ai cũng thế thôi trên con đường sanh-tử này! Cuộc đời dù muôn màu cũng không sao che lấp được sự lung linh lấp lánh của trang Tâm kinh. Dòng đời dù ồn ào, náo nhiệt cũng không sao khoả được lời thì thầm của Tâm Kinh.

“ Yết đế, yết đế, ba la yết đế....” một chiều hè phương ngoại!

MÙA THU VĨNH VIỄN

Thế là mùa thu em ơi!

Trời đã vào thu, không khí se se lạnh, lá lác đác vàng. Mùa thu là mùa thu hoạch vụ mùa cuối, là mùa bắt đầu cho một quá trình mục nát và tích tụ cho mùa sau. Mùa thu đẹp, đẹp đến nao lòng, đẹp mê lịm cả tâm hồn. Nếu những ngày đầu mùa, người nghệ sĩ thiên nhiên chỉ mới phác họa vài đường nét màu vào ngàn xanh, lúc ấy sơn hà chỉ là một bức tranh thủy mặc với nét cọ chấm phá. Nhưng khi thu đến giữa mùa, thì ấy chính là lúc mà cao hứng tột đỉnh, chính là lúc mà sự phóng khoáng vượt qua mọi qui định, khuôn phép ước lệ...Người nghệ sĩ thiên nhiên hất cả bảng màu xuống trần gian! Chao ôi, thiên nhiên bùng lên như gấm hoa, như cẩm tú, lại như vàng pha sáng cả sơn hà! Muôn hồng nghìn tía, từ phố thị cho đến đồng quê và núi rừng. Lúc bấy giờ không bút mực nào tả nổi vẻ quyến rũ của mùa thu,

Thiên nhiên hào phóng biết bao, cung cấp cái đẹp cho đời sống tinh thần, là nguồn cảm hứng vô tận làm thăng hoa tâm hồn con người. Thiên nhiên nuôi sống con người và muôn loài, nhưng thiên nhiên không thể nào làm thỏa mãn sự tham lam vô hạn độ của con người. Con người sống trong vòng tay bao bọc của thiên nhiên nhưng ngày đêm đang tàn phá và hủy diệt thiên nhiên. Ngày hôm nay thiên nhiên đang oằn mình trong sự hủy hoại, đất đai ô nhiễm, biến cả sông ngòi ô

niễm, không khí ô nhiễm... Nam, Bắc Cực đang mất đi hàng tỷ tấn băng tuyết, địa cầu ấm lên, nước biển dâng lên đe dọa những chìm những thành phố và những vùng đất rộng lớn. Những con đập trên sông Mê Kông đang bức tử cả một vùng hạ lưu mệnh mông, hệ sinh thái tàn lụi. Chất thải và rác nhựa ngập trong đại dương, rừng núi cạo sạch... Mẹ thiên nhiên đang tổn thương nghiêm trọng lắm em ơi!

Ấy thế mà có những ông quan và băng đảng gian manh, vì tư lợi, vì ngôi cao, vì bản chất trá trời... vẫn dối đời, lừa người, gạt cả đất trời. Luôn mồn cho rằng: "...Thiên nhiên vẫn ở ngưỡng an toàn", hoặc giả là: "Luận điệu quấy phá của phản động"... An toàn sao được hả em khi mà biển xanh chuyển thành màu đen, màu đỏ? An toàn sao được khi mà muôn loài thủy tộc chết sạch ráo? An toàn sao được khi mà người dân lên tiếng thì đánh đập, bắt bớ, tù đầy?

Xưa nay thiên hạ những mong ở ông trùm của cường quốc Cờ Hoa, nhưng đau đớn thay, ông trùm của xứ này ngày nay lại là một kẻ cũng độc tài không kém, cũng gian trá lưu manh bậc nhất. Ông trùm của xứ Cờ Hoa hôm nay lại là kẻ tiểu nhân ích kỷ cùng cực. Ông ta chỉ biết tiền, không nhân quyền vật quyền chi cả, thiên nhiên lại càng không, tất cả phải biến thành tiền, cho dù có phá huỷ cả thế giới này! Ông trùm mĩa mai chuyện khí hậu biến đổi, ô nhiễm thiên nhiên, trái đất nóng lên... Ông ta phế bỏ tất cả những hiệp ước bảo vệ quyền con người, bảo vệ thiên nhiên... Mẹ thiên nhiên vào hồi mạt vận, đâu đâu cũng thấy những kẻ như ông trùm. Người và những tổ chức có lòng yêu thiên nhiên, muôn loài thì bị bó buộc vô cùng.

Pháp vào sâu đời mạt, thời đại hắc ám... sản sinh ra những

con người như ông trùm, vô cùng ích kỷ; sản sinh ra những chính thể hung ác, tham tàn và thậm vô minh.

Ngày mùa thu em ơi! Dù trái đất nóng lên, dù mẹ thiên nhiên đang tổn thương nghiêm trọng, dù đau lòng, dù khắc khoải nhưng mình vẫn có thể có được những phút giây an lạc của riêng mình. Mình vẫn đạp trên lá vàng rơi, vẫn đi giữa thiên nhiên nghe gió hát lá rơi.

Mùa thu em ơi, đẹp lắm! ta vẫn chờ em về cùng đếm lá vàng rơi, đâu đó vang lên khúc ca:”... Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo, em nhớ cho mùa thu đã chết rồi...rằng ta vẫn chờ em.” Mùa thu chết, chết từ lúc em đi, chết từ khi trống vắng ở trong hồn, nhưng đâu thể nào đi nữa ta vẫn chờ em! Những gã khờ trên thế gian này, ai cũng như ai, gã nào cũng cứ lơ mơ giữa giòng đời, cũng mơ mộng chờ đợi em. Mình chờ em về cùng nhặt lá vàng rơi, chờ em về ngồi nghe sương khói thở, mùa lên rồi, em ở đâu? chờ đã muôn đời chưa đủ, sẽ còn chờ mãi mãi mai sau. Em vẫn đẹp, vẫn lung linh như sương mai nắng lụa, như cỏ hoa, như gót hài đạp trên thảm lá rơi...Có ai nắm bắt được bao giờ, làm sao nắm bắt được bây giờ? Nếu đời này không có em, không chờ em thì cuộc đời này sẽ vô vị và tẻ nhạt biết bao, sẽ hoang vu biết bao! Chờ em, dù có chờ trong khắc khoải vẫn đẹp, vẫn nao lòng.

Giả sử con người bây giờ chỉ có kiếm tiền, ăn ở và làm cái việc truyền giống không thôi thì con người có khác gì con vật. Sở dĩ con người khác con vật là nhờ có tư tưởng, tư duy, có đời sống tinh thần, có nghệ thuật, có văn chương... Thời đại hôm nay, khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, kỹ thuật điện toán phát triển nhanh chóng... làm thay đổi nhiều lối sống của con người. Con người bận bịu hơn, quay cuồng

trong cái vòng quay vô hình không thể nào dứt ra, không thể nào có phút giây yên tĩnh tâm. Con người hôm nay không thể dừng lại được nữa.

Âu- Mỹ vốn đi đầu và phát triển cao độ về khoa học kỹ thuật, về điện toán...Nhưng nghệ thuật, văn chương cũng phát triển vượt bậc. Người Âu-Mỹ tuy sống trong đời sống kỹ trị nhưng vẫn ham học, ham đọc. Nhà sách, thư viện... đầy ắp sách, đầy người đọc. Sách xuất bản nhiều như lá vàng trong mùa thu. Người đọc đón nhận nồng nhiệt. Những tác phẩm lớn như Harry Potter xuất bản cả mấy mươi triệu bản. Bà Mitchell Obama ra sách, chỉ trong vòng hai tuần cũng bán cả triệu bản...Thật đáng khâm phục và ngưỡng mộ biết bao! Còn Việt ta thì sao? nếu ở hải ngoại có ra sách mà bán được vài mươi hoặc vài trăm bản kể cũng là khá. Còn quốc nội, với hơn chín mươi triệu dân, nếu quyển nào mà bán được vài ngàn bản, kể như một hiện tượng lạ lắm đấy! Người Việt hôm nay không đọc sách! Có lẽ nào trình độ phát triển khoa học kỹ thuật của người Việt cao hơn phương Tây chẳng? Có lẽ nào khoa học điện toán của người Việt vượt bậc chẳng? Có lẽ nào người Việt văn minh hơn và đi trước thời đại chẳng?

Những gã du tử mang nghiệp chướng trong thời buổi hôm nay thật là cô đơn và lạc lõng, những kẻ lạc loài, sanh làm thế kỷ, sanh làm thời đại chẳng? Thật ra thì ngày xưa cụ Phan Bội Châu cũng từng than:” Lập thân tôi hạ thị văn chương”. Cụ Tản Đà cũng bảo:” Văn chương hạ giới rẻ như bèo”. Nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh còn cay đắng tận cùng:” Nhà văn An Nam khổ như chó”...quả thật không còn bút mực nào tả nổi! nhưng dù thế nào đi nữa thì con tằm vẫn nhả tơ, con tằm đến thác nó còn vương tơ kia mà, sá gì ba cái chuyện mắc- rẻ, sướng- khổ của cuộc đời!

Những gã du tử mang nghiệp chữ, cống hiến cho đời những áng văn hay, những vần thơ đẹp chưa đủ mà còn cất lên tiếng kêu đau thương của đồng loại, gióng lên tiếng ca thống thiết của sơn hà khi tao loạn, nhiễu nhương; hoặc giả tấu khúc khải hoàn khi thiên hạ thái hoà. Dù cho đời có đổi xử thế nào thì những gã du tử mang nghiệp chữ vẫn miệt mài nhả thơ.

Mùa thu về đẹp lắm em ơi! Sơn hà thay áo mới, vàng lên trong nắng gió, lấp lánh như muôn ánh vàng rơi. Lòng nhớ về cố quận, dù sống ở phương trời nào, dù ở đâu đó vật chất đủ đầy, thiên nhiên xinh đẹp, khí hậu trong lành... vẫn nhớ về cố quận mình quanh năm nắng bụi mưa bùn. Ai ai cũng thế, chỉ trừ bọn trẻ sinh ra và lớn lên ở cung trời phượng ngoại, chúng không dính dáng gì đến quá khứ rắc rối của cố quận mình. Phần nhiều cha mẹ cũng chẳng muốn con cái mình liên hệ với cái quá khứ buồn của cố quận. Cố quận gian nan, loạn lạc một thời. Người ta chạy từ Bắc vào Nam, rồi lại chạy tuốt ra đại dương... Nếu ngày xưa, cách tổng cách làng đã là xa; khác phủ khác quận đã là xa; cách tỉnh xa đàng lại càng xa. Ấy vậy mà giờ đây, người ta lưu lạc bốn phương trời, thử hỏi ai không:

“ Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”

(Bà Huyện Thanh Quan)

Đất nước mình có những mùa xuân huy hoàng, hiển hách như mùa xuân Nhâm Tý, mùa xuân Kỷ Dậu hay mùa xuân Hoa Lư, mùa Xuân Thăng Long, mùa xuân Đồng Đa... thì cũng có những mùa thu ảm đạm, thê lương. Đời Lý Thánh Tông, mùa thu-đông năm ấy. Cha con Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Cao làm phản, cắt đất dâng cho giặc Tống. Thánh Tông thân chinh, bắt giết Tôn Phúc và tha cho Trí Cao. Đời Trần, có

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Trần Thiêm Bình, Trần Ích Tắc làm phản theo giặc Nguyên-Mông. Nhà Trần bắt được Thiêm Bình xử tùng xẻo. Ích tắc thì muôn đời bị bêu xấu với xú danh: Á Trần. Đời Lê có Lê Chiêu Thống- Lê Quýnh cùng bè lũ phản quốc kéo sang Tàu, cuối cùng bị nhục phải gọt tóc, cạo đầu và chết thảm bên ấy. Đời mạc có Mạc Đăng Dung. Thời Pháp thuộc có: Huỳnh tấn, Hoàng Cao Khải, Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân...Sau này lịch sử sẽ ghi thêm những kẻ cắt đất dâng cho giặc Tàu để cầu thân của thời hiện đại. tất cả bọn chúng sẽ bị lịch sử đời đời nguyên rửa, khinh bỉ. Người dân cũng minh định rõ ràng:

Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ

Thịnh suy là lẽ thường tình, là luật của tự nhiên nhưng con người là yếu tố quan trọng làm tăng cái gia tốc cho việc thịnh suy. Nếu đời nhiều hiền tài, trung chính... thì cái nền thịnh trị sẽ thịnh hơn, dài hơn còn nếu nhiều gian tà, cà chớn thì cái bại hoại, suy vong sẽ nhanh hơn.

Mùa thu từ phương trời hải ngoại, nhớ về cố quận, đất nước mình, dân tộc mình... còn nhiều dang dở lắm em ơi! Vấn đề không chỉ ở người ngoài, bên ngoài mà chính là ở tự thân mỗi con người.

MÙA XUÂN VĨNH VIỄN

Thế là mùa xuân về, em ở đâu chẳng về phò hội? em ở đâu mắt biếc má đào có còn long lanh giữa giòng đời? áo lụa, gót son có về kịp xênh xang đón xuân sang?

Hỏi tức là thừa, hỏi chỉ để mà hỏi! Em chẳng về phò hội thì làm sao có mùa xuân, mắt biếc má đào không còn long lanh thì đời làm gì có mùa xuân, chắc chắn em sẽ về mỗi độ xuân sang. Mùa xuân đẹp lắm ư? nói thế khác gì khen “ Phò mã tốt áo”, mùa xuân là hiện thân của cái đẹp cơ mà! Mùa xuân mở đầu vận hội mới, mùa xuân là sức sống, là tuổi trẻ, là niềm tin và hy vọng trong đời.

Có gã từng bảo rằng:

Xuân đất trời bây giờ mới đến

Trong lòng tôi xuân đến đã lâu rồi

(Thơ TLTP)

Mùa xuân của đất trời mỗi năm có một lần, mùa xuân trong lòng người thì chẳng nệ thời gian. Nó lại lệ thuộc vào tâm tưởng của chính mình, khi mình vui thì xuân hiển hiện; khi mình đau buồn thì chẳng thể thấy mùa xuân. Xuân trong nhà Phật còn gọi là xuân Di Lặc, vì ngày đầu xuân là ngày vía của ngài. Trong văn học nước nhà, thơ văn Lý- Trần là một mảng quan trọng, là thành tựu, là dấu ấn của một thời độc lập tự chủ, một thời phát triển rực rỡ của dân tộc. Trong ấy có bài thơ- kệ “ Cáo tật thị chúng” của Mãn Giác thiền sư mà hầu

như ai ai cũng biết, cũng thuộc:

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Mùa xuân vĩnh viễn, mai có rụng, hoa tàn hương tận thì mùa xuân vẫn không bao giờ tàn. Hoa mai của đất trời có nở, có tàn nhưng đoá mai trong lòng người thì vĩnh viễn và mãi mãi.

Mùa xuân dân tộc ta cũng trải dài mấy ngàn năm, tuy có lúc thăng trầm, có lúc tưởng chừng như diệt vong nhưng rồi lại hồi sinh. Mùa xuân năm bốn mươi, Hai Bà Trưng khởi nghĩa đuổi Tô Định về phương Bắc, lấy sáu mươi thành lập quốc đóng đô ở Mê Linh. Mùa xuân 504 Lý Bí đánh đuổi bọn thái thú về Tàu và lập nhà nước Vạn Xuân, xuân đất trời, xuân dân tộc cùng rạng rỡ. Xuân Kỷ Hợi Ngô Quyền khôi phục nền độc lập tự chủ, chấm dứt ngàn năm Bắc thuộc. Mùa xuân Mậu Thìn, Đinh Bộ Lĩnh xưng đế lập nước Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Kế đến là những mùa xuân nhà hậu Lý, mở đầu một kỷ nguyên mới, làm nền tảng cho một thời kỳ độc lập tự chủ và phát triển rực rỡ của dân tộc. Mùa xuân Yên Tử, thượng hoàng Nhân Tông lên núi tu hành mở ra trường phái Trúc Lâm- Yên Tử, một dòng thiền thuần Việt, những mùa xuân của thời kỳ mà lịch sử gọi là “ Hào khí Đông A”. Mùa xuân Mậu Tuất, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh, dựng lại cơ nghiệp bị giặc Bắc phương hủy diệt mong đồng hoá dân ta. Mùa xuân Kỷ Dậu với chiến thắng Đống Đa, mở ra một kỷ nguyên mới, đây là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng ca dựng nước và giữ nước. Giặc phương Bắc chưa bao giờ sợ ta đến như vậy! Mùa xuân Kỷ Dậu còn gọi là mùa xuân Đống Đa, mùa xuân chiến thắng... Sau này, khi vua Quang Trung băng. Ngọc Hân, nàng công chúa tài hoa đã viết những giòng thơ tâm huyết ca ngợi người anh hùng dân tộc

vấn số:

Mà may áo vải cò đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình

Dòng sử dân tộc gắn liền với những mùa xuân hiên hách, nhưng cũng có những mùa xuân đau buồn lắm. Để bảo toàn tánh mạng của giòng tộc trước sự tận diệt của Trần Thủ Độ. Hoàng tử Lý Long Tường phải mang gia đình và gia nhân vượt biển sang Cao Ly lánh nạn, cuộc lánh nạn kéo dài mười thế kỷ, mãi đến cuối thế kỷ hai mươi này hậu duệ mấy mươi đời mới tìm về cội nguồn ở Đình Bảng. Những năm tháng lưu lạc, hoàng tử đã lập vọng quốc đài để ngày ngày lên đài ngóng về quê hương. Người Việt vốn là cư dân của nền văn minh nông nghiệp lúa nước, sống quây quần trong xóm làng, dòng tộc... ít khi nào đi xa, những khi buộc phải ly hương là bất đắc dĩ lắm. Cũng trong thế kỷ hai mươi này, nước Việt nhiều loạn lạc. Cả triệu người Việt phải ly hương, rồi dần dần hình thành nên những cộng đồng Việt bên ngoài biên giới nước nhà. Người Việt dù sống ở đâu cũng nhớ về quê cha đất tổ, có thể con người ta ra đi với nhiều lý do nhưng ai cũng mang trong tâm hồn mình hình bóng quê nhà. Đạo Phật gắn liền với dân tộc hai ngàn năm nay, dù có là Phật tử hay không thì ít nhiều hình bóng ngôi chùa cũng có trong tâm tưởng. Tư tưởng sống “Ở hiền gặp lành”, “Nhân nào quả nấy”, “Gieo gió gặt bão”... đều thấm đậm tư tưởng và triết lý của nhà Phật. Vì vậy khi ly hương, khi sống nơi viễn xứ con người ta lại thường tìm về những mái chùa Việt, nhất là những ngày lễ hoặc ngày tết. Mọi người tìm về mái chùa để không chỉ lễ Phật mà tìm chút hơi ấm và hình bóng quê hương. Thi sĩ- nhà sư Huyền Không đã viết:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông
Đạo Phật đã ăn sâu vào văn hoá và lối sống của người Việt Nam. Người ra đi mang theo cả hai trong tâm tưởng mình, làm sao mà có thể tách rời hình bóng quê hương với mái chùa được? nói đến quê hương không thể không nhắc đến đồng lúa, dòng sông, con đò, góc phố... dĩ nhiên càng không thể không nhắc đến mái chùa, dù là chùa làng hay chùa nơi phồn hoa phố hội. Người sống đến chùa lễ Phật cầu an, nương tựa tinh thần. Người chết gói nắm tro tàn xương cốt, ngày đêm nghe kinh hưởng hương khói. Sống hay chết cả đời cũng gắn bó với chùa, thậm chí nếu còn tái sinh trở lại kiếp người thì chắc vẫn gắn bó với chùa.

Em về trẩy hội xuân
Hoa đào rực rỡ
Thấp thoáng má hồng
Như ngàn năm cổ tích tự phương Đông
(thơ TLTP)

Người ly hương viễn xứ, lòng canh cánh nhớ thương nhất là khi mỗi độ xuân về. Mùa xuân cũng là lúc sum họp gia đình, bạn bè... Mùa xuân về lòng khắc khoải lắm nhưng không phải ai cũng có đủ điều kiện để về thăm. Mùa xuân với hoa mai, hoa đào như gọi lại dĩ vãng của phương Đông.

Mùa xuân son sắt vĩnh hằng
Năm rồi năm vẫn đãi dâng đôi nơi
Mình xa góc bể chân trời
Nhớ mùa xuân nhẩn một lời nước non
(thơ TLTP)

Người ra đi lòng vẫn nhớ, con tim chia hai nửa mang theo nửa để lại quê nhà. Phần nhiều ai cũng nhớ quê hương, với

những gã du tử thì càng tha thiết biết bao. Những gã du tử mang nghiệp chữ lòng mang mang viết nên những bài thơ, áng văn dâng cho đời. Mùa xuân về nước non cố quận mình tung bừng trẩy hội, cho dù có nhiều hư hao và dang dở. Nước non dù còn nhiều nguy hiểm tồn vong, đời dù lắm dâu bể đổi thay, lòng người dù đa đoan... nhưng tình vẫn tha thiết lắm em ơi! bởi vậy mà:

Mùa xuân cố quận tung bừng
Mặc đời dâu bể chưa từng hư hao
(thơ TLTP)

MÙA PHẬT ĐẢN LẠI VỀ

Mùa Phật đản lại về, người con Phật khắp nơi hân hoan hơn hởi, chùa chiền trang hoàng đèn hoa, cờ xí...Đất trời như thênh thang, quang minh sáng lạn, mây trắng bay như ngàn năm thuở trước. Ấy vậy mà nhìn mây cứ ngỡ như vô số hoa trắng mạn thù sa, mạn đà la hoá hiện.

Đã bao đời nay, ngày Phật đản sinh là ngày thiêng liêng và gần gũi biết bao. Người người tắm gội sạch sẽ, thân tâm thanh tịnh, ngày thường có thể tham lam, sân si đủ điều nhưng hôm rằm tháng tư dường như buông xuống cả để mà về chùa lễ Phật, trải hội mừng ngày sinh của đức Thế Tôn. Hình tượng Phật sơ sinh bước bảy bước trên hoa sen, một tay chỉ trời một tay chỉ đất làm nao nao lòng người. Chư thiên cũng cảm ứng, đất trời vào hôm rằm tháng tư luôn trong sáng và an lành.

Hơn hai mươi lăm thế kỷ trước, đức Phật thị hiện trong một hoàng gia của một nước nhỏ thuộc xứ Ấn Độ cổ đại. Với thân phận thái tử, ngài có tất cả danh vọng mà người thế gian mong cầu và tranh đoạt, ấy vậy mà ngài vứt bỏ như chiếc dép rách. Vững bền ngũ dục đầy đủ hoặc và quyến rũ: sắc dục, địa vị, của cải, ăn uống, ngủ nghỉ... nó trói buộc con người, nó làm cho chúng sanh trầm luân trong sanh tử luân hồi. Đức Phật thị hiện trong ngũ dục, rồi buông bỏ để tìm ra con đường giải thoát, ngài làm một tấm gương cho chúng sanh, ngài làm bằng cả thân chứng và ngôn hành. Đức Phật như hoa sen, hoa

sen mọc từ bùn nhơ, tanh hôi nhưng hoa sen vươn lên trên nở ra toả hương thanh tịnh, tinh khiết. Hoa sen vừa nở thì trong liên bông đã có hạt, nhân quả đồng thời duy chỉ có hoa sen mà thôi! Vì thế mà người đời thi vị hoá, vẽ hay tạc tượng chư Phật, chư Bồ Tát đứng hoặc ngồi trên hoa sen. Thực tế thì đức bổn sư khi tọa thiền dưới cội bồ đề chỉ ngồi trên cỏ khô, nhưng vì tôn quý nên mới vẽ ngài ngồi trên hoa sen. Cây bồ đề cũng thế, nó vốn chẳng phải tên bồ đề, vì đức bổn sư giác ngộ dưới cội cây này nên nó được gọi là bồ đề. Vấn đề này cũng có thể coi như là: hữu tình giác ngộ thì vô tình giác theo, hoặc giả cũng có thể bảo là: y báo đã chuyển theo chánh báo. Hình tượng đức Phật sơ sinh, bước trên bảy hoa sen có nhiều ý nghĩa biểu trưng: bốn phương và ba thời hoặc là thất chúng. Bốn phương đông-tây-nam-bắc và quá khứ-hiện tại-vị lai đâu đâu cũng có Phật, pháp thân thường trụ, lúc nào cũng có Phật. Đức Phật sơ sinh nói:” Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” thì có thể hiểu là: đây, con đường duy nhất để thoát khổ, thoát sanh tử. Đây là Phật tánh, ai ai cũng có thể thành Phật, “Ta là Phật đã thành các ngươi là Phật sẽ thành”...

Ngày Phật đản, muôn lòng hướng về Phật, tâm hiền thiện tăng trưởng, tâm bồ đề tăng trưởng (chỉ ít cũng trong phút giây hiện tại). Bao đời nay, con Phật về chùa đánh lễ Phật, múc nước tắm Phật sơ sinh, nguyện cho bao cầu uế và phiền não cuốn trôi theo dòng nước.

Thế rồi năm nay, cơn dịch bệnh đột nhiên xảy ra, người dính dịch bệnh người chết, khủng hoảng sợ sệt lan tràn khắp nơi, xã hội phong tỏa, kinh tế đình đốn, tất cả bị cấm túc, hoạt động xã hội, văn hoá, nghệ thuật, thể thao... bị hủy bỏ. Phật pháp vốn bất ly thế gian pháp, lễ Phật đản năm nay cũng không được tổ chức. Người con Phật chỉ có thể ở nhà mà

tưởng niệm Phật, lễ Phật, mừng Phật đản sanh bằng tâm lễ, dù không biểu hiện rộn ràng như mọi năm nhưng lòng người con Phật vẫn thế. Lễ Phật đản không được tổ chức, người con Phật hiểu đạo sẽ thấy rằng đây là sự vô thường của thế gian, sự mong manh của quốc độ, các pháp sanh diệt, thay đổi không ngừng. Thế gian này sinh-lão bệnh-tử là khổ, mong cầu mà dễ gì được nên khổ, yêu thích mà phải cánh xa là khổ, oán ghét mà cứ gặp nhau là khổ, thân tâm ngày đêm nung nấu là khổ, thế gian này có những cái vui tạm nhưng rốt cục vẫn là khổ, những cái biến hoại hàng ngày là khổ, khổ chồng thêm khổ, thế gian khổ, chúng sanh khổ, khổ chúng sanh... Vì thế mà Phật thị hiện ra đời để mà khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, có cái tri kiến Phật thì mới hết khổ, mới vượt thoát sanh tử luân hồi.

Thế gian này chìm trong vô minh tăm tối đã lâu, dày sâu trong ngũ dục, chấp chặt vào lục trần, đảo điên trong vọng tưởng. Phật thị hiện ra đời, sanh trong ngũ dục rồi rời bỏ, sáu năm khổ hạnh ở núi tuyết, rồi lại ra đi, bốn mươi chín ngày đêm dưới cội cây cho đến khi sao mai mọc mà ngộ đạo. Phật đến vườn nai chuyển pháp luân:” Đây là khổ tính bức bách, đây là tập tính chiêu cảm, đây là đạo tính có thể tu, đây là diệt tính có thể chứng”. Lần thứ hai nói:” Đây là khổ ta đã biết, đây là tập ta đã đoạn, đây là đạo ta đã tu, đây là diệt ta đã chứng”. Lần thứ ba:” Đây là khổ các ông nên biết, đây là tập các ông nên đoạn, đây là đạo các ông nên tu, đây là diệt các ông nên chứng”

Thế là quang minh rực rỡ bùng lên trên mảnh đất tâm tăm tối bao đời nay, thế là vàng dương soi chiếu thế gian này, chư thiên hoan hỷ, loài người từ đây có con đường đi, không còn mò mẫm như ngài sáu năm ở núi tuyết. Loài người từ đây theo

sự chỉ dạy của ngài, không còn kẹt ở hai bên, bỏ những đối đãi, nhị nguyên để mà thẳng tiến đến quả vị giác ngộ.

Hơn hai mươi lăm thế kỷ trôi qua, loài người đã 2564 lần đón mừng đản sanh Phật, thế gian này đã bao lần dâu bể, bao quốc gia hình thành và diệt vong. Đạo Phật cũng không ở ngoài quá trình thịnh – suy, cũng không nằm ngoài sự chi phối của luật vô thường, lý sanh-trụ-dị-diệt hay là thành- bại- hoại-không. Có những lúc đạo Phật tưởng chừng như tận diệt ở Ấn Độ cổ xưa, Phù Nam, Champa... nhưng kỳ lạ thay, đạo Phật vẫn tồn tại và lưu truyền rộng rãi khắp châu Á, lan qua Mỹ-Úc và cả châu Phi.

Thế gian này vô thường, Phật pháp cũng không ngoại lệ nhưng giáo pháp mà đức Thích Ca Mâu Ni Phật dạy sẽ tồn tại cho đến khi có một vị Phật khác ra đời.

Năm nay, chúng ta, những người con Phật tưởng niệm ngày sinh của Phật tại nhà, chùa chiền bé môn, xã hội phong tỏa ấy là cùng chung cộng nghiệp, chịu chung cái họa đại dịch Coronavirus. Con dịch này đến từ một nước lớn nhưng tâm địa nhỏ hẹp, tham lam và tàn độc. Coronavirus có thể được chế ra bởi những con người nham hiểm, cũng có thể từ động vật hoang dã, từ soup dơi... Trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, có những người hoàn toàn không bị ảnh hưởng gì, thậm chí còn được lợi trong cơn dịch, có những vùng lại tương đối bình an trong khi cả thế giới bệnh tật, chết chóc, sợ hãi...Kẻ làm ác nào rồi cũng phải trả giá, dù sớm hay muộn, luật nhân quả có bao giờ sai vạy. Năm xưa khi Phật còn tại thế, ngài từng dạy:” Kẻ làm việc ác như kẻ cầm đuốc đi ngược gió”.

Rằm tháng tư đến, ngày Phật đản sinh về, mọi người tự trần

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

thiết hương án, chưng hoa, đốt đèn, hương, dâng quả...để cúng dường Thế Tôn, mừng hoa ưu đàm nở, báo ân Phật. Tuy vậy cách báo ân tốt nhất là sống và thực hành theo những gì Phật dạy, những lời dạy trong bài kệ này không chỉ đức bổn sư của chúng ta mà là toàn thể chư Phật đồng xưng thuyết

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

NGƯỜI VỚI TA ĐẾN

Bóng tối dày đặc, quánh lại như bùn lầy, cái thứ bùn lầy sền sệt đang nuốt y vào lòng của nó, càng vùng vẫy thì càng lún sâu. Bóng tối lại như luồng sương đen kịt, tràn vào phổi y, y sặc sụa ho và ngạt thở. Y không thể nào la hét được, há miệng ra thì luồng sương đen tràn vào ào ạt hơn. Màn đêm như vô số tơ bện chặt y, trông y không khác gì một cái kén, trong cái màn đêm ấy, bất chợt y lại thấy lơ lửng như bay trong không trung, cố mở mắt xem sự thể thế nào thì thấy vô số hình nhân nam nữ lơ đãng. Những hình nhân chập chờn vây quanh y, chúng vờn quanh và vươn những cái tay dài như sợi tơ quấn lấy thân thể y, lại giống như những xúc tu bám chặt vào thân y. Y giãy giụa quằn quại nhưng không làm sao thoát ra được. Y muốn hét toáng lên nhưng không gian đông đặc trong miệng, không hét được nhưng y nghe rõ mồm một giọng cười đắc ý đầy ma quái:

- Anh ta không thể thoát khỏi tay bọn người! Anh ta hoàn toàn chịu sự khống chế của bọn người, dù bọn người có làm lơ thì anh ta cũng sẽ quỳ dưới chân để mà xin chút khoái lạc, mỗi khi thân xác anh ta lên cơn giãy vò vì thèm khát, tâm can nung nấu cháy bỏng.

Những hình nhân nam nữ lơ đãng lơ lửng trong không gian đen đặc tối om cười rúc rích:

- Thừa dâm thần chủ, ngài đã khuất phục vô số con người ở thế gian này, xưa nay ngài vẫn luôn luôn thắng thế. Bọn người kia hoàn toàn nằm dưới sự khống chế của ngài, gã du tử kia cũng không là ngoại lệ, tuy y có ý muốn thoát khỏi sự khống chế của ngài nhưng y không có đủ bản lĩnh, cái bản năng thèm khát dục lạc vẫn âm ỉ cháy trong tâm và dày vò thân xác. Gã ấy cố gắng tự phản tỉnh và tìm con đường vượt thoát nhưng mỗi lần gã ta tiến lên một bước thì lại lùi hai bước, vươn lên một nấc thì rơi xuống hai nấc. Gã ta tiết dục để thăng tiến nhưng bản năng khát dục làm cho gã ta thoái lui là vậy, gã ta càng vùng vẫy, tâm tư tranh đấu giữa thanh cao và dục lạc. Gã ta đau khổ nhưng thống khoái chìm vào vũng lầy dục cảm. Bọn em thỉnh thoảng vẫn cho y hưởng tí khoái lạc đủ để y mong muốn thêm khát trong khắc khoái. Bọn em không cho gã ta thỏa mãn để mà trói buộc gã trong sự sai xử của ngài.

Dâm thần cười khùng khục trong cổ họng, giọng hả hê:

- Các người khá lắm! cứ như thế mà làm, tuyệt đối không cho gã ta được thỏa mãn, một khi thỏa mãn thì gã ta sẽ không còn phục tùng ta. Nhục cảm, khoái lạc là bửu bối, là tuyệt chiêu của ta, chỉ có ngón tuyệt chiêu này mới trói buộc được loài người, bọn người ngoan ngoãn vâng lời ta, tự nguyện chịu sự sai khiến của ta. Ta không có sức mạnh vô địch như thần hủy diệt, cũng không có quyền năng tuyệt đối của thần chết, nhưng ta có sức mạnh mềm. Ta không hò hét lớn tiếng, cũng không đe nẹt ai. Ta chỉ cười mỉm nhẹ nhàng nhưng loài người quy lụy xin chết dưới chân ta. Không có kẻ nào cưỡng nổi sự quyến rũ sai xử của ta, bọn họ nhiều khi còn tự buộc số phận của họ vào ta, thậm chí ta xua đuổi họ cũng chẳng rời, cam chịu đời đời nằm dưới sự điều động của ta. Thế gian này

cũng có một số ít, rất ít dám coi thường ta, nhạo báng ta, khi dễ ta... đó là mấy vị sa môn vâng lời ông Cồ Đàm, hành theo chánh pháp của Cồ Đàm. Những vị ấy hoàn toàn tự tại thông dong, ngón nghề điêu luyện cùng bảo bối của ta vô tác dụng. Có đôi khi ta cũng rù quén được vài vị sa môn phá giới, lừa thầy, phản bạn nhưng chỉ là những kẻ thiểu số không đáng là bao. Bọn người hãy nhớ lấy, đừng có đụng đến những vị sa môn chân chánh, kéo mà mang hoạ.

Những hình nhân nam nữ lỏa thể lơ lửng trong bóng đêm đen đặc, chúng chớp loé những đóm lửa xanh, đỏ, tím, vàng... trông đẹp mắt và đầy sức dụ hoặc mai quái, mắt mũi chúng quả thật gọi cảm, tấm thân thật hấp dẫn. Chúng cất tiếng ca ngọt dịu và những lời âu yếm đầy sức cuốn hút, những âm thanh gọi dục gọi cảm làm cho con người mê đắm, tất nhiên gã du tử kia cũng không là ngoại lệ. Gã ấy còn có phần lạm sâu hơn, vì gã vốn có tính nghệ sĩ, sống phóng khoáng và lụy tình. Những hình nhân trông muốt mát thơm tho, tràn trề gọi cảm. Cả bọn là lời làm trò逗 đón với dâm thần, dâm thần ngồi trên giường, chần gối lụa là êm ái, đang lim dim tận hưởng sự phục dịch, thỉnh thoảng dâm thần lại mân mê và xoay xoay chiếc nhẫn bảo bối “Dục lạc khoái nhuyển lực”, đây là một bửu bối cực kỳ hiệu nghiệm. Dâm thần dùng nó để khiển dụng con người, mỗi khi dâm thần ban ơn cho ai thì y chạm nhẹ chiếc nhẫn vào cổ kẻ ấy, tức thì kẻ đó mê mết hưởng khoái lạc và phục tùng dâm thần một cách tuyệt đối, những lúc ấy thì bản lĩnh, công phu, danh dự... chỉ là thứ bỏ đi.

Y còn đang chồi đập tìm cách vượt ra khỏi cái màn đêm đặc quánh thì chợt cảm nhận có bàn tay rất đẹp cầm chiếc nhẫn chạm nhẹ vào cổ y, một cơn sóng khoái cảm mê mẩn xuyên

suốt người y. Lập tức y thấy mình trôi hẫ lên trên vũng lầy mà mới phút trước y còn đang chìm xuống, cái làn sóng sung sướng làm cho y quên ngay cái cảm giác đang ngạt thở vì chìm dần trong vũng lầy. Y trở nên sung mãn và tăng động, y đeo bám lưu luyến với những hình nhân lửa thể kia, ra sức mơn trớn, cợt nhả và có vẻ tâm tư thích ý cực độ. Tiếng cười đầy nhục dục khoái lạc của những hình nhân ấy càng làm cho y điên đảo. Y giờ hết những ngón nghề chơi có được để làm thỏa mãn những hình nhân lửa thể kia và cũng chính làm thỏa mãn cho bản thân y. Y như con thiêu thân lao vào ngọn đèn, vừa hưởng lạc vừa khoe cái tôi đang phát huy cực đại, hòng lấy tiếng là dân chơi điệu nghệ.

Còn đang lâng lâng bởi nụ hôn, Y chợt cảm nhận có cú đập và lay mạnh, mở mắt ra thấy trời còn tối đen. Vợ y nằm cạnh bên ngái ngủ cảm râm:

- Ban ngày cứ vào mấy trang web đen xem phim sắc dục, đêm nằm mơ bấy bạ, ú ớ không thành lời, giã đạp quờ quạng lung tung.

Y nằm im, định thần lại, giấc mơ quái dị nhưng chẳng lạ, không phải lần đầu y mơ như thế, đã nhiều lần rồi nhưng mỗi lần mỗi khác, sự việc biến tướng và hình ảnh mạnh mẽ đậm mê đắm hơn. Y tự nhủ phải dứt ra khỏi cái vòng luẩn quẩn này, những hình ảnh nam nữ loã thể, những âm thanh nhục dục khoái lạc cứ lớn vồn trong tâm trí, thật đúng như lời dâm thần nhắc nhở bọn đàn em trong mơ: "... tuyệt đối không cho gã ta cũng như bọn người được thỏa mãn, thỉnh thoảng cho bọn họ hưởng một tí để cơn nghiện càng sâu hơn, có thế mới giữ được chúng trong vòng cương toả của ta, chịu sự sai khiến của ta. Chúng phải muôn đời là nô lệ cho ta, quyền

năng của ta tuy mềm nhưng buộc chúng chặt hơn bất cứ thứ trời buộc nào có ở trên đời...”

Mắt mở thao láo nhìn vào bóng tối, y chột rùng mình vì lời dâm thần trong mơ. Vợ y trở mình, mắt nhắm mắt mở, giọng khào khào ngái ngủ:

- Honey! ngủ không được hả? có phải đang hưng? ngủ đi, mai phải dậy đi làm sớm, cuối tuần thong thả hơn nhé!

Y nằm im, không trả lời, tâm trí y đang miên man với sự thiết hơn, phải trái, chánh tà...Y biết vào mấy trang web đen xem phim ái dục là không tốt, nhưng y chưa thể dứt ra được, gần như mỗi tuần y đều mò vào để xem, tuần nào không xem thì bứt rứt khó chịu trong người, cứ y như những kẻ nghiện xì ke mà thiếu thuốc vậy. Xem xong thì lại hối hận, hụt hẫng...” sao mà dơ dáy, bẩn thỉu quá!”. Y xóa hết những dấu vết còn lưu trên máy cá nhân, khổ nỗi không thể xóa được những lần truy cập trên trang web chủ hay những máy chủ cung cấp dịch vụ. Vì thế nhà mạng biết rõ những thông tin cá nhân, những sở thích truy cập, bọn chúng tung vô số những quảng cáo và phim ảnh về xu hướng mà y thích truy cập. Cũng vì trang web đen mà những virus độc hại xâm nhập làm cho đứng máy, thế là y lại mò mẫn dọn rác, diệt virus và cài đặt lại. Cái vòng lẩn quẩn đã bao lần nhưng vẫn cứ lặp đi lặp lại. Y đã bao lần tự hứa với bản thân:” Mình sẽ không vào những trang web đen nữa, mất thời gian, máy bị dính virus và tai hại cho tâm ý”. hứa rồi lại phạm, phạm xong lại hứa, cứ như thế không biết đã bao lần. Y thấm thía lời của dâm thần dạy bọn tay chân thủ hạ. Y thấy mình bị trời buộc và điều khiển bởi dâm thần và lũ đàn em của dâm thần, cả thân và tâm đều bị dâm thần sai xử mà không có cách chi cưỡng lại, thế này thì cũng sẽ sớm trở

thành thủ hạ của dâm thần mất thôi! Y nhớ đâu đó trong kinh Pháp Cú có dạy:” Ái tình dục lạc như nước muối, càng uống càng khát” hoặc là: “ Hưởng dục lạc cũng giống như liếm giọt mật trên lưỡi dao bén.” Y cũng vỗ vế tập quán thân bất tịnh:” Rõ ràng hàng ngày thân này tiết ra bao nhiêu chất dơ hôi hám, mắt có ghèn, tai có ráy, mũi có cứt mũi, miệng có bọt nhờn, hàng triệu lỗ chân lông tiết mồ hôi, hạ thân tiết ra phần niếu...Một ngày không tắm rửa thì hôi hám không ai chịu nổi, từ đó mới biết bên trong bao nhiêu là máu mủ, là cái dầy da hôi thối.” biết vậy nhưng đụng đến cái bề ngoài da thịt quyến rũ, ánh mắt đa tình, giọng cười ngọt lịm, cái xúc chạm êm ái...là lại quên ngay, là lại chẳng nhớ đó chỉ là giả hợp của tứ đại. Dẫu có đẹp như hoa hậu, thanh lịch như quý ông nhưng một khi tắt thở thì đó ai dám ôm ấp nữa. Cái đẹp bề ngoài cũng còn tùy thuộc vào sự nhìn nhận của mỗi loài. Có cái đẹp cà răng cưa tai của những thổ dân thì lại xa lạ, mông muội với người thành phố, người hiện đại. Có cái đẹp mềm mại, thuót tha của phương đông thì lại khác với cái đẹp to cao, mạnh mẽ của phương tây...tất cả lệ thuộc ở truyền thống văn hoá, tập quán địa phương mà ra. Nhìn sâu xa hơn thì đó là sự mê mờ của sáu căn, huyền hoặc của sáu trần, mê lầm của sáu thức thôi!

Càng nghĩ y càng thấy tỉnh ra, mai phải đi làm sớm nên y quyết không nghĩ lung tung nữa, dỗ lại giấc ngủ. May là y cũng thuộc loại người dễ ngủ, dù đang trò chuyện hay đang làm việc gì không cần biết, hễ ngã lưng xuống là ngủ ngay, chỉ trừ những lúc tâm tư xáo trộn hay tâm ý xao động mạnh.

Y chập chờn chìm vào giấc ngủ, dâm thần và những hình nhân nam nữ lửa thể kia lại hiện ra, chúng dờ dờ lơ lửng, bồn chột, vuột ve dụ khị. Dâm thần nhếch mép cười rất dâm

đăng, đầy vẻ khiêu gợi:

- Người không muốn làm quyền thuộc của ta? Người muốn thoát khỏi vòng tay ta? đừng dại dột như thế! người đời ai mà không ham muốn khoái lạc do ta ban cho, một mai thoát khỏi tay ta liệu người có sống nổi nếu không có khoái lạc?

Nói xong y lại cười khanh khách đầy vẻ đắc ý, tự tin. Khoát tay cho những hình nhân nam nữ loã thể vây quanh y, chúng cười tình và ra sức kích thích các giác quan khoái lạc của y. Trong bọn chúng có đứa thì thầm:

- Bọn em mang lại khoái lạc và cảm giác thăng hoa cho anh, sao anh lại muốn vượt thoát? những gì bọn em làm cho anh, chịu chuộng anh, muốn anh cũng trở thành quyền thuộc của dâm thần như bọn em. Sao anh không nhập với bọn em? Làm người mà không hưởng nhục cảm thì làm người để làm gì? liệu không có nhục cảm thì con người có tồn tại không?

Bọn chúng nói đúng, nhục cảm khoái lạc, sự tham ái, sự thèm khát dục vọng... là nguyên nhân của tái sinh, luân hồi bất tận.

Bấy giờ dâm thần ghé sát tai y cười dâm dăng, khiêu khích và thách thức:

- Nói cho công bằng thì chính người vờ ta đến, người tìm đến ta, nghĩ tưởng về ta chứ nào phải ta đến tìm người. Người và loài người quy lụy xin khoái lạc ở ta, những hình ảnh nam nữ loã thể kia là do người chiêu cảm lấy, hoàn toàn không phải lỗi của ta. Ta đã đến thì đừng hòng ta bỏ đi dễ dàng! Ta sẽ theo người cho đến sức cùng lực kiệt, người có chết rồi tái sinh ta vẫn không rời người.

Dâm thần và lũ hình nhân loã thể còn đang đắc thắng, bắt chột biến mất, không gian tĩnh mịch như chưa từng có mặt của bọn chúng. Một vị thần mặc giáp trụ, tay cầm kim cang xử xuất hiện:

- Địa thần! sao ngài lại để cho dâm thần và quyền thuộc của y đến cuộc đất này? nơi này có thờ tôn tượng Như Lai kia mà! Bọn chúng đến làm mất tôn nghiêm, ảnh hưởng đến phong khí của con người nơi đây!

Thì ra là thần hộ pháp, địa thần bước ra, dáng vẻ phốp pháp tốt tướng:

- Ngài không biết đây thôi, địa thần tôi đã cho canh gác cẩn mật, vả lại cuộc đất này đã được kiết giới và hộ giới bởi chính ngài, một khi đã kiết giới thì không một ai có thể xâm nhập được, cho dù quỷ mị võng lượng...Sở dĩ dâm thần và quyền thuộc của y đến được là vì cậu chủ rước bọn họ đến đây! chính cậu chủ đưa cho bọn họ mật khẩu, mật ngữ nên bọn họ đi qua được kiết giới, nếu không có mật khẩu của cậu chủ thì bọn họ có ba đầu sáu tay cũng không vào được. Cậu chủ và bọn họ có giao tình với nhau, cậu ta bị bọn họ rù quên, quyền dụ bằng dục lạc đã lâu, giờ cậu chủ bị ràng buộc chịu sự sai xử của bọn họ. Cậu chủ vô tình thành quyền thuộc với bọn họ, cậu chủ phải tự tỉnh ra, tự cứu lấy mình. Tôi với ngài chỉ hộ vệ vòng ngoài, không thể xen vào tâm của cậu chủ để đánh thức, cũng không thể lôi cậu ấy trở lại con đường sáng, con đường tỉnh thức. Cậu ấy phải thoát ra và tự đi bằng đôi chân của mình.

Y thật sự phân vân, tiến thoái lưỡng nan giữa hai con đường. Sức hút của dâm thần và lũ hình nhân loã thể vẫn mạnh mẽ và hấp dẫn nhưng sự tỉnh thức cũng thôi thúc quyết liệt không

kém, Sự thanh cao thẳng hoa trên con đường sáng là lý tưởng của bao người bao đời nay, rất chân chánh và thánh thiện. Y còn ngơ ngác đứng giữa con đường, chưa biết tiến thoái làm sao thì tiếng chuông báo thức reo một hồi dài. Vợ y gọi:

- Dậy đi làm anh ơi! trời gần sáng rồi.

NHỮNG GÃ DU TỬ MANG NGHIỆP CHỦ

Thế là gã thành thi sĩ, sau bao nhiêu năm đăng rải rác trên báo. Giờ gã in riêng cho mình một tập. Bạn bè, người thân chúc mừng nhiều lắm. Gã không thật sự biết mình vui hay buồn. Trong lòng gã tự nhủ:

-Người ta thành thương gia nghiệp chủ, ông nọ bà kia. Mình cứ quần quanh với mớ chữ nghĩa có làm chi nên đời! Người ta thành đạt, vợ con sung sướng nở mày nở mặt. Mình thì chỉ làm vợ con thêm bận lòng.” Ông suốt ngày mơ mộng thơ thần” hoặc là:” Bài này ông viết cho con nào?”... đại loại như thế!

Nhưng người ta cũng bảo:” Nghiệp chủ”, đã là nghiệp thì dù muốn hay không cũng không thể tránh. Nghiệp là kết quả tạo tác, mình không thể chối từ. Mình đã sanh vào cõi Sa Bà này thì cuộc trăm năm này cũng lý thú lắm chứ! Với những kẻ mang nghiệp chủ thì cuộc trăm năm này là một cuộc rong chơi đầy cảm hứng. Người ta bảo gã là nhà thơ, gã không dám nhận, chỉ đơn giản là một gã du tử rong chơi mà thôi, chỉ đơn giản là một tay mang nghiệp chủ tài tử mà thôi! Gã rong chơi cuối trời phương ngoại, tháng năm quên đi, đôi khi chỉ là kẻ vớt lấy làn hương, chỉ là kẻ múc mảnh trăng đầy

nước! Sẽ có người bảo:” Hương làm sao vớt? trắng đáy nước làm sao múc?” ấy mà vớt được, ấy mà múc được, bởi vì những kẻ du tử mang nghiệp chữ “biết” cách. Nếu không “vớt”, không “múc” được làm sao họ có thể viết cho đời những bài thơ hay, những câu tuyệt cú... Kẻ du tử rong chơi trời phương ngoại nhớ về cố quận. Cố quận oằn mình núi rừng loang lổ, sông ngoi, biển cả...ô nhiễm trầm trọng, khí trời cũng không còn trong lành để thở nữa. Muôn loài trên rừng dưới biển bị tàn sát không thương tiếc. vật đã thế, môi trường đã thế thì con người làm sao an. Cho dù có sống trong những biệt phủ nguy nga nhưng đồng loại bất an một mình an được sao? Giặc phương Bắc như tằm ăn dâu, vẫn ngày đêm xâm thực. Kẻ du tử lòng đau nhưng không thể làm gì hơn được, thế thì những vần thơ, những bài văn lại là sóng âm khêu gọi lòng người!

Năm xưa khi đánh giặc Tống bên bờ sông Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt viết thơ thần. Ngài đã thể hiện “nghiệp chữ” trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng một cách tuyệt vời. Thơ thần như một bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc. Khi đánh đuổi được giặc Minh. Nguyễn trãi (một đại du tử) đã viết Bình Ngô Đại Cáo. Một áng văn tuyệt tác vô tiền khoáng hậu. Nguyễn Trãi phô bày nghiệp chữ một cách trác tuyệt. Bình Ngô Đại Cáo là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước Việt! Nghìn năm phong kiến vốn trọng văn khinh võ coi thường kinh kỹ...Có lẽ đó là thời kỳ huy hoàng của kẻ mang nghiệp chữ. Bởi vậy dân gian mới bảo:

Văn thì tứ phẩm đã sang

Võ thì nhị phẩm còn mang gươm hầu

Hoặc như kẻ “ Du tử” Lý Bạch thì quả thật xưa nay chưa hề thấy: Y là kẻ thư sinh, uống rượu làm thơ ấy vậy mà được

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

thái úy cởi giày, tể tướng mài mực cho, đã thế còn được kim bài uống rượu suốt đời không phải trả tiền! Bên trời Tây thì những kẻ mang nghiệp chữ cũng vinh quang không kém. Bọn du tử với nghiệp chữ được giới quy tộc, triều đình nuôi dưỡng. Bọn họ chỉ mỗi việc uống rượu và viết thơ, nhạc ngợi ca, trong vô số những bài tụng ca có không ít những tuyệt tác vượt thời gian!

Thời gian như nước chảy mây bay, như hoa rơi diệp lạc... mình đến rồi cũng sẽ đi mau thôi, những tháng ngày rong ruổi có đôi khi níu kéo một vầng mây trắng mà ca ngợi đời này, có đôi khi lắng lòng nghe hơi thở đất trời, có đôi khi chia sẻ với tiếng đời bất hạnh...Cánh chim bay qua bầu trời không lưu dấu vết nhưng đã có những kẻ du tử giữ hộ rồi. Hết mùa thì hoa tàn hương tận nhưng những kẻ mang nghiệp chữ đã kịp lưu lại cho đời. Những kẻ rong chơi ở giữa con đường bất tận quên tháng ngày lại là hạnh phúc, an lạc lắm thay. Nào ai hay, tâm hồn đồng điệu rung lên như tơ đàn hoà nhập với đất trời, với cung bậc thanh âm của kiếp người. Giữa con đường ấy là đường nào? đường tình, đường đạo, đường đời... sẽ mãi mãi không bao giờ đến đích, vì một khi đến đích rồi thì có còn là du tử nữa! Con đường bất tận, kẻ rong chơi giữa con đường với:" Mùa xuân phía trước miên trường phía sau"- Bùi Giáng. Trên con đường những vết trâm như dấu ấn chứng in sâu trong tâm hồn, trong tim dù thời gian năm tháng có trôi xóa thế nào cũng không thể nhạt nhòa hay phai được. Những gã du tử rong chơi với tháng năm đến cõi này:

Tôi đến nơi này một sớm mai
Rong chơi kẻ chuyện với muôn loài
Thơ- TLTP

Những gã rong chơi kể chuyện với muôn loài hay muôn loài tâm sự với bọn họ? có ai mà biết được, chỉ có bọn họ mới biết mà thôi! Họ sống với một trời phương ngoại. Trời phương ngoại hay vùng phương ngoại ấy ở đâu? Có trên cõi đời này thật sao? Trời phương ngoại đẹp lắm, yên ả lắm. Trời phương ngoại sáng lạng và thanh khiết lắm, ở đây không có năm tháng bao giờ, ở đây không có những kẻ thô tục, không có bon chen, không có khổ đau...Trời phương ngoại không phải là thiên đường, thiên thai. Trời phương ngoại không có ở trên mặt đất này và cũng không ở ngoài thế gian này. Dù có chỉ bảo, giải thích thế nào người khác cũng không sao hiểu hay thọ hưởng được. Chỉ có tự chính bản thân mình đạt được thì mới biết vùng phương ngoại ấy đẹp biết dường nào! Vùng phương ngoại vốn không có ở trên mặt đất này, ấy vậy mà:

Rong rêu một giải giang hà
 Phần hoa chi mộ dưới tà dương huy
 Say hồ điệp khúc lưu ly
 Hồn hoa lay động người đi chữa về
 Thơ- TLTP

Vốn không ấy thế mà có, vốn có nhưng thật lại là không, có-không vốn không là một mà cũng chẳng là hai. Người đi đâu về đâu mà phần hoa chi mộ vẫn thiết tha dưới ánh tà dương!

Thành Ất Lãng này từng bị đốt cháy và san thành bình địa trong cuộc nội chiến năm nào. Trang trại Tara ở miền Jonesboro của gia đình nàng Scarlet cũng thăng trầm theo thế cuộc. Thời gian trôi xoá và vùi lấp đi tất cả, may mà có nữ du tử Mitchell với nghiệp chữ của mình đã giữ lấy tất cả những hình ảnh, hơi thở của thành Ất lãng cho thế hệ mai sau. Nữ du tử đã đi rồi nhưng tháng năm rong chơi trong cuộc hồng trần này vẫn còn mãi mãi. Vùng phương ngoại xa xôi, vùng

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

phương ngoại lung linh... Bảo chỉ chỗ nào làm sao ta biết, chỉ tự mình mở lấy cửa mà vào thôi! Những kẻ du tử gìn giữ lấy làn hương, vớt trăng dưới nước, chao ôi khờ khạo một cách dễ thương biết đường nào!

NHỮNG NGƯỜI CON GÁI PHẬT

Thế là hơn hai mươi lăm thế kỷ đồng hành cùng nhân loại. Đạo Phật đem lại lợi lạc cho con người trên khắp thế gian: Cổ vũ lòng từ bi, yêu thương; cổ vũ hoà bình, vị tha, khoan dung; soi sáng cho mọi người nhận ra chân lý thật của cuộc đời, chỉ ra con đường thoát khổ và giác ngộ...Ngày xưa đạo Phật chỉ có mặt ở châu Á, ngày nay thì có lẽ có mặt ở khắp năm châu.

Những năm đầu của thế kỷ hai mươi, có những học giả và tu sĩ người da trắng từ châu Âu. Họ khám phá ra đạo Phật- một tôn giáo cổ truyền của phương Đông và họ đã ngạc nhiên đến độ sẵn sàng từ bỏ cuộc sống sung túc ở châu Âu để đến các nước Đông Nam Á: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan... để tu học. Trong số họ có nhiều người từ bỏ cả đức tin truyền thống của mình để đi theo đạo Phật. Họ đã hiến dâng cả đời mình cho đạo Phật: Dịch kinh điển Pali sang tiếng Anh, thành lập những hội truyền bá đạo Phật, hội Phật học và tổ chức từ thiện để đến trợ giúp các quốc gia Phật giáo... Trong số ấy có những vị vô cùng uyên bác như: tì kheo Nanamoli Thera (tên thế tục Osbert Moore), Franis Stony, Ven. Sangharakshita...

Ở Bắc Mỹ, đại tá hải quân Henry Steel Olcott có lẽ là người Mỹ đầu tiên tiếp xúc với Phật giáo. Ông là người phác thảo ra lá cờ Phật giáo. Ông cũng là người có công to lớn trong việc chấn hưng Phật giáo ở Tích Lan, Miến Điện... cũng trong những năm tháng đó, dòng người châu Á sang làm đường sắt

hay di cư cũng mang theo đạo Phật vào nước Mỹ, tuy nhiên đạo Phật cũng chỉ ở trong cộng đồng châu Á chứ chưa có sức lan tỏa ra. Mãi sau này từ khi Đức Dalai Lama tị nạn và hoằng pháp thì Phật giáo lan truyền và ảnh hưởng lớn sâu rộng đến người Mỹ bản địa. Ngoài đức Dalai Lama ra thì phải kể đến thiền sư Thích Nhất Hạnh. Uy tín, tài đức của các vị cao tăng này đã thuyết phục được vô số người Âu-Mỹ đi theo đạo Phật. Người Âu-Mỹ biết đạo Phật và tu học Phật pháp theo hai dòng chính là: thiền tông và mật tông, trong thiền tông thì bao gồm cả thiền Nguyên thủy, Nam tông và Bắc tông, riêng tịnh độ tông thì ít người biết đến và cũng ít người tu học. Có lẽ căn cơ người Âu- Mỹ hợp với Thiền tông và mật tông. Ngoài hai ngài Dalai Lama và Thích Nhất Hạnh ra còn có thể kể thêm hoà thượng Tuyên Hoá, tuy nhiên sức ảnh hưởng của ngài chỉ trong cộng đồng Hoa Kiều là chính, tuy cũng có một số người Mỹ quy y và tu học.

Đạo Phật và giáo pháp tự thân có một sức hút mạnh mẽ đối với những người tìm hiểu về tâm linh, về con đường giác ngộ, về bản chất thật sự của cuộc đời này. Có những người sinh ra và lớn lên trong một môi trường tín ngưỡng khác biệt nhưng đôi khi chỉ tình cờ biết đến Phật pháp ấy vậy mà lại đem lòng say mê và quy ngưỡng. Nếu dùng dùng ngữ nhà phật thì có lẽ là cái duyên thuận tiện đã khơi dậy chủng tử Phật pháp tiềm ẩn trong tâm thức họ vậy. Hiện nay có bốn vị ni sư rất uyên bác và tinh tấn đang hoằng dương Phật pháp ở California. Các vị này đến với Phật pháp cũng rất tình cờ, ấy vậy mà giờ trở thành những người con gái ưu tú của đức Phật.

Ni sư ANADABIDHI BHIKKHUNI. Bà vốn là người Anh, khi lên mười, tình cờ biết đến đạo Phật. Bà đem lòng say mê, ngưỡng mộ và tìm đọc các tài liệu về Phật giáo. Phật pháp đã

kích thích mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu đậm trong tâm hồn bà. Những năm tháng sau đó bà đã quyết định tu học theo Phật pháp, khi đủ tuổi trưởng thành thì bà đã sống và tu tập như một nữ tu sĩ Phật giáo. Từ 1992 – 2009 thì bà tu ở tu viện Amaravati và Chithurst. Bà đã tu tập theo truyền thống tu trong rừng của dòng thiền nguyên thủy Thái Lan, với sự hướng dẫn của các thiền sư Thái Lan. Bà đã đọc tụng và nghiên cứu những bộ kinh sơ kỳ của Phật giáo. Sau đó bà được giới thiệu sang Mỹ và đã thành lập tu viện Aloka Vihara. Nơi này là tu viện dành riêng cho nữ giới, ở đây mọi người sống rất đơn giản, gần gũi với tự nhiên và hành trì nghiêm nhặt. Năm 2011 bà thọ nhận đầy đủ các giới của một tì kheo ni, được ấn chứng như là một người con gái Phật đã trưởng thành và đi theo con đường mà Thế Tôn đã khai phá.

Ni sư SANTACITTA BHIKKHUNI. Bà sinh ra và lớn lên ở Austria. Bà đã lấy bằng cử nhân ngành văn hoá nhân chủng học (Cultural Anthropology), chuyên môn chính: múa, nghệ thuật sân khấu trong nghi lễ. Bà làm việc tạo mẫu quần áo cũng như trang phục biểu diễn... Năm 1988 bà đi Thái lan, tình cờ tiếp xúc với vị sư Ajahn Buddhadasa. Qua trao đổi và tìm hiểu đời sống của tu sĩ Phật giáo trong tu viện. Việc này đã thích thích mạnh mẽ đến tâm tư bà. Sau đó bà đã tìm tòi, nghiên cứu về Phật giáo. 1993 bà đã là nữ tu sĩ Phật giáo. Bà tu theo cả hai truyền thống Đông và Tây nhưng chính yếu vẫn tuân thủ theo dòng thiền của thiền sư Ajahn Chah. Đến năm 2002 bà cũng được công nhận bởi dòng thiền Dilgo Khyentse Rinpoche. Bà cũng là người đồng sáng lập tu viện AloKa Vihara ở California. Năm 2009 bà thọ cụ túc giới của một tì kheo ni, từ khi chuyển đến Mỹ, được sự hướng dẫn của Khenmo Drolma và Bhikkhu Analayo. Bà nhận được lợi ích

lớn lao của Phật pháp. Bà đặc biệt hứng thú trong việc tu tập một nơi linh thiêng gần với tự nhiên.

Ni sư AHIMSA BHIKKHUNI, sinh ra ở Vancouver, trước năm 1959 bà là một tay kèn clarinet của một dàn nhạc. Bà có năng khiếu âm nhạc bẩm sinh nhưng từ khi sanh con thì bà ở nhà. Sau khi con vào tiểu học thì bà trở lại đại học và lấy được bằng cử nhân ngôn ngữ bệnh lý học. Điều này giúp bà làm việc với trẻ em có những bước phát triển khác nhau. Năm 2006 bà bắt đầu thực hành thiền, bà dành hết cuộc đời cho việc điều phục ý và thanh tịnh tâm. Năm 2008, bà được giới thiệu với thiền sư Ajahn Sona ở tu viện Briken Forest Monastery. Năm 2012 bà thọ giới Anagarika từ thầy Ayya Ahinsa. 2013 thì thọ giới Samaneri từ thầy Ayya Medhanandi ở tu viện Satisaraniya Hermitage gần Perth (Ontario). Tháng 6/2016 bà gia nhập cộng đồng tu nữ ở tu viện Aloka Vihara và thọ đầy đủ giới của một ti kheo ni, thầy truyền giới là Ayya Guanasari

Ni sư DHAMMADIPA SAMANERI, bà thực hành Phật pháp từ năm 1987, trở thành thành viên của Aloka Vihara từ 2017 và bắt đầu tu thiền theo truyền thống trong rừng. Năm 2018 bà thực hành Metta và nghiên cứu Suttas. Trong suốt thời gian dài bà cũng là người hướng dẫn tu thiền cho các học viên trên Net cũng như trên toàn thế giới. Thực hành thiền theo nguyên thủy là ưu tiên hàng đầu. Bà được thọ phong hoà thượng ở Soto Zen tradition. Năm 2007, sau hai mươi năm hành thiền. Bà được nối pháp dòng thiền Suzuki Roshi. Ngoài việc dạy và hướng dẫn bằng tiếng Anh, bà còn dạy bằng tiếng Tây Ban Nha, điều ấy biểu lộ sự quan tâm đến truyền thống La tinh của bà. Bà còn trợ giúp tâm lý ở bệnh viện, nhà chò chết (hospice)... Bà gia nhập Aloka Vihara năm 2018

Bốn vị tì kheo ni này là trụ cột chính ở tu viện Aloka Vihara, ngoài ra còn có những vị tì kheo ni khác cũng đến tu tập nhưng không thường trực. Thời gian tu tập và thọ giới khác nhau, người có thâm niên hành thiền lâu nhất là ba mươi năm, nhưng tất cả cùng chung lý tưởng và sống với tinh thần lục hoà mà Phật pháp đã nêu cao.

Bốn vị tì kheo ni này ở tu viện Aloha Vihara đã lập nên cộng đồng nữ tu sĩ Phật giáo (Aloka Vihara sisters). Là một ni viện, mọi người chung sống và tu học theo truyền thống Nam truyền (nguyên thủy), nhấn mạnh sự đơn giản, buông bỏ theo truyền thống phương Đông, học tiến về trước, gần gũi với môi trường tự nhiên. Họ tu học và gìn giữ văn ngôn chỉ dạy của đức Phật, tinh thần tử - muội của những người con gái Phật. Họ giữ lấy truyền thống nhưng hoà hợp với thử thách của xã hội đương đại. Họ giữ giới luật nghiêm ngặt, đúng thời khoá, ngày ăn một bữa... Các vị ni sư ở Aloka Vihara đang giữ gìn một đạo Phật nguyên chất và gần với đạo Phật thời sơ kỳ. Họ là người da trắng từ Anh, Áo, Canada... họ có trình độ, địa vị và có cùng chung một lý tưởng giác ngộ. Họ đã buông xuống tất cả để đi theo con đường giác ngộ mà năm xưa Thế Tôn đã khai phá

Tu viện Aloka Vihara có chương trình ở lại cho những người tại gia muốn thực hành thiền, ngoài khu nhà cho nữ giới còn có một trailer cho người nam. Tất cả đến với Aloka Vihara đều phải tuân thủ nghiêm ngặt giờ giấc, thọ tám giới...thời gian tối thiểu để ở lại tu tập tại tu viện phải là một tuần, phải tuân theo nội quy của tu viện, ví như lên chánh điện hay rời đi đều phải cung kính chắp tay xá ba lần, ra ngoài sân vườn phải luôn luôn ăn mặc quần dài và áo dài tay, không dùng điện thoại cá nhân, có điện thoại của tu viện để liên hệ việc cần

thiết. Mọi người phải cẩn thận và theo hướng dẫn của tu viện vì rừng ở khu vực này có nhiều rắn, deer ticks, sư tử núi và gấu...

Đất California mênh mông, núi đồi cũng chập cùng, kinh tế phồn vinh, cư dân đông đúc. Người bốn phương tụ về với bao nhiêu truyền thống văn hoá khác nhau. Ngày hôm nay có một ngôi chùa nữ, đang hằng ngày tu tập theo truyền thống trúc lâm Thái Lan, ngày ngày đang hoằng pháp, nói pháp, dạy pháp... cho những ai hữu duyên. Những người con gái Phật đã và đang âm thầm làm cho trời đất California ngày càng phong quang và rộng đường giải thoát.

OAN GIA

Bà Hai ngồi bỏ chân trên ghế, kéo tay áo quệt nước mắt, cảm râm:

- Làm lụng cả đời, chẳng dám ăn dám mặc, gom góp của để dành, giờ cho nó cả gia tài, vậy mà nó còn phản, nói lời vô ơn.

Bà Hai hàng xén ở chợ Cây Da có tiếng kỹ tánh, xưa nay ai cũng biết. Bà Hai kỹ lưỡng lựa chọn hàng hoá, món nào cũng phải thật tốt, cẩn trọng mua bán nợ nần, hể nợ ai là ngày đêm lo ngay ngáy, phải tìm cách trả sớm nhất mà bà có thể. Bản tánh bà chẳng muốn nợ nần ai, chủ hàng từ Sài Gòn gửi hàng ra, bảo bà cứ bán rồi trả tiền sau, ấy vậy mà bà vẫn không an tâm, lo gom góp gửi trả cho thật sớm. Từ đó mà bà có biệt danh bà Hai Kỹ, gọi riết thành quen. Đến chợ Cây Da hỏi bà Hai Kỹ thì ai cũng biết, còn như hỏi tên cúng cơm thì chẳng mấy ai nhớ ra, cái biệt danh vừa cười cái tánh kỹ lưỡng quá thể vừa thân thương ca ngợi bản chất thật thà ngay thẳng của bà. Bà mua bán hàng xén từ hồi còn con gái, cho đến năm rồi, sáu mấy tuổi, mới chịu nghỉ và cho con dâu cả quầy hàng. Con dâu bà Hai Kỹ nhỏ người, tánh tình ít nói nhưng gan bẫm, trước khi cưới về bà đã lắm bẫm:

- Con này lì đòn và dữ chứ chẳng hiền đâu.

Ngặt vì thằng con lớn đã chọn nên bà cũng chịu theo. Nghe

bà Hai cảm rằm, cô con dâu to tiếng:

- Má cho cô Út mấy chục cây vàng, cho vợ chồng con có cái gánh hàng xén, vậy đâu có công bằng!

Bà Hai tức mình cũng to tiếng lên:

- Tao cho cả gánh hàng, bao nhiêu mỗi lái làm ăn, hai căn nhà mà mày còn chưa vừa lòng. Mày muốn gì nữa? vàng hả? tao còn cả hầm vàng ở dưới cầu tiêu đó, ra mà lấy!

Cô con dâu gắt gỏng:

- Má khó tánh quá, kỹ lưỡng quá, ai mà sống nổi?

Nói xong cô ta vùng vằng, mặt chù ụ, đá thúng đựng nia, khua chén đĩa loảng xoảng, cô ta không biết rằng, việc ấy với người lớn tuổi là hỗn lăm, người già thường nghĩ đó là nó lấy mình. Bà Hai nói:

- Tao cho hai vợ chồng mày ra riêng, cho căn nhà xây sẵn đầy đủ tiện nghi vậy mà vợ chồng mày không dọn ra chứ tao có bảo tụi bay ở chung đâu!

Quả thật thế, bà Hai cho căn nhà mới toanh, xây cất hiện đại nhưng hai vợ chồng người con lớn nhất định không chịu ra riêng, quyết bám vào căn nhà ở chợ Cây Da đến cùng. Cả hai vợ chồng tính toán còn kỹ hơn cả bà Hai. Ở đây cả vợ chồng con cái được bà Hai bao ăn, ở, điện nước, học hành, giao tế... bao nhiêu thứ chi phí đều do bà Hai chịu cả, và còn một lý do khác nữa là hai người sợ ra riêng thì chú Ba với cô Út về tranh giành ngôi nhà lớn. Cô con dâu la to:

- Má kêu cô Út về mà hầu!

- Mày đừng có hỗn, đừng la to tiếng như lũ đầu đường xó chợ. Tao chẳng cần ai hầu, nhà tao tao ở, cơm tao tao ăn. Mày có góp xu nào chưa mà đòi dạy khôn?

- Làm sao má cũng hông vừa lòng, vậy biết phải làm sao?

- Tao chỉ yêu cầu ở trong nhà tao thì đừng có hỗn, đừng có chù ụ cái mặt, còn không ưng bụng thì dọn ra riêng!

Cô con dâu bỏ vào buồng riêng, đóng cửa cái ầm , nằm suốt ngày không ra ăn uống chi cả, không khí trong nhà ngọt ngào nặng nề. Tình trạng như thế đã kéo dài nhiều năm nay mà chẳng có cách nào giải quyết được, cứ năm bữa nửa tháng là lại cãi nhau quyết liệt, người nào cũng cho là mình phải, người nào cũng u uất ôm nỗi phiền não nặng nề. Ông Hai an phận thủ thường, ngày ngày ở trên lầu tụng kinh niệm Phật, cầu an. Ông Hai phụ thuộc bà Hai, mọi việc đều do bà quyết định cả, một phần cũng ít nói, từ đó ông Hai để mặc cho bà Hai muốn làm gì thì làm. Bà Hai quán xuyến hết mọi việc trong ngoài, khi bà Hai dần có tuổi thì người con trai lớn lại vô lễ với bà, y nghe lời vợ nên đòi bà cho thêm vàng, đòi không được thì y hỗn ra mặt. Ông Hai ban đầu cũng khuyên can nhưng thấy không ăn thua gì nên không nói nữa. Ông Hai lặng im, bà Hai bực mình, xóm giềng cũng bất bình người ta xì xầm với nhau:

- Ông bà Hai yếu quá, gặp tui thì tui đuổi cả hai vợ chồng thẳng con lớn ra khỏi nhà ngay lập tức!

Thằng con lớn của bà Hai vốn tánh trùn sò có hạng, lại nghi ngờ bà Hai cho cô Út mấy chục cây vàng để mua nhà ở Sài Gòn nên y tức tối và bần tánh thêm. Y để mặc bà Hai trang trải mọi chi tiêu trong nhà, tiền lương của y thì y sắm vàng

cất giầu. Con dâu lớn tức vợ y từ khi được bà Hai cho gánh hàng xén thì cũng được thể lên mặt:

- Tui chẳng ăn của ai, chẳng nhờ ai cả!

Bà Hai tức muốn bẻ tim mà không biết làm sao, cô ta còn đi rêu rao với mọi người là bà Hai cho vợ chồng cô ta chỉ có gánh hàng xén thôi, còn nhà cửa, tiền vàng thì cô ta giấu bắt. Người ta kể lại cho bà hai nghe, bà Hai đấm ngực kêu trời:

- Đồ ăn cháo đá bát, cho nó cả gia tài mà giờ nó đi bêu xấu, nói láo khắp nơi!

Sự thể trong nhà như ngõ cụt, mỗi người một thế giới riêng nhưng ai cũng ôm cả bầu tâm sự bức bối không biết cách gì giải tỏa được.

Chợ Cây Da rất sầm uất, là chợ lớn nhất quận Phước Bình. Dân các tổng: Long, An, Thành, Thạnh, Tài, Mỹ...đều tụ về mua bán, nhất là những phiên chính. Sáng nay chợ xuất hiện ông thầy bói, ông trải chiếu ngồi dưới gốc cây vông đồng, thỉnh thoảng cũng có người đặt tiền vào đĩa để ông bói cho một quẻ, phần đông các bà đi chợ đều muốn xem về tiền vận, hậu vận, gia đạo, tình duyên...Bà Hai không còn vương bận chuyện bán mua nữa, bà ra chợ đi lòng vòng chơi và ghé vào xem bói. Bà mời thầy bói về nhà, tánh bà xưa nay kỹ lưỡng, bà e ngoài chợ tai vách mạch rừng, vả lại bà muốn mời thầy về nhà cũng là cách bà xem trọng thầy bói. Ông Hai xưa nay chỉ tin Phật, không tin bói toán phong thủy, nhưng bà Hai đã mời thầy bói về rồi thì ông cũng đón tiếp. Ông đưa thầy bói lên lầu vì dưới nhà bạn hàng của con dâu mua bán ồn ào quá. Thầy bói mặt bộ áo vạt hò, tóc búi tó, mắt sáng, dáng vóc gầy săn chắc và nhanh nhẹn. Ông Hai sanh lòng thiện cảm nên

pha trà mời thầy bói. Thầy bói ngồi nghe bà Hai kể khổ, kể gia cảnh, kể chuyện con dâu... sau khi kể bà nhờ thầy bói xem giúp cho nhân duyên gì, tiền nhân hậu quả thế nào mà bà và vợ chồng thẳng con lớn cứ kinh cãi hoài? Thầy bói nghe xong khẽ bảo:

- Tui thấy gia chủ là người có tín tâm tam bảo, nhà lại có thờ Phật trang nghiêm. Gia chủ hẳn là người có chánh kiến không dễ gì tin chuyện bói toán phong thủy, thật tình tôi cũng chẳng phải là thầy bói. Tôi vốn là người họ Nguyễn, vốn là du sĩ xuất thế đã hơn ba mươi năm. Tôi đi đó đây từ nam chí bắc, từ thượng nguồn miền ngược cho đến xuôi về biển cả miền duyên hải. Làm thầy bói là cái vỏ bề ngoài và cũng là cách kiếm cơm độ nhật, chỉ cần đủ sống chứ không mong cầu tiền bạc. Tôi lòng việc nói pháp vào hình thức bói toán để giúp người mê, người mê giờ nhiều quá, họ chỉ tin huyền hoặc chứ không tin những chơn chất của chánh pháp, kiểu cách của tôi giống như bọc đường cho viên thuốc, đặng người nghe dễ tiếp nhận. Chí hướng của tôi là du sĩ, hành cước để hiểu thế nào là khổ, cái khổ của nhân gian quả thật vô cùng vô tận, mỗi người mỗi kiểu, không ai giống ai. Tôi nhận biết nguyên nhân của những nỗi khổ ấy vốn không ngoài sự tham đắm và chấp trước. Cái tâm trụ vào: tiền bạc, sắc dục, danh vọng, ăn uống, hưởng thụ... Cái gốc khổ của khổ càng to tướng và bồi chắc bằng sự tham lam, si mê và sân hận, hễ xả được chút nào thì bớt khổ chút đó. Người nào học theo bát chánh đạo của Phật Thích Ca thì thoát khổ và có thể bước vượt qua hàng phàm phu. Tôi vốn không muốn bước chân vào cửa chùa, chỉ muốn vân du và hành hoạt theo cách của tôi, tất nhiên tôi theo đúng những chỉ dạy của Thế Tôn và giữ đúng chánh pháp mà Như Lai truyền.

Lão thầy bói chiêu ngậm trà rồi hỏi:

- Có phải ngày trước, khi chọn dâu, ông bà đã xem đến gia cảnh cô dâu cũng tương xứng với gia đình ông bà?

Bà Hai thưa:

- Dạ, phải

- Có phải ông bà đã xem tuổi cô dâu cũng tốt, cũng hợp với tuổi con của ông bà?

- Dạ, phải

- Có phải trước khi chọn cô dâu này, ông bà cũng đã đắn đo cân nhắc với những mối khác?

- Thưa thầy, đúng như thế! trước khi quyết định cưới cô con dâu này, vợ chồng con cũng được mai mối nhiều đám rất môn đăng hộ đối, nhiều bạn hàng cũng bắt tin muốn làm sui gia, khổ nỗi những chỗ ngon lành, cân xứng ấy thì thằng con lại chẳng chịu, nó chọn con nhỏ này nên vợ chồng con cũng đành chấp nhận vậy.

- Có phải ông bà cũng thấy không có vấn đề gì ở cô dâu trước khi cưới về?

- Dạ, thú thật với thầy cũng hơi có một chút không ưng ý nhưng vẫn chấp nhận là tốt

- Có phải những ngày tháng đầu, khi mới cưới về cô dâu và gia đình ông bà cũng êm ả?

- Thưa đúng vậy đó thầy!

Bây giờ thầy bói mới nói:

- Rõ ràng là mọi điều thuở ban đầu đều tốt đẹp, cái duyên từ từ thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh, từ thuận duyên trở thành nghịch duyên, đó là cái nhìn gần, nhìn xa hơn nữa thì mọi việc đều có nguyên do cội rễ của nó. Tôi có nghề mọn được quái nhân trên núi Hòn Chà truyền cho, thuật này giúp ông bà nhìn được chút ít sự thật, may ra sẽ làm cho ông bà hiểu và biết cách hành xử thế nào cho mai sau.

Nói xong thầy bói trải tọa cụ ngồi ngay ngắn, ông bà Hai ngồi đối diện. Thầy bói mắt nhắm hờ, tay phải hươ cây nhang trong hư không như vẽ hay viết gì đấy, tay trái bắt ấn, miệng lầm rầm đọc thần chú. Chỉ chừng giây phút sau ông bà Hai mơ màng như say thuốc, hai người thấy mình lạc vào một cảnh giới xa lạ lắm, nhìn vừa cổ sơ tiêu sái nhưng lại có nét quen quen, vừa giống cái làng Vân Hội lại vừa chẳng phải. Hai người đến dự một tiệc cưới rất rộn ràng. Chủ nhà gả con gái cưng cho chàng trai làng bên, của hồi môn rất nhiều, họ hàng làng nước trầm trồ không ngớt. Ông bà đưa dâu vừa về đến nhà thì đụng mặt bà hội đồng Ngân:

- Tui đến để nói cho ông bà biết, ông bà hùn hạp làm ăn với tui đã lâu, tiền lời ăn, tiền vốn trả lại cho tui, đã lâu rồi sao không chịu trả? Tui nể tình lắm mới không đến quây ngày cưới con gái của ông bà, tui đợi đưa dâu xong mới đến nói phải quấy đây!

Người đàn bà chủ nhà giả lả:

- Tui nào hông dám trả, chẳng qua là kẹt quá nên trễ hẹn, bà hội đồng thông cảm cho, tui sẽ trả nay mai.

Bà Ngân không chịu:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Bà xạo, người ta nói bà cho con gái cả mấy chục cây vàng làm của hồi môn, sao nói không có tiền?

Ông chủ nhà vẫn ngồi im, bà chủ nhà cười cầu tài:

- Bà thông cảm, thư thả tui sẽ trả mà!

Bà hội đồng Ngân yếu thế hơn, nói hoài cũng hông ăn thua gì, bực mình chót một câu cuối rồi quày quả bỏ đi:

- Bà không trả, sau này lãi mẹ đẻ lãi con, không trả không được đâu! trời đất quỷ thần biết cả, ơn oán nhân gian có thể gạt nhưng nhân quả không chạy đâu cho thoát!

Bà hội đồng Ngân đi rồi, người nữ chủ nhà mới quay qua trách chồng:

- Ông cũng nên nói một lời chống đỡ, sao cứ ngồi im như tượng đá, mình tui phân trần muốn gãy lưỡi luôn.

Người đàn bà ấy không trả tiền vốn cho bà Ngân mà lại đi làm việc tốt, cho chỗ này một tí, cúng chùa hay miếu kia một chút để lấy tiếng. Bà hội đồng Ngân biết thế cũng bực bội:

- Bà ấy làm màu che mắt thiên hạ đó mà, nợ hông trả mà lo làm từ thiện!

Bà Ngân cũng không kiện cáo gì, vả lại bà cũng chẳng có chứng từ gì để thưa, mọi việc cứ chìm dần theo dòng đời, thời gian trôi xóa đi hết, lớp người này ra đi thì lớp trẻ lại thế vào, sự tương tục bất tận chẳng một giây dừng lại. Cây nhang tàn quá nửa, ông bà Hai giật mình thoát khỏi cơn mơ, cả hai còn ngơ ngác nhìn nhau như muốn hỏi:” Có phải vợ chồng mình vừa trải qua cơn mộng?”. Lão du sĩ thoáng cười nhẹ hỏi:

- Ông bà đã thấy gì? Kinh sách có câu “ Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiền định” , người đời thì bảo: Oan gia ngõ hẹp không thể tránh nhau, nhân duyên hội tụ chẳng luận đông tây, phước phần vốn có không cầu cũng được, thân sơ quyến thuộc họa phước lụy nhau. Vợ chồng gia chủ đã gả con gái với món hồi môn lớn trong mộng, ấy chính là ông bà ngày nay vậy, tiền vốn còn nợ bà hội đồng nay phải trả, thật tình mà nói thì điều ấy rất tốt cho ông bà, nợ không trả không xong, trả xong thì nhẹ nghiệp. Cô con dâu hôm nay của ông bà chính là bà hội đồng Ngân từ kiếp nợ đây!

Lão thầy bói ngưng một lát, cả ba người lặng im, không khí như ngưng đọng, thời gian ngừng trôi. Tâm tư ông bà Hai đang có sự chuyển biến, vừa quán chuyện cũ vừa liên tưởng chuyện hiện tại và nghĩ cả tương lai. Đường như yên lặng đã đủ, lão thầy bói thấy việc đã thấm nên lại cất lời:

- Gia đạo ông bà cũng không có gì nghiêm trọng, xích mích nằng dâu với mẹ chồng là chuyện thường bao đời nay. Sanh làm người ở cõi Sa Bà thì làm sao mà không khổ cơ chứ? nếu không khổ thì đã không sanh vào cõi này! Con dâu của ông bà có tham, có hờn nhưng ông bà cũng tự xét lại mình, kỹ tánh quá thì ai chịu nổi, tục ngữ cũng có câu:” Nước trong quá thì không có cá, người xét nét quá thì không có bạn”. Bà Hai có cái tật mà nhiều người thường mắc phải, cứ lấy lỗi của người khác đặt vào tâm của mình, hễ ai nói gì, làm gì thì lập tức chấp chặt vào đó, trước tự khổ mình sau thì gây khổ người. Đành rằng đời là khổ nhưng mình phải biết chuyển khổ thành an vui, mình phải buông xuống, tự cứu mình trước khi Phật cứu, nếu mình cứ khư khư chấp chặt thì Phật có từ bi cách mấy cũng chịu thôi!

Ông bà Hai lặng cả người, giây lát sau ông Hai pha bình trà mới, rót một tách mời lão du sĩ, lão ấy đón lấy uống ngụm nhỏ rồi từ tốn:

- Con người ta đến với nhau không ngoài bốn giềng mối: báo ơn – báo oán – đòi nợ - trả nợ; trong thì làm cha mẹ, con cái, vợ chồng, anh em; ngoài thì làm bạn bè thân hữu...Thuận duyên thì đem lại vui vẻ, nghịch duyên thì mang đến phiền não, dù thuận hay nghịch cũng đều có cái nhân sâu xa, sống ở đời thì nên coi oán chứ đừng buộc.

Bà Hai luôn miệng dạ dạ, một điều thầy hai điều thầy, vẻ mặt thành kính và tin tưởng lắm. Ông Hai thì ưng ý ra mặt, bình sinh xưa nay ông không thích chuyện bói toán, phong thủy hay bùa chú, ông cho đấy là tà đạo, tà pháp, là những kẻ buôn nước bọt kiếm cơm. Nhưng nay đối diện với ông thầy bói xưng là du sĩ họ Nguyễn này thì ông rất phục và bằng lòng. Ông thấy ở ông thầy bói này thật sự là một sa môn ẩn mình, cái cách lồng pháp vào bói toán này quả thật xưa nay chưa hề thấy qua, đúng là một tuyệt chiêu của kiệt nhân quái lão, xuất thế mà như nhập thế, nói pháp mà như hí lộng nhơn gian. Lão du sĩ họ Nguyễn ấy là tay có nghề, y đọc được tâm tư của ông Hai, y bảo:

- Tôi học theo Pháp của Thế Tôn, tuy thân không vận cà sa, không nhập tự nhưng tôi giữ gìn quy củ và giới pháp nghiêm ngặt. Tôi ngao du sơn thủy bốn phương, mượn áo thầy bói, dụng thuật bói toán để nói chuyện nhân quả, chuyện đạo lý, chuyện phước duyên nghiệp báo... Người đời mê đã lâu, nói thẳng pháp họ không nghe, họ thích huyền hoặc bói toán, phù phép, bùa chú... Tôi mượn chuyện để dẫn dụ người ta. Người đời bị trói buộc trong ngũ dục, bị cái ăn - mặc - ở chi phối hết

đời này sang đời khác. Tôi buông xuống đã lâu, thù lao bá tánh trả tôi dùng vào việc bố thí, thân ba mảnh áo, ngày ba bữa cơm chay chẳng có gì ràng buộc hay quyến luyến, chẳng mong cầu việc chi. Tôi hoàn toàn tự tại thông dong, rong ruổi đó đây để thực hiện hạnh nguyện của mình. Thiên hạ gọi tôi là lão thầy bói, trong muôn người cũng có kẻ thấy bóng dáng thật của tôi thì gọi là lão du sĩ, gọi thế nào là việc của thiên hạ, một khi đã buông cả xuống thì cái danh vị ấy còn có nghĩa lý gì! Hiện nay tà sư ma tăng tham đắm danh văn lợi dưỡng, bọn họ khoác cà sa, thân ở chùa nhưng tham chính hoặc thân chính tác oai tác quái, tình pháp lữ suy hao, chánh pháp nhuộm màu huyễn hoặc, màu mè, hình tướng; chốn A Lan Nhã trở nên huyên náo, những trò chính trị len sâu. Bọn họ ngày đêm say mê danh vị, phẩm trật mà quên đi cái mục đích tối cao là giác ngộ và giải thoát. Bọn họ càng tu càng dính mắc, càng buộc mình vào danh tự và hình tướng, tuy là hình tướng xuất gia, danh vị thiền môn nhưng như thế thì không thể nào giải thoát được. Bọn họ đang hoại pháp! Có những vị Sa môn chân chính của quốc dân thì bị phong tỏa, chèn ép không thể hành hoạt rộng rãi được. Thật tình hiện nay chữ lục hoà hoàn toàn vắng bóng, văn tự thì thuộc lòng nhưng chẳng thực hành.

Ông Hai giục bà Hai xuống lầu làm cơm đãi thầy, bữa cơm chay giữa ông bà Hai và lão du sĩ kỳ nhân diệu sĩ thật âm cúng. Ông bà Hai vô cùng kính nể và trân quý thầy, cơm nước xong bà Hai mang một bao thư đến kính cảm tạ ơn gọi là chút lòng thơm thảo gửi thầy làm lộ phí đi đường. Cả hai ông bà tiễn thầy đi, đứng nhìn mãi cho đến khi bóng lão du sĩ khuất tận cuối con đường, quay về nhà vừa đến cửa thì nghe tiếng cô con dâu léo nhéo:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Bữa nay bày đặt rước thầy coi bói, thầy bói nói dối ăn tiền, hơi đâu mà tin!

Bà Hai nóng mặt muốn cự liên nhưng lời lão du sĩ chọt văng vẳng trong đầu:” Đừng lấy lỗi người khác đặt vào trong tâm của mình!”, nghĩ thế nên bà Hai cũng vui vẻ nói:

- Hai đứa ăn cơm chưa? nghỉ tay ăn uống, để mẹ trông hàng cho.

PHẬT CƯỜI VỚI CON

Cu Tí đi học về, hớn hở khoe:

- Ba, cô giáo con bảo tuần sau là sinh nhật đức Phật.

Anh Quang, ba cu Tí nhắc bỗng cậu bé lên, hôn má và trêu mếu nói:

- Ủ, cô giáo con đúng đấy!

- Nhưng sinh nhật đức Phật ngày nào vậy ba?

- Ngày rằm tháng tư, ngày ấy cả nhà mình sẽ lên chùa mừng sinh nhật đức Phật.

Cu Tí reo lên, giọng con trẻ trong trẻo, hồn nhiên:

- Vậy hờ ba, nhưng mình phải mua bánh sinh nhật cho đức Phật chứ?

Anh Quang cười, xoa đầu con:

- Sinh nhật đức Phật không cần bánh đâu, mình dâng lên hoa và hương là được rồi.

- Đức Phật sinh ra ở đâu vậy ba?

- Ngài sinh ra ở vườn Lâm Tỳ Ni, mai này con lớn, con hãy đến đó thăm dấu vết của Phật.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Sao mình không đi bây giờ?

- Hiện giờ ba chưa đủ tiền và còn bận phải chăm sóc con.

Cu Tí cứ theo hỏi không ngừng nghỉ, buổi tối anh mở phim hoạt hình về đức Phật cho cu Tí xem, cậu ta thích thú và ngạc nhiên:

- Sao đức Phật sinh ra và đứng trên hoa sen vậy ba?

- Ủ, bùn dơ và hôi hám lắm, hoa sen mọc từ bùn dơ mà chẳng hôi, đã vậy vươn lên toả hương thơm. Đức Phật cũng vậy, ngài là hoa sen giữa cuộc đời...hoạ sĩ vẽ đức Phật ngồi hay đứng trên hoa sen để cho mình biết.

- Sao đức Phật sinh ra mà một tay chỉ trời, một tay chỉ đất chi vậy?

- Phật là cha hiền của loài người, chỉ đường cho con người, chỉ có Phật mới chỉ đường đúng thôi, bởi vậy ngón tay Phật chỉ trời, chỉ đất là mình biết duy nhất, chỉ có Phật mà thôi!

Cu Tí còn nhiều câu hỏi ngây thơ rất mắc cười, con trẻ hình như đều thế cả, với cái trí còn trong trắng và non nớt rất dễ thấu nhận sự chỉ dạy của người lớn nhưng cũng chưa đủ khả năng để hiểu biết nhiều . Anh Quang ôm cu Tí:

- Đến giờ đi ngủ rồi, mai còn phải đi học, những câu hỏi còn lại mai ba sẽ nói tiếp với con.

Cu Tí dạ nhưng vẫn chưa chịu vào phòng ngủ, cậu bé ngắm nghía những dây cờ năm màu, những dây đèn chớp nháy mà anh trang trí từ trong nhà ra ngoài hiên

- Đẹp quá ba ơi! Sao giống lễ giáng sinh quá!

- Sinh nhật đức Phật mà con, mình phải trang trí để chào đón ngày lễ đản sanh.

Cu Tí ngủ rồi, anh chuyển kênh qua youtube xem tiếp bộ phim nói về đức Phật, vốn chuyển thể từ tiểu thuyết “Đường xưa mây trắng” của thiền sư Thích nhất Hạnh. Chương trình Phật sự online của ti vi thật là bổ ích và lý thú, nó đã cung cấp những kiến thức Phật học cơ bản và cho biết những hoạt động Phật sự ở mọi nơi. Anh Quang nhắc nhở vợ:

- Em nhớ lấy ngày nghỉ, tuần sau là lễ Phật đản Hương, vợ Quang cười:

- Anh như ông cụ non, nhắc hoài, em nhớ mà. Năm nào chẳng lấy ngày nghỉ để đi lễ chùa mừng đức Phật đản sanh. Giá mà chính phủ lấy ngày này làm ngày nghỉ quốc gia thì hay biết mấy!

Quang hưởng ứng:

- Anh cũng mong vậy, hầu hết mọi Phật tử cũng mong, ở Tháiland, Myanmar, Srilanka (Ceylon)... đều lấy ngày sinh đức Phật làm ngày nghỉ quốc gia, hầu tạo điều kiện cho người dân đi lễ chùa, tưởng nhớ đức Phật, tu học...

Đạo Phật ngày nay có mặt khắp năm châu. Ở Âu-Mỹ số người tin và tu học Phật giáo ngày càng tăng. Giáo lý Phật đà tràn đầy trí tuệ và từ bi thu phục lòng người, con đường tu tập theo đạo Phật giúp chữa lành những thương tổn tâm lý của con người, giúp con người sống quân bình hơn, hài hoà hơn và tỉnh thức. Liên hiệp quốc cũng chọn ngày sinh đức Phật làm ngày lễ chính thức. Lễ tam hiệp ghi nhận ba mốc quan trọng trong cuộc đời đức Phật đó là: Ngày đản sanh, ngày thành đạo và ngày Phật nhập niết bàn. Nhà bác học lầy lù

nhất của thế giới hiện đại là Einstein cũng từng phát biểu:”... Đạo Phật là tôn giáo tốt nhất trong tương lai của loài người...” Đức Phật thị hiện ở thế gian này để chỉ cho con người biết về lẽ thật của cuộc đời, sự thật của những hiện tượng trong tự nhiên và xã hội. Ngài khai phá con đường giải thoát và chỉ dạy cách thoát khỏi khổ đau và ràng buộc của cuộc sống này. Ngài thị hiện trong một hoàng gia với thân phận thái tử, ngài có tất cả danh vọng, tiền của, sắc dục... (ngũ dục) nhưng ngài vứt bỏ như chiếc dép rách, trong khi loài người thì mong cầu và tranh đoạt bằng mọi giá. Ngài là đấng đạo sư vĩ đại nhất của loài người và cả chư thiên.

Bộ phim thật hay và lý thú, đã tái hiện lại cuộc đời của đấng thiên nhân sư cũng như khung cảnh của xứ Ấn Độ vào hai mươi lăm thế kỷ trước.

Chùa Liên Hoa sáng hôm rằm thật đẹp và rộn ràng, vô số những dây cò năm màu tượng trưng cho tín-tấn-niệm-định-huệ phát phối trong gió, hoa quả, hương đèn cũng chung tưng trong chánh điện ra đến sân, nơi có tôn tượng bốn sư ngồi dưới cội bồ đề. Mọi người đang hoàn tất những khâu cuối cùng để chuẩn bị cho buổi lễ tắm Phật. Các bà, các chị thướt tha trong những tà áo dài đẹp nhất, xen vào đó là những tà áo lam của các Phật tử và những bộ đồ lam của anh chị em lam viên. Gương mặt ai cũng tươi như hoa, nhất là mấy em thiếu niên đang tập lần cuối cho điệu múa dâng hoa cúng dường Phật. Quang cảnh chùa lúc này như một cõi hoa trần thế, hương trầm thoang thoảng bay trong làn gió, phong quang rạng rỡ, lòng người phấn chấn. Giữa cõi Sa-Bà này mà ngỡ như cảm ứng thông suốt đến một cõi tâm linh thanh tịnh nào đó của ba ngàn đại thiên thế giới.

Hoà thượng Đồng Chơn, trụ trì chùa lên đọc lời khai mạc và nhấn nhủ đôi lời với toàn thể đại chúng về dự lễ

- Hàng năm chúng ta, những người con Phật lại hội tụ về đây làm lễ tắm Phật để kỷ niệm ngày đản sanh của đức từ phụ. Chúng ta tưởng nhớ công ơn sâu dày của Phật, đáng đạo sư vĩ đại, bậc thầy của trời người. Đức Phật đã khai phá con đường giải thoát và chỉ dạy chúng ta. Đức Phật thị hiện ở thế gian này, đem quang minh của trí huệ và từ bi xua tan vô minh tăm tối... Chúng ta làm lễ tắm Phật là nghi lễ, là tượng trưng để nhắc nhở mình luôn giữ tâm ý thanh tịnh, trong sạch; gột rửa những cấu uế, phiền não, vô minh; buông bỏ những ràng buộc... tắm Phật không phải để được phước hay cầu xin này nọ. Nhân mùa Phật đản, thầy mong mọi người chúng ta hãy cố gắng tu tập, học hỏi và hành theo chánh pháp mà Thế Tôn đã dạy; hãy cố gắng đến mức cao nhất mà mình có thể! Việc chúng ta dâng hoa quả, hương đèn chỉ là nghi lễ, là tỏ lòng thành kính. Việc thực hành lời Phật dạy mới là cách báo ân chân thật nhất, sâu sắc nhất. Thực hành lời Phật dạy là cách báo ân đúng đắn nhất, đó mới là thật sự báo ân!

Buổi lễ mừng Phật đản sanh diễn ra thật trang nghiêm, thành kính. Mọi người đều hoan hỷ hiện rõ trên gương mặt. Cô Diệu Thiện, Diệu Hạnh, Diệu Đức, Diệu Pháp và anh Tâm Đăng, Tâm Tịnh, Đồng Tuệ là những người có chất giọng hay nhất trong các Phật tử của chùa, nay lập thành nhóm “Thất chúng đồng ca” lên lễ đài cất lời ca cúng dường Thế Tôn

Phật về rực rỡ quang minh
Từ bi phổ độ chúng sinh Sa- Bà
Tắm lòng quảng đại bao la
Trời, người ba cõi hằng hà vô biên

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Phật về hoan hỷ muôn miền
Nhị nghiêm phước-trí hiện tiền hoá thân
Chúng con thế giới xa gần
Ngày rằm khánh đản tạ ân sâu dày
Phật về hoa nở hương bay
Sát-na tỉnh giữa tháng ngày trăm luân
Dòng đời vất vả gian truân
Từ khi có Phật mùa xuân vĩnh hằng

Cu Tí được anh Quang dẫn lên lễ đài mức nước thơm tắm Phật, cậu ta thích chí lắm, tắm Phật xong còn chấp hai bàn tay bé con xá xá ba lần. Cu Tí với chất giọng trong trẻo và chả chót của con trẻ khoe:

- Ba, con mức nước tắm Phật, Phật cười với con.

Một tràng cười rộ lên, những Phật tử xung quanh quay lại nhìn cậu bé đầy trù mến, nhiều người buộc miệng khen cậu bé kháu khỉnh, dễ thương. Anh Quang dắt cu Tí lui xuống khán đài, xoa đầu con

- Con ngoan nhé! Phật cười với con, Phật sẽ bên con suốt đời.

PHỔ HIỀN NGUYỆN QUA CÁI NHÌN PHẬT TỬ SƠ CƠ

Phật tử tu học theo truyền thống Bắc tông thường tụng niệm mười Phổ Hiền hạnh nguyện trong mỗi khoá lễ. Hầu như ai cũng thuộc lòng, tụng như cháo chảy nhưng nhiều khi chỉ là đọc tụng theo quán tính, theo trí nhớ chứ ít khi tìm hiểu thấu đáo, hoặc là thật sự làm theo. Các khoá lễ tụng niệm cũng ít thấy quý thầy phân tích, giảng giải cho hàng Phật tử hiểu. Bài viết này chỉ là một cái nhìn thô sơ, cạn cợt của một Phật tử sơ cơ, kính mong quý thầy, quý thiện hữu tri thức chỉ giáo cho.

Chư Phật, chư Bồ Tát trong quá trình tu tập thường phát nguyện lớn. Những lời nguyện ấy giống như kim chỉ nam cho sự hành hoạt. Lời nguyện phát ra làm cho tín tâm tăng trưởng và kiên cố chí tu học. Những đại nguyện ấy thể hiện cái năng lực, trí huệ và lòng đại bi của chư Phật, chư Bồ Tát. Kinh Pháp Hoa có câu:” Khai thị chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến” có thể coi như đại nguyện, lời tuyên bố của Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng như là của toàn thể chư Phật. Chư Phật, có vị nào mà không thực hiện việc khai thị chúng sanh? Có vị Phật nào mà không mong muốn chúng sanh “ Nhập Phật tri kiến”? có vị Phật nào mà không mong mỗi chúng sanh đạt quả vị Phật? Chư Phật thị hiện cũng đều từ một lẽ này. Phật A Di Đà phát bốn mươi tám đại nguyện. Phật Dược Sư phát mười hai đại nguyện. Bồ Tát Quán Thế Âm phát mười hai đại

nguyện. Ngài Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện:” Địa ngục vì không thể bắt thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng bồ đề”. Trời, người ai cũng biết đại nguyện này. Ngài Phổ Hiền phát mười nguyện lớn. Hàng Phật tử chúng ta đều tụng mười nguyện này trong phần hồi hướng của mỗi khoá lễ. Nguyện của ngài Phổ Hiền cũng là nguyện của tất cả chư Phật mười phương ba đời, nguyện nào cũng đều vì Phật pháp, vì chúng sanh.

Nhất giả lễ kính chư Phật

Lễ kính chư Phật là lễ đương nhiên, là bổn phận, là niềm tin của chúng ta. Phật không chỉ là đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni, không chỉ là Phật A Di Đà mà là vô lượng chư Phật. Lễ kính chư Phật không phải chỉ mỗi việc dâng hương hoa và thực hiện nghi lễ trước tượng Phật, bần thờ Phật. Việc lễ bái trước tôn tượng Phật chỉ là sự tướng, nhiều đó chưa đủ. Lễ kính phải thật sự từ trong tâm và rộng khắp. Phật không phải là những pho tượng, bức hình... đó chỉ là biểu tượng mà thôi! Hiếu đễ cha mẹ, phụng sự sư trưởng cũng chính là lễ kính chư Phật, vì cha mẹ là Phật tại tiền. Cha mẹ, sư trưởng cũng là Phật sẽ thành. Tôn trọng bảo vệ sự sống của muôn loài cũng là lễ kính chư Phật vì chúng sanh đều có Phật tánh, tánh giác... Yêu thương muôn loài, không vô cớ chặt cây, phá hoại môi trường sinh thái... cũng là lễ kính chư Phật vì một khi hữu tình giác ngộ thì vô tình cũng biến chuyển theo (y báo tùy theo chánh báo chuyển). Lễ kính chư Phật phải mở rộng ra, trên thì cha mẹ, sư trưởng, thân bằng quyến thuộc; dưới thì bạn bè thân thuộc, đồng tham đạo hữu; thấp hơn nữa là động vật muôn loài. Nếu hiểu lễ kính chư Phật là dâng chút lễ vật rồi xì sụp lễ bái trước những pho tượng Phật thì hẹp hòi quá, đó chỉ là sự tướng, đó không phải là chủ ý của đại nguyện,

không phải bản hoài của chư Phật

Nhị giả xưng tán Như Lai

Phật, Như Lai là hai trong mười đức hiệu của chư Phật. Ở trên thì bảo” Lễ kính chư Phật” giờ thì bảo Như Lai, vậy có gì trùng lặp chẳng? đều là đức hiệu của chư Phật cả nhưng ở đây có dụng ý khác nhau. Lễ kính chư Phật là nói mặt tướng, xưng tán Như Lai là nói tánh, xưng tán, tụng ca cái đức, cái trí huệ, cái đại bi của chư Phật. Nhà Nho bảo:” Ân ác dương thiện”, dân gian nói:” Xấu che tốt khoe” cũng gần giống như vậy. Xưng tán Như Lai là khuếch trương mặt tốt đẹp, phát huy cái hay, cái chân thiện mỹ...Xưng tán Như Lai, làm cho mọi người biết cái hay, cái lẽ thật, cái ích lợi của Phật pháp, từ đó ảnh hưởng tốt đến mọi người, làm cho người ta hướng về Phật pháp, phát bồ đề tâm, tăng trưởng trí huệ, lan toả từ bi...Xưng tán Như Lai không chỉ là xưng dương, tán tụng trong mỗi buổi lễ mà phải áp dụng vào trong cuộc sống hàng ngày. Việc viết văn làm thơ, nhạc, họa, tạc tượng...để ngợi ca đức tướng viên mãn, trí huệ vô biên, từ bi vô tận của chư Phật cũng chính là xưng tán Như Lai. Sống, làm việc và chung đụng hàng ngày với mọi người, mình tự hào là một Phật tử, phải làm sao để mọi người thấy cái hay, cái tốt của việc học Phật, có như vậy mới làm cho người ta biết đến Phật pháp là hay và hữu dụng. Việc xưng tán Như Lai không có nghĩa là thao thao kinh kệ mà bằng chính ở hành động, suy nghĩ và nói năng. Xưng tán Như Lai cũng chính là hoằng dương chánh pháp, vì khi xưng tán Như Lai sẽ làm cho người ta biết đến trí huệ, đức tướng và lòng đại bi của chư Phật, chư Bồ Tát

Tam giả quảng tu cúng dường

Cúng dường không chỉ là dâng ít hoa quả, đèn hương rồi xi

sụp lể bái. Hiểu cúng dường như thế thì oan cho chư Phật, oan cho hạnh nguyện, cúng dường kiểu đó không phải là bản hoài của chư Phật, đó chỉ là hình tướng, sự tướng tuy cần nhưng chưa đủ. Tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành, chúng sanh đều có đức tướng của Như Lai. Quảng tu cúng dường là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, cứu tế đồng loại, giúp đỡ tha nhân, bảo hộ muôn loài, thương cúng dường, hạ bố thí cũng là cúng dường. Thế gian này nhiều khổ đau, nhiều bất hạnh, thiên tai, nhân họa, thân bệnh, tâm bệnh... Giúp người thân an tâm lạc cũng là cúng dường. Một miếng ăn, một hớp nước bố thí cũng là cúng dường. Việc này cũng phù hợp câu: “Sanh Phật bất nhị”, “Sanh Phật đồng thể”, “Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật”...

Tứ giả sám hối tam nghiệp chương

Là người, ai mà không có nghiệp chương, tội lỗi, nếu không có nghiệp xấu thì đã thành thánh nhân, thành Phật rồi. Nhà Phật có câu:” Tội lỗi từ vô thủy đến nay, nếu mà có hình tướng thì hư không này cũng không đủ chỗ để chứa”. Ba nghiệp từ xa xưa đến nay nhiều vô số, bởi vậy cần phải sám hối, sám hối là một pháp tu quan trọng trong nhà Phật. Ba nghiệp thân - khẩu - ý vốn lầy lùnh, giờ phải sám hối để tiêu trừ. Có nhiều pháp sám trong Phật pháp: Lương Hoàng Sám, Bảo Vương Tam Muội Sám... nhưng có lẽ lễ lạy ngũ bách danh Quán Thế Âm là thông dụng nhất, thường được Phật tử tu học theo truyền thống Bắc tông thực hành. Sám hối, nói đầy đủ là sám quá hối lai. Sám hối những tội lỗi sai quấy trong quá khứ, sửa lỗi lầm trong quá khứ, ngăn ngừa không để tái phạm trong vị lai. Chúng ta phải sám hối, thân - khẩu - ý chúng ta bị sai xử bởi tham - sân - si nên mê mờ mà tạo ra bao nhiêu nghiệp xấu. Sám hối cũng là lúc mình quán xét lại

thân tâm mình, nhìn lại tam nghiệp đã làm để tự điều chỉnh thân - khẩu - ý của mình

Ngũ giả tùy hỷ công đức

Điều này tưởng dễ, đơn giản nhưng nhiều khi và nhiều người trong chúng ta không hay biết. Con người ta sanh ra vốn có cái tính đố kỵ ngũ ngầm trong tâm, thấy người khác làm được, thành công hơn thì sanh đố kỵ, nhẹ thì chê bai, dè bủ, nói gièm pha; nặng hơn thì tìm cách gây trở ngại, phá hoại, kéo người ta xuống bằng hoặc thấp hơn mình. Điều này dễ thấy và rất rõ trong cộng đồng chúng ta. Tùy hỷ công đức là một pháp tu, tuy dễ nhưng cũng khó, tuy đơn giản mà hiệu quả. Người tùy hỷ công đức cũng có công đức như người làm, diệu là ở chỗ này. Ví như có người bỏ tiền của, công sức để xây chùa, đúc chuông, tô tượng, độ tăng, cứu tế xã hội, bảo trợ người và vật... nếu mình góp công, góp sức vào thì tốt quá, bằng như hoàn cảnh ngặt nghèo không đóng góp được nhưng lòng vui mừng vì có người đã ra tay làm, mừng vui vì Phật pháp có người hộ trì, người hoạn nạn có kẻ giúp đỡ, bảo trợ trong lúc khổ đau hoạn nạn... việc vui mừng, hoan hỷ vì việc làm ấy chính là tùy hỷ công đức. Nhà Phật vẫn bảo:” tâm tưởng sự thành”, “Tâm chủ tử”, “Tâm tạo tác”... Mình tùy hỷ công đức thì mình vẫn có công đức (ở đây nói phước đức có lẽ chính xác hơn)

Lục giả thỉnh chuyển pháp luân

Phật nhập niết bàn, chúng ta xa Phật đã lâu làm sao thỉnh Phật chuyển pháp luân? thật ra Phật Thích Ca thị hiện trụ thế chỉ tám mươi năm nhưng Phật pháp vẫn tồn tại ở thế gian này cho đến khi một vị Phật khác ra đời. Phật pháp vẫn luân chuyển không ngừng, tuy có lúc thăng trầm, có nơi bị hủy hoại nhưng

chưa hề mất bao giờ. Quý thầy, quý ni trưởng làm trưởng tử của Như Lai thay Phật chuyển pháp luân, ngày đêm hành trì nói pháp, giảng kinh, khuyến tấn người ta tu học. Pháp luân thường chuyển bằng những khoá lễ, những buổi thuyết pháp, những khoá tu, in ấn kinh sách, hoằng pháp qua mạng NET... Việc thỉnh thầy thuyết pháp giảng kinh cũng chính là thỉnh chuyển pháp luân, một người làm thì khó, nhiều người cùng làm sẽ dễ dàng. Phật tử cần góp phần đẩy mạnh việc chuyển bánh xe pháp, để Phật pháp lan toả khắp thế gian này.

Thất giả thỉnh Phật trụ thế

Phật nhập niết bàn từ lâu, làm sao thỉnh Phật trụ thế đây? Chư tăng, ni thay Phật duy trì mạng mạch Phật pháp. Mình phụng sự sư trưởng cũng có thể xem như là thỉnh Phật trụ thế. Phụng sự sư trưởng, ngoài tứ sự cúng dường, giờ cần ủng hộ việc hoằng pháp của quý tăng, ni. Phật tử góp công, góp của dựng đạo tràng, hộ trì tam bảo, bảo trợ việc tu học... Tượng, tranh Phật là biểu trưng của đức tướng, trí huệ và từ bi. Việc tạo tượng, vẽ tranh, tôn kính những biểu tượng ấy như tôn kính Phật. Chùa, tháp là đạo tràng tu học, việc kiến tạo, duy trì đạo tràng để có nơi thờ phượng, tu học thì cũng có thể xem như thỉnh Phật tại thế gian. Chúng sanh thấy chùa chiền, pháp khí, tăng, ni... thì cũng như thấy Phật.

Bát giả thường tùy Phật học

Chúng sanh thiên sai vạn biệt, văn hoá khác nhau, ngôn ngữ bất đồng, tập tục phong cách chẳng giống nhau. Vậy nên khi đạo Phật truyền đến đâu thì uyển chuyển cho phù hợp với địa phương ấy (khế cơ khế lý) và tùy thuộc vào mức độ tiếp nhận của cư dân địa phương. Từ đó mà có nhiều trường phái Phật giáo khác nhau, pháp phục khác nhau, cách hành trì cũng

khác nhưng nhìn chung là cùng thống nhất ở những điểm cốt lõi: nhìn nhận tam pháp ấn (Khổ - vô thường – vô ngã), tứ diệu đế, bát chánh đạo, ba mươi bảy phẩm trợ đạo...Mình tu học pháp môn nào, truyền thống nào thì lấy đó làm chủ đạo nhưng vẫn có thể hoà hợp và tham gia những khoá tu của truyền thống khác. Tỷ như mình tu Tịnh Độ thì niệm Phật là chính nhưng vẫn có thể tham thiền, tu tứ niệm xứ, quán thân bất tịnh, pháp vô ngã, tâm vô thường... tất cả đều bổ sung cho nhau, chẳng có chi cách biệt, chẻ chia cả! Hoặc giả như khi chùa Tịnh Độ có pháp hội, mình tu thiền thì vẫn có thể tham gia tu học, hoặc tham gia tu học những khoá tu có mở ở địa phương mình, cho dù phương pháp khoá tu ấy có khác với pháp môn của mình. Thường tùy có thể hiểu là tùy theo hoàn cảnh mà tu học, ví như xuất gia tu học thì quá tốt nhưng nếu gia cảnh hoặc thân tâm chưa đủ duyên hay đủ quyết tâm thì tu học tại gia. Nếu tu học theo truyền thống Bắc tông, nhưng khi gặp khoá lễ Nam tông như dâng y Cathina thì vẫn thường tùy tham gia tu học. Học Phật không chỉ học ở thầy, ở kinh sách mà còn có thể học từ bạn bè, thiện tri thức, thậm chí có khi ở vào trường hợp cô độc, vùng biên địa... vẫn có thể tự mình tu học, thường tùy là vậy.

Cửu giả hằng thuận chúng sanh

Con người ta không thể sống một mình (kiểu Robinson Crusoe). Con người phải sống trong một cộng đồng nhất định, có thể cộng đồng đồng văn đồng chủng, cũng có thể trong một cộng đồng khác văn hoá, khác chủng tộc (như người Việt hải ngoại). Dù ở đâu mình vẫn giữ gìn văn hoá của mình, thủ hộ đức tin của mình, vững vàng tín tâm của mình. Tuy nhiên mình phải theo cái trật tự, văn hoá, luật pháp của xứ ấy. Mình đồng thuận với cái đúng, cái hay, cái chân thiện mỹ...

những cái xấu, cái ác thì tuyệt đối không thể thuận theo. Ví dụ như mình là phật tử nhưng nếu tôn giáo bạn có kêu gọi từ thiện, giúp đỡ tha nhân, tuần hành vì hoà bình... thì mình vẫn hằng thuận mà tham gia. Khi Phật còn tại thế, Phật không khuyến khích cũng không bài bác việc yêu đương kết hôn. Tuy nhiên các chùa vẫn có thể làm lễ hằng thuận cho các cặp vợ chồng cưới nhau. Những khi có lễ lạc truyền thống như: Tạ ơn, năm mới, lễ mẹ, lễ cha... vẫn có thể hằng thuận chúng sanh mà làm lễ. Có những việc không thể hằng thuận, dù cho có nhiều Phật tử ham thích vì thiếu chánh kiến, thiếu chánh tư duy chẳng hạn như: bói toán, phong thủy, bùa chú, mở ngải, trừ tà...

Thập giả phổ giai hồi hướng

Mỗi khoá lễ xong đều có hồi hướng, hồi hướng công đức đến ông bà, cha mẹ, tổ tiên, hướng cho khắp pháp giới chúng sanh. Thỉnh thoảng chúng ta vẫn nghe câu này:” Nếu con có tạo được chút phước lành nào, xin hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh” nhưng cũng có khi lại nghe:” Phước lành con có chút xiu xiu, hồi hướng cho khắp tất cả thì liệu được gì không?”. Vấn đề là ở tâm chứ không phải ở khối lượng công đức. Cái tâm như hư không, vô cùng bao la quảng đại, chỉ sợ cái tâm khép chặt như hũ nút chứ không sợ phước đức nhiều hay ít. Một tâm mười pháp giới kia mà, nó có thể biến hoá vô cùng. Hồi hướng phước đức cho khắp pháp giới có thể ví như mình đốt lên một cây đèn, cây đèn tuy bé tí nhưng ánh sáng lan toả khắp căn phòng, xua tan bóng tối trong căn phòng, dẫn cho căn phòng chỉ có một người hưởng ánh sáng đèn thì ánh sáng ánh chẳng tăng thêm, còn nếu như nhiều người cùng hưởng ánh sáng đèn thì ánh sáng từ cây đèn ấy cũng chẳng giảm đi.

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Đạo Phật chú trọng đến cái tâm, tâm là chủ tử, tâm tạo tác.
Hồi hướng cho khắp pháp giới cũng chính là phước đức của
tự thân.

PHƯỚC HOA KHÔN LƯỜNG

Nhiều người trong chúng ta chắc ai ai cũng biết chuyện “Tái ông thất mã”, câu chuyện xoay quanh phước - họa thật khó mà đoán trước. Dân gian cũng có câu: Trong may có rủi, trong rủi có may. Người sinh chữ thì văn hoa hơn:” Phúc trung hữu họa, họa trung hữu phúc”...

Con người, vạn vật và muôn sự ở thế gian này luôn luôn ở trong trạng thái thống nhất của hai mặt: Âm - dương, sáng - tối, sanh - tử, tốt - xấu, thánh – phàm, nam - nữ, họa - phước... Không thể chỉ có hoàn toàn tốt hoặc hoàn toàn xấu, không thể chỉ có một mặt này mà không có mặt kia. Hai mặt của một vấn đề luôn thống nhất và cân bằng với nhau, một khi lệch một bên thì sẽ sanh ra sự biến đổi, chuyển dịch. Nếu con người nghiêng về phần người thì tốt đẹp, thăng hoa còn nếu nghiêng về phần con thì xấu đi, đọa lạc.

Sự việc trong đời cũng thế, nếu nghiêng về mặt tốt thì sống hài hoà với thiên nhiên, tình thương và trách nhiệm tăng trưởng. Còn nếu con người thiên về ích kỷ, hưởng thụ thì sống vì cái tôi, sống vô trách nhiệm, hưởng thụ tối đa bất chấp hậu quả như thế nào.

Corona virus là một minh chứng hiện tiền. Người ta bảo Corona virus xuất phát từ chợ hải sản Wuhan, chợ động vật hoang dã, từ soup dơi, hoặc giả có thuyết cho là xuất phát từ

phòng thí nghiệm vũ khí sinh học... Thuyết nào cũng có lý cả, con người ngày nay tham lam vô độ, đặc biệt ở những nước có tập quán ăn uống thái quá, ăn không thừa một loài vật nào, ăn với cách chế biến dã man, tàn độc vì cứ cho rằng ăn như thế sẽ bổ dưỡng, sung mãn ví như: óc khỉ, tay gấu, tiết canh, vi cá, pín cọt, tinh tượng, nhau thai, cá sống, soup dơi...từ đó virus sẽ lây lan sang con người. Cách đây không lâu cũng đã xảy ra: Cúm viêm não, bò điên, heo, bò long mồn lở móng, sán lợn... Tất cả đều từ do ăn thịt động vật mà ra. Còn nếu bảo Corona virus thoát ra từ phòng thí nghiệm cũng không sai, con người tàn độc, âm mưu chế vũ khí sinh học hòng giết được nhiều người nhất, hoặc giả là kế bản của những nhóm quyền lực ở Trung Nam Hải gây ra để hạ bệ lẫn nhau.

Dù với lý do gì, nguyên nhân nào đi nữa thì con người và thế giới này đang lãnh họa. Cái họa này thật kinh khủng: bệnh tật, chết chóc, kinh tế suy thoái, đời sống ngưng trệ, mọi hoạt động của xã hội phải đình chỉ.

Ôn dịch xưa nay vẫn thường xảy ra, nhưng cái họa Corona virus này có những điểm khác với những trận dịch trong lịch sử. Nó là kết quả và cũng là biểu trưng của đời sống con người trong thế giới hiện đại. Nếu ngày xưa ôn dịch chỉ khu trú trong một cộng đồng, một thành, một quốc gia hoặc cùng lắm là một châu lục. Ôn dịch ngày nay thì lan ra toàn thế giới, không một quốc gia hay châu lục nào có thể tránh khỏi lây nhiễm. Ôn dịch Corona virus gây ra những hậu quả to lớn về người, kinh tế và xã hội nhưng nó cũng như mọi vấn đề khác của thế gian, ngoài mặt tai hại đó thì cũng có những mặt tốt mà ít người biết đến.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Từ khi Corona virus xảy ra đến nay, bầu khí quyển ở Wuhan và rất nhiều các thành phố khác trở nên tốt một cách lạ thường. Nasa (Cơ quan hàng không vũ trụ Mỹ) đã chụp nhiều không ảnh cho thấy trước kia những nơi đó là màu cam (báo động nguy hiểm cao) giờ thì chuyển sang màu xanh (green) an toàn. Rất nhiều khu vực trước kia ô nhiễm trầm trọng nay trở nên bớt khói, bụi, khí độc...Nạn ô nhiễm không khí tự nhiên được cải thiện đáng kể, điều mà trước đó các chính phủ đau đầu, các nhà hoạt động bảo vệ môi trường kêu gọi, dân chúng lo âu mà chưa có biện pháp nào có tính khả thi. Nay nhờ cơn dịch mà chuyển biến đáng ngạc nhiên!

Dịch Corona virus xảy ra, nạn kẹt xe của nhiều thành phố trên thế giới tự nhiên giảm hẳn hoặc hết luôn. Kẹt xe là một vấn nạn của thế giới hiện đại, làm tốn tiền của, ô nhiễm môi trường, gây căng thẳng... các hình phạt cũng điên đầu mà chẳng thể làm gì được. Dân chúng bức bối, bất bình, chịu nhiều khổ ải nhưng cũng phải cắn răng chịu. Giờ nhờ dịch mà tự nhiên mất hẳn, phố phường thông thoáng, xa lộ hanh thông...

Ôn dịch Corona virus làm cho nạn khai thác tàn hại thiên nhiên cũng giảm đi, có nơi dừng lại, nhất là việc khai thác dầu và than đá. Việc khai thác và sử dụng đều giảm sâu, điều đó có nghĩa là thiên nhiên bớt bị bức tử. Dầu, than đá, khí thải, hiệu ứng nhà kính, chất độc hại hậu khai thác và sử dụng... đều giảm. Trước đó các nhà khoa học, các nhà hoạt động bảo vệ môi trường, các chính khách tiến bộ... đã đấu tranh, đã kêu gọi nhưng chẳng lay động được cái tâm của những nhà làm kinh tế, nay thì nhờ Corona virus mà tự động giảm.

Ôn dịch Corona virus xảy ra đã làm cho nạn săn bắt, mua bán, tiêu thụ động vật hoang dã ở China và vài quốc gia lân cận tự nhiên giảm xuống và ngưng hẳn. Động vật hoang dã bao nhiêu năm nay bị tận diệt, đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng, giờ nhờ Corona virus mà cửa sinh được mở ra. Một động thái mới nhất là chính phủ Trung Cộng đã ban hành lệnh cấm săn bắt và mua bán động vật hoang dã, điều này lẽ ra phải làm từ lâu nhưng vì nhiều lý do mà làm ngơ, nay nhờ Corona virus mà lệnh cấm được ban hành, tuy muộn nhưng vẫn còn kịp. Có lẽ sau cơn dịch này, những kẻ thích ăn động vật hoang dã cũng biết sợ! Hy vọng những quốc gia lân cận cũng ban hành lệnh cấm săn bắt và mua bán động vật hoang dã.

Du lịch là nguồn lợi lớn của nhiều quốc gia, một mối thu lớn cho ngân sách nhưng mặt trái của nó cũng ghê gớm lắm, vì lợi ích trước mắt mà các chính phủ nhắm mắt làm ngơ. Khách du lịch làm tổn hại nặng nề đến thiên nhiên từ những bãi biển, rặng san hô dưới nước, cho đến đỉnh non thiêng, từ thành thị cho đến rừng rú...Khách du lịch làm hư hoại, biến dạng những di tích lịch sử, văn hoá, những di sản văn hoá...Từ khi dịch bệnh xảy ra, khách du lịch giảm thì những vắn nạn kia cũng giảm theo. Chính khách du lịch là những người mang Corona virus gieo rắc khắp nơi, họ đến đâu thì gây ra lây nhiễm đến đó, lẽ ra các chính phủ phải cấm khách du lịch đến từ những vùng có dịch nhưng vì lợi ích kinh tế nên làm ngơ, giờ thì hậu quả còn nặng nề hơn những lợi ích mà khách du lịch mang lại.

Những nhà hàng, quán nhậu, tửu điểm... phục vụ cho những thực khách ăn uống vô hạn độ, nay nhờ Corona virus mà giảm hoặc đóng cửa tạm thời. Những động mãi dâm,

massage... vốn không sợ pháp luật nhưng nay thì sợ Corona virus nên tự động đóng cửa, đây cũng là điều mà trước đó các chính quyền không đóng cửa được (vì nhiều lý do mà ai cũng biết). Quán nhậu, nhà hàng đặc sản, động mãi dâm... đóng cửa thì thiệt thòi cho một nhóm nhỏ nhưng đem lại lợi ích lớn cho xã hội.

Dịch Corona virus là một dịp để các chính phủ hoạch định lại chính sách của mình, giá mà khi dịch xảy ra ở Wuhan, các chính phủ hành động nhanh, cấm người từ vùng dịch thì có lẽ hậu quả không lớn như bây giờ. Toàn cầu hoá, lợi ích kinh tế, sự lệ thuộc vào nguyên liệu sản xuất của Trung Hoa đã làm cho các chính phủ chần chừ, làm ngơ vì thế mà dịch bệnh lan truyền và lây nhiễm trên toàn thế giới

Dịch bệnh xảy ra cũng là cơ hội kiểm nghiệm và chứng thực những lợi ích chân thật của các tôn giáo. Dịp để mọi người xem lại cách ăn ở, hành vi của mình và cũng dễ dàng nhận ra đâu là thật - giả, tốt - xấu...

Không có một thế lực siêu nhiên thần thánh, thượng đế nào có thể cứu giúp được, con người phải thức tỉnh, con người phải hành động tự cứu lấy mình. Đức Dalai Lama từng phát biểu đại ý như thế này: Con người tạo ra vấn đề rồi cầu xin thượng đế giải quyết giúp, thượng đế cũng chịu thôi, con người phải giải quyết vấn đề do chính mình gây ra! Không thể cầu nguyện suông, cầu nguyện chỉ là hỗ trợ tinh thần, con người phải thức tỉnh, phải hành động thôi!

Ôn dịch cũng là cơ hội để người Phật tử quán xét lại mình, có áp dụng được chút gì Phật pháp trong đời sống không? Người Phật tử không nhất thiết phải trường trai nhưng ít ra cũng giảm bớt hưởng thụ máu thịt, rượu chè... phước muôn loài

mà cũng phúc ta. Là người Phật tử thật sự thì chẳng việc gì phải hoang mang, rần rần chạy theo đám đông giành giật mua giấy vệ sinh, hàng hoá, thực phẩm để dự trữ! Mình cứ bình tĩnh, tự tại, hãy biết rằng đó là cộng nghiệp, vì cái nghiệp chung mà mình sinh ra và lớn lên vào thời gian đó, sống trong môi trường xã hội đó. Tuy nhiên trong cộng nghiệp lại có biệt nghiệp riêng của mỗi người, điều này cũng dễ thấy, tuy dịch Corona virus nguy hiểm nhưng không phải ai cũng nhiễm bệnh cả.

Học Phật là để ứng dụng vào đời sống hàng ngày, những lúc như thế này dễ dàng hiển lộ cho thấy “chất lượng” thật sự của một Phật tử, một con người. Học Phật không phải để thao thao bất tuyệt sắc – không, Bát nhã... cũng chẳng phải xì sụp lễ bái cầu khẩn khẩn vái... mà là để giác, để tỉnh. Phép lạ trong nhà Phật không phải là phun mây nhả khói, đi nước bước không, không phải cứu người chết sống dậy mà là làm cho một con người từ mê muội sang tỉnh thức, từ sai lầm thành đúng đắn, từ xấu thành tốt.

Ôn dịch xảy ra và sẽ còn tiếp tục xảy ra, ôn dịch có thể là quy luật sanh - diệt của tự nhiên, có thể là nghiệp sát chín muồi, có thể do nhân tạo... Qua trận dịch này cho thấy con người và xã hội hiện đại có nhiều bất cập, hy vọng con người và các chính phủ sẽ học được gì đây để hoạch định chính sách tương lai.

PHƯỚC PHẦN NHƯ THẾ

Nhác thấy bóng Thomas Le, nhiều người đang tút tát ở sân chùa bỗng giạt ra. Nếu ai tinh ý một tí sẽ thấy cảnh tượng giống hệt như mặt nước có vầng dầu, bỗng nhiên có giọt xà bông rơi vào. Nhiều người biết rõ thằng Thomas Le nhưng mắt ngó lơ, tưởng chừng như đang ngắm cảnh mà không thấy. Một nhóm khác túm tụm bàn tán xì xào vừa chỉ chỗ và liếc ngang liếc dọc. Bà Tư Hồng liếc xéo, nhướn mắt về hướng Thomas Le rồi xì một tiếng sắc như dao cạo”

- Đồ bê đê, đồ biến thái!

Nhiều tiếng cười khúc khích hưởng ứng, những người xung quanh thêm mắm dặm muối cho câu chuyện thêm phần quái đản và nhiều phần gây nên ác cảm. Bà Bảy Hương chỉ Thomas:

- Đồ lại cái, đã vậy còn cặp với Mỹ đen nữa chứ! tụi đó dơ dáy, lười biếng thấy mò! Thằng này chắc thích cảm giác mạnh?

Một tràng cười khà ồ tán thưởng bà Bảy Hương. Bà Hai Bông đang lật rau cũng góp lời:

- Ai đòi lại cặp Mỹ đen, tụi nó nghèo mặt rệp, trên răng dưới dái. Tụi bê đê Việt, Mỹ trắng thiếu gì, sao hồng cặp lại cặp Mỹ đen?

Chị Tammy Le đang cắm hoa gần đây, chị nghe tất cả, lòng buồn nhưng chẳng biết làm sao, đây cũng chẳng phải là lần đầu chị nghe người ta xỏ xiên con trai chị. Tuy cùng bốn đạo, cùng đi chùa, bình thường gặp mặt thì cũng chào hỏi nhưng quay lưng đi là xoi bói, bươi móc không tha. Chị nhiều lần khóc thầm vì những lời ác ý dù là vô tâm hay hữu tâm ấy. Chị tập làm lơ nhưng không khỏi xót xa khi nghĩ đến con. Người ta bảo “Cha mẹ sanh con trời sanh tánh”. Ai cũng muốn con mình khoẻ mạnh, thông minh, phát triển tốt. Đâu có ai mong con mình phải khác người, để rồi nhận lấy sự chê bai, kỳ thị! Phước phần mỗi người mỗi khác, cái nhân quá khứ khác nhau thì làm sao có cái quả đồng nhau được! Từ khi thằng Thomas dậy thì, chị đã phát hiện ra những dấu hiệu khác thường của nó, càng lớn thì càng lộ rõ. Chị chưa hề thấy nó có bạn gái hay cặp với cô nào, toàn là chơi với bọn con trai, thậm chí có lần chị còn thấy nó ôm bạn nó ngủ ở dưới basement, lúc đầu chị cũng tưởng là bạn bè thân thiết, nhưng sau đó thì chị biết rõ nó là gay. Chị bắt gặp nó hôn môi với thằng Andrew J. Chị đứng như trời trồng, không biết nói năng gì, cũng chẳng biết phải nên làm gì nữa. Những ngày sau đó không khí trong nhà nặng như đông đặc lại, nước mắt chị chảy ra không buồn lau. Tánh chị xưa nay hiền, lặng lẽ giờ càng lặng lẽ hơn. Chị thương con đứt ruột, không hề la hét nó bao giờ, giờ biết sự thật vậy thì lòng càng lo lắng cho tương lai của nó. Chị cố gắng tìm hiểu và tham vấn các bác sỹ tâm lý, tất cả đều khuyên chị nên chấp nhận sự thật như thế. Chị cũng có đôi lần khóc với Thomas:

- Sống vậy sao được hả con? Con phải lấy vợ, sanh con, mẹ muốn có cháu để bông.

Thomas L. quỳ xuống ôm chân chị:

- Mẹ thương con, làm sao con có thể lấy vợ được? con không có cảm xúc gì với con gái.

Thế rồi hai mẹ con ôm nhau khóc, nước mắt không làm vui được nỗi đau nhưng không khóc thì biết làm gì bây giờ? Thomas biết mình còn may mắn hơn nhiều người khác. Thăng William N khi thất lạc với ba mẹ nó, nó đã bị ba mẹ nó chửi rửa tể tát vào mặt, ba nó từ mặt nó. Con Hellen P thú nhận với ba nó, ba nó tát vào mặt. Hellen đau đớn ôm mặt khóc mà không nỡ gọi cảnh sát, sau đó thì bỏ nhà đi luôn. Nhiều đứa bạn của Thomas thì bị chính người thân trong gia đình khi dễ, ghẻ lạnh và chối bỏ. Thomas từng tâm sự với thằng bỏ của nó, tội mình tuy khác người nhưng may mắn sinh ra và lớn lên ở xứ sở tự do, được luật pháp bảo vệ, nhân quyền được tôn trọng. Nếu tội mình mà sinh ra ở châu Phi hay những xứ Hồi giáo Ả Rập thì chỉ có chết thảm, chắc chắn sẽ bị truy sát đến cùng.

Mẹ Thomas rất hiền và thương con, từ nhỏ đến giờ Thomas chưa bao giờ chị la mắng hay đối xử thô bạo với con. Thomas là tất cả tình thương và hy vọng của chị, khi biết rõ sự thật, chị tưởng chừng như sụp đổ nhưng rồi chị phải đứng lên và tiếp tục sống vì con . Chị cũng như bao người khác, cũng lo sợ bị người ta đánh giá này nọ, sợ ảnh hưởng đến uy tín danh giá vì có con như thế nhưng chị dũng cảm đương đầu để chấp nhận sự thật của con mình. Chị không thể buộc con mình sống giả tạo, che giấu thân phận để bảo vệ danh giá. Nhiều người vì lo cho cái danh vọng và địa vị của mình mà không chấp nhận những đứa con như thế. Chính họ đã tạo ra thêm nhiều bi kịch khổ đau cho chính đứa con mà họ đã mang nặng đẻ đau, nuôi dưỡng bao nhiêu năm dài. Không ít trường hợp quá cay nghiệt khiến đứa con quần trí phải tự vẫn. Thomas

thấy mẹ nó chấp nhận giới tính thật của nó. Nó sung sướng và cảm ơn mẹ. Nó cảm nhận đó là cả một sự hy sinh to lớn biết bao, ấy là chưa nói đến công lao sinh thành dưỡng dục hai mươi mấy năm nay. Bởi vậy Thomas thương mẹ vô cùng, thấy mẹ buồn, lòng nó cũng đau buồn lắm nhưng nó không thể sống khác được, sinh ra như thế thì làm sao có thể thay đổi được bây giờ? thấy mẹ nó đau khổ, nó cũng dần vật trong lòng lắm. Nó đâu có muốn thế, nó hoàn toàn không có cảm xúc gì với con gái, từ khi dậy thì nó chỉ rung động với con trai mà thôi. Nó vật vã mấy năm trời, cố che giấu thân phận, sợ bạn bè trong trường trêu chọc, sợ bị kỳ thị và bao nhiêu nỗi sợ không tên khác. Nó phải gồng lên, cố tỏ ra nam tính nhưng càng gồng, càng che dấu thì nỗi khao khát của tính dục thật sự lại càng cháy bỏng hơn. Cây kim giấu trong bọc lâu ngày cũng lòi ra, mọi người phát hiện nó là gay, ban đầu nó cũng từ chối, dùng lý lẽ để biện minh nhưng cuối cùng nó phải đầu hàng và chấp nhận sự thật. Nó đã yêu một bạn trai cùng lớp, thằng đó cũng thương nó, khổ nỗi anh ta lại là Mỹ đen. Số phận thật trớ trêu, đã gay lại còn yêu Mỹ đen, Thomas phải chịu sự kỳ thị gấp hai lần từ những người cùng màu da và văn hoá với mình. Nhiều lúc Thomas muốn rủ Andrew J đi đến những tiểu bang ít người Việt để sinh sống, khổ nỗi nó thương mẹ, nó không muốn bỏ mẹ nó bơ vơ một mình. Mẹ nó đã hy sinh cả đời cho nó rồi, nó muốn sống gần mẹ nó trong những năm tháng về già.

Chị Tammy ở vậy nuôi Thomas từ khi nó mới lên năm. Năm ấy anh Henry Le về Việt Nam đầu tư làm ăn gì đấy, rồi cặp bồ và ở luôn ở bên không quay lại Mỹ nữa. Chị Tammy còn trẻ đẹp, nhiều người ngấp nghé muốn cặp bồ hay kết hôn nhưng chị từ chối cả. Chị sợ hôn nhân rồi, chị thương

Thomas, dồn hết tình cảm cho nó nên không có hứng thú để đi bước nữa. Lúc rảnh rỗi chị lên chùa Hải Lượng để phụ giúp, chị là một trong những người có công lớn với chùa, kể từ khi mới tạo lập. Mỗi cuối tuần chị đều chở Thomas lên chùa để học tiếng Việt, tính sơ sơ mới mà đã hai mươi lăm năm rồi. Tuy cùng làm công quả nhưng cũng có người tâm địa hẹp hòi, đố kỵ, thấy chị siêng năng và gần gũi với thầy trụ trì nên phao tin chị có tình ý với thầy. Vụ việc gây đàm tiếu, thiếu điều chị muốn bỏ chùa luôn, cũng may sự việc sớm xẹp đi, lời nói vu vơ vô căn cứ ấy đã bị nhiều người thiêm tâm bác bỏ.

Phải nói là nhà bếp là nơi mệt nhất, nhiều lúc thầy cũng nhúc đầu với các bà, phải phân giải, giảng hoà để giữ hoà khí. Chốn ấy luôn có lời qua tiếng lại, nói bóng gió, khen chê... đủ cả. Có khi mới tụng kinh xong, vừa hồi hướng ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, tứ hoằng thệ nguyện thuộc lòng như cháo chảy, ấy vậy mà vừa rời Phật điện, xuống đến bếp là lập tức có chuyện ngay: bà này nấu vụng, bà kia làm rồi kế hoạch dự trù, bà nọ ăn rồi còn tham đùm túm mang về...

Một hôm sau khoá lễ, Thomas quỳ thưa:

- Bạch thầy, con sinh ra vốn đã vậy rồi, tất nhiên chẳng có ai muốn mình như thế cả! con vẫn sống tốt, chẳng hại ai bao giờ, thế mà mọi người vẫn kỳ thị, chê cười. Có người còn lịch sự, chỉ nói bóng gió sau lưng, nhưng cũng có người thô lỗ sẵn sàng lăm. Con có thể chịu đựng được nhưng họ làm cho mẹ con đau lòng, tuy cùng đi chùa nhưng lòng dạ lại nhỏ nhen, kỳ thị, phân biệt nặng nề. Thầy có phương cách gì giúp được chăng?

Cả Phật điện như ngưng đọng lại, mọi người hết sức ngạc

nhiên, không ngờ thằng Thomas đi thẳng vào vấn đề mà không chút e dè sợ sệt như mọi ngày. Hoà thượng Thông Lý hơi ngần ngừ giây lát, sau đó từ tốn :

- Phàm đã làm người là quý lắm, còn việc mang thân nam, nữ hay gay ấy là do nghiệp lực và cái nhân trong quá khứ của mỗi người. Hiện tại là người nam, người nữ nhưng một mai hết số thì có chắc được lại thân người nữa không? Thân người còn chưa chắc được thì nói chi đến thân nam, nữ hay giới tính thứ ba. Con người ta sanh ra, có ai muốn mình là gay hay lesbian đâu? nhưng phước phần như thế thì phải chịu thế. Tổ chức y tế thế giới (WHO) công nhận ấy là tự nhiên, chẳng phải bệnh. Đức giáo hoàng John Paul II cũng từng tuyên bố:” Tôi là ai mà có quyền phán xét” khi những thế lực cực đoan bảo thủ đòi ngài phải lên tiếng hay trừng phạt những người thuộc giới LGBT. Đương kim giáo hoàng Francis cũng mới phát biểu cách đây không lâu, ngài kêu gọi:” Hãy yêu thương con cái của những người đồng tính”. Những lời trên không làm hài lòng giới bảo thủ cực đoan nhưng đã đem lại sự cởi mở hơn và đối xử nhân đạo hơn với những người thuộc LGBT. Con người ta thường có thói quen huà theo số đông, hễ ai khác với số đông thì lập tức kỳ thị, kỳ thị giới tính, kỳ thị chủng tộc, kỳ thị tôn giáo, kỳ thị giai cấp, kỳ thị quan điểm này nọ, kỳ thị cả những người không chịu kỳ thị như mình... Bây giờ giả sử đồng tính chiếm số đông, lúc bấy giờ sẽ có kỳ thị ngược lại. Đây đích thực là một vấn đề vô minh của con. Chúng ta là những người tin Phật, học Phật, tu Phật hãy dùng từ bi, hiểu biết mà đối xử với nhau, đừng hành xử theo thói quen đám đông, hay theo cảm tính. Đức Phật từng dạy “ Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh” vậy thì đàn ông, đàn bà, đồng tính, đen, trắng, Tây, Tàu... cũng đều bình

đăng với nhau cả! Minh kỳ thị, nói lời thô ác thì chính mình đang gây khẩu nghiệp xấu vậy.

Đại chúng im phăng phắc, chị Tammy cúi gầm mặt, không dám nhìn ai, tay lần tràng hạt. Thằng Thomas vẫn quỳ Đấy, khi hoà thượng ngưng nghỉ một lát, nó lại thưa:

- Bạch thầy, con biết mình là gay, dù con chẳng đụng chạm ai, vậy mà vẫn bị chửi, cả bạn trai của con cũng bị chửi lây. Con yêu ai là do trái tim con sai xử, bạn trai con da đen nhưng cái tâm sáng. Những người kỳ thị kia chắc gì họ ngon lành hơn những người da đen?

Hoà thượng Thông Lý ôn tồn:

- Vấn đề này có đã lâu, khá phổ biến chứ không chỉ mỗi trường hợp của con. Người Việt mình vốn có tánh kỳ thị nặng, vừa tự tôn (kiểu Tàu, ta là văn minh còn xung quanh là man di mọi rợ, Chà , Chiêm, Miên, Chiệc, mọi, thượng) vừa tự ti nhược tiểu, xun xoe với Mỹ trắng, kỳ thị với Mỹ đen... quả thật vô lý hết sức! hàng tuần đi chùa, đi nhà thờ, đọc kinh lâu lâu vậy mà chẳng áp dụng được giáo lý vào thực tế. Chúng ta con nhà Phật, ắt ai cũng biết câu :” Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành” ấy vậy mà lại kỳ thị, xúc phạm nói lời thô ác với người da đen. Minh đến xứ này, ít nhiều cũng bị sự kỳ thị của người da trắng, lẽ ra mình phải thông cảm với người da đen mới phải, đằng này lại kỳ thị họ. Chính người da đen đã đấu tranh đòi bình đẳng, chúng ta đã hưởng lợi dù là trực tiếp hay gián tiếp từ những phong trào đấu tranh vì nhân quyền ấy. Người da đen cũng như mọi sắc dân khác, ai cũng có những tính xấu của mình. Người Việt mình cũng khôn lỏi, tàn hại nhau có kém ai. Hai mươi lăm thế kỷ trước, đức Phật đã không chấp nhận sự kỳ thị, phân biệt.

Ngài từng nói:” Không có giai cấp trong giòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn” . Hôm nay đã là thế kỷ hai mươi mốt rồi, lẽ nào chúng ta lại kỳ thị, phân biệt, chúng ta lạc hậu quá! Mọi người cũng nên cẩn thận, ở xứ sở này luật chống kỳ thị rất hữu hiệu, không chừng sẽ rắc rối với pháp luật! thực tình mà nói, chúng ta hưởng lợi lớn từ những phong trào đấu tranh đòi bình đẳng, nhân quyền của người da đen, giả sử không có sự dẫn thân của Martin Lutherking và các phong trào đấu tranh ấy, liệu ta có sống dễ dàng với những thành phần da trắng tự xưng thượng đẳng hay những thành phần cực đoan khác?

Đại chúng lao xao, nhiều tiếng xì xào nhỏ nhỏ, có người tỏ vẻ không đồng tình với thầy. Chị Betty T giơ tay phát biểu:

- Thầy ơi, tụi con làm nails phải chịu cay đắng với tụi nó lắm, tụi nó tham lam, khó chịu, làm xong quýt tiền, ăn vạ... rồi cướp giật bóp xách...

Hoà thượng gật đầu:

- Đúng thế, đúng là có những việc đó, nhưng không phải tất cả, đó cũng là một đặc tính xấu. Đôi khi mình có thiệt hại một chút nhưng cơ bản là tất cả mọi người bình đẳng với nhau. Mình là Phật tử đi chùa, thờ Phật, lễ Phật thì phải biết áp dụng giáo lý vào cuộc sống, nếu chỉ đọc kinh suông thì chẳng ích gì. Bản tánh vốn khó thay đổi nhưng mỗi ngày mình phải sửa một chút, hôm nay tốt hơn hôm qua, ngày mai tốt hơn ngày nay ấy chính là biết tu, biết học vậy! Mình đừng kỳ thị, đừng nói những lời gây ác cảm hay đau khổ cho kẻ khác. Đức Dalai Lama dạy:” Nếu mình không giúp được ai thì chí ít mình cũng đừng gây tổn thương cho người khác”. Mình làm tốt, nói tốt, nghĩ tốt cho người khác cũng chính là tạo tác hậu

phước tốt cho chính bản thân mình. Thừa đại chúng thân thương của chùa Hải Lượng, chúng ta gắn bó với nhau hơn mấy mươi năm nay rồi, có không ít người đã ra đi vĩnh viễn, rồi mai đây ai còn ai mất cũng khó mà biết trước được, điều biết chắc chắn là ai rồi cũng phải ra đi. Trước khi mình ra đi thì hãy chuẩn bị chút ít tư lương, nếu ra đi mà không có chút thiện nghiệp nào thì nguy lắm! Các vị có dám hứa với thầy từ bây giờ không nói những lời kỳ thị gây chia rẽ hay đau lòng người?

Thầy dứt lời thì đại chúng đồng loạt giơ tay. Hoà thượng nhìn Thomas với ánh mắt từ bi thông cảm, thầy nói với Thomas mà hình như cũng nhắn nhủ chung với mọi người:

- Thầy là người xuất gia nên không có phương pháp hay lời khuyên gì với việc thế sự. Thầy chỉ có thể bảo con là cứ sống tự tin ở bản thân mình, không việc gì phải mặc cảm, nghiệp của con thì con chịu nhưng con có thể sửa và chuyển đổi nghiệp, hãy tạo thiện nghiệp để dần dần chuyển hoá nghiệp xấu, biết chuyển nghiệp thì nghiệp xấu sẽ dần dần thành tốt, nghiệp ác sẽ dần dần thành thiện, chuyển bằng cách nào? Mình phải giữ những giới cấm của người Phật tử, làm việc thiện lành. Việc này giống như mình cứ thêm nước tinh khiết vào ly nước mặn, đến một lúc nào đó thì ly nước mặn kia sẽ bớt mặn hoặc hết mặn. Con cứ sống thật với bản thân con, thầy biết có nhiều người trong xã hội che giấu thân phận bằng cách lấy vợ, lấy chồng nhưng vẫn lén lút quan hệ với những người đàn ông hay đàn bà khác. Họ đang tự làm khổ chính họ và làm khổ những người thân chung quanh, điều đó quả thật tệ.

Chị Tammy như cởi bỏ được cái gánh nặng u uất trong lòng

bấy lâu nay, vẻ mặt dường như tươi sáng hơn, những nét u ám tan bớt, vẻ u sầu cũng vơi đi rất nhiều. Thầy Thomas lạ tạ ơn thầy.

Trai dường im lặng trong lúc thọ thực đây không khí chánh niệm, dường như mọi người chăm chú vào món ăn hơn mọi ngày. Thầy Andrew J, bạn trai của Thomas cũng tập ăn bằng đũa, thỉnh thoảng nó theo Thomas đến chùa, nó không biết gì về đạo Phật nhưng vì thương thầy Thomas nên lẻo đẻo theo. Thomas cũng giải thích cho nó biết chút ít về đạo Phật, điều nó phần khởi và tin tưởng nhất ở điểm: Đạo Phật không có lên án, kết tội hay nguyên rủa trừng phạt ai cả, kể cả vấn đề LGBT. Đạo Phật dạy nhân quả, gieo gì gặt nấy, nhân nào quả nấy, tâm tưởng sự thành... điều này cũng có điểm tương ứng với văn hoá Mỹ. Văn hoá Mỹ có những câu như:” What goes around come around”, “ Karma is the coner”, “ You are what you think”... Andrew J càng tâm đắc hơn khi thầy nói với nó:” Quá khứ, hiện tại và tương lai kết nối bằng những tác ý thiện hay bất thiện”. Ông Phật không phải là thần thánh, không có quyền ban phước hay giáng hoạ cho ai cả. Mọi người phải tự chịu trách nhiệm với bản thân mình. Sau bữa ăn trưa, thầy Andrew J hỏi Thomas:

- Honey, sao mà lạ ông thầy tu ấy? ông ấy cũng chỉ là thầy tu chứ có phải thượng đế hay thánh thần!

Thomas nhìn nó tròng trẽn:

- Lạ ở đây là lạ cái bản thể thanh tịnh, từ bi, trí huệ, tỉnh thức của ông thầy chứ không phải lạ cái xác thịt! lạ là thể hiện sự tôn kính nhất vừa buông bỏ cái tôi vốn to như núi của mình.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Thằng Andrew J theo Thomas đến chùa, giờ gió cũng ghiền phở chay và chả giò rán giòn, nó còn biết ăn đậu hũ chiên và cả tương chao. Mấy người ngồi cạnh Andrew J trêu:

- Mày cưới thằng Thomas đi, nó sẽ làm chả giò, phở chay cho mày ăn thả giàn luôn!

Nó cười mỉm nhìn Thomas nòng nân, tỏ vẻ thích thú với lời trêu đùa đó. Dường như lời pháp của hoà thượng đã có tác động đến mọi người, hôm nay ai cũng tỏ vẻ thân thiện hơn với Thomas và bạn trai của nó. Cô Ba Bụng, chị Chín Cải đến ôm nó và thằng Andrew J:

- Vui vẻ sống nha em, mạnh mẽ và tự tin!

NHƯ MỘT VẾT TRẦM

Thế là thu sang, thiên hạ vẫn rộn ràng, vẫn bận bịu tíu tít, vẫn quay cuồng trong cuộc sống. Kẻ thì vất vả lo cơm áo gạo tiền. Người thì mưu sự công danh cái thế. Bao nhiêu người nữa thì mê đắm trong việc hưởng thụ sắc dục và vật thực của thế gian này. Gã du tử và những người như gã vẫn lơ mơ ngẩn ngơ giữa cuộc đời, không tiến tới mà cũng không hẳn thoái lui, không biết tự bao giờ và đã bao đời rồi vẫn cứ ngẩn ngơ giữa con đường như một vết trầm.

Con đường nào? Sao lại phải ở giữa con đường? con đường trần thì hẳn nhiên rồi; con đường đời thì vẫn là thế; con đường tình với chút ít ngọt ngào mà nhiều đau thương, cái thú đau thương này hình như ai cũng trải qua và đều thích thú mới lạ chứ! Con đường công danh thì những gã du tử không có cửa, hoặc giả cũng có cơ hội nhưng không muốn dấn thân vào; con đường đạo thì ngấp nghé ngoài cửa, nửa muốn vào nửa lại lưu luyến sự đời; con đường sanh tử thì bất tận tự bao giờ. Duy có con đường văn chương chữ nghĩa thì lại buồn cười nhất, nhiều nỗi vu vơ ám ố hội tề. Thiên hạ bảo là nghiệp chữ, mà đã là nghiệp thì muốn cũng không được mà không muốn cũng không xong. Văn tự kinh, chữ nghĩa đời nhiều nỗi đa đoan, lòng người đầy uẩn khúc, tâm ý chẳng tương đồng nên gây nhiều nỗi thị phi. Con đường trăm năm thì chẳng hạn kỳ. Gã du tử ngẩn ngơ giữa con đường là vậy!

đi - ở không xong, tiến - lui chẳng đặng, đục - trong lợn cợn, tình - mê chập chờn, tình - lý không thông...ôi chao, những gã du tử khờ khạo loanh quanh giữa trần đời!

Thu sang, thu đến, thu tới, thu về, thu đẹp ư? gã du tử không biết, bởi hồn gã với hồn thu tuy chẳng là một nhưng cũng không phải là hai, làm sao gã có thể nhìn thấy gương mặt gã bằng chính mặt gã được! Đừng nói là vàng thu đỏ lá, ngay cả xuân sắc muôn hoa, hạ biếc cây đời, đông trinh bạch tuyết cũng thế! Gã du tử không biết, bốn mùa đẹp ư? thôi thì cứ để bốn mùa tự phô diễn cái bản lai diện mục của mình cho thiên hạ xem chơi.

Mùa thu đẹp ư? có thực là muôn sắc gấm hoa chăng? hay biết đâu đó chỉ là nắng của trời, tinh túy của đất, hơi ấm của lửa, hơi thở thì thầm của gió tụ hội mà thành? Cũng có thể có gã hoạ sĩ thiên nhiên trong lúc cao hứng tung cả khay màu muôn sắc xuống trần gian? một góc thiên hạ của địa cầu vào thu, bùng lên với bao sắc màu, làm mê mẩn tâm hồn những gã du tử đang ngẩn ngơ giữa cuộc đời!

Khúc hạc cầm hay ư? gã du tử không biết vì gã vốn mù nhạc lý, chẳng biết gì về cung bậc thanh âm. Khi người nghệ sĩ tấu lên khúc hạc cầm thì tâm hồn gã du tử cũng rung lên như những sợi dây đàn đang rung dưới ngón tay ngọc ngà kia. Khúc hạc cầm thánh thót làm hồn gã du tử lạc vào cung mê, nhưng nếu bao hay như thế nào thì gã chịu thôi! Uống một ly nước thanh khiết mát trong thì biết là sảng khoái, nhưng bao ly nước thanh lương như thế nào thì làm sao gã có thể giải bày?

Cuộc trăm năm ở giữa thế gian này ngắn ngủi lắm, mong manh lắm! ngắn ngủi hơn sự cảm nhận được của mình. Nó có

thể chấm dứt bất cứ lúc nào, ở đâu và với bất cứ lý do gì. Nó mong manh hơn sự nhận thức của mình, cánh bướm vỗ, cánh hoa lay mình còn có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận nhưng cái mong manh của thân phận người, của cuộc trăm năm này thì không làm sao lường được! Hoặc giả có nhận biết được thì cũng chưa tin hẳn, vì vẫn cứ ngỡ nó dài lâu, vì ngỡ nó dài lâu mà mặc sức tung hoành mưu cầu và đam mê sắc dục, hưởng thụ lạc thú, mặc tình gây nên hậu nghiệp nặng nề về sau. Con người không nhận biết được sự mong manh của cuộc trăm năm nên mới mưu cầu tranh đoạt địa vị công danh, tiền tài, sắc dục, lạc thú...ngày đêm dồn hết tâm lực để nghĩ mưu tính kế để giành lấy bằng mọi giá. Thật tiếc thay, dù công cao cái thế đến như đế vương, tài sản cự phú bằng vài mươi quốc gia gộp lại nhưng một khi hơi thở không vào ra nữa thì bỏ cả mà đi, đi trắng tay, đi không kịp biết lá vàng rơi đẹp đến nhường nào. Con người ta ở thế gian này có mấy ai đếm đủ trăm mùa lá đỏ? Trong số ít ỏi có thể đếm đủ trăm mùa lá vàng thì lại có mấy ai còn đủ minh mẫn để nhận biết muôn sắc gấm hoa đang biến một góc thiên hạ trần gian thành vườn địa đàng? những người thuộc hạng ấy vô cùng ít ỏi, vô cùng hạn hữu. Con người ta trong cuộc chơi trăm năm này, có một số ít người có cuộc chơi tương đối nhẹ nhàng, tháng ngày sống trong hoan lạc, còn phần lớn thì rất nhọc nhằn mưu sinh, mưu sinh để nuôi cái thân, nuôi gia đình, để duy trì cuộc chơi sanh tử. Cuộc chơi của con người vốn thiên sai vạn biệt vì cái phước báo nhân duyên vốn chẳng tương đồng. Cuộc chơi của mình, số phận mình đều do mình quyết định, không có ai có thể cho mình cuộc chơi này! Con người có cuộc chơi của con người, thánh thần có cuộc chơi của thánh thần, cho đến phi nhân và vô số loại vô hình khác cũng có cuộc chơi riêng của mình, nhưng tất cả đều khổ vì chìm đắm trong tham lam, sân

hận và si mê của cõi tục này! đã ở trong cõi tục thì ai lo phận này, phận mình không xong, phận mình còn trôi hụp thì làm sao có thể vớt được ai? tất cả cùng bất an giữa cuộc chơi luân hồi vô thi vô chung.

Một sớm mùa thu, làn gió mát dịu thổi qua, những lá vàng chấp chới bay trong gió. Bambi ngỡ ngác và lo lắng hỏi mẹ:” Mẹ ơi, có phải những chiếc lá này đang chết?” mẹ của Bambi âu yếm nhìn con, khẽ bảo:” Không, không phải chết đâu con! Những chiếc lá ấy là tinh túy của đất mẹ, là rực rỡ của nắng vàng, là hơi thở của không gian, là tươi mát của suối nguồn. Những chiếc lá là hiện thân của xuân, hạ biếc xanh; vàng thu muôn sắc gấm hoa. Những chiếc lá tròn năm reo ca với nắng gió, đem lại không khí trong lành và dưỡng khí cho muôn loài, khi trách vụ đã xong, những chiếc lá cháy sáng lần cuối, hiến dâng cái đẹp cho đời trước khi về với cội nguồn. Những chiếc lá lại hoá thân thành mùn bón cho cây cỏ, để rồi lại hiện tượng những chiếc lá mới trong mùa sau. Những chiếc lá không chết vì nó vốn chẳng sanh chẳng diệt bao giờ!”. Bambi lại thắc mắc:” Thế cây sồi ngã sông xoài trên mặt đất kia cũng chẳng phải chết?” Mẹ Bambi vỗ về:” Cây sồi già ấy, mẹ con ta và tất cả vạn vật muôn loài ở thế gian này cũng cùng chung một bản chất. Chúng ta vốn là một chút từ đất mẹ, một phần nước mát của suối nguồn, có hơi thở thì thảo của những chiếc lá kia và cái độ ấm của nắng vàng. Riêng loài người thì bọn họ có thêm cái thức, cái tâm. Chính cái tâm ấy lại là con dao hai lưỡi, thăng hay đọa cũng từ một tâm, tiến hay lùi cũng do tâm, hình tướng thế nào cũng tại tâm, cuộc chơi này như thế nào cũng bởi tâm làm chủ tể. Mẹ con mình và muôn ức loài thú ở thế gian này cũng vì tâm mà mang lấy thân này. Một khi cuộc chơi riêng của mỗi cá thể dừng lại thì cái thân ấy trả

về cho đất mẹ, tan theo nước, hoà vào nắng ấm và gió reo, sau đó thì tùy theo phước phần nghiệp lực của cá nhân ấy mà lại mang một hình tướng khác, một thân phận khác. Cuộc chơi sinh tử luân hồi cứ bất tận như thế”. Một cơn gió mới thổi đến, những chiếc lá vàng bay bay trong gió lấp lánh như muôn sao sa. Bambi cảm nhận phút giây an lành hoan hỷ, nó nhảy cẫng lên và húc tung những đám lá vàng trên thảm cỏ xanh.

“ Em ở đâu không về đây đếm lá” –(thơ TLTP). Gã du tử vẫn ngẩn ngơ giữa cuộc đời này, gã đâu chỉ hong thơ trong nắng vàng lá đỏ của mùa thu, gã hong thơ cả bốn mùa. Tiếng thơ của gã là lời thương lời nhớ, lời của chân tình, lời tình tự nước non, lời thơ vẫn như sóng âm lan toả và mát hút trong không gian vô cùng tận, như viên sỏi ném vào lòng đại dương bao la. Em không về đếm lá, gã vẫn ngồi hong thơ, phút du thủ của gã ngẩn ngơ ở giữa cuộc chơi này! nếu không có những phút giây ngơ ngẩn như thế thì cuộc chơi này sẽ vô vị biết bao. Ngoài kia thiên hạ không thể hiểu được phút giây du thủ ngẩn ngơ của gã, gã cũng không làm sao biết được cái thú vui mà thiên hạ dồn cả thân tâm trí lực để mưu cầu!

Vườn chùa mùa này tịch mịch lắm em ơi! Cây trong vườn đang thả những chiếc lá đủ sắc màu gom góp nắng gió một năm trường. Vườn chùa mùa này vắng những tà áo dài tha thướt, tôn tượng bốn sư vẫn điềm nhiên tĩnh tọa, thế sự thế nào cũng chẳng lay động nổi. Hàng đệ tử của ngài hôm nay có không ít những kẻ lợi dụng ngài, nhân danh ngài để làm những việc trái ngược với tôn chỉ và hoài bão của ngài. Danh văn lợi dưỡng thắng thế, nhiều kẻ thân đầu tròn áo vuông lại tham chính, thân chính, bôi mặt đá nhau, tình pháp lữ hao hót, tranh giành ngôi vị hư danh, mưu cầu danh lợi. Thầy vốn ẩn

thân nơi sơn lâm nhưng vẫn quan hoài cơ nghiệp của Như Lai, dần thân làm trưởng tử. Thân gầy lau sậy mà bão giông không quật nổi, cường quyền không lung lay nổi, ma vương không phá được. Dáng dấp từ bi mà đôi mắt tinh anh, bàn tay nhỏ nhắn khải cung đàn trác tuyệt cúng dường Thế Tôn, dâng cái đẹp cho đời, đôi bàn tay ấy mấy mươi năm nay vẫn cầm cuộc xới ruộng nương. Tâm hồn thầy rộng mở bao la như hư không, dung chứa những điều mà pháp lữ không làm được. Thân xuất thế mà những áng văn thơ dậy sóng lòng người. Bộ óc siêu việt, dung chứa kiến thức đời lẫn pháp học mệnh mông của đạo. Tấm thân gầy mà pháp học, pháp hành không ai sánh kịp, đức hạnh không ai bằng. Thầy đã nhận lấy ngọn đèn truyền thừa từ lịch đại tổ sư, dù có thế nào đi nữa vẫn một lòng gìn giữ chánh pháp của Như Lai và mạng mạch Phật pháp của tổ tông. Dù có độc hành thầy vẫn hết lòng hộ quốc, hộ dân. Thầy đã từng từ chối ra đi để ở lại cùng gánh nỗi đau của con dân, của quốc độ này!

Đấng tượng vương vẫn vững chãi thâm trầm, từng bước đi nhẹ như hơi gió thu mà định an giữa động loạn, tình pháp lữ suy hao

Bậc sư vương đầy oai nghiêm dũng mãnh, cất tiếng hồng rền vang bốn phương trời lan toả ở cõi vô thường, giữ ngọn đèn chánh pháp

Những ai không nghe, từ chối nghe hoặc giả nghe mà phản bác thì lỗi ấy chẳng phải ở đấng tượng vương, sư vương!

Trời đất vào thu, một góc sơn hà bừng lên như gấm hoa, mùa thu phương Tây: Colorado, New York, Washington, Paris... có khác gì mùa thu phương đông: Cửu Trại Câu, Tô Châu, Tokyo, Kyoto, Seoul...Đất trời vốn thênh thang mà lòng

người chật hẹp; thời gian vốn vô thủy vô chung là mạng người chỉ giữa làn hơi; đông – tây vốn dung thông mà tâm người nhỏ bé, phân biệt, chẻ chia; trong ngoài vốn tương quan mà tư tưởng hẹp hòi cách ngăn!

Mùa thu đã về đây, em ở đâu? mắt biếc vẫn mê hoặc người ở giữa cuộc chơi này. Gã du tử lang thang giữa con đường, những con đường không khởi đầu cũng không kết thúc bao giờ. Ta được gì không? Em còn gì không? để lại gì cho quốc độ này, thế gian này? có chăng chỉ là những dấu giày đạp trên lá vàng giữa cung đường của mùa thu phương ngoại.

SỢI DÂY VÔ HÌNH

Rừng núi xanh mượt, không khí trong lành và hơi se se lạnh thấm vào từng chân lông kẽ tóc, len lỏi vào từng tế bào. Cái cảm giác khoan khoái thật dễ chịu, làm cho hai huynh đệ thọ nhận được sự bình an trong phút giây hiện tại. Cây cỏ xung quanh như tỏa ra một năng lượng tươi mát tràn đầy sức sống. Bất chợt sư huynh hỏi khẽ:

- Đường như có đôi mắt nào đó đang theo dõi chúng ta?

Cả hai dừng bước, nhìn quanh một tí thì phát hiện ra đằng sau bụi rậm có mẹ con nhà nai đang tròn xoe mắt nhìn, tai vểnh bắt sóng động của âm thanh, chúng có thể nghe được những âm thanh nhỏ nhất mà tai người không nghe được. Mẹ con nhà nai đang cảnh giác cao độ, toàn thân mượt mà vàng sậm điểm xuyết những đốm hoa màu trắng. Chúng sẵn sàng phóng đi. Sư đệ cười:

- Những con nai đẹp và hiền lành, chúng chẳng hại ai nhưng lại là món ngon của thú ăn thịt và con người.

Sư huynh chưa nói gì thì sư đệ tiếp:

- Không biết nghiệp gì mà chúng phải làm thân nai? Con người săn bắt chúng thì tạo nghiệp sát đã đành, thế những con thú ăn thịt kia có phải là tạo nghiệp chăng?

Sư huynh nhỏ nhẹ:

- Động vật vốn đang thọ nghiệp súc sanh, chúng sống bằng bản năng sinh tồn thì sao có thể bảo là tạo nghiệp được!

- Chúng cũng có sắc thân, có cảm thọ đau hay đói khát, bình an hay nguy hiểm cơ mà- sư đệ thắc mắc

- Nhưng chúng không có tướng, không có thức như loài người thì không thể bảo chúng tạo nghiệp! sư huynh khẳng định

- Hai người bước thêm vài bước nữa thì mẹ con nhà vai vụt phóng đi như mũi tên, sư huynh cười:

- Chúng mình đến đây với cái tâm trong sáng, hiền thiện, yêu thương muôn loài, không hề có ý làm hại chúng, thế sao chúng lại sợ chúng ta?

Sư đệ bảo:

- Huynh vừa nói đó, chúng không có tướng và thức, chúng vô minh nên không biết chúng ta không có tâm hại chúng!

Sư huynh từ tốn:

- Đúng thế! nhưng sâu xa hơn là những hạt giống ác tiềm ẩn trong tạng thức của chúng ta toả ra những làn sóng xấu mà tánh linh của loài vật cảm nhận được, trong khi chúng ta không thể biết, vì bản năng sinh tồn nên chúng phải bỏ chạy mà không hề phân biệt được an hay nguy như chúng ta.

Trảng cỏ giữa rừng xanh biếc, không gian tịch tịch đến vô cùng. Hai huynh đệ ngồi thanh thoi chẳng có ý dụng thiền mà hơi thở vào ra vẫn nhận biết rõ ràng. Tâm tựa như những bộ cảm ứng gắn ở cửa siêu thị, người đến đi vào ra đều nhận biết. lát sau sư đệ nằm dài trên thảm cỏ, dang cả hai tay trông

như một gã du tử. Sư huynh cười cười:

- Có phải đệ muốn nói điều chi?

Sư đệ quay lại nhìn sư huynh:

- Có thể sư huynh chưa chứng đắc gì nhưng công phu thật thâm hậu, nhìn thấu được lòng người, biết tâm ý kẻ khác, hay là sư huynh có con mắt thứ ba? thật tình đệ muốn kể cho sư huynh nghe về giấc mơ đêm qua.

Sư huynh lặng im khẽ gật đầu, sư đệ khoanh hai tay gối đầu rồi thũng thẳng kể:

-Đêm qua đệ thấy mình đột tử và tái sinh làm anh chàng Mỹ trắng ở giữa đồng quê này, cuộc sống bình yên, sung túc và ấm êm. Tháng ngày vui với cỏ hoa bốn mùa, người yêu xinh đẹp, hiền thiện và luôn thuận thảo theo ý. Mùa xuân nằm trên đồng cỏ ngắm nhìn cô ấy tết hoa dại đội đầu ca hát giữa thiên nhiên. Mùa hạ rong chơi trên thảo nguyên mênh mông bát ngát. Mùa thu đập lá vàng, vào rừng hái hạnh nhân, nhặt hạt dẻ. Mùa đông ngồi bên lò sưởi, ôm ấp tình yêu trong vòng tay, mặc ngoài trời tuyết đổ trắng cả sơn hà. Trần gian này tưởng chừng hạnh phúc như thế là tốt đỉnh rồi. Thế rồi ngày kia đệ giành được giải quán quân cuộc thi:” Golden voice of the green field”, cuộc đời đệ sang một chương mới. Đệ lên thành được săn đón chào mời như một ngôi sao và rồi thành ngôi sao ca nhạc thực thụ, sống đời một công tử hào hoa, chuỗi ngày hoan lạc như bất tận, muốn gì được nấy, thiên hạ chiều chuộng như ông hoàng, chân dài vây quanh, tiền bạc xài thả giàn, người hâm mộ đẩy đệ lên tận mây xanh. Những thành đô danh tiếng của thế gian này đều đặt lịch cho đệ đến diễn, tất nhiên là họ chấp nhận mọi điều kiện đưa ra. Đệ quên

luôn người vợ hiền ở chốn đồng quê, cuộc chơi không giới hạn, tháng ngày truy hoan... Thời gian chẳng mấy chốc, thế rồi khi ánh hào quang phù hoa tan đi, giọng ca tàn, cái già đến mà tiền bạc phung phí hết sạch, tình cũng bay xa. Đệ chợt nhận ra tất cả như ánh chớp, như hoa nắng ban trưa. Một lần đệ tình cờ đọc cuốn sách nói về sự sống và cái chết của người Tạng. Đệ hiểu ra cuộc đời này như một tấn tuồng, những lớp tuồng của vở diễn thay đổi liên miên. Người đóng vai trên sân khấu rạn rở là thế, khi lột hết phấn son, tắt hết đèn màu...thì trở lại trần trụi bẽ bàng biết bao. Sau đó đệ tìm đến ngôi chùa Sangkha của thầy Rinpoche kunga để tham vấn và muốn xuất gia để tu giải thoát ngay trong kiếp này. Thầy Rinpoche Kunga bắt thần xô đệ ngã và hét to:” Này gã điên, nói năng nhảm nhí, làm ô nhiễm Phật điện của ta!”. Đệ bất ngờ đến đỏ cả mặt nhưng kịp thời nhận ra ông thầy thử thách mình. Đệ ngồi dậy thưa:” Thầy từ bi, ngã ta ta ngã , thầy xô ta ngã ngã bỏ rồi ta biết ta ngã”, đến đây thì đệ sực tỉnh, thấy mình đang trên xe đi về miền đồng quê này.

- Này sư huynh, trong vô lượng kiếp sanh tử, chắc có kiếp nào đó đệ đã từng sống ở đây, là cư dân của xứ sở này, nay về chơi mà đệ cảm thấy như về lại căn nhà xưa của mình. Đệ không kiềm chế được cảm xúc, quên đi thân phận đang là tu sĩ, ước gì được sống với người mình thương ở đây, quanh năm vui với đồng cỏ thảo nguyên và chim muông thú rừng. Ngày gặt hái hoa màu, đêm đốt nến làm thơ. Đèn điện là thành tựu khoa học kỹ thuật của nền văn minh hiện đại, cái lợi ích của nó không sao nói hết, nhưng ở một góc độ nào đó (tâm linh chẳng hạn) thì nó không bằng một ngọn nến. Đây là lý do đệ luôn giữ ngọn nến cháy suốt ngày đêm trước tôn tượng Thế Tôn. Huynh nghĩ thử xem, trên bàn thờ Phật hay

bàn thờ gia tiên, chúng ta thấp nhang điện, nến điện lập loè xanh đỏ trông thật vô duyên, vô hồn, vô cảm quá, những thứ ấy chỉ để vui mắt chứ chẳng gọi được chút gì lay động hồn mình. Đồng quê ở đây yên ả thanh bình và tịch mịch như những chốn thiên môn phải không sư huynh? Tâm đệ đang thất niệm, nó như con ngựa hoang, chạy rong rờ trên thảo nguyên, giữa đồng cỏ.

Sư đệ nằm đấy mà kể, dường như đang tự độc thoại chứ chẳng cần biết sư huynh có nghe hay không.

Sư huynh cười to:

- Giác mơ thú vị thật, làm anh chàng nông dân da trắng ở đồng quê của xứ sở này cũng không tệ, vật chất đủ đầy, bình yên, tháng ngày dễ sống, thiên nhiên tươi đẹp và thái hoà. Lần bình đao cuối cùng của xứ này cũng đã hơn hai trăm năm rồi, tính từ khi cuộc nội chiến chấm dứt. Xứ sở này nói chung, đồng quê nói riêng không biết đến nỗi kinh hoàng của chiến tranh, tuy vậy cái đau khổ của chiến tranh cũng ảnh hưởng một số người. Những thanh niên bị gọi đi các chiến trường trên khắp thế gian này, khi đi trẻ trung, mạnh khoẻ, khi về có nhiều người tàn phế, có kẻ nằm trong quan tài, bởi thế đồng quê tuy thanh bình nhưng vẫn có cảnh: mẹ khóc con, vợ khóc chồng, con cái khóc cha, anh chị em khóc thân nhân...Làm anh chàng hào hoa của thành đô ở xứ này kể cũng phước báo lớn, hưởng cuộc sống mà bao người trên thế gian mơ ước... nhưng rốt cuộc rồi cũng đi đến cái khổ. Trong tâm đệ có hạt giống của chuyện này, khi đệ ngủ các giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đã nghỉ ngơi nhưng ý thì không nghỉ, nó vẫn hoạt động liên lỉ, kết hợp với chuyện về đi về đồng quê tạo cho cái thức nó sanh ra giác mơ như thế.

Lúc ấy trên không trung xuất hiện con đại bàng, nó bay vòng vòng và khép dần những vòng lượn, chúng tỏ nó đã thấy con mồi đâu đó trên mặt đất. Sư huynh nói tiếp:

- Làm súc sanh đã khổ lại còn truy sát ăn nuốt lẫn nhau, làm kiếp người là có phước báo lớn lắm nhưng vẫn khổ, truy sát, bách hại nhau, tranh danh đoạt lợi, tranh sắc dục, tiền của và bao nhiêu thứ trên đời. Con vật chỉ săn mồi vì đói, con người hại nhau không chỉ vì ăn mà vì muôn ngàn lý do khác nữa, thậm chí không giết mà hành hạ làm cho sống không xong chết không được, làm tình làm tội để thỏa mãn cái tâm sân hận, thù ghét, tật đố, tàn độc của mình. Chúng ta thật may mắn đã tỉnh ra, đã buông xuống, không còn tranh đoạt những thứ mà người đời tranh. Có điều chúng ta phải tranh đấu với chính mình, mình chính là kẻ thù của mình, những ý nghĩ và tư tưởng ngu ngằm trong tạng thức, những thôi thúc của cái ngã, tuy nó chịu yên nhưng khi có hoàn cảnh thuận tiện thì nó trỗi dậy rất mạnh. Có những lúc yếu lòng hoặc vô tình lơ đãng thì rất dễ thôi thất như chơi, mình thắng hay thua, mình tiến hay lùi không do ai cả mà là tự mình mà thôi. Mình như con thỏ kia, luôn cảnh giác kẻ thù nhưng chỉ vô tình một chút mà bị đại bàng quắp lấy ngay.

Sư đệ nhò dậ:

- Giá mà đủ duyên, chúng ta lập một ngôi chùa ở chốn đồng quê này!

Sư huynh nhìn xa xăm, mắt tận đường chân trời:

- Kể cũng hay, lập chùa ở xứ này rất dễ nhưng cũng rất khó, dễ là vì tự do, không có ai cấm cản hay làm khó; khó là làm sao đủ tiền chi trả ban đầu và hoá đơn hàng tháng về sau. Lập

chùa rồi, tâm tư bận bịu kiếm tiền chi trả thì khổ, còn đâu thời gian tu học? còn nếu nói lập chùa để lợi lạc cho người đến tu học thì cũng cần xem lại, giữa đồng quê này có mấy ai? Chùa ở thị trấn, phố xá thì nhiều rồi...Chúng ta chỉ là những tay bơi xoàng mà đòi vớt người chết đuối thì sẽ chết chìm cả hai, trước khi muốn nhảy xuống nước vớt người thì hãy học thành tay bơi cự phách.

Hai huynh đệ đi bách bộ giữa thảo nguyên mênh mông, từ trên ngọn đồi nhìn xa xa thấy những ngôi nhà giữa đồng quê yên ả thanh bình, trông đẹp là vậy nhưng nó đang biến hoại hàng ngày. Gia chủ phải gia công tu bổ liên tục, khi thì sơn phết, khi thì thay mái, đóng vách...Nếu không duy tu thì mưa nắng tháng năm sẽ làm cho nó hư mục và sụp đổ nhanh thôi. Thịnh thoảng gặp những ngôi nhà bỏ hoang, mái sập, tường bẽ, cỏ và dây leo rậm rạp. Sư huynh nhìn sư đệ:

- Cái bóng mắt biếc má đào vẫn lung linh trong tâm đệ, hãy cẩn thận! nó giúp đệ viết được những vần thơ hay, nhưng với người xuất gia thì nó dễ âm thầm lèo lái đệ đi ngược chí hướng người tu.

Sư đệ im lặng, trong tâm rõ ràng có sự xao động, điều ấy hiện trên gương mặt. Cả hai đi ngang qua một trang trại, ngoài cổng treo tấm biển nhỏ bằng gỗ thông khắc hai chữ: Golden Garden, nhìn vào thấy bạt ngàn hoa, giữa trang trại là một ngôi nhà gỗ sơn trắng. Lối kiến trúc thời thuộc địa, hàng hiên rộng có mấy chiếc ghế bập bênh và xích đu, hàng cột gỗ và lan can đều bằng gỗ sơn trắng... Nhìn vào dễ liên tưởng một thời lịch sử mở cõi lập quốc. Sư huynh chỉ sư đệ:

- Đẹp quá phải không, bình yên quá phải không? một điểm dừng giữa dòng đời, ở trong ấy chứa bao nhiêu yêu thương

lẫn những cảm xúc tiêu cực, hạnh phúc và khổ đau, đầm ảm với hợp tan... đến một lúc nào đó khi những đứa con đủ lông đủ cánh chúng sẽ bay xa, cha mẹ sẽ về lại đất để nuôi những đóa hoa vàng kia, ngôi nhà sẽ hư hao hoặc sập đi... duy chỉ có sợi dây ràng buộc những thành viên vẫn không hề suy hao. Nó sẽ tiếp tục buộc ràng dù những thành viên ấy đã mang thân phận và danh tự khác. Sợi dây ràng buộc vĩnh viễn không thể hư hoại. Chỉ có những người như huynh đệ ta, cắt ái từ thân, ly gia đoạn dục thì mới có thể thoát được sợi dây vô hình ấy!

Đồng chiều man mác, bóng nắng nhạt nhoà đồ dài, những mảng sáng màu vàng xen kẽ những mảng sẫm xanh màu vì ngọn đồi, bóng cây che khuất ánh nắng đã tạo ra một bức tranh khổng lồ trên mặt đất, đẹp đến nao lòng. Huynh đệ ra về, con đường chạy giữa đồng cỏ, trang trại dài miên man cứ ngỡ dẫn đến tận chân trời.

SỐNG ĐỂ BỤNG CHẾT MANG THEO

Trong cuộc sống hàng ngày, mọi người chúng ta chắc ai ai cũng từng nghe qua câu này:” Sống để bụng chết mang theo”. Bản thân bút giả cũng đã nghe không dưới hai lần, khi ngoại tôi còn sống, những khi có xích mích với ai đó thì ngoại nói thế. Gia tộc tôi cũng từng có người nói vậy. Xóm giềng gần cũng có không ít kẻ đã tuyên bố:” Sống để bụng chết mang theo”!

Thế để bụng cái gì? tại sao đến chết lại còn muốn mang theo? liệu có mang theo được chăng?

Con người ta cộng sinh ở thế gian này, thân thì làm ông bà, cha mẹ, con cháu, anh em, vợ chồng; sơ thì bạn bè, đồng tham đạo hữu, thầy trò... nhưng nhìn chung tất cả không ngoài bốn giềng mối: báo ân – báo oán – đòi nợ - trả nợ. Con người ta bị chi phối nặng nề bởi thất tình lục dục: Ái, ố, kinh, cụ, hỷ, nộ...và suốt cuộc đời này (cả những đời sau, nếu còn phước tiếp tục tái sinh làm người) bị ràng buộc bởi: Tài, sắc, danh, thực, thủy; bị sai xử bởi: Tham, sân, si cho nên chuyện va chạm nhau, xung đột nhau là điều không thể tránh khỏi; nhẹ thì cãi cọ, lời qua tiếng lại; nặng thì chửi mắng, mạ lị, thậm chí động tay chân. Ở tầm mức cá nhân, gia đình thì mâu thuẫn nhỏ; ở cấp bậc cộng đồng xã hội thì xung đột lớn hơn;

ở hạn độ quốc gia, thậm chí liên minh quốc gia thì có chiến tranh lạnh, chiến tranh nóng...

Con người từ xưa đến giờ liên miên đánh nhau, đánh không ngừng nghỉ, khi thì bộc phát, khi thì âm ỉ, không lúc này thì cũng lúc khác, không nơi này thì cũng chỗ kia. Quá khứ đã thế, hiện tại vẫn vậy và tương lai chắc cũng chẳng khác! Khi mà con người còn chìm đắm trong ngũ dục lục trần, khi con người còn bị lòng tham lam vô độ và sự sân hận cực điểm mù quáng. Trong những cuộc mâu thuẫn cãi vã hay xung đột ấy, kẻ yếu thế dưới cơ, người “vị tình thất lý”... thì ôm hận, buộc miệng thề:” Sóng để bụng chết mang theo” đã đành. Nhiều khi chính kẻ gây hấn cũng “vừa ăn cướp vừa la làng” cũng to mồm thề độc:” Sóng để bụng chết mang theo”. Tỷ như Trung Cộng vừa cướp biển Đông của thiên hạ vừa gây hấn khắp nơi, ấy vậy mà luôn mồm lu loa” các nước nhỏ xung quanh xâm hại quyền lợi cốt lõi “ và thề sẽ chiến đấu đến cùng, thề không bỏ qua, cũng tức là “để bụng” , không chỉ một đời mà còn truyền cho nhiều đời. Bởi vậy mà cái máu bành trướng từ tổ tiên xa xưa đến giờ vẫn chẳng thay đổi!

Một khi đã nói:” Sóng để bụng chết mang theo” nghĩa là không bao giờ quên và cũng hàm ý sẽ phục thù (khi đủ sức, đủ điều kiện). Nếu nói vãn về kiếm hiệp một tí, kiểu quân tử Tàu thì:” Quân tử mười năm trả thù chưa muộn”, hoặc giả:” Tha thứ nhưng không bao giờ quên”. Sóng để trong bụng đã đành, ai cũng có thể thấy, có thể biết (đụng mặt là biết liền) nhưng liệu chết mang theo có được không? chắc chắn, nhất định là thế! không những mang theo một đời mà còn mang theo nhiều đời nữa là khác. Tỷ như Triệu Thố, mười đời vẫn ôm hận theo dõi quốc sư Ngô Đạt để tìm cơ hội báo thù! Thật ghê gớm cho cái nỗi lòng “mang theo”.

Kinh sách, giáo lý nhà Phật dạy: Điền trang sản nghiệp, của cải, danh vọng... tất cả bỏ lại, một khi nhắm mắt xuôi tay. Cái duy nhất mang theo là nghiệp thiện – ác đã làm. Kinh Pháp Cú viết: Nghiệp (thiện – ác) theo ta như bánh xe theo chân con vật kéo, như bóng không rời hình. Nghiệp thiện hay ác đã tạo một đời thì khi ra đi dù muốn hay không vẫn phải mang theo, không thể vứt bỏ, không thể chối từ. Một khi đã thế:” Sống để bụng chết mang theo” thì càng làm cho nó kiên cố hơn, vững chắc hơn! Bởi thế mà con người ta mới gặp lại nhau (nếu còn phước làm người) để mà báo ân – báo oán – đòi nợ - trả nợ và thế gian này “oan oan tương báo” không bao giờ dứt, cũng vì thế mà khổ đau chồng chất.

Đọc sử Tàu, chắc mọi người ai cũng biết chuyện bà Lã Hậu giết nàng Thích Cơ (sủng phi của Hán Cao Tổ). Thích Cơ đã thế độc sẽ làm mèo để báo thù (vì Lã Hậu tuổi tí). Sau đó Lã Hậu sợ mèo cực độ và hạ lệnh giết hết mèo trong thiên hạ. Một tích khác nữa là Quan Công, sau khi chết hồn bay đi khắp nơi tác oai tác quái đòi trả đầu. Ông ta quên, bản thân ông đã chém biết bao nhiêu thủ cấp, ai sẽ trả đầu cho họ đây? sử cũ cũng kể chuyện Lý Thế Dân (người kế nghiệp Lý Uyên và thiết lập sự thanh trị của triều Đường). Ông ấy ăn không ngon ngủ không yên, thậm chí đến bữa không dám ăn vì vô số oan hồn uổng tử theo quấy phá. Ông ta phải cử đại tướng Uất Trì Cung múa đại đao bên bàn ăn thì ông mới có thể ăn cơm được! thật dễ sợ “Chết mang theo” là thế đấy! lòng oán kết càng lâu càng dày, càng chất chồng. Kẻ mang oán kết và người bị oán kết đều khổ sở, đều như thiêu đốt tâm can. Hoả ngục là đây, đâu phải đợi đến khi thấy mặt Diêm La Vương. Tâm địa, địa ngục cũng từ một tâm mà ra. Địa ngục hay địa đàng đều do tâm mà tự thành.

Quả thật không phải yếu cơ thất thế mới thề độc, ngay cả kẻ gây hấn cũng thề độc:” Sống để bụng chết mang theo” sự sân hận và mê muội đến cùng cực. Vì “ Sống để bụng chết mang theo” mà oan oan tương báo, nhiều khi cái oan hay cái oán chỉ bé tí teo nhưng oán kết qua thời gian mà lớn dần, bởi vì có để trong bụng”, vì thề “ chết mang theo”. Những cái oán kết dẫn đến báo đền có thể chậm hoặc nhanh tùy hoàn cảnh và phước đức của mỗi người. Sử nước mình cũng có những vụ báo oán tàn khốc. Trần Thủ Độ bách hại họ Lý, chôn sống tôn thất nhà Lý. Đến khi nhà Trần suy vi thì Hồ Quý Ly lại truy sát con cháu họ Trần. Nhà Tây Sơn tận diệt chúa Nguyễn, khi suy vi thì Nguyễn Ánh lại trả thù tàn khốc những người có dính líu đến nhà Tây Sơn. Nguyễn Ánh từng thề “ Vì chín đời mà trả thù”, thù này “ sống để bụng chết mang theo” là vậy! oan oan tương báo quả thật đáng sợ, thật khốc liệt và kinh khủng! (xin lưu ý quý độc giả, ở đây chỉ nói chuyện đạo “ oan oan tương báo” tuyệt đối không dám bàn chuyện Công - tội hay đúng –sai của các nhân vật và các triều đại, việc ấy là của các nhà sử học!)

Nếu vì hận, vì đối nghịch mà thề “ sống để bụng chết mang theo” đã đành. Ngay cả yêu quá, thương quá cũng thề thốt “ Chết mang theo”. Chính sử, dã sử, dân gian đều có vô số chuyện như thế. Đời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu có tích này: Hàn Phùng có vợ đẹp, vua Tống Yên dùng quyền thế cướp đoạt. Hàn Phùng yếu thế nên tự vẫn, vợ Hàn Phùng sau khi bị đưa vào cung cũng tự vẫn theo nhưng thề nguyện “ không sống cùng nhau thì chết chôn chung một mộ”. Tống Yên căm hận, hạ lệnh chôn hai người bằng hai nắm mộ cách biệt nhau, từ hai ngôi mộ ấy mọc lên hai cây Vãn Tử mà cành quăn quít trên không, lại có đôi chim mà mỗi con chỉ có một

cánh nương tựa vào nhau, dưới đất rễ bầu víu nhau. Bởi thế mà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm mới viết câu:” Như chim liền cánh như cây liền cành”. Nước mình cũng có chuyện My Nương Trương Chi, hai người vì tình duyên dang dở mà ôm hận, ôm đau thương, ôm cả “ Khôi tình mang xuống tuyền đài chưa tan” Truyện Kiều - Nguyễn Du. Trái tim My Nương hoá ngọc, ngọc tạc thành chén trà, khi giọt lệ Trương Chi nhỏ xuống thì ngọc ấy mới vỡ tan.

Cũng vì “ Sống để bụng chết mang theo” nên khổ, cũng vì vậy mà nhiều người khi lâm chung cứ nhí nhằng dây dưa chẳng chịu đi, sống không được chết không xong. Kẻ thì tiếc nuôi tài sản hoặc tâm nguyện điều gì đó mà chưa tròn, người thì hiềm hận mối thù, cũng có không ít người vì thương nhớ ai đó mà cứ ôm mãi trong lòng, chẳng chịu đi... Ôm bao nhiêu mối trong lòng, sống đã để ttrong lòng, giờ chết mang đi mà đâu có đi dễ dàng, bình an. Bởi thế Phật mới bảo vô minh, hai từ vô minh nghe thì nhẹ hơn những từ thẳng thừng, rạch ròi như: Không sáng suốt, ngu si... Hai từ vô minh bao quát rất rộng và nhiều ý nghĩa, vì vô minh nên mới để trong lòng cho tâm tư nặng nề, u uất. Minh ôm trong lòng thì mình khổ trước tiên trong khi kẻ đối nghịch nhơn nhơ. Làm người thì ai mà chẳng vô minh, nếu không vô minh, hết vô minh thì đã vượt qua lục đạo, đã vào hàng thánh nhân rồi.

Vì chung sanh tử còn dài
Chư Phật hiển hoá bản hoài độ sinh
Bao giờ dứt sạch vô minh
Cười khàn giữa chợ kẻ kinh cũng lia
(Tam Thế - thơ TLTP)

Cõi Sa Bà này là cõi hkô đau, kham nhẫn, chịu đựng những

điều đau khổ, những điều khó chịu. Thế gian này vốn vô thường, vô ngã và khổ đau. Đời người sanh- lão - bệnh - tử là khổ, cầu không được là khổ, yêu thương mà xa nhau là khổ, ghét mà hội tụ thì khổ, thân tâm ngày đêm như lửa đốt là khổ, tam khổ, bát khổ, bách bát khổ, tám vạn bốn ngàn khổ, vô lượng khổ ấy vậy mà còn “ Sống để bụng chết mang theo” thì khổ biết nhường nào. Tất cả cũng vì vọng tưởng vô minh mà ra, cũng vì lý do này, vì “Đại sự nhân duyên” này mà Phật ra đời để giáo hóa chúng sanh “ Ngộ nhập Phật tri kiến”. Khi mình chưa ngộ, chưa nhập được tri kiến Phật thì chỉ ít mình cũng phải biết áp dụng những gì Phật dạy vào cuộc sống để mình bớt khổ, thêm an lạc, xa hơn nữa thì phút chung cuộc sẽ nhẹ nhàng bình an. Còn như chỉ nói suông, chẳng áp dụng được gì thì kẻ cũng uổng đời mình, phụ công Phật. Nhà Phật thường bảo có tám vạn bốn ngàn pháp môn, biển học mênh mông, kinh điển chất như núi, mỗi thầy mỗi kiểu... Tịnh Độ bảo tu thanh tịnh, trụ vào câu Phật hiệu. Thiền tông bảo vô trụ, “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, không trụ vào sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp. Mật tông thì trì chú... Nhưng nhìn chung là vẫn thống nhất một hạnh buông, chữ buông vô cùng kỳ diệu, càng buông bao nhiêu thì lại “đắc” bấy nhiêu. Với hàng thượng nhân thì qua sông rồi thì buông cả bè, những bậc cao viễn thì buông cả pháp “ Pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp”. Hàng Phật tử sơ cơ chúng mình thì chỉ cần làm những điều thiết thực nhỏ nhỏ trong đời sống hàng ngày như: buông xả bớt những phiền muộn, một vài lời nói xấu, những hành động của ai đó chơi dơ, chơi gác cơ mình...Nhiều đó cũng đủ bớt giận, đừng để ám ức trong lòng. Mình để trong lòng, để bụng thì mình khổ, tâm can mình nung nấu chứ kẻ kia cứ nhờn nhơ. Chẳng cần phải nói cao thượng tha thứ, mình buông xuống, mình không ôm trong lòng là mình tha

thứ cho chính mình, mình đang làm lợi cho chính mình đấy thôi!

Sống ở đời chắc ai cũng từng đối mặt cái cảnh “ oan gia ngõ hẹp gặp nhau” những lúc ấy quả thật vô cùng bức bối, tức tối. Rồi cuộc sống này có biết bao điều bất như ý... Nếu cứ khư khư “ Sống để bụng chết mang theo” thì khổ biết bao. Bởi vậy mình phải buông thôi! Đó là cách duy nhất, mình không buông mà cứ ôm chặt trong lòng thì Phật, Bồ Tát có từ bi cách mấy cũng không tài nào giúp hay độ trì được!

TÂM ĐỘNG TÂM TỊNH

Suốt cuộc trăm năm, con người ta hầu hết sống trong sự lãng xãng, có mấy ai sống được trong sự thư thái, bình an của nội tâm. Cái tâm con người như chú khỉ trong rừng, chuyên cảnh liên lục, nhảy nhót, níu bám không phút giây ngừng nghỉ. Nó cũng còn được ví như ngựa hoang trên thảo nguyên, suốt ngày rông rờ chạy tứ tung. Tâm con người không lúc nào yên, ngay cả lúc ngủ, các cơ quan khác tạm nghỉ nhưng ý thức (tâm) vẫn hoạt động không ngừng, bởi vậy mà có mộng mị tùm lum (có thể là mộng đẹp, ác mộng hay cả mộng du...). Cái tâm lãng xãng, vọng tưởng, loạn động như thế thì cái thân sao có thể an, thế giới xung quanh cũng khó mà hòa được vì: “ Vạn pháp quy tâm”, “ Nhất thiết duy tâm tạo” kia mà!

Từ một tâm lưu xuất ra muôn vạn pháp trần, từ tâm bám víu, dính chặt vào sáu trần nên mới sanh ra: đẹp-xấu, ngon-dở, thô-tế, thích-chán, yêu-ghét... Và cũng từ đó con người quay cuồng trong “Điên đảo, vọng tưởng” (chữ trong Tâm Kinh)

Cái tâm không hình tướng, không sanh diệt ấy vậy mà có thể sanh ra muôn hình vạn trạng, sanh ra sanh-diệt bất tận. Có người ví việc điều phục tâm cũng giống như huấn luyện thú trong nghề xiếc vậy. Những con khỉ loạn động; bọn heo tham lam, mê đắm; những con gấu mê mờ, và mấy con cọp cực kỳ hung tợn...sẽ tuân theo sự hướng dẫn của những tay huấn luyện cừ khôi. Những người yếu kém sẽ không điều phục

được bọn chúng và sẽ bị bọn chúng làm cho mệt dài dài.

Một ngày có hai mươi bốn giờ nhưng có được mấy phút ngồi tĩnh tâm? một tháng có ba mươi ngày, một năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày, một đời có ba vạn sáu ngàn ngày nhưng có được bao phút giây mà ngồi xuống tĩnh tâm? bởi vậy cho nên khổ, đời khổ, người khổ, cả bọn cùng khổ. Có nhiều người trong chúng ta, bảo họ ngồi yên năm hoặc mười phút quả là khó khăn vô cùng. Họ bảo:” thà rằng làm nặng, đập đá vá đường, giặt giũ nấu nướng... suốt cả ngày cũng không sao nhưng bảo ngồi yên mười phút là chịu hồng nổi”. Một khi ngồi xuống được rồi nhưng bảo đếm hơi thở hay niệm Phật từ một đến mười, nghe qua tưởng dễ, ấy vậy mà cứ lộn tới lộn lui, đếm xuôi đếm ngược vẫn không làm sao cho đúng được, ấy là vì cái tâm nó vọng tưởng và loạn động quá lâu rồi! Hoặc giả có người chịu ngồi yên nhưng chỉ vài phút điều hơi, điều tâm là lập tức ngủ gà ngủ gật. Ngược lại cũng có người vừa ngồi xuống năm hoặc ba phút là bao nhiêu chuyện đông – tây, kim- cổ; chuyện ơn-oán, ghét- thương...nó ùn ùn trôi dạt. Từ đó mới biết rằng, ngồi yên với tâm an lạc, thanh thoi không dễ chút nào. Cũng vì vậy mà người ta mới ví điều phục tâm ý cũng giống như thuần phục thú hoang. Lại có thể ví tâm loạn động như dòng nước(bọc lưu) cứ chảy mãi miết, giờ ngồi xuống tĩnh tâm tức là chặn dòng nước ấy lại, tức thì nó phải dội ngược, nó phải dậy sóng vì thế ngồi yên không dễ chút nào. Vì thế mà hầu hết mọi người chúng ta cứ trôi xuôi theo dòng nước (bọc lưu) ấy! trôi từ đời này sang đời khác, trôi miên viễn theo dòng danh tử bất tận. Vì vậy mà người ngoài đời trong đạo vẫn thường bảo: Người tu hành là những kẻ đi ngược dòng!

Nhà Phật bảo: Tâm an vạn sự an, tướng tòng tâm sanh, tướng

tuỳ tâm chuyển... Có thể không phải ai cũng đồng ý nhưng nếu bình tâm mà quán xét một tí thì sẽ thấy ngay thôi! điển tích nhà Phật hay ngoài đời cũng đều có nhiều chứng cứ lắm. Chuyện xưa kể về Khuất Nguyên, một trung thần nổi tiếng, một danh sĩ lẫy lừng, một văn tài trác tuyệt... Ấy vậy mà khi tâm bất an, thần khí bất bình làm cho hình tướng suy hao. Lão ngư phủ trông thấy phải thốt lên:” Ngài làm sao mà để phóng khí đến nông nổi này? hình sắc suy vi, râu tóc phạc phờ!” giả sử khi ấy Khuất Nguyên giữ được tâm bình khí hoà, dụng tâm sáng suốt mà nhìn nhận vấn đề thì chuyện hôn quân cũng là lẽ thường trong thiên hạ, thì cũng đâu đến nỗi phải tự vận ở dòng Mịch La.

Ngày hôm nay thế giới chúng ta vẫn cứ tranh cãi hoài chuyện giới tính...Nếu tâm bình khí hoà , trí sáng suốt thì đâu có gì phải cãi nhau các vấn đề của nhóm LGBT. Những người ấy vì cái tâm hướng về đó nên họ mang hình tướng như thế đó. Bọn họ có cùng sở thích, cùng tâm nguyện nên họ hội tụ lại với nhau, tìm đến nhau...Có gì mà phải tranh cãi, chống báng hay kỳ thị cho thêm một tâm mình và cả tâm người. Đã tham dục thì không cứ đàn ông, đàn bà hay giới LBGT. Cái tâm tham dục thì nó đâu có can hệ gì đến vàng, đen, trắng hay cái hình tướng mà họ mang.

Kinh điển Nam Tông có câu:” tâm dẫn đầu các pháp, tâm tạo tác các pháp...” thì Bắc Tông cũng có:” ...Duy tâm tịnh độ”, rõ ràng tất cả đều không ngoài một tâm! Hiện nay trên mạng cũng như trong đời sống vẫn có nhiều vị cực đoan cứ một mực bảo: Không có Tây Phương Cực Lạc, không có Phật A Di Đà. Đã bảo tất cả từ một tâm, vậy mà cho thế giới này có thế giới khác không thì liệu có còn “ Nhất thiết duy tâm tạo”? Việc an trụ vào hơi thở, an trụ vào câu Phật hiệu đem lại lợi

lạc biết bao, có cần phải tranh cãi Phật A Di Đà và Tây Phương Cực Lạc là có thật hay không thật? việc phủ nhận này lại làm hoang mang rất nhiều người. Những ông già bà cả, những người ít học, ít chữ...cả đời niệm Phật, an lạc và tin tưởng vào câu Phật hiệu... giờ phủ nhận không có khiến cho họ mất niềm tin, mất sự bình an vốn có được từ việc tin tưởng và hành trì bấy lâu nay! Các trường phái Phật giáo vốn có nhiều khác biệt vì truyền thống, vì văn hoá bản địa, vì căn cơ cư dân Phật tử... nhưng tất cả cùng thống nhất ở: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo... Vậy hà tất phải tranh luận là có hay không, là thật hay giả, là cứu cánh hay phương tiện làm gì. Việc tranh cãi, phủ nhận này chỉ khiến cho tâm con người thêm bất an mà thôi! Tâm con người luôn vọng, nếu phương pháp nào mà giúp an định được thì cũng đều tốt cả, không cứ phải thiên minh sát, mà có thể sở tức, niệm Phật...Thậm chí chỉ đơn giản là ngồi yên.

Khi Phật còn tại thế, có lần trên đường hoằng dương Phật pháp. Đức Phật gặp một anh thanh niên và anh ta hỏi:” Bạch đức Thế Tôn, nếu con đi đường mà bị chết bất đắc kỳ, vậy thì con sẽ thác sanh về đâu?” đức Phật không bảo thẳng mà ngài tỷ dụ rằng:” Nếu một cái cây thường ngày nó nghiêng về hướng nào thì khi bị ngã nó sẽ đổ về phương đó!”, rõ ràng là tâm thế nào thì tướng thế đó, tâm tạo tác, tâm chủ tử...Tất cả từ một tâm mà ra!

Thế giới chúng ta có những người mê tiền, có người mê sắc, có người mê đàn ca hát xướng...thậm chí có người mê đánh nhau. Ấy cũng không ngoài một tâm, tâm họ hướng tới đó và cũng vì tâm nó hướng họ vào những nhóm cùng tâm ý. Cái tâm nó tương tục, nó liên lạc nhau, những ý niệm nó sanh diệt

liên miên không ngừng nghỉ, nó khởi lên trùng trùng kể từ khi vào đời cho đến khi lìa đời.

Những nhà làm phim bộ, những người viết tiểu thuyết... là những tay sành tâm lý. Bọn họ thắt mở câu chuyện, đưa đẩy lên cao hoặc cho hạ nhiệt... và kéo dài mãi ra. Người xem cứ theo tình tiết câu chuyện mà quên cả thời gian. Có người xem cả đêm mà không buồn ngủ, không mệt; nhưng khi bảo ngồi tịnh tâm vài phút là ngủ ngay. Những người chế máy đánh bạc cũng thế, họ biết cái tâm lý con bạc: thắng muốn thắng thêm, thua muốn gỡ gạc, cho nên những cái máy ấy cứ thu một số tiền nhất định là lại nhả ra vài giải thưởng. Con bạc bị dụ khi, không thể rời ra được, cứ thế mà chơi đến xu cuối cùng. Có kẻ còn vay thêm để chơi, khó có ai thắng được cái tâm mình để dứt ra khỏi cái cuốn hút của dòng chảy.

Thế đấy, lên xuống cũng một tâm này, cao thấp cũng nó, tốt xấu cũng từ đó, buộc ràng hay giải thoát cũng từ đây, tất cả tự cái tâm của mình! Bởi thế năm xưa ngài Huệ Khả lên non tham vấn. Bồ Đề Đạt Ma quát mắt quát:” Ai ràng buộc người?”

Kẻ viết bài này bất chợt giật mình, cái tâm mình cũng miên man chảy không dừng bèn vút bút đứng dậy bước ra vườn.

TÂM KINH

Âm thanh tụng Tâm Kinh thì thâm lan toả trong trời đất, làn sóng âm nhẹ nhẹ xao xuyên xuyên thấm vào lòng người và cả phi nhân. Dòng âm thanh Tâm Kinh như suối nguồn róc rách, lại cuộn cuộn như nước sông chảy ra đại dương. Người tụng Tâm Kinh như nhập vào một cảnh giới khác, trong phút giây thoát ra khỏi những vương bận dính mắc của cuộc đời này. Người tụng Tâm Kinh hoà cả thân tâm vào thanh âm, vào ngôn từ kể từ khi khởi tụng. Nếu người ca sĩ nhạc Rock&Roll say sưa hoà mình vào âm thanh, ca từ một cách hoàn toàn, trong lúc diễn hát tóc, nhảy nhót, hú hét hết mình như thế nào thì người tụng Tâm Kinh cũng toàn tâm, toàn ý, toàn thân thăng hoa trong Tâm Kinh như thế ấy!

Rồi một ngày kia, mình chợt giật mình! Mình tụng Tâm Kinh nhuỷễn như cháo chảy, như nước cuốn hoa trôi, như chim hót... Mình say sưa trong ngôn từ văn tự nhưng liệu mình có hiểu thật không? Có thâm thấu gì chăng?

Quán tự tại, quán cái gì mà tự tại? tại sao quán mới tự tại? ai quán? Chao ơi! bao nhiêu câu hỏi nảy ra. Quán là xem xét một cách tường tận kỹ lưỡng, quán có sâu có cạn, có nhanh có chậm, đời có bao nhiêu pháp thì quán có bấy nhiêu đề mục để quán. Quán sơ khởi thì xem hơi thở vào ra thế nào, mình thở biết mình đang thở, đang sống với phút giây hiện tại bây giờ và ở đây, không hối tiếc quá khứ, không tầm cầu tương

lai, không dính mắc hiện tại.

Quán thân bất tịnh để biết sự thật thân này, nó là cái túi da thối thối, hàng ngày tiết ra bao nhiêu thứ dơ bẩn: mắt có cứt ghèn, tai có ráy tai, cứt mũi, cứt răng, đờm, nhớt, hàng triệu lỗ mồ hôi tiết chất hôi, hạ thân tiết ra phân, niếu...Thật sự bất tịnh, chẳng sạch chút nào. Bề ngoài dù có xinh đẹp thế nào đi nữa nhưng sự thật vẫn cứ là đây da thối mà thối, quán thân bất tịnh để mà buông bỏ, đừng chấp thân này. Quán thọ là khổ, càng thọ nhận càng khổ, cho dù có thứ thọ vui nhưng rốt cuộc vẫn đi đến khổ, càng thọ càng dính mắc. Cuộc đời này sắc dục , vật chất có sức hấp dẫn, quyến rũ,, dụ khí rất mãnh liệt. Càng thọ càng thêm khát, càng không thể thỏa mãn nên vì thế mà khổ. Ngay cả thọ nhận một lời chê cũng đủ khổ rồi. Khi thọ nhận một lời khen có vui đấy nhưng thực chất nó cũng chỉ là làn sóng động của âm thanh, truyền từ lưỡi người nói đến tai người nhận, nó không thật, khi thọ nhận lời khen mà không được đối đãi tương ưng hoặc đối đãi ngược với lời khen thì khổ ngay chỗ đó. Bởi vậy quán thọ là khổ để mà xả thọ, phi thọ , mức độ cạn sâu, cao thấp tùy vào năng lực và công phu của mỗi người. Quán tâm vô thường, tâm vốn vô hình vô tướng nhưng có sức tác động động ghê gớm, thăng hay đọa cũng từ một tâm, tạo thành hay hủy hoại cũng nó. Cái tâm sáng nắng chiều mưa, nay yêu mai ghét, phần lớn chúng ta đều sống với cái tâm mê mờ, vọng tưởng và nó làm cho chúng ta quay cuồng điên đảo mà không hề hay biết. Tâm vọng biến hoá hư ảo khôn lường, nó như tấm gương phủ đầy bụi đất, khi nào lau sạch thì mới có thể hiện bóng trăng sao, sơn hà, vũ trụ. Ấy là lúc vọng đã thành chơn, tâm bấy giờ tròn đầy và diệu dụng như tấm gương sáng. Quán pháp vô ngã, các pháp vốn không có cái ngã độc lập, tất cả là do duyên

sanh, mà duyên sanh thì cũng duyên mà diệt, vì duyên mà tụ hợp nhưng rồi cũng vì duyên mà chia ly, tụ tán không hạn kỳ. Khoa học ngày nay chứng minh rõ ràng:” năng lượng không tự sinh ra cũng không tự mất đi. Vật chất cũng thế, nó chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác... ngay cả thời gian cũng không thật, không gian cũng không thật...” Không có một cái gì tồn tại độc lập, một cái ngã độc lập cả. Ví như một cái nhà, nó được cấu thành từ vô số những nguyên tố của cát, đất, gỗ, đá, sắt, kiếng, nước, lửa, sức người...khi đủ duyên thì nó đủ duyên hợp thành thì ta gọi là cái nhà, khi duyên hết mỗi thứ lại tan hoại thành những nguyên tố ban đầu thì giờ chẳng có cái gì để gọi là cái nhà cả.

Quán sâu hơn, công phu hơn, ở mức độ uyên thâm hơn thì quán tướng như vậy, quán thể như vậy, tánh như vậy, lực như vậy, dụng như vậy... cho đến bốn mặt cứu cánh như vậy. Một khi đã quán từ thấp đến cao, từ thô đến tế, từ cạn đến sâu thì mức độ tự tại cũng sẽ tương ưng theo. Ai cũng có thể quán, tùy theo căn cơ và trình độ của mình, quán mọi lúc mọi nơi, quán lúc ăn, lúc chơi, lúc làm, lúc nghỉ, lúc lái xe... chứ không phải đợi đến lúc ngồi xếp bằng trước tôn tượng Thế Tôn mới quán. Quán ở trong tâm, thật quán thì hoàn cảnh bên ngoài không còn là vấn đề quan trọng, quán cho đến khi mà ngủ mà cũng quán thì lúc ấy siêu việt, thượng thừa.

Bồ Tát nhờ quán mà tự tại, Bồ Tát là ai? , ai là Bồ Tát? Bồ Tát là bậc hữu tình đã giác ngộ, mà cũng là bậc giác ngộ cho các hữu tình chúng sanh. Bồ Tát là người làm được việc mà người khác không làm được. Bồ Tát là người làm việc vì lợi ích cho chúng sanh mà không có tâm tư lợi hay mong cầu đáp trả... Ai cũng có thể làm Bồ Tát, ai cũng có thể tự tại như Bồ Tát, muốn vậy thì phải quán, tất nhiên từ sơ phát tâm cho đến

khi thật sự tự tại như Bồ Tát thì là cả một quá trình dài lâu, gian nan.

Bồ Tát tự tại vì Bồ Tát quán, Bồ Tát hành thâm cái trí huệ bát nhã. Trí huệ bát nhã sáng suốt viên mãn như mặt nhật soi chiếu tường tận mọi bản chất thật tướng của sự việc và sự vật. Trí huệ bát nhã như gương bén cắt đứt mọi ràng buộc phiền não hệ lụy. Bồ Tát quán chiếu trí huệ bát nhã thấy rõ thật tướng của vạn pháp thế gian hay xuất thế gian. Thấy rõ bản chất của năm uẩn này vốn là không, không phải không có mà là không thật có. Nó không phải là năm uẩn thật có và độc lập. Nó là do duyên hợp mà sanh ra. Sắc thân do vô số tế bào hợp lại. Nó từ tinh cha huyết mẹ, vay mượn cơm gạo từ đất nước, hơi thở là gió, nhiệt độ thân thể là lửa. Nó là sự kết hợp của bốn yếu tố: đất - nước - gió - lửa mà thành. Nó không phải là một thực thể độc lập, cũng như vạn vật vậy, đủ duyên thì tụ thành hết duyên thì tan hoại đi, một khi gió không ra vô nữa thì các tế bào tan hoại và sắc thân lại trả về với đất - nước- gió - lửa. Sắc thân không thật có thì thọ, tưởng, hành, thức có thật sao? thọ, tưởng, hành, thức nó gá tạm vào sắc thân một thời gian. Sắc thân và tâm của một kiếp sống là vừa thọ nghiệp mà cũng vừa tạo nghiệp. sắc thân chỉ là công cụ, tâm ý nó mới là kẻ xúi sắc thân. Một khi sắc thân tan hoại thì thọ, tưởng, hành, thức ở đâu? nghiệp lực nó lôi kéo, những chủng tử thiện - ác trong A lại da thức dẫn dắt thức vào một cảnh giới khác tương ứng với nghiệp thiện ác đã làm và cũng sẽ mang một hình hài sắc thân khác, tất nhiên cũng tương ứng với nghiệp thiện -ác đã làm trong quá khứ.

Bồ Tát quán trí huệ bát nhã một cách thâm sâu nhất, thấy được ngũ uẩn này là không. Bồ Tát cũng chẳng vướng vào sắc thân vật chất và cũng không dính mắc vào thọ, tưởng,

hành, thức. Sắc thân không thật, thọ, tưởng, hành thức không thật thì khổ ách thật sao? chỗ nào để mà thọ khổ ách? Bồ Tát đã vắng bật mọi trạng thái tâm lý, đã hoàn toàn tịch tịnh, hoàn toàn tự tại.

Quán Bồ Tát cũng là biệt hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm. Một vị Bồ Tát trợ thủ đắc lực của Phật A Di Đà. Ngài nói chú Đại Bi vì chúng sanh. Ngài quán âm thanh bi, âm thanh khổ của thế gian, tùy loại mà hiện ứng thân để giáo hoá, để hoá độ. Người thế gian có thể hình dung ngài với những hình tướng mà tâm ý mình thích: Thân tướng hai tay, bốn tay, tám tay, ngàn mắt ngàn tay, các cánh tay cầm đủ thứ bát bửu. Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ quán và hành thâm trí huệ bát nhã mà tự tại, nhờ quán chiếu mà thấy ngũ uẩn vốn không thật mà tự tại. Chúng sanh cũng có thể, ai quán thì người đó tự tại. Bồ Tát, Phật không thể quán giúp cũng như không thể tự tại giúp cho chúng sanh được. Chúng sanh phải tự mình quán để mà vượt qua khổ ách. Con đường, phương cách đã có rồi, cứ thực hành quán sẽ có lúc tự tại. Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rõ ràng:” Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành” . Mọi người đều có thể thành Phật, thành Bồ Tát, thành thánh hiền... Lý thuyết là thế, phải thực hành chứ không thể nói suông, phải hành miên mật, liên li, phải tinh tấn dài lâu thì sẽ có một ngày đắc tự tại như Bồ Tát.

Chúng mình mê muội lâu rồi, chìm đắm trong ngũ dục bao đời nay, chấp cái thân này là thật, chấp trước đủ thứ, tạng thức chứa đầy chuyện sắc dục, ăn uống, hưởng thụ, mưu cầu này nọ...Giờ bắt đầu sơ phát tâm học Phật, thực hành quán, chỉ mới sơ sơ bước nhỏ ban đầu nên chẳng ăn thua gì, hễ đụng việc là lập tức nổi tham, sân,si liên. Mới quán chút chút ban đầu cũng giống như người tắm bằng nước lã, chỉ rửa

được chút ít bụi bặm nên chẳng ăn thua gì. Điều đáng nói là chúng mình may mắn gặp được Phật pháp, biết mền mộ pháp, nghe pháp và hành. Quán hơi thở, quán thân, thọ, tâm, pháp... dẫu sơ khởi ban đầu nhưng ít nhiều cũng lợi lạc thân tâm. Biết sợ ác pháp, biết hạn chế không tạo thêm ác nghiệp...

Chúng mình kể cũng may mắn biết bao, thế gian này có bảy tỷ người nhưng có bao nhiêu người biết Phật pháp? lại trong số ấy có bao nhiêu người chịu nghe pháp và chịu tin và làm theo? cứ thế mà loại suy dần dần thì thật sự còn lại không nhiều. Bởi vậy mà năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế ngài đã nói:” Nhon thân nan đắc, Phật pháp nan văn”. Được thân người, đầy đủ lục căn, lại biết Phật pháp và thực hành thì quả là “ nan trung chi nan”

Nhà Phật vẫn nói không có cái gì tự nhiên cả. tất cả đều có duyên do, chúng ta biết Phật pháp và chịu hành trì ấy là nhờ những chủng tử Phật pháp từ nhiều đời trước, nay nhờ cơ duyên thuận lợi mà phát sinh và tăng trưởng. Hàng Phật tử chúng mình, nhất là những người tu học theo truyền thống Bắc Tông. Có lẽ ai cũng thuộc Tâm kinh, mỗi khóa lễ thường bắt đầu vào là Đại Bi và ra là Bát Nhã. Càng tụng tâm Kinh càng thấy ảo diệu, càng lúc càng thâm nhập (dù chỉ phút giây cao độ hứng khởi khi tụng Tâm Kinh), càng tụng càng thấy khoan khoái lạ thường, không thấy mình tụng, không thấy tâm kinh để tụng, dường như chỉ có làn sóng âm xao động trong đất trời, xuyên suốt thân tâm, không còn cảm nhận thời gian, không gian (sát na hoan hỷ lúc tụng Tâm Kinh)

Hàng Phật tử sơ cơ như chúng mình, dẫu chưa biết tự tại là gì, chứng đắc là chuyện xa vời vợi nhưng những phút giây

hoan hỷ tụng Tâm Kinh cũng là những phút giây tạm dừng sanh diệt giữa thế gian này. Những phút giây hoan hỷ thọ lạc với văn tự Tâm kinh, văn tự bát nhã chứ chưa phải thật tướng cũng là phút giây quý báu và đáng sống ở thế gian này.

TẢN MẠN KHI XUÂN SANG

Thế là chúa xuân lại về, muôn hoa rực rỡ khoe sắc hương, biêng biếc cả một vùng ngoại phương. Cánh hoa đào bay trong gió, cánh hoa rơi hồng trên thảm cỏ xanh rì. Phấn thông vàng nồng nàn bay trong không gian... Mùa xuân đẹp lắm, mùa xuân là hiện thân của tuổi trẻ, sắc đẹp, mùa xuân là khởi đầu và hy vọng

Có gã khờ ngu ngơ đến khản khoản:

- Chúa xuân, xin người hãy ở lại vĩnh viễn với nơi này!

Chúa xuân cười:

- Này ngốc tử! nếu ta ở lại mãi nơi này thì liệu ta có còn là chúa xuân nữa không? Há người chưa từng nghe câu:” Hoa đến lúc thì hoa phải nở, đồ đã đầy đồ phải sang sông” sao? Ta cũng như vạn vật trong đất trời, tuần hoàn thay đổi. Đông qua xuân tới, hạ quá thu sang. Ta có muốn ở lại nơi này lâu hơn một tí cũng chẳng thể được!

- Này ngốc tử! Hoa đào nghìn năm trước của Thôi Hiệu với hoa đào của Hoàng Hoa trang nào có khác gì nhau. Đông tàn thì trở cảnh cội, xuân sang thì rực hồng cả một phương. Hoa đào hồng thắm thôn trang cho chí thị thành. Ta ở lại một nơi

thì thiên hạ còn có hoa đào chẳng?

Hoa mai của thiên hạ vàng cả mùa xuân, cứ mỗi độ xuân về thì rực rỡ biết bao, lòng người hoan hỷ, phấn chấn, tinh thần phi phong, tiếp thêm sức sống và hy vọng. Hoa mai của thiên hạ có nở có tàn nhưng hoa mai của thiền sư Mãn Giác thì vĩnh viễn:” Đình tiền tạc dạ nhất chi mai”

Cuộc thịnh suy quay vòng bất tận, lẽ tự nhiên mà cũng có sức tác động của con người. Khi lòng người tham lam vô độ, tàn hại lẫn nhau, huỷ diệt môi trường thiên nhiên, bách hại muôn loài từ động vật đến thực vật, khi mà con người trở nên quá ích kỷ, khai thác đến độ huỷ hoại mẹ thiên nhiên để phục vụ cho cái “tôi” của mình: ăn ngon, ăn sang, ăn sung; mặc đẹp, mặc lạ, mặc kỳ quái; tích trữ, cất giấu...lòng tham không đáy thì làm sao có thể thỏa mãn được? Khi mà những chính thể bá đạo, độc tài không chừa một thủ đoạn tàn độc nào để hại dân, hại nước, hại vật, hại người...để duy trì quyền lực của mình, duy trì cái ý chí chủ quan, ngông cuồng và ngu muội hòng muốn muôn năm trường trị. Khi mà có những quốc gia lớn nhưng vẫn từng ngày, từng giờ xà xẻo, lấn chiếm đất đai của kẻ khác, cướp lấy tài sản của người khác làm của mình, muốn tất cả phải làm tôi mọi cho mình thì làm sao thế giới an? bản thân bọn họ cũng chẳng thể an. Khi mà kẻ tự tôn cứ cho mình là văn minh, là cái rốn của vũ trụ mà lại hành xử như cường sơn thảo khấu, hành xử dã man, mộng muội bất chấp phép tắc, luật lệ chung. Bọn họ cũng chẳng khác gì tổ tiên bao đời nay của họ!

Mùa xuân về, lẽ ra hân hoan với đất trời, với muôn loài như thiên hạ dưới gầm trời này. Ấy vậy mà mùa xuân năm nay kinh hoàng trong cơn dịch, phố phường phong tỏa, người chết

la liệt, dịch bệnh tràn lan...Có những thành phố vô cùng đông đúc, chen chúc nhau mà sống, ấy vậy mà giờ như những thành phố ma. Người chết đã đành, người sống thì bi thảm kinh khủng, tất cả lại bùng phát đôi quanh! Trong số những nạn nhân cả chết lẫn sống ấy, có biết bao người vô tội nhưng vì cộng nghiệp mà phải chịu chung số phận. Có những xứ khác nhưng cũng vì cộng nghiệp mà bị lây lan. Dịch có thể là tự nhiên; có thể từ tập quán ăn uống tàn độc, ăn không rửa một con vật nào, vì vậy mà virus từ động vật hoang dã lây sang con người; có thể là virus thoát ra từ phòng thí nghiệm vũ khí sinh học...Rõ ràng “ tâm tưởng sự thành”, “ tâm tạo tác”, “ tâm chủ tử”... Rõ ràng là “ vừa thọ nghiệp báo vừa là chủ nhân của nghiệp” (kinh Suy Niệm Về Nghiệp).

Mùa xuân luân phiên đến với từng quốc độ, vùng phương ngoại sang xuân, trời đất phong quang, lòng người thanh thang...Người người vui hưởng thái bình, cuộc sống ấm no dư dật, tinh thần thoải mái, tự do ngôn luận, minh bạch chính trị, khai phóng nghệ thuật, nhân bản giáo dục...Nhưng lòng những gã du tử vẫn đau đáu hướng về cố quận, mảnh đất chôn nhau cắt rốn, mảnh đất mà ông bà, tổ tiên đã bao đời nay gầy dựng và giữ gìn. Cố quận hôm nay nhiều hư hao, mất mát: núi rừng cạo sạch, sông ngòi cạn kiệt, biển cả nhiễm ô, muôn loài tận diệt, con người bất an, quốc gia bất tường. Mọi người “ võ oà” (chữ của báo chí) vì một trận banh nhưng dừng dừng khi thấy đất đai bị giặc xâm lấn. Mọi người ùn lên vì một cô gái hở hang hay một món hàng miễn phí nhưng lạnh lùng trước cái chết của ngư dân bị giặc bắn giết hoặc người dân bị côn đồ chém giữa ban ngày. Quốc gia bất tường vì những cái tốt, người tốt bị mĩa mai cho là “ không bình thường”, “hâm”, “rối hơi” (chữ của báo chí trong nước);

những cái xấu, cái ác thì lại xem là bình thường. Quốc gia bất tường vì nhà cửa của mình mà mình không được quyền đóng hay mở, người lạ vào ra tung tác như chỗ không người.

Đành rằng thịnh suy là lẽ tự nhiên nhưng con người là tác nhân thúc đẩy cho tăng cái tốc độ quay vòng. Ngày xưa lũ lụt là do thiên nhiên nhưng ngày nay lũ lụt do quan quyền, chặn nước và xả hồ bất tử. Nhà cửa, tài sản, sinh mạng người và vật cuốn trôi theo giòng nước lũ nhân tạo. Dòng nước chứa đầy sự ngu muội, tham lam, ích kỷ của những kẻ nắm quyền sinh sát.

Núi sông, biển cả, thiên nhiên, đất đai... là của chung, con người và muôn loài cùng cộng sinh. Nay thế lực vô minh, tham lam cưỡng bức làm cạn cả một dòng sông dài nhất nhì thế giới. Biển cả bao la thì cướp lấy làm ao nhà, xua dân quân dân hàng chục ngàn tàu cá trên biển, càn quét không chừa một con tôm cái tép. Thử hỏi với cái tâm như vậy, hành xử như vậy thì làm sao mà không nhận lấy hậu quả như : dịch Sars, dịch cúm gà H5N1, H5N6, cúm heo, dịch Coronavirus... và đời nào cũng có những bạo chúa sẵn sàng giết vài mươi triệu người như bỡn.

Cổ quận nhiều nổi bất tường, thế giới bất an, nhân tâm bất đồng, kiến giải bất hoà, lòng người bất bình, chính trị bất minh, khí tượng bất thường...

“ Mùa xuân ơi, ta nghe mùa xuân hát...” (lời một bản nhạc) vắng vắng khắp đất trời ngoại phương, âm hưởng trong tâm những gã du tử rong chơi cõi ngoài, tuy rong ruổi cõi ngoài mà lòng vẫn hướng về nguồn cội. Mùa xuân lên chùa lễ Phật, viếng cảnh, thấy hoa thủy tiên nở vàng sân. Người ta bảo hoa thủy tiên là biểu tượng của ích kỷ, yêu bản thân, bởi bắt

nguồn từ truyền thuyết Hy Lạp (anh chàng Narci đẹp trai yêu bản thân mình đến chết mà hoá thành hoa thủy tiên). Ấy là cưỡng ép, là gán đặt, bản thân hoa thủy tiên đẹp và thơm, dâng hương sắc cho đời thì làm sao mà ích kỷ chứ? những ý nghĩa này nọ của muôn hoa là do con người vẽ ra, áp đặt cho hoa. Bản thân muôn hoa là đẹp, vị tha, tô điểm cho đời, dâng hương sắc cho người.

Mùa xuân nơi sơn thôn hay thị thành đều hiển hiện trên gương mặt người, trong lòng người, “ và em ơi, ta nghe mùa xuân hát...” (lời một bài hát) lòng ta cũng ngân nga giai điệu xuân, hy vọng một mùa xuân rạng rỡ cho nước Việt, một mùa xuân thái hoà và lạc an cho thế giới, một mùa xuân yêu thương và hài hoà giữa con người và muôn loài.

Mơ một mùa xuân sử sang trang
Dân quyền vinh hạnh, nước an khang
Người và muôn vật đồng chung sống
Cổ quận vui trong ánh nắng vàng

TẢN MẠN THÁNG NĂM

Thế là những ngày cuối năm lại tấp nập rộn ràng: phố phường, khu thương mại, quán xá... dập dìu người đi mua sắm. Năm nay dịch bệnh đang hoành hành nên đã làm giảm đi rất nhiều cái không khí tung bừng của mùa lễ cuối năm. Có một điểm giống nhau chi lạ, có thể nào gọi là đông tây hội ngộ chăng? những ngày tháng cuối năm bên đông hay bên tây cũng rộn ràng như nhau cả, bao nhiêu lễ lạc như dồn cả vào thời gian này. Nếu xứ mình thì nào là: cưới hỏi, chạp mọ, dâng mả, giỗ quả, cúng ông táo, rước ông bà, tát niên, tết tư và bao nhiêu lễ hội ở các làng quê. Bên tây thì lễ tạ ơn, các ngày hội mua sắm như Black Friday, Cyber Monday, lễ giáng sinh, lễ năm mới...Người ta cũng thăm viếng nhau, tặng quà, tổ chức ăn uống, đi du lịch. Những ngày lễ như dồn hết vào thời gian cuối năm.

Tháng năm thời gian là cái khái niệm hết sức trừu tượng mà lại cụ thể như thế. Người xưa chế ra lịch, đặt ra năm tháng, ngày giờ để tiện cho công việc, đời sống, mùa màng. Nếu lịch phương đông thì căn cứ theo mặt trăng, vì nền văn minh nông nghiệp lúa nước phụ thuộc nhiều vào chu kỳ mặt trăng. Lịch phương tây lại căn cứ theo mặt trời. Ngày xưa, khi khoa học kỹ thuật chưa phát triển, các nền văn hoá có sự cách trở trong việc giao lưu với nhau thì sự chênh lệch của lịch pháp có thể gây ra những trở ngại nhất định. Ngày nay thì sự chênh lệch

ấy không còn là vấn đề nữa.

Người Trung Hoa chế lịch, rồi cũng người Trung Hoa chế ra ngày giờ tốt - xấu, tháng năm kiết - hung... rồi người ta mắc kẹt vào đó suốt mấy ngàn năm nay. Những việc xin xăm, bói quẻ, xuất hành, giải hạn, coi ngày giờ, xem mạch đất...đủ cả. Người Việt chịu ảnh hưởng nặng nề cái văn hoá, chính trị của người Tàu nên cũng không khác người Tàu trong việc mê tín. Đạo Phật có mặt ở Trung Quốc và Việt Nam cũng mấy ngàn năm rồi. Kinh Thắng Hạnh đức Phật có dạy rõ ràng:

Khi nghiệp thân khẩu ý
Hiền thiện và thanh tịnh
Chính là ngày cát tường
Là giờ phút hanh thông
Là thời khắc hưng vượng

Tiếc rằng chẳng ai chịu tin và làm theo, người ta chỉ tin theo thầy bà bói toán, coi ngày giờ. Không chỉ mê tín tin vào năm tháng ngày giờ mà còn tin một cách ngây ngô và buồn cười vào những ngôi sao kiết hung. Có những ngôi sao vô tri xa xăm trong vũ trụ kia có thể làm cho họ gặp hoạ, xui xẻo, ốm đau, tán gia bại sản và cũng có những ngôi sao tốt có thể làm cho họ gặp may, phát tài, phát lộc, vận hạn hanh thông...Rồi từ đó có cúng sao, giải hạn, đội sớ. Người Tàu và người mình đều làm như thế suốt ngàn năm nay. Việc này ban đầu có thể do các tổ dùng phương tiện để dẫn dụ mà hoằng pháp, nhưng càng ngày thì càng lạm dụng tệ hại. Bây giờ là thế kỷ hai mươi mốt, khoa học và kỹ thuật đã phát triển cao độ nhưng vẫn có những vị vì thiếu chánh kiến hay là nặng danh văn lợi dưỡng mà khuếch trương mạnh mẽ việc này. Những vị ấy đẩy mạnh việc cúng sao, giải hạn... để trục lợi, lợi dụng sự mù

quáng và thiếu chánh kiến của tín đồ. Kinh Suy Niệm Về Nghiệp đức Phật đã dạy:” Chúng sanh là kẻ thừa tự nghiệp cũng là chủ nhân của nghiệp...Thanh tịnh hay uế trước đều do mình, không ai có thể khiến người khác thanh tịnh hay uế trước...Chính hành vi tạo tác khiến người thấp hèn hay cao quý. Mỗi chúng sanh là kết tinh của những gì đã tạo ra và sẽ là kết quả của những gì đang tạo...” Vậy mà người ta chẳng chịu học và làm theo, chẳng này lại tin vào những ngôi sao vô tri hay ngày giờ tháng năm trừu tượng kia sẽ làm cho họ gặp phước hay họa.

Tháng năm là dòng thời gian vô thủy vô chung, nó nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người. Nếu người theo Hindu quan niệm có ba vị thần: sáng tạo (Brahma) - duy trì (Vishnu) - hủy diệt (Shiva) thì thời gian chính là ba vị thần ấy. Thời gian tạo dựng nên, thời gian duy trì và làm cho tăng trưởng, rồi cũng chính thời gian hủy diệt đi. Khi mình sinh ra và dần dần lớn lên, thời gian xây dựng ta thành một thanh niên cường tráng nhưng rồi cũng chính thời gian lần lượt tháng năm lấy đi nhan sắc, bào mòn thể xác cho đến một ngày nào đó thì hủy diệt hoàn toàn, lúc ấy thì cái già, cái chết hoàn tất một quá trình sinh - trụ - di - diệt. Thời gian giúp ta tích lũy kiến thức, chất chứa bao kỷ niệm buồn vui, nhưng rồi cũng chính thời gian bôi xóa nhạt nhoà, thậm chí xóa sạch ký ức một đời, ấy là lúc hoàn toàn lú lẫn hoặc mang bệnh (alzheimer)

Năm, tháng, ngày, giờ vốn thiên sai vạn biệt, vì nó là sản phẩm chế ra của con người, nó là khái niệm lượng định của con người. Tự nhiên làm gì có năm, tháng, ngày, giờ. Tự nhiên vốn vô thủy vô chung, có ai biết khởi đầu ở đâu và kết thúc khi nào! Khi thành Ất Lăng vào chính Ngọ thì ở thung lũng hoa vàng mới tám giờ sáng mà thôi. Khi xứ Cờ Hoa vào

hạ, rực rỡ nắng vàng thì xứ sở chuột túi Kangaroo còn trong lạnh buốt của mùa đông. Khi mà ở bắc bán cầu là ngày thì nam bán cầu lại là đêm. Nếu mở rộng ra đến sao Hoả, sao Kim, Sao Thổ... thì sự khác biệt càng lớn biết là bao. Còn như nói đến tầm mức những quốc độ và cảnh giới thì sự khác biệt càng không làm sao có thể hình dung ra. Tỷ như ở cung trời Đâu Suất mới một ngày một đêm thì ở thế gian này đã là năm mươi năm. Hoặc nói như lời giảng của hoà thượng Tịnh Không thì một ngày một đêm ở địa ngục vô gián bằng hai ngàn bảy trăm năm ở thế gian. Ở đây xin lưu ý quý độc giả, đừng mắc kẹt vào chữ nghĩa hay con số mà bàn luận hay tranh cãi cho phí sức. Sự là thế, nhưng cái lý chính là ý muốn nói: sự thống khổ của chúng sanh vô cùng dài lâu, còn sự hạnh phúc hay vui vẻ thì vô cùng ngắn tạm.

Từ tuổi thiếu niên cho đến tuổi thanh niên, thời gian mở ra mọi cánh cửa chào đón mọi người, làm cho tăng trưởng từ thể xác đến tinh thần: học vấn, tình yêu, sự nghiệp... Từ tuổi trung niên trở đi thì thời gian dần dần khép mọi cánh cửa lại, những con đường ngắn dần. Những cánh cửa và những con đường cứ khép lại theo tháng năm, cho đến một lúc nào đó thì chỉ còn có mỗi một cửa, một đường đó là huyết mộ.

Thời gian vốn vô thủy vô chung, không nhanh không chậm, không đến không đi, không tốt không xấu, không tăng không giảm... Nhưng tâm người thì có, từ tâm người mà tạo tác ra đủ thứ thời gian, có nhanh có chậm, có tốt có xấu, có đầu có đuôi. Ví như có người ngồi trong phòng thì mà bài không thuộc, lý không thông vật lộn với đề thi chưa xong thì đã nghe chuông báo hết giờ. Hoặc như vận động viên điền kinh, thời giờ tính bằng sát – Na, những lúc như thế này thì thời gian trôi nhanh dễ sợ! cũng cùng một thời gian ấy nhưng

những người ngồi tù thì thời gian nó dài thăm thẳm, đúng như cổ thi viết:” Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại”. Cũng cùng một thời gian ấy, nếu người làm ăn hanh thông, cuộc sống đẹp đẽ, tháng ngày hoan lạc, thì những lúc này cho là ngày lành tháng tốt. Bằng như làm ăn bết bát, vợ chồng lục đục, đau bệnh, gặp hoạ... thì thời gian ấy lại là năm xui tháng hạn. Điều này cho ta thấy rõ ràng là tất cả do tâm tạo tác, tất cả không ngoài một tâm. Sự hên xui, được thua, hanh thông hay cùng cực... ấy là cái quả của nghiệp tạo tác trong quá khứ, chẳng phải do thời gian năm tháng kiết hung hay ngày giờ tốt xấu.

Nhà Phật thường bảo:” Thời gian và không gian là không thật, nó vốn là một niệm tâm mà ra. Điều này có thể khó hiểu, khó tin với một số người, tuy nhiên có thể chứng minh bằng câu chuyện này:” Có anh học trò lên kinh ứng thí, dọc đường vào quán trọ nghỉ chân và nấu nồi cháo kê, trong lúc chờ cháo chín thì anh ta ngủ thiếp đi. Trong mơ anh ta thấy mình đậu trạng nguyên, được bổ làm quan, lại cưới con gái nhà quyền quý, cuộc đời hanh thông, thăng quan tiến chức. Một ngày kia đắc tội chi đó nên bị biếm và bị đuổi về quê, may mà còn giữ được mạng sống và không bị hoạ tru di. Cuộc đời lên voi xuống chó suốt mấy mươi năm như thế. Bất thần có người gây ra tiếng động lớn, anh học trò tỉnh giấc thì nồi cháo kê còn chưa chín”. Thế đấy, mấy mươi năm thăng trầm một đời người gói gọn trong một cơn mơ, nếu không phải một niệm tâm mà ra thì còn là cái gì nữa đây? Cũng có người không đồng ý, anh ta bảo:” Tôi không tin thời gian không gian là không thật, làm gì có chuyện một niệm tâm mà ra!”. Nói thế rồi anh ta nằm ngủ, trong mơ anh ta chu du khắp bốn phương thiên hạ, lặn xuống đáy đại dương, bay ra ngoài không gian tới mặt

trắng, sao hoả... thậm chí anh ta còn mơ mình trở về quá khứ gặp tổ tiên xa xưa, rồi lại vượt thời gian phía trước để gặp những thế hệ tương lai sau này. Khi anh ta thức giấc, mở mắt ra mà lòng bàng hoàng hỏi:” Tôi đang ở đâu đây? Bây giờ là lúc nào?” Rõ ràng lưng anh ta không rời chiếc chiếu một phân, thời gian anh ta mơ không đầy một canh giờ. Ấy vậy mà anh ta vượt qua không gian vô biên, thời gian vô tận, quá khứ không điểm đầu, tương lai không điểm cuối. Chính vì thế mà nhà Phật có câu:

Thập phương hư không bất ly đương xứ

Cổ kim tam thế bất ly đương niệm

Từ một niệm này có đủ mười pháp giới, một niệm hiện tại chứa cả mười phương, ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Khi nhạc sĩ Trịnh Công Sơn viết:” Ngày tháng nào đã ra đi, khi ta còn ngồi lại...” ấy là vì “ từng người tình bỏ ta đi, như những giòng sông nhỏ...”. Làm sao mà có thể ngồi lại được? khi mà mỗi sát na trôi qua là quá khứ, mỗi sát na đi qua là sanh diệt luân hồi. Thời gian dựng lập nên, thời gian duy trì và rồi thời gian xoá nhoà tất cả. Dòng đời mênh mông, dòng thời gian bất tận, dòng tử sanh tất bật, dòng lịch sử nghiệt ngã, dòng người mãi tương tàn, dòng ký ức bồi lấp nhớ quên...Kiếp người ngắn ngủi, vô thường lăng đẵng, có biết bao nhiêu người dự tính này nọ mà không kịp làm, bao nhiêu ước vọng và tâm nguyện nhưng không thành. Thời gian không chờ đợi được bao giờ. Thời gian hằn in trên nét mặt, đóng dấu sâu trên thân xác và tâm hồn nhưng có mấy ai nắm bắt được bao giờ. Thời gian vốn không hình tướng; không cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; càng không có bản lai diện mục thể mà thời gian vẫn cứ hiển hiện bên mình. Thế gian này có sự vật

hay sự việc nào nằm ngoài sự khống chế của thời gian? tất cả đều quay cuồng trong cái vòng: sanh - trụ - dị- diệt hoặc thành - bại - hoại – không.

Chúng ta thường an ủi những người đau vì tình:” Thời gian là phương thuốc kỳ diệu sẽ chữa lành mọi vết thương”. Người đàm luận thế sự thì bảo:” Thời gian như nước qua cầu”. Người bàn về nhân sinh thì nói:” Thời gian như bóng câu qua cửa sổ”. Đời thường hơn nữa thì than vãn:” Thời gian nhanh quá, mới ngày nào tóc còn xanh mà giờ bạc trắng mái đầu” hoặc” Thời gian như tên bay, mới ngày nào mà giờ đã xanh rêu”...Thời gian là thế, cái khái niệm trừu tượng nhưng vì một niệm tâm mà nó sanh ra bao nhiêu là hình thái, sắc tướng và tướng trạng cảm xúc. Phải chăng đó là sự phản ảnh cái diện mục của con người chúng ta?

Có một điều vượt qua thời gian năm tháng, dù ngày trước, bây giờ hay ngày sau vẫn mãi mãi như thế. Đó là câu kinh văn:” Nhất thời - một thuở nọ...”, những ai đọc kinh Phật thì biết câu này:” Ta nghe như thế này một thuở nọ...” Hai mươi lăm thế kỷ trước, khi Phật nói kinh đã là “ Một thuở nọ”, rồi những lần kết tập kinh điển mấy trăm năm sau cũng là “ Một thuở nọ”. Khi Phật pháp truyền đến Trung Á, Sri Lanka... cũng vẫn “ Một thuở nọ”. Một ngàn năm sau Phật giáo ở Trung Quốc cũng vẫn là “Một thuở nọ”. Phật pháp hiện nay cũng “ Một thuở nọ” và vĩnh viễn mai sau cũng là “Một thuở nọ”. “Một thuở nọ” cho đến khi có một vị Phật mới ra đời. Thời gian năm tháng, ngày giờ trở nên vô nghĩa. Giáo pháp Phật đà, kinh Phật dạy người “ Nhập Phật tri kiến”, chỉ đường đi đến giác ngộ, giải thoát... Điều này vượt qua thời gian tháng năm, vĩnh viễn là “ Một thuở nọ”, ba chữ đơn giản tưởng chừng như rất bình thường nhưng lại diệu dụng vô

cùng, thời gian nào có thể đong đo được, quá khứ đã thế, hiện tại vẫn thế và tương lai cũng sẽ như thế.

Năm đã gần hết, thế là thêm một tuổi đời, tuổi tây hay tuổi mụ cũng thế mà thôi! Tuổi càng chồng chất bao nhiêu thì tỷ lệ nghịch với sự trẻ trung sung mãn bấy nhiêu. Những người đã qua tuổi trung niên thì càng thấm thía cái tác động của thời gian trên thân thể và tâm hồn mình. Thêm một tuổi đời thì thời gian phía sau dài thêm và thời gian phía trước càng ngắn lại.

Những ngày tháng cuối năm, hải ngoại dầu dịch bệnh vẫn đang hoành hành nhưng đời sống con người vẫn ấm no hạnh phúc. Kinh tế có suy thoái, xã hội có giãn cách nhưng cũng không hề gì, vẫn còn sung túc và sẽ sớm phục hồi thôi.

Những ngày tháng cuối năm ở cố quận chắc cũng rộn ràng như bao đời. Người người lo tích lũy, sắm sửa cho lễ lộc tết tưng bừng. Năm nay thì tiêu điều tang hoang quá, lũ chồng lũ, bão tiếp bão, núi Chuối đất lở... Thiên tai một phần, nhân tai lại làm cho trầm trọng hơn: Rừng rú cạo sạch, núi đồi xẻ nát phá tang hoang, thủy điện, thủy lợi xả nước vô tội vạ. Những tai họa do con người gây ra thậm chí còn tàn khốc hơn. Những thể chế độc tài toàn trị ở thế gian này đều giống nhau ở chỗ: quyền lực và quyền lợi là tối thượng. Chúng sẵn sàng tru diệt tất cả, nếu quyền lực và quyền lợi của chúng bị động đến. Khái niệm nhân dân và quốc gia bị lợi dụng dùng để bao che cho lợi ích băng nhóm, nhân dân và quốc gia không là gì cả, sẵn sàng bán cả để giữ ngôi vị của mình.

Thời gian tồn tại của thời kỳ đồ đá, đồ đồng tính bằng vạn năm; thời gian tồn tại của chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến tính bằng ngàn năm; thời gian hình thành và phát

triển của chủ nghĩa tư bản tính bằng vài trăm năm, hiện tại vẫn còn phát triển mạnh mẽ; riêng thời gian tồn tại của chủ nghĩa không tưởng, chủ nghĩa xã hội chỉ tính bằng vài mươi năm, hiện nay tuy còn vài quốc gia đeo đuổi nhưng đã biến tướng hoàn toàn.

Những ngày tháng cuối năm ở cố quận mình thường có nhiều lễ hội và đám cưới. Có lẽ là “ngày lành tháng tốt”, có lẽ là thời gian ấy mùa vụ đã xong... Nhưng những ngày tháng cuối năm cũng là lúc có nhiều đám giỗ nhất trong năm. Nếu đám cưới là sanh thì đám giỗ là tử; sanh- tử tương tục nối nhau không ngừng, dòng sanh - tử chưa hề đứt đoạn, chưa hề dừng lại bao giờ. Đám cưới để cho ra thế hệ mới, đám giỗ là thế hệ cũ nhường chỗ cho thế hệ mới, thế hệ này nối tiếp thế hệ kia, quả là một sự kết hợp thú vị và kỳ diệu.

Những ngày tháng cuối năm là thời gian rộn ràng nhất trong năm. Điều này không chỉ ứng với cố quận mình, xứ Cờ Hoa này mà hầu như mọi nơi trên thế gian này cũng đều như thế cả, cho dù có khác nhau về văn hoá, phong tục. Có lẽ thời gian sắp kết thúc cái cũ chuyển sang cái mới, thời điểm chuyển đổi làm cho lòng người chuyển theo hay lòng người chuyển tạo ra ảo giác chuyển của thời gian? Cái cũ, cái hư hoại sẽ qua đi để cho cái mới, cái tốt đẹp sẽ đến. Thật tình thời gian không có đến đi, không tốt không xấu, không tăng không giảm bao giờ! Có chăng là ta đến rồi đi, ta dơ ta sạch, ta xấu ta tốt... tất cả từ một niệm tâm mà ra.

TAY CỪ KHÔI

Thành đô rực rỡ muôn ánh đèn màu, những con đường nhộn nhịp người qua lại. Nam thanh nữ tú dập dìu dưới những tàng cây hoa vàng hai bên đường, thỉnh thoảng những cơn gió nhẹ thổi qua làm cho những bông hoa rơi xuống như mưa, chẳng mấy chốc là dập nát dưới những bàn chân vô tình. Âm thanh tung bừng từ những chiếc loa hoà lẫn với tiếng cười đùa, tiếng quảng cáo từ rạp xiếc thú dã chiến dựng ở một góc công viên. Thỉnh thoảng người ta nghe tiếng rống của voi, tiếng gầm của sư tử... nhưng chỉ phút giây là hoà tan vào giữa vô số âm thanh của dòng đời.

Trong rạp mọi người đang tất bật chuẩn bị cho buổi diễn tối nay. Bầy khỉ vẫn nhảy nhót trong chuồng, bọn gấu nằm vô tư lự trong cũi sắt, mấy chú voi đi tới lui với vài bước chân bị xích, con sư tử hậm hực quần thảo trong lồng, mấy chú heo thì được mặc áo hoa sặc sỡ đang tí tởn nhớn nhोर. Giờ diễn khai mạc, người dẫn chương trình giới thiệu:

- Đoàn xiếc thú:” Vua Các Loài” chúng tôi trân trọng kính chào quý khán giả. Đêm nay chúng tôi sẽ cống hiến cho quý vị một chương trình đặc sắc với màn trình diễn ngoạn mục của nhà huấn luyện thú tài ba nhất! Nhà huấn luyện thú hoang của chúng tôi có nghệ danh là: Tâm Vương, anh ta có thể điều khiển tất cả các loại thú nhà hay thú hoang. Anh ta có khả năng buộc chúng phải thuần phục vâng lời anh ta... Đây

là một tài năng có một không hai của thế giới chúng ta hiện nay...

Người dẫn chương trình vừa dứt lời thì tiếng vỗ tay rào rào, tiếng huýt sáo tán thưởng, tiếng hò reo vang dội cả rạp xiếc. Mở màn là những chú khỉ túa ra, chúng nhảy nhót lung tung nhưng khi nhìn thấy cây roi của người huấn luyện thì lập tức chúng vào hàng ngũ ngay. Bọn chúng đạp xe chạy quanh trên sân khấu, hai con đầu đàn căng tấm băng rôn nho nhỏ, trên ấy ghi: “ Không gì không có thể”. Kế đến bọn ngựa vằn chạy nhong nhong theo đội hình sắp sẵn trông rất đẹp mắt. Người xem trở nên cười to đầy thích thú khi nhìn thấy những chú heo mặc áo hoa sặc sỡ biểu diễn trò ăn, ngủ và yêu... Những con gấu trông phục phịch và ù lì thế nhưng lại nhảy qua những vòng tròn lửa một cách gọn gàng, không cháy một sợi lông. Những chú voi thì tung bóng và dùng vòi quay những vòng lửa mà không hề hấn gì. Đến đỉnh điểm của chương trình là màn biểu diễn nguy hiểm, gay cấn và hồi hộp nhất. Người huấn luyện thú chui đầu vào miệng sư tử. Cả rạp xiếc im phăng phắc, chỉ vài mươi giây thôi mà tưởng chừng như cả thế kỷ. Mọi người nín thở theo dõi vừa thích thú vừa lo lắng cho người biểu diễn. Khi anh ta rút đầu ra khỏi hàm của nó và trở về vị trí an toàn thì mọi người thở phào ra, tiếng vỗ tay như sấm , tiếng hò reo tán thưởng vang dội như nổ tung cả rạp. Người huấn luyện khom mình cảm ơn sự cổ vũ nhiệt tình của khán giả.

Đêm dần về sáng, Tâm Vương vẫn nằm thao thức trên giường, dư âm phấn khích của buổi diễn hình như chưa tan, mặc dù đây không phải là buổi diễn đầu tiên nhưng đêm nay cái cảm giác xao động trong tâm anh rất mạnh. Qua hơn hai mươi năm vừa học vừa diễn, để có được ngày hôm nay anh

đã trải qua biết bao khổ nhọc, cay đắng; thậm chí có lúc tưởng chừng như bỏ cuộc. Vinh quang và hạnh phúc hôm nay là phần thưởng xứng đáng cho những tháng ngày khổ luyện ấy! Tâm Vương thiếp đi, anh nhớ lại thuở ban đầu khi mới vào nghề. Sư phụ cho anh chăm sóc và huấn luyện mấy chú heo, bọn chúng tuy hiền nhưng quá ngu si và lười biếng. Chúng chỉ thích ăn và ngủ... Anh cũng khá vất vả để dạy cho chúng biểu diễn những tiết mục đơn giản. Kế đó sư phụ giao cho anh huấn luyện bầy khỉ, thôi thì khỏi phải nói, chúng lanh chanh lóc chóc, chạy nhảy không ngừng nghỉ. Anh phải dùng roi phạt, dùng chuối và hạt dẻ chiêu dụ, đồ bao mồ hôi anh mới khép chúng vào khuôn phép được. Có lần chúng ăn cắp thức ăn, phá phách đồ của mọi người và cắn anh chảy cả máu tay! Kế đó sư phụ chỉ dạy cho anh cách điều khiển bọn ngựa vằn, bọn chúng cũng khá giống loài khỉ, chẳng chút nào chịu yên, có lẽ quen thói ngông cuồng rong ruổi trên thảo nguyên. Ban đầu tập cho chúng dừng lại nhưng chúng cứ lông lên, phải cả mấy tháng sau mới chịu yên. Anh tròng dây cương và buộc hai mảnh da che mắt chúng, từ đấy chúng dần dần chịu sự điều khiển của anh. Sư phụ anh khuyên:

- Không cứ gì ngựa, tất cả bọn thú hoang cho dù có thuần phục cỡ nào đi nữa cũng cần có dây cương để dẫn dắt và điều khiển, ngoài dây cương còn phải luôn luôn giữ cây gậy điều khiển trong tay, cần có qui tắc để buộc chúng tuân thủ. Hễ con thú nào có dấu hiệu phá lệ là lập tức điều phục chúng vào khuôn phép!

Anh nhớ lời sư phụ, lấy đó làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động và huấn luyện thú. Năm năm sau, sư phụ cho anh trực tiếp huấn luyện voi, gấu, sư tử. lần đầu giáp mặt chúng anh thấy ròn rợn, thâm nghĩ:” Chắc mình không thể, không kham

nổi...” sư phụ biết ý nên trấn an và động viên:

- Cố lên, cố lên, phải cứng rắn hơn chúng thì bọn chúng sẽ khuất phục, không có gì là không thể cả!

Anh lấy can đảm đối đầu với những chú voi to đùng, mặc dù trong lòng vẫn còn sợ nhưng bề ngoài rất rắn, sau những lần thất bại cuối cùng anh cũng cỡi được voi. Anh cảm thấy sung sướng ngất trời, ngồi trên mình voi anh vung tay và hét to:” Ta đã thành công! Con voi to đùng đã chịu sự sai xử của ta!” ấy thế mà có lần nó nổi khùng, tung vòi và đứng thẳng bằng hai chân sau. Nó hất anh rơi xuống đất, bận ấy anh nằm nhà thương cả tháng trời luôn. Sau khi bình phục, anh lại tiếp tục lăn xả vào thuần hoá lũ thú hoang. Một hôm sơ xuất, anh bị con gấu vả một phát, mặc dù đã mặc áo giáp phòng hộ nhưng móng của con thú cũng làm rách thịt chảy máu ròng ròng, cơn đau thấu trời và anh đã khóc. Sư phụ lạ xuất hiện, an ủi và chăm sóc anh như một người con. Sư phụ sách tấn anh:

- Chúng ta như những dũng sĩ thâm lặng ra trận, phải tiến chứ không thể lùi! những con thú hoang ấy phải bị thuần phục!”

Những lúc căng thẳng nhất, sư phụ luôn kề cận bên anh, kèm cặp, chỉ dẫn kể cả lo lắng những việc sinh hoạt nhỏ nhặt hàng ngày. Anh thầm cảm ơn sư phụ nhiều lắm, anh thường tự nhủ:” Không có sư phụ thì chắc chắn anh chẳng bao giờ thuần hoá được những con thú hoang này”

Mười lăm năm trôi qua, gần như tất cả bọn thú đều vâng lời anh. Sư phụ quyết định cho anh tiếp nhận màn tuyệt đỉnh công phu của nghề. Hôm ấy sư phụ và các huynh đệ, người giám hộ, các phương tiện bảo hộ... đều sẵn sàng. Sư phụ bảo:

- Hãy dũng mãnh vào lãnh địa thần chết lấy bảo vật rồi đi ra, việc này tự thân con phải làm, không có ai làm thay cho con được! phút giây sanh- tử này quyết định một đời sự nghiệp của con!

Anh hít ba hơi thật sâu rồi từ từ thở ra, mắt nhìn thẳng vào con dã thú, từng bước hiên ngang tiến tới. Con sư tử chạm phải cái nhìn của anh, nó cụp mắt xuống, quay mặt đi, rõ ràng nó chịu không nổi cái nhìn của anh. Anh giơ cây gậy điều khiển lên và ra dấu cho nó mở miệng ra; thật kinh khủng, một cái hàm thép lờm chớm răng nanh. Không còn thời gian để nghĩ lung tung hay sợ nữa. Anh tiến tới, khom người từ từ đưa đầu mình vào hàm sư tử; sau vài mươi giây, anh từ từ thoái lui về vị trí an toàn và đi ra. Bạn bè ngoài vòng thép nhảy căng lên chúc mừng anh, họ nhào vào ôm lấy anh. Anh không giấu nổi những giọt nước mắt sung sướng. Sư phụ mỉm cười hài lòng:

- Con quả là tay cừ khôi, một tay huấn luyện thú tài ba! Bọn thú hoang đã bị thuần phục! Khi ta đã quyết thì không có gì là không thể, những con thú dù có loạn động như khi, tham đắm như heo, hoang dã và dữ tợn như gấu, voi, sư tử... cũng phải khuất phục nếu mình quyết tâm!

Ánh nắng ngày mới tràn ngập khắp căn phòng, anh mở mắt ra thì mọi người đã ra phố hết tự bao giờ.

THẦN NÚI VÀ THẦN NƯỚC

Sơn cung hoang tàn và đổ nát, bùn đất ngập ngựa khắp nơi, mái sập tường xiêu, bao nhiêu đồ đạc bị chôn vùi hoặc cuốn theo dòng nước dữ. Sơn Tinh mặt mày buồn thảm nhìn ngọn núi sạt một mảng lớn, rừng cây trụi lỏm chớm những gốc cụt, ánh mắt đăm chiêu chẳng nói nên lời.

Thủy Tinh lấy tình đồng môn đến thăm Sơn Tinh, chẳng còn tâm ý nào để nhớ chuyện tình địch ngày xưa. Nhìn thấy cảnh Sơn cung tan nát, lòng cũng đau buồn không kém bạn. Thủy Tinh cất giọng mỉa máo

- Xưa tôi với anh vì My Nương mà đánh nhau, mỗi năm cũng chỉ dâng nước gây lụt lội một lần, giờ một năm mấy bận lụt lội, thậm chí có nơi nước dâng đến bảy lần trong một tháng. Bọn người xây hồ, đắp đập tràn lan, mùa khô tích nước, mùa mưa xả vô tội vạ. Nước lũ tự nhiên dâng rất chậm, mỗi ngày một ít, có khi cả tuần lễ mưa thì mới có thể gây ngập. Giờ nước xả hồ, xả đập chỉ vài giờ đồng hồ là ngập tới nóc luôn, bao nhiêu người chết, nhà cửa, tài sản, gia súc... bị cuốn trôi theo dòng lũ dữ. Thử hỏi người sao chịu thấu? có xứ nào vô đạo như thế không?

Sơn Tinh thần khí thiếu nã, giọng rên rĩ

- Cảm ơn người anh em có lòng lân mẫn, người anh em thấy đó! rừng cạo sạch rồi, thậm chí đến gốc cây cũng đào bới nốt.

Núi bị xẻ nát như phanh thây, cả một ngọn đồi đổ ập xuống, quang cảnh như vừa trải qua một cuộc bể dâu. Bọn người tham lam, ngu muội phá rừng huỷ núi, trời mưa xuống thì đất chuồi núi lở là đương nhiên. Bọn mình mà còn xất bấc xang bang như thế này, người dân màn trời chiếu đất, muôn loài động thực vật bị chôn vùi hoặc bị cuốn trôi, lời nào tả cho hết cái thảm cảnh này?

Sơn Tinh lắc đầu giờ hai tay kêu trời, chợt có âm thanh ngoài sơn cung đồng vọng, cả hai lắng nghe thì nhận ra tiếng gầm gừ của cọp, tiếng rống của voi, tiếng tru của sói, tiếng tác của mang...tất cả như một giàn đồng ca, tấu lên khúc tang thương nghe thật thê lương. Bọn thú rừng sống sót sau những đợt săn bắt của lũ người và những con vừa ngoi lên sống sót sau trận lũ, lở núi đêm qua. Bọn chúng dùng cái bản năng trời ban để định hướng tìm về chốn sơn cung. Sơn Tinh dùng thẩm âm vi diệu an ủi chúng, đoạn vận thần thông tạm dọn dẹp sơn cung.

Ngoài cửa lại xuất hiện vị thần rừng, quần áo tả tơi, râu tóc bết bùn đất. Ông ta thất thểu bước vào, trông thấy nhị vị thần chủ núi non và sông nước bèn khóc rống lên, sau đó kể lể:

- Cơ nghiệp của tôi tan nát hết rồi, bọn người nó cạo sạch rừng nguyên sinh, rừng tái sinh, rừng già, rừng thưa...Bọn họ bắt hết thú rừng, bao nhiêu tài nguyên rừng bị cướp sạch. Những cư dân có tuổi ngàn năm, vài trăm năm giờ biến thành những bộ sofa, những biệt phủ... không còn cây chắn bão, giữ nước nên chỉ một trận mưa, một cơn cuồng phong là tai họa xảy ra ngay. Nhị vị Sơn chủ, Thủy chủ ơi, tình cảnh thảm lắm thay!

Sơn Tinh mời thần rừng an tọa, phẩy tay hoá hiện một mâm cơm chay đạm bạc với nậm cúc hoa. Sơn Tinh rót ba chung,

trân trọng

- Mời nhị vị huynh đệ, xin cạn một chung “Nước mắt quê hương” này! chuyện nhân hoá rất ghê gớm và còn dài. Chúng ta tạm lớt dạ chút cơm rồi hãy tính chuyện.

Cả ba ăn trong chánh niệm, chẳng ai nói với ai lời nào. Sau khi cơm nước đã xong, Thủy Tinh giải bày

- Những con sông của xứ này vốn ngắn, nhỏ và dốc. Bọn người trí nhỏ nhưng lòng tham to cho xây hàng mấy trăm con đập với hồ, nắn thì giữ nước lại, khi mưa về thì vội vàng xả xuống, thử hỏi với lượng nước xả khổng lồ ấy không gây tai họa mới là lạ! Những nhóm lợi ích kết cấu quan quyền để làm ăn trục lợi, bất chấp nhân tình thế thái, chẳng kể quy luật tự nhiên, tất cả chỉ nhằm mục đích tiền vào túi càng nhiều càng tốt, còn hậu quả thế nào thì mặc kệ nhân dân với môi trường sinh thái. Dân chúng kêu oan chẳng thấu trời xanh. Có vài vị học giả, trí thức đã lên tiếng cảnh báo nhưng tiếng nói của họ rơi tõm vào sự im lặng đáng sợ. Quan lại và triều đình ngậm miệng, đa số bọn thức giả thì mũ ni che tai, dúi đầu vào cát như đà điểu, dân chúng thờ ơ bởi vậy mà mỗi nhân hoá càng ngày càng trầm trọng. Sau khi lũ chồng lũ xảy ra, người chết nhà trôi, tài sản mất... nhiều tiếng nói phản biện cất lên. Ấy vậy mà có ông tiến sĩ chi đó vốn gộc bự ở triều đình đang đàn:” Nước xả hồ, xả đập chỉ như vài thau nước hắt vào dòng kênh, không thể gây ra lũ lụt”. Cái lý luận ngu xuẩn ấy đến người vô học cũng không dám nói, thế mà ông ấy nói tỉnh bơ.

Sơn Tinh nghe thế giận đùng đùng, cả người đỏ phùng phùng như mặt trời đầu núi, giọng rền cả núi đồi

- Huynh nhắc tui mới nhớ, sau trận lở đất chôn vùi bao nhiêu

người, có ông phó thủ ở triều đình lu loa:” Nắng lắm mưa nhiều nên lở đất sạt núi, chẳng phải do phá rừng xẻ núi!’ gian trá và tán tận lương tâm đến thế là cùng! Xin lỗi nhị vị huynh đệ, tui buộc lòng phải nói lời thô, cái quân ấy ngu như chó lợn, lòng tham không đáy, lương tâm quá nghèo nàn, có thừa gian manh mà thiếu tư cách, với cái ngữ ấy thì chỉ có tiền và quyền là trên hết.

Dường như cơn giận của Sơn Tinh làm cho Thủy Tinh dậy sóng lòng

- Đây người anh em, anh còn nhớ năm nọ biển đông hải bị bọn ác nhân hạ độc không? cả một vùng biển chết, muôn loài thủy tộc bỏ mạng. Ngay cả ngư dân, thợ lặn cũng nhiễm độc, lòng người bất bình ai oán vô cùng. Vậy mà ông bộ có trách vụ môi trường sinh thái tráo trở ngụy biện:” Tảo nở hoa chứ chẳng phải biển nhiễm độc bởi chất thải”, năm nay y lại tiếp tục khua môi múa mép, hòng đem cái bàn tay bẩn của y che trời. Y bảo:” Không phải mưa mà là trời đổ nước”. Thật tình Thủy Tinh tôi không còn lời nào để bàn luận nữa.

Thủy Tinh chưa dứt lời, vị thần rừng vội vã tiếp lời

- Nhị vị huynh đệ ơi, tôi ngán cái bọn này tới cỡ! Có một khứa lão cũng hàm ông bộ ngang với cái tay tráo trở ấy, y ngỡ thiên hạ ai cũng ngu như y sao ấy! Y tuyên bố:” Rừng không có bị cào phá mà là do bọn bạch bì bỏ bom năm xưa”. Bọn đàn em của y nghe thế cũng không thể nào đỡ lời nổi cho y, thiên hạ thì cứ ngỡ y là thằng cuồng ban khi. Chiến tranh đã qua hơn nửa thế kỷ rồi, bom đạn nào phá rừng? Chính bọn quyền thế, lâm tặc phá rừng. Mạng rừng đổi thành biệt phủ, đại dinh, những tài khoản khổng lồ trong nhà băng, những cuộc ăn chơi trác táng với cái giá mà một người lao động làm

ba đời cũng không dám mơ.

Cả ba vị nói đến đây thì cảm cảnh khôn cùng, Sơn Tinh ngồi trầm ngâm, lòng dạ sầu não, tinh thần mỗi một vì suy nghĩ mông lung mà không biết hành xử ra sao, cảm chung rượu xoay xoay trong lòng bàn tay. Thần rừng nhem nhuốc bùn đất, mặt mày hốc hác bơ phờ, dấu ấn đất lở nguyên trên người. Thủy Tinh sau năm bảy bận chơi với vì nước xả hồ, mặt mày trắng bệch, nay uống mấy chung rượu cúc hoa lại bị kích thích vì những lời giận dữ vừa rồi nên có chút nhuận sắc. Lòng Thủy Tinh cũng nhiều đau buồn ngán ngẩm, bất giác một dòng lệ chảy xuống rơi vào chung rượu đang cầm trên tay. Con giận qua đi, giọng Thủy Tinh thì thào

- Chỉ tội cho lương dân và những nạn nhân xấu số, người chết đã đành, người sống thậm cơ cực. Ấy vậy mà khi có những đoàn từ thiện đến, quan quyền lại cản trở, thậm chí thu hồi hết tiền cứu trợ của những người hảo tâm. Thiên tai, nhân tai, nhân họa cùng lúc hoành hành, không biết nghiệp gì mà người dân nơi đây phải chịu khổ nạn tàn nhẫn như thế?

Thần rừng tỏ vẻ bất bình

- Đành rằng cộng nghiệp của họ nhưng họ cũng có phần nào chịu trách nhiệm, lẽ ra đừng việc ác, việc bất bình thì họ phải la lên, đấng này họ căm nín mà chịu đựng. Thậm chí có kẻ bị đè đầu cỡi cổ còn cảm ơn kẻ chẹt cổ mình. Nếu có ai đó lên tiếng cho họ thì chính họ lại hòa theo kẻ chẹt cổ mình, chửi người lên tiếng cho mình là rảnh háng, dư hơi, gây rối... Tôi nghĩ việc cứu trợ là cấp thiết nhất thời, còn về lâu dài thì phải giúp họ tỉnh ra để họ biết cái quyền đương nhiên của họ. Vấn đề không phải con sói ác độc mà là ở chỗ đàn cừ ngu muội cam chịu.

Bất thần mặt đất rung nhẹ, những mảng tường của sơn cung rung lắc. Ba vị tướng có động đất bèn vận công thoát ra ngoài và nhìn quanh quất thì thấy thổ địa xuất hiện. Thổ địa xưa nay vốn phốp pháp phì nhiêu lắm, ấy vậy mà hôm nay trông gầy sọp, quần áo te tua, mặt mày nhàu nhĩ. Thổ địa chấp tay chào, cất giọng ồm ồm

- Xin chào các vị huynh đệ, cơn gió nào đưa các huynh đệ gặp nhau ở đây?

Sơn Tinh tánh bộc trực, quở

- Sự thể thế này mà huynh còn khách sáo nói lời hoa mỹ để làm gì?

Thổ Địa rồi rít xin lỗi, bốn người quay lại sơn cung. Sơn Tinh rót một chung cúc hoa mời, Thổ Địa ngửa cổ làm cái ót ngọt xót. Y vén tay áo chùi mép

- Cúc hoa tửu này ngon, dư vị ngọt, thơm lâu quả thật không hổ danh “Nước mắt quê hương”

Đặt chung rượu không xuống bàn, Thổ Địa tâm sự

- Sự thể như thế nào thì các huynh đệ đã biết rồi, xưa kia thiên tai vốn ghê gớm, ấy vậy mà nay nhân tai còn dễ sợ hơn. Rừng cạo sạch, núi xẻ nát rồi, thân xác rừng biến thành những sập, gụ, tủ chè, bình phong, sofa, biệt phủ. Thân xác cư dân thú rừng trở thành món trang sức cho quan quyền, nhà giàu: thú nhồi bông, ngà voi, da hổ. Có những cư dân rừng trở thành món ăn, rượu thuốc của nhà giàu: pín cọp, cừu xà, tay gấu, bao tử nhím, bìm bịp... Xác rừng, máu rừng, sinh mệnh rừng đã trở thành oản trong những biệt phủ, village, dinh thự. Núi rừng thì thế, còn sông ngòi, đầm hồ, biển cả thì tràn ngập

rác thải và hoá chất từ những công xưởng, nhà máy tuôn ra. Khí thải làm cho không khí ô nhiễm nặng nề. Thực phẩm ngâm hoá chất... Những năm gần đây thì nạn xả hồ mùa lũ càng ngày càng nghiêm trọng. Người chết, người bệnh, môi trường thiên nhiên bị hủy hoại, môi trường xã hội thì bại hoại, có bao giờ xứ này được như thế này không? Tôi coi sóc cuộc đất này từ thuở tạo lập đến giờ, chưa bao giờ thấy như thế này cả! Ấy là chưa kể nạn bán đất, hễ mảnh đất nào có mùi tiền thì sẽ bị quy hoạch thu hồi, sẽ bị san ủi cho dù trên mảnh đất có nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả tổ tiên, thậm chí nhà chùa, nhà thờ cũng không tha. Phá núi, phá rừng, lấp sông, lấp biển, lấp kênh rạch... Long mạch, sư mạch, hổ mạch bị hủy hoại, đây là cơ hội choc ho khuyến mạch, thử mạch, trùng mạch nảy nở như kiến, như sâu. Bọn người quyền thế không kiêng nể thánh thần, coi thường nhân mạng, khinh rẻ người và vật, đồng tiền làm cho bọn họ tối tăm mê muội.

Thỏ địa nói mà nước mắt nước mũi chảy dài trên mặt, lời vừa dứt thì trong lòng đất có âm thanh ừng ực, ị ầm như sấm động, ấy là dấu hiệu núi lại sắp lở lớn. Ánh sáng từ những ngọn đuốc cứ lung lay lập loè dường như bão lại sắp nổi lên. Ngoài trời mưa như trút nước. Hàng loạt hồ thủy lợi, đập thủy điện xả nước hết công suất vì e vỡ đập. Nước lại dâng lên lênh láng như biển cả. Tiếng muông thú gào thét đòi trả mạng rền rĩ trong gió mưa. Thấp thoáng đây đó bóng những hình nhân lóp ngóp trôi hụp trong dòng nước dữ đục ngầu chảy xiết.

THÁNG TƯ LẠI VỀ

Bữa cơm chiều thật đầm ấm, cả nhà quay quần bên mâm cơm chay do chính Lan Chi trở tài nấu nướng, mặc dù không ăn chay nhưng Lan Chi nấu thật ngon và thật khéo. Bà Hồng Châu, mẹ chồng của Lan Chi khen:

- Con làm cơm ngon quá, bận bịu đi làm lại còn nấu nướng đủ món thật vất vả.

Lan Chi thở thở

- Không có gì vất vả đâu mẹ, vả lại hôm nay mười bốn nên con nấu vài món chay vậy.

Bà Hồng Châu ăn hết chén cơm, gác đũa nói:

- Tháng tư lại về rồi, mai là rằm lớn, mừng đản sinh Phật Thích Ca. Con với thằng Thanh có sắp xếp đi lễ chùa được không?

- Được chứ mẹ, đã thành thông lệ, mỗi năm vào ngày rằm tháng tư con và anh Thanh đều lấy ngày nghỉ để lên chùa.

Lan Chi về làm dâu nhà này đã năm năm rồi, ban đầu có nhiều trở ngại tưởng chừng như không thể vượt qua, ấy vậy mà giờ hoà hợp hạnh phúc không thể ngờ. Nhà Lan Chi vốn đạo dòng, rất thủ cựu. Họ ra điều kiện:” Muốn cưới Lan Chi thì Thanh phải đi học giáo lý hôn nhân trong sáu tháng, sau

mới cho phép làm lễ hôn phối”. Thanh và Lan Chi yêu nhau đã lâu, anh thật lòng không muốn theo điều kiện ấy nhưng Lan Chi thuyết phục:

- Anh cứ đi học cho có vậy, đạo Phật thì anh vẫn giữ có sao đâu?

Thanh quả quyết:

- Anh không thích việc dối trá!

Lan Chi vẫn nhẫn nại:

- Việc này đâu phải dối trá, mình giả mù qua ải thôi!

Thanh thương Lan Chi quá nên chấp nhận yêu cầu của họ. Ngày hai họ gặp nhau để bàn việc cưới. Ba của Lan Chi khẳng khái:

- Việc cưới hỏi thì phải làm lễ ở nhà thờ, ai giữ đạo nấy, con nhà chúa không lễ bất cứ ngoại đạo nào.

Ông Thành, ba của Thanh thương thuyết:

- Đồng ý đạo ai nấy giữ, việc không lễ Phật cũng không sao nhưng lễ gia tiên thì không thể bỏ!

Cuối cùng hai bên cũng vui vẻ với chuyện cưới xin. Ngày cưới tổ chức cả hai nơi, lễ hỷ thuận ở chùa xong thì đến nhà thờ làm lễ hôn phối theo nghi thức của đạo dòng. Cha xứ ban phước lành và cấp giấy hôn thú của nhà thờ. Về làm dâu, Lan Chi không ăn chay nhưng những ngày rằm, mồng một cô đều nấu món chay cho cả nhà ăn, dần dần cô cũng ăn theo, cho vừa tiện việc nấu nướng, một phần nữa cũng vì vừa giữ gìn sức khỏe và sắc đẹp. Mỗi khi rằm hoặc mồng một, cả nhà đi

lễ chùa, Lan Chi cũng đi nhưng cô xuống bếp phụ mọi người chứ không chịu vào lễ Phật. Thanh cũng như cả nhà chẳng ai làm khó gì cho cô cả. Bữa cơm tối thật vui vẻ, Lan Chi buộc miệng:

- Phật Thích Ca mới sinh mà đã đi bảy bước trên hoa sen, liệu có thật chẳng?

Thanh rầy cô:

- Em không tin thì thôi, đừng nói vậy!

Ông Thành hoan hỷ bảo:

-Không sao đâu con, mình người một nhà, cứ để Lan Chi trao đổi thoải mái. Chuyện Phật Thích Ca đản sanh bước đi trên bảy hoa sen là ý nghĩa tượng trưng cho bốn phương: Đông, tây, nam, bắc và ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai ở đâu và lúc nào cũng có Phật. Còn một ý nghĩa khác nữa là: bảy hoa sen tượng trưng cho thất chúng: tỷ kheo, tỷ kheo ni, sa di, sa di ni, ưu bà tắc, ưu bà di, thức xoa. Mỗi con người đều có thể là một hoa sen, có thể giác ngộ và cũng có thể thành Phật như Phật đã thành. Việc đản sanh của một giáo chủ tất nhiên ngoài sự kiện thật có tính lịch sử còn có những nét huyền thoại theo ý nghĩa tôn vinh đề cao của tôn giáo. Phật Thích Ca đản sanh ở vườn Lâm Tỳ Ni ngày nay vẫn còn di tích ở xứ Nepal.

Lan Chi tỏ vẻ mắc cỡ nhưng vẫn tiếp tục thắc mắc:

- Cảm ơn ba giải thích cho con rõ nhưng con muốn hỏi thêm chút nữa.

Ông Thành vui vẻ:

- Con cứ hỏi, ba biết tới đâu giải thích tới đó, không có gì phải ngại cả.

- Con thấy Phật Thích Ca khi còn là thái tử đã bỏ vợ con để đi tu, vậy là tìm đường giải thoát cho riêng mình, bỏ mặc vợ con đau khổ, ích kỷ không? Lan Chi nói

- Con nói đúng, nhiều người cũng thắc mắc như vậy! thật ra không phải là ích kỷ mà tình thương của thái tử Tất Đạt Đa quá lớn, không chỉ cho riêng mình, gia tộc mình mà cho con người và cho cả muôn loài, phi nhân...Ngài xuất gia để tìm một con đường giải thoát cho loài người đang khổ đau trong vô minh, trong luân hồi sinh tử. Vợ và con của thái tử tạm thời ở trong cung vua, khi thái tử thành đạo thì ngài về độ cho cả cha mẹ và vợ con kia mà. Chúng ta có cái nhìn cận cợt, lý luận theo thói thường của đời nên không thấy cái ý nghĩa lớn lao hơn của việc xuất gia tầm đạo.

Bà Hồng Châu lên tiếng:

- Ban đầu mẹ cũng có ý nghĩ giống con, sau này nhờ mấy thầy giải thích nên mới hiểu rõ hơn một chút.

Lan Chi lại hỏi:

- Mấy năm nay liên hợp quốc tổ chức lễ tam hợp nghĩa là sao ba? Ngày sinh của Phật sao lại là tam hợp?

- Vấn đề này cũng có duyên do của nó, đạo Phật truyền đến đâu thì chịu ảnh hưởng văn hoá bản địa ở đấy. Từ đó có hai truyền thống: bắc truyền và nam truyền, lịch sử ngày tháng cũng có những chênh lệch vì vậy sau này các quốc gia Phật giáo nhóm họp và thống nhất chọn ngày rằm tháng tư để kỷ niệm ba sự kiện lớn của đức Phật: Ngày sinh, ngày thành

đạo và ngày Phật nhập niết bàn.

Lan Chi lại hỏi

- Con đi lễ Phật đản mấy năm trước, thấy mọi người múc nước tắm Phật, có phải họ cầu phước hay chỉ là nghi lễ?

Ông Thành bảo:

- Là nghi lễ kỷ niệm ngày đức Phật giáng sanh, tuy nhiên cũng có nhiều người mong cầu phước vậy. Thật ra ý nghĩa tắm Phật là để nhắc nhở mọi người hãy giữ thân tâm mình trong sạch, hãy để những phiền não buộc ràng, những vấn đề vấy bẩn trôi theo dòng nước tắm tượng Phật sơ sinh

Thanh trêu vợ:

- Hôm nay em tìm hiểu kỹ ghê, bộ muốn làm Phật tử phải không?

Lan Chi cười:

- Em không là Phật tử nhưng em yêu anh Phật tử, vậy cũng đã có màn mỏng rồi!

Ông Thanh vỗ tay tán thưởng:

- Con nói đúng, trong mỗi con người chúng ta ai cũng có chủng tử Phật, tánh giác cả. Có thể lúc này hay lúc khác khi gặp thuận duyên thì nó sẽ nảy sinh.

Bữa cơm kết thúc trong vui vẻ, mọi người chung tay thu dọn. Bà Hồng Châu loay hoay chọn chiếc áo dài vừa ý nhất để mai đi lễ chùa. Nghi ngơi và xem ti vi một lát thì ông Thành lên lầu công phu. Ngoài ban công, ông Thành bài trí tôn tượng bốn sư bên hồ cá Koi, giăng cờ năm màu và đèn

trông đẹp mắt mà không kém phần thiêng liêng. Những dây cờ nhỏ nhỏ của Phật giáo Tây Tạng treo viền khắp ban công, trên ấy in những dòng kinh Phật bằng chữ Tạng, tuy không đọc được nhưng ông Thành tin tưởng và tôn quý lắm. Trong những dòng kinh bằng chữ Tạng đó, chỉ có mỗi câu: Um Ma Ni Pad Me Hum là quen thuộc mà ai cũng biết.

Chùa Khánh Lâm sáng hôm nay thật tung bừng, cờ hoa giăng từ trong điện ra ngoài sân, đèn nến, hoa quả chưng thật đẹp. Mọi người đang lăng xăng cho buổi lễ. Lan Chi mặc chiếc áo dài màu hoàng yến mà cô thích, hôm nay cô không xuống bếp như mọi năm mà chỉ loanh quanh phụ việc xếp lễ vật để dâng cúng. Hoà thượng Thanh Đồng Hoà đọc lời khai mạc và ban đạo từ, tiếp theo các em thiếu nhi dâng điệu múa “Trăng thảng tư” để cúng dường Thế Tôn. Sau thời kinh các thầy và Phật tử lần lượt tiến lên lễ đài mức nước tắm tượng Phật sơ sinh. Bà Hồng Châu dắt thẳng bé Tony, con của Thanh và Lan Chi lên lễ đài mức nước tắm Phật. Cu cậu thích thú mức nước rưới lên tượng Phật sơ sinh. Rưới xong cậu bé kêu:

- Nội ơi, Phật này sao giống con quá. Phật nhìn con cười kìa! Con ngày nào cũng tắm sao Phật tắm có một lần?

Bà Hồng Châu trìu mến xoa đầu:

- Đây chỉ là tượng Phật thôi, tắm một lần là được rồi, con ngoan ngoãn nhé, Phật sẽ cười hoài với con.

Lúc ăn trưa, sư trụ trì thông báo, chiều nay sẽ có lễ quy y cho những Phật tử đăng ký từ trước. Lan Chi thủ thi:

- Nay em muốn quy y, vậy có kịp không? Và sau khi quy y

em vẫn đi nhà thờ được chứ?

Thanh nắm hai vai vợ, nhìn vào mắt cô ta:

- Em nói giỡn hay nói chơi? ở chốn linh thiêng này không phải để đùa!

Lan Chi giọng rất thành khẩn, nghiêm trang:

- Em ở với anh năm năm nay, em có bao giờ đem chuyện đạo ra đùa? thật sự hôm nay em cảm thấy muốn gia nhập ngôi nhà Phật như mọi người.

Thanh xúc động, muốn hôn vợ nhưng vì đang ở chốn linh thiêng và nhiều người đang qua lại nên không tiện. Anh bóp vai vợ thật chặt, lắc lắc:

- Anh sẽ vào thừa với hoà thượng, việc đi nhà thờ nhất định chẳng ảnh hưởng gì!

Đợi thầy nghỉ ngơi xong, Thanh dẫn vợ vào chào và trình bày nguyện vọng của Lan Chi. Hoà thượng vô cùng hoan hỷ:

- Thầy mừng lắm, vậy là thêm một búp sen mới trong mùa Phật đản sinh này. Minh trở thành Phật tử để sống tốt hơn, tam quy là nương tựa, ngũ giới là giữ mình. Việc con đi nhà thờ chẳng sao cả!

Hai giờ chiều, lễ quy y được cử hành trang trọng ở chánh điện. Ông Thành, bà Hồng Châu, Thanh và những Phật tử khác đồng quy hộ giới. Lan Chi quỳ trước tôn tượng bốn sư. Hoà thượng Thanh Đồng Hoà hỏi ba lần về việc tam quy ngũ giới. Lan Chi nguyện giữ gìn, hoà thượng ban cho cô pháp danh Thanh Đồng Liên. Lan Chi thưa:

- Nương tựa tam quy để vững chãi trên đường đời, còn năm giới thì đâu cứ Phật tử mới giữ, bất cứ ai cũng cần phải giữ. Năm giới này là đạo đức căn bản của mỗi con người. Nếu ai cũng giữ được năm giới này thì gia đình thuận hoà, xã hội an vui.

Hoà thượng vô cùng tán thán những lời tâm huyết của Phật tử Thanh Đồng Liên.

Thọ nhận giới điệp quy quy xong, cả nhà vui mừng ra lạy tạ ơn thầy.

Đêm rằm trăng sáng vằng vặc, ánh tơ vàng rủ khắp cõi nhân gian, những ngọn hoa đăng thấp sáng quanh tôn tượng bốn sư như những vì sao cứ lung linh nhấp nháy sáng, mùi trầm hương thoang thoảng khắp sân chùa. Thanh Đồng Liên đốt một ngọn nến thơm cung kính đặt dưới chân tượng Phật bốn sư, cô thì thầm:

- Con là Phật tử mới, pháp danh Thanh Đồng Liên. Con gởi chút lòng thành theo làn hương và ánh sáng của ngọn nến này, cúng dường Phật. Cầu Phật gia hộ cha mẹ và gia đình an lạc, cầu cho mọi người sống trong tình thương, tỉnh thức và trách nhiệm. Thế giới này nhiều tai ương, khổ nạn. Con người đang tàn hại nhau, tàn hại thiên nhiên và muôn loài. Ngày Phật đản sinh, đem ánh sáng soi rọi vô minh. Ngày Phật đản sinh, thế giới này có một đấng cha lành dẫn dắt. Cầu mong mọi người tin và đi theo con đường mà Phật đã chỉ dạy.

Thanh Đồng Liên lễ xong lui ra, Thanh nắm tay cô đi dạo quanh vườn chùa, ánh trăng soi bóng hai người sánh bước, những pho tượng La Hán dường như đang mỉm cười với cô.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Trời về khuya, hơi sương hơi lành lạnh, bóng trắng bàng bạc xuyên qua những tán lá bồ đề dật nên những hoa đốm khắp sân chùa.

THÀNH VIJAYA

Trời vừa sập tối, vàng trăng tròn vành vạnh lơ lửng trên không tỏa ánh sáng bàng bạc khắp sơn hà. Không biết đã tự bao đời, cứ mỗi độ trăng tròn là mọi người lại tụ về bên tháp Bạc. Không luận là người của thị tộc Dừa hay Cau, không kể là quý tộc hay hạng bình dân...Đêm trăng tròn là lúc tuyệt vời nhất của dòng thời gian bất tận vô thủy vô chung. Đêm nay tháp Bạc trang hoàng rực rỡ, nào cờ xí, phan, lọng...hàng ngàn ngọn đuốc cháy rực rỡ quanh tháp. Tháp Bạc sừng sững trên ngọn đồi đất đỏ, dưới chân là một khúc quanh của dòng sông Côn luôn đầy ắp nước, kể cả những lúc khô hạn.

Bọn ca nhi bắt đầu múa hát véo von, những dải lụa tung lên như những làn mây, những đôi ta ngà ngọc cong cớn cùng sự uốn éo của tấm thân kiều diễm. Bọn đồng nam cũng lảng xăng lo dâng lễ vật để tế thần Shiva. Sau khi tế lễ xong thì mọi người sẽ nhập tiệc hoan ca cho đến tàn canh.

Vị phó vương Vinarachandara ngồi trên tấm thảm Ba Tư lắc lư theo tiếng kèn của thầy tư tế. Cung nữ hầu quạt và lắc những cái lồng xông khói đàn hương, mùi hương và khói trầm lan tỏa cả ngọn đồi; thức ăn, hoa quả liên tục được dâng lên. Cảnh tượng cứ như hỷ tiệc hoan ca ở cung trời phạm thiên Brahma.

Xa xa dưới chân đồi bọn thường dân và nô lệ cũng muốn lên

đòi nhưng đám lính canh và hộ vệ sừng sộ la hét chặn lại:

- Lũ chúng mày không được phép lên đòi, đừng làm ô uế đến các bậc cao quý!

Tuy vậy vẫn có một số len lỏi lên được, bọn cấm vệ quân lập tức xông ra đánh đuổi túi bụi. Vị phó vương nghe ồn ào hỏi chuyện gì xảy ra, người hầu cận thưa:

- Bọn thường dân và nô lệ cũng muốn lên đòi.

Ông đứng dậy đi xuống gần với đám cấm vệ quân bảo:

- Đêm nay trăng tròn, mừng mùa màng bội thu, hãy để cho bọn họ lên đòi, đừng làm hỏng tiệc hoan ca!

Tay trưởng cấm vệ quân thưa:

- Thưa phó vương, bọn thấp hèn ấy sao có thể lẫn lộn với bậc cao quý được?

Phó vương Vinarachandara cười:

- Họ cũng là người, cũng có tánh giác như ta nhưng vì kém phước nên mới sanh ra vậy thôi!

Y lại trình bày:

- Thưa phó vương, bọn thường dân và nô lệ sanh ra từ bàn chân của thần Brahma sao có thể bằng với bậc cao quý sanh ra từ miệng và đầu của thần được?

Phó vương nhìn vào mắt y và từ tốn:

- Nhưng đáng thiên nhân sư Sakyamuni dạy: “Tất cả chúng sanh vốn đồng một thể”! năm xưa ngài vốn là thái tử cao quý

nhưng đã từ bỏ tất cả để tu đạo, sống hành khát...Khi ngài đắc đạo thì độ cho tất cả mọi người, không phân biệt sang-hèn, trí- ngu, cao- thấp...Ngài bảo tất cả đều giống nhau nhưng vì mê - ngộ mà sanh ra sai biệt!

Trưởng cấm vệ quân không dám cưỡng mệnh nên để cho mọi người lên đòi nhưng y hậm hực mách nhỏ với mấy thầy tư tế. Bọn đạo sĩ Bà La Môn bèn kéo đến cật vấn:

- Thưa phó vương, sao ngài lại cho đám người hạ tiện lên đòi? chúng làm ô uế thần Brahma, làm nhơ bẩn đến người tôn quý!

Phó vương ôn tồn:

- Bọn họ cũng là người, ta lấy lòng từ bi đối đãi với họ. Bọn họ đã phục dịch, đã thu hoạch mùa màng xong...cũng nên cho bọn họ chút niềm vui.

Mấy đạo sĩ Bà La Môn vẫn khăng khăng:

- Thưa phó vương, ngài quên lời thần Brama rồi sao? ngài muốn theo ngoại đạo? chúng tôi e rằng thần Shiva sẽ giận dữ và giáng họa đó!

Phó vương bảo:

- Sao là ngoại đạo? các thầy tư tế quên rằng từ đời vương Indravaman đã tin Phật Sakyamuni. Vương đã cho xây tháp và tạc tượng Sakyamuni thờ ở Đồng Dương, Trà Kiệu. Rồi các đời vương sau cũng thế, nay vương Harivaman cũng cho thờ tượng Sakyamuni Phật ở trong tháp này, sao bảo là ngoại đạo được! Ta vẫn tôn thờ thần Shiva, ta không nghĩ thần sẽ giáng họa. Tượng Phật Sakyamuni thờ ở đây đã lâu mà thần

có giận hay trừng phạt chi đâu. Các thầy chớ có quá lo lắng, việc ta làm thì ta chịu!

Các thầy tư tế kkhông vui nhưng không biết làm sao bèn lui đi, tiệc hoan ca lại tiếp tục, ánh trăng càng về khuya dường như càng đậm đặc hơn, sắc vàng lẩn đi màu bạc lúc đầu hôm. Bọn ca nữ dường như lâng lâng cả, không biết vì men rượu hay vì nhập thần mà khúc hát càng réo rắt hơn. Vị phó vương cho gọi cô Nimphondara lại ngồi bên. Cô ta là ca nữ trẻ nhất trong bọn, nhan sắc bá mị thiên kiều, giọng hát trong vắt và cao vút làm bao nhiêu người mẩn mê. Phó vương rất yêu mến cô, đêm càng về khuya ánh trăng lung linh huyền hoặc như chảy trên tháp. Sơn hà dần dần lạnh trong sương. Vị phó vương lấy áo bào choàng cho Nimphondara , đâu đó tiếng cú rúc nghe ròn rợn cả đất trời.

Hôm sau, phó vương nhận được lệnh gọi vào chầu. Vua Harivaman hỏi:

- Ta nghe khanh cho bọn hạ tiện lên tháp Bạc làm ô uế thần linh trong đêm trăng tròn. Bọn thấp hèn lên đòi làm lỡ tiệc hoan ca của các bậc cao quý.

Phó vương biết là bọn tư tế xâm tấu lên vương, ngài quỳ tâu:

- Bẩm bệ hạ, thần rất mực cung kính thần Brama , thần Shiva, thần Visnu...không hề xúc phạm đến phạm thiên. Sở dĩ thần cho bọn thường dân và nô lệ lên đòi là vì bọn họ đã phục dịch, mùa màng đã bội thu, quốc gia cường thịnh...đêm trăng tròn mở tiệc hoan ca cũng nên cho bọn chúng chút niềm vui. Vả lại Phật Sakyamuni cũng đã bảo:” Chúng sanh vốn đồng một thể tánh” kia mà!

Vương lại nói:

- Thần Brama cấm bọn hạ tiện, bọn Thủ Đà La không được đến gần người cao quý.

Phó vương thưa:

- Phật sakyamuni vốn là thái tử , tu đắc đạo đã không từ bỏ một ai, dù là người hạ tiện nhất. Ngài tuyên bố: không có giai cấp khi mà nước mắt cùng mặn, máu cùng đỏ!

Vương Harivaman giọng nghi ngờ:

- Vậy phó vương đã bỏ Brama để theo Sakyamuni Phật rồi à?

Phó vương giải thích:

- Muôn tâu bệ hạ, thần vẫn một mực cung kính phạm thiên brama nhưng bệ hạ thấy đấy! các tiên vương đã thờ tôn tượng Sakyamuni từ Đồng Dương, Trà Kiệu. Thành Indrapuka và cả kinh đô phụng thờ Sakyamuni Phật. Nay tại thành Vijaya này cũng thờ tượng Sakyamuni, giữa thành này có cả ngôi tháp Đồng tôn trí tượng của ngài Sakyamuni...Thần chỉ vâng theo chứ đâu dám tự tiện!

Vương nói:

- Việc tôn trí các tôn tượng Sakyamuni Phật vốn có từ nhiều đời, các tiên vương cũng sùng Phật, ta cũng tin Phật. Ta đã đọc qua giáo lý của ngài và chấp nhận đời là vô thường, là khổ ... Ta cũng ban rải tình thương bằng cách giảm thuế khoá, bớt phu phen tạp dịch, tha bổng hình ngục....Ta cũng cho tạc tượng Sakyamuni Phật thờ ở tháp Đồng nhưng ta vẫn không quên mình là con thần Brama. Ta vẫn sợ thần Shiva

nổi giận, nhanh cần cần trọng kéo không thần sẽ giáng tai họa diệt vong xuống thành Vijaya này!

Phó vương dập đầu:

- Thần vâng mệnh!

Năm ấy việc thờ Phật Sakyamuni lan rộng toàn cõi Champa, thành Vijaya nối tiếp thành Indrapuka xây tháp thờ Sakyamuni tuy nhiên không hưng thịnh bằng, việc chiêm bái ngày càng sâu rộng trong hoàng gia nhưng ngoài dân chúng lại chưa được là bao. Thiền sư Thảo Đường từ Bắc Tống sang giảng pháp cho vương và hoàng thân quốc thích. Sứ giả Đại Việt mang tặng vật của vua Trần gửi mấy bộ kinh và tôn tượng Sakyamuni Phật bằng đồng đen. cả thành Vijaya và hoàng gia hoan hỷ mến mộ Phật đạo cho dù vẫn còn tôn thờ phạm thiên. Cũng năm ấy, vua Chân Lạp biếu tặng một viên ngọc xá lợi, vua Tiêm La tặng bộ kinh tiểu bộ. Ngày rằm tháng trăng tròn Vesak. Vương dẫn bá quan và cả các thầy tư tế lên đồi đem ngọc xá lợi an trí trên ngôi tháp cao nhất của thành Vijaya.

THẦY VẤN THIỀN MỌI ĐÊM

Tiếng chuông bong bong ngân dài theo con nước chảy của dòng Hà Thanh, lại vang lên xuyên qua tán lá xanh um của những tàng nhãn, xoài, vú sữa cổ thụ. Chùa Châu Liên nằm nép mình dưới những tàng cây quanh vườn. Mỗi chiều tiếng chuông lại lay động không gian trước khi mặt trời dần xuống thấp. Dân các tổng An, Phước, Lộc, Thọ... cũng như muôn loài chim đã quen với tiếng chuông, mỗi khi chùa chuông vang lên thì người thu xếp việc đồng áng, chim bay về quanh vườn ríu rít trên cây.

Chẳng biết chùa dựng lên từ bao giờ, tuy nhỏ nhưng dáng vẻ cổ kính rất đẹp, hài hoà với cảnh vật ở đây. Có những mùa lụt lớn dâng lên, những cơn bão dữ thổi qua nhưng cũng chẳng làm hư hao gì mấy. Hồi còn chiến tranh, năm ấy hai bên đánh nhau dữ dội, máy bay Mỹ thả bom xuống căn cứ, những quả bom to và dài như trái bí đao, đặc biệt có một quả to bằng cái lu nước. Những quả bom ấy làm sập cầu Quán Cát, mộ tổ họ Nguyễn cách xa ba cây số, to như ngọn đồi, xây bằng đá ong, ô dước bị chấn động nứt toác ra và sụp đổ một phần, vậy mà chùa Châu Liên gần bên chẳng hề hấn gì. Dân quanh vùng xì xào bàn tán nhiều lắm, ai cũng cho là chùa linh, có long thần, thổ địa hộ vệ nên không bị sập.

Chùa nằm trên đồi Gò Đu, trước mặt là cánh đồng lúa xanh bát ngát, những cánh cò trắng chao lượn đẹp làm sao. Sau khi

chiến tranh kết thúc, người lại phát động đập phá chùa chiền, đình, miếu, đình...Miếu kê, đình Ngọc Thanh, đình Luật Lễ, Đình Vân Hội... đều tan tành, đồ tế khí bị lấy đi sạch trơn. Ấy vậy mà chùa Châu Liên một lần nữa thoát nạn, không một mây may bị hại, duy có lá cờ Phật giáo thường treo giữa sân chùa là phải hạ xuống mà thôi. Nhiều năm về sau lại có một phong trào khác, cơn lốc chùa to Phật lớn cần quét từ thánh thị tới thôn quê, từ miền xuôi lên miền ngược...những ngôi chùa cổ dù còn tốt vẫn bị triệt hạ để xây mới, những pho tượng cổ thì quét sơn loè loẹt. Nhiều người lên chùa xúi thầy xây lại chùa cho hợp với thời đại mới. Một ngày kia sau khi khoá lễ xong, đại gia Thạch ghé chùa:

- Thưa thầy, con xin cúng dường mười tỷ để thầy xây lại ngôi chùa cho to lớn, khang trang hơn.

Những Phật tử ở đây nghe thế thì mừng ra mặt, bà Bảy Hưng cười:

- Quý hoá quá, đại gia Thạch có tấm lòng Bồ tát.

Ông Hai Quá cũng khen

- Đại gia Thạch có tâm tu, còn trẻ mà hiến mười tỷ để xây chùa là hiếm lắm!

Bà con Phật tử quanh vùng ai cũng xuýt xoa ca ngợi đại gia Thạch không tiếc lời. Thầy trầm ngâm một lát rồi nhỏ nhẹ:

- Thầy cảm niệm tấm lòng của anh nhưng thầy không dám nhận số tiền này, mong anh thông cảm!

Đại gia Thạch hỏi:

- Tại sao?

Thầy bảo:

- Bây giờ thầy chưa thể nói được, nhưng từ từ rồi anh sẽ biết thôi.

Đại gia Thạch ra về với vẻ bất mãn, bà con thì cũng tiếng bác tiếng chửi, nhiều người tiếc nuối món tiền lớn:

- Ông thầy già cả nên an phận thủ thường, không chịu khuếch trương phát triển như các chùa khác.

Thượng tọa Quý Tài từ chùa Thọ Lộc đến chơi hỏi:

- Nghe nói có đại gia hiến mười tỷ xây chùa mà huynh không nhận?

Thầy khẳng định:

- Ừ, ông ấy hiến tiền nhưng tôi không nhận.

- Tại sao?

- Mình xuất gia tu học là để ngộ đạo và giải thoát, chùa to Phật lớn chỉ là cái mã bề ngoài, không đáng gì đến con đường giải thoát cả! Mặc khác nó còn là sự dính mắc đấy, và lại chùa này còn rất tốt, tuy chưa phải là danh lam cổ tự nhưng cũng là chứng tích trăm năm của vùng đất này. Tôi không nỡ đập đi để xây mới,

Thượng tọa Quý Tài lại nói:

- Thời thế hôm nay khác, phải chùa to Phật lớn mới độ chúng được.

- Không, thượng tọa nhầm rồi! chùa to Phật lớn là để du lịch, người ta đến chụp hình đăng mạng xã hội, để tô vẽ mặt mày

đấy thôi! Có mấy ai đến để mà ngồi xuống tịnh tâm đâu? càng to, càng hào nhoáng thì càng lảng xảng rộn ràng. Ngày xưa Phật bỏ cả cung vàng điện ngọc, hà có gì giờ lại cố xây cho đồ sộ, sơn phết vàng son rồi nguy ngôn bảo là vì Phật pháp.

Thượng tọa vẫn cố biện giải:

- Người ta hiến mười tỷ, huynh không nhận, hoá ra làm thói thất tâm bồ đề của họ.

- Nay huynh đệ, hãy nhìn nhận cho rõ ràng một tí! nếu là tịnh tài thì tôi đâu nỡ từ chối. Thượng tọa cũng biết đấy, đại gia Thạch giàu kinh khủng, là tay có máu mặt của địa phương, kết thân toàn tai to mặt lớn. Y khai thác đá xuất khẩu, những ngọn núi quanh vùng như: Hòn Vồ, Hòn Thơm, Hòn Bé, Hòn Chài... bị phá tan hoang, thảm thực vật bị hủy diệt, thú hoang tuyệt chủng, những sườn núi lở loét, mỗi khi mưa xuống nước cuốn đất đỏ chảy thành dòng như dòng máu từ thân núi chảy ra, những dòng nước đầy đất, sỏi, đá lấp cạn ruộng vườn, đường xá. Những xe tải hạng nặng chở đá cày nát hết đường xá hương thôn, môi trường ô nhiễm kinh khủng... dân kêu trời như bống, khiếu kiện không ăn thua gì, quan quyền ngậm miệng ăn tiền nên không ai dám đụng đến y. Những đồng tiền từ máu của núi rừng ấy, từ nỗi thống khổ của dân lành... Làm sao ta có thể nhận những đồng tiền ấy để xây chùa? và lại tôi cũng quán xét mà biết, việc này không phải phát xuất từ tâm thành của anh ta, chẳng qua là lòng anh ta có nỗi bất an, lo sợ quỷ thần trách phạt nên mới làm vậy hòng kiếm phước hoặc sự che chở.

Thượng tọa Quý Tài vẫn không chịu, vót vát thêm:

- Dù sao anh ta cũng làm một việc tốt, xây chùa to sẽ ảnh

hưởng tích cực đến xã hội.

Thượng tọa cáo lui nhưng lòng không vui, về đến chùa còn nói với các huynh đệ khác:

- Tôi quyên giáo muốn gây lười mà chỉ được một tỷ bạc, thầy Châu Liên khơi khơi có người hiến mười tỷ mà không chịu nhận. Ông ấy già nua, gàn dở và không thức thời.

Các vị tăng bàn tán kẻ bảo uổng, người nói bỏ lỡ cơ hội quý... Riêng có một ông tăng còn rất trẻ, không nói một lời nào, vẻ mặt thoáng một nét cười nhẹ mà bỏ đi. Chuyện đến tai giáo hội, các vị chức sắc cử thầy Đắc Danh về thuyết phục:

- Thầy nên vì giáo hội mà nhận khoản tiền ấy để xây chùa, xây chùa to có lợi cho bá tánh mà giáo hội ta cũng thơm lây, Phật giáo nước nhà vẻ vang, xã hội an định...

Thầy Châu Liên cười:

- Chùa Châu Liên này còn vững chãi lắm, hà cớ gì phải xây lại?

- Xây chùa to là để tạo khí thế cho quần chúng tu học, tăng ni phấn khởi, xây chùa dựng tháp để tiền đồ Phật giáo vững mạnh và phát triển.

- Thầy nhầm rồi! tiền đồ Phật giáo hưng thịnh hay không, không phải ở nơi chùa to Phật lớn mà là do có tinh tấn tu học, giới luật tinh nghiêm hay không mà thôi! Thầy có biết không? đời Trần, Phật giáo nước ta cực kỳ hưng thịnh, tăng lữ gắn kết chặt chẽ với quý tộc triều đình, cúng dường tiền bạc đất đai quá nhiều, tiêu biểu như chùa Quỳnh lâm, có đến ngàn mẫu

ruộng. Khi triều Trần sụp đổ, Phật giáo nước mình cũng suy vi suốt mấy trăm năm sau. Đây là thời mà có nhiều bậc long tượng trụ thế, nhiều tông lâm thạch trụ xuất sắc, nhiều hành giả kiệt xuất mà còn thể hưởng chi là đời bây giờ.

Thầy Đắc Danh vẫn không chịu:

- Phật giáo các nước có Angko vat, Angko Thom, Borobudu, Thiệu Lâm Tự... thì ta cũng phải có cái gì tương tự để mà hành diện chứ.

Thầy Châu Liên lắc đầu:

- Người học Phật tối kỵ việc so sánh, đua đòi, dính mắc danh sắc. Quốc độ mỗi nơi mỗi khác, vả lại đời vô thường, các pháp hữu vi sanh diệt liên miên, thành trụ hoại không không có hạn kỳ. Thầy là người xuất gia, lẽ nào quên hay sao?

Không thuyết phục được thầy Châu Liên, thầy Đắc Danh quày quả bỏ về, chuyện tượng thế thì thôi, nào ngờ chức sắc từ quận xuống:

- Tại sao có người hiến tiền xây chùa mà thầy từ chối? xây chùa to cho đẹp địa phương ta, thu hút khách du lịch, chùa cũng có lợi mà địa phương cũng có thêm thu nhập. Chúng tôi sẽ hỗ trợ thầy!

Thầy từ tốn:

- Các anh thấy đấy, chùa Châu Liên gắn bó với địa phương cũng non trăm năm rồi, đem lại bình an cho dân các tổng trong bao nhiêu năm, dù thiên tai, dù chiến tranh...Chùa cũng là dấu ấn mở đất, lập cõi của cha ông, là nơi người sống nương tựa tinh thần, người chết gửi nắm tro tàn để nghe kinh,

hương hương hoa. Người xuất gia hay tại gia cũng đều biết câu “ An cư lập nghiệp”. Chùa Châu Liên vốn đang an, đang tốt, khi không đập bỏ để xây lại thì tổn hại đến tài lực dân, động đến long thần thổ địa và bao nhiêu chúng sanh khác.

Người của quận vẫn khẳng khẳng:

- Các địa phương khác đều có chùa to phật lớn cả, lẽ nào địa phương ta chịu thua?

Thầy Châu Liên khuyên:

- Đừng làm con gà mà tức nhau tiếng gáy, quan trọng là đất thanh dân an, xã hội thái hoà!

O ép năm lần bảy lượt không xong, họ bỏ về với vẻ mặt cáu kỉnh dọa:

- Để xem ông ấy cứng cựa được bao lâu!

Tối hôm ấy thầy ngồi thiền, bất chợt nghe thoảng mùi tanh, hé mắt nhìn thì thấy một cặp Ma Hầu La Già đập đầu quầy sau lưng:

- Tạ ơn hoà thượng, nhờ bản lãnh của thầy mà chùa này không bị triệt hạ. Chúng con nhờ thế mà không bị mất nơi nương tựa. Chúng con ở đây đã gần trăm năm, ngày đêm nghe kinh kệ, hưởng khói nhang... Ôn này khắc sâu tim óc không bao giờ quên.

Thầy vẫn ngồi yên bất động, nghe rõ mồm một nhưng giữ vững chánh niệm, lát sau thì có một người phục sức như võ tướng, tay cầm kim cương xữ bước vào và sụp lạy:

- Tạ ơn thầy, nhờ thầy mà chùa Châu Liên không bị phá bỏ,

các chùa khác đều bị đập đi xây mới. Hộ pháp chúng con dù hết lòng yêu mến những ngôi cổ tự nhưng không làm gì được hơn trong thời pháp nhược ma cường này! Châu Liên có thể nói là một hiện tượng lạ, vẫn tồn tại vững chãi, dù trải qua lũ lụt, giông tố, chiến tranh và con lốc đập cũ xây mới, đất lành cũng nhờ người đức lớn. Con nguyện đời đời hộ pháp, hộ tăng, hộ tất cả những ai có lòng với đạo pháp.

Thầy vẫn ngồi yên lặng, trông vững chãi như sơn, mùi hương trầm phảng phất, ngọn đèn bạch lập leo lét lung linh. Tượng Thế Tôn trên toà như thoáng mỉm cười, nụ cười nhẹ như gió thoảng mây bay, nụ cười không phải ai cũng nhìn thấy, nụ cười như hư không mà lại mênh mông và hùng tráng. Trời, người trông thấy đều sanh lòng cung kính năm vóc gieo sát đất. Khung cảnh điện đường như đang ở cung trời cổ độ nào chứ chẳng phải của quốc độ này. Thổ địa bước vào lạy Phật xong qùy thưa:

- Bạch thầy, con là thổ địa coi sóc cuộc đất này. Chùa Châu Liên ở đây cũng non trăm năm, thế đất tốt, cư dân hiền hoà, từ khi thầy về trụ thì càng ngày càng hưng vượng hơn. Đạo hạnh thầy cảm hoá được nhân gian và bao loại phi nhơn. Những loại phi nhơn về đây nương tựa tam bảo, nghe kinh, thính pháp ngày càng nhiều. Bọn họ đều phát nguyện hộ pháp, hộ tự, hộ nhân... Cũng có những kẻ có tâm sân hận, ích kỷ, quấy phá nhiều chúng nhưng con đều khắc chế nhiếp phục. Chúng con tạ ơn Phật, ơn thầy!

Bên ngoài Phật điện lúc ấy có vô số hoa trắng từ trời rơi xuống như mưa. Các vị thiên xuất hiện đầy sân chùa đồng thanh xưng tán cúng dường

Thế Tôn, Thế Tôn

Đấng đạo sư của muôn đời
Ánh sáng trí huệ soi sáng ba ngàn thế giới
Lòng từ ban rải khắp mười phương
Chúng con trời, người
Quy y đánh lễ
Hôm nay rải hoa cúng dường
Bạc khí phách kim cương
Thời mật pháp
Thầy vững chãi giữ gìn chánh pháp

Hôm sau, phiên chính chợ Bà Bầu, dân các tổng cứ đồn đại chuyện chùa Châu Liên không ngớt. Sau phiên chợ, có người lên chùa hỏi thầy:

- Đêm qua chùa có lễ gì mà dân các tổng không ai hay biết? người các tổng thấy cả ngôi chùa và khu vườn sáng lung linh như hội hoa đăng, sáng nay ngoài chợ người ta bàn tán râm ran.

Thầy cười:

- Có lễ gì đâu, thầy vẫn thiền như mọi đêm thôi!

TIỂU TRẦN THANH CHÂU SA

Miền Tây đầy nắng gió, những rặng núi đá Bazan đỏ rực một màu. Sa mạc cát trải dài ngút mắt, suốt ngày gió rông rờ thổi không ngừng nghỉ, chúng đùa cợt với cát, di dời những đụn cát lúc thì tạo thành những triền đồi, lúc thì như những gợn sóng kéo dài đến vô tận. Cái nắng như thiêu đốt, hầu như không loài vật hay cây nào chịu nổi, chỉ có những loài xương rồng và những con kỳ đà sa mạc là nhớn nhoe như thách thức tạo hoá vậy!

Cách đó chừng vài mươi dặm về hướng nam lại có một ốc đảo xanh tươi đến lạ lùng, những cây chà là trĩu quả, nước ngọt thanh khiết như thể từ tuyết sơn vậy. Ở đây có một trấn nhỏ không biết có tự bao giờ, những ngôi nhà kiến trúc thời thuộc địa vẫn còn đó chen lẫn vào là những ngôi nhà kiểu thổ dân bản địa. Trấn có tên là Thanh Châu Sa, có lẽ khi những người đầu tiên đến đây lập trấn họ thấy toàn cát và núi đỏ nên gọi vậy chăng? Cư dân trong trấn tuy hiền hoà nhưng khá cục bộ và ít muốn mở rộng giao tiếp. họ có vẻ mãn nguyện với cuộc sống ở đây. Họ chẳng cần quan tâm đến thế giới ngoài kia đang biến đổi như thế nào. Toàn trấn có chừng vài trăm cư dân gốc Việt, những cư dân này đến đây cũng đã mấy mươi năm. Trông họ có vẻ điềm đạm, an hoà hơn những người đồng hương ở các thành đô lớn và các vùng khác của xứ sở này!

Thầy có lần ghé qua trấn theo lời mời của một gia đình Phật tử vốn quen biết từ mấy mươi năm trước. Thầy chợt cảm thấy có cái gì đó hứng khởi và thích thú với vùng đất này, dường như tâm thầy cảm nhận được làn sóng vô hình của trời đất nơi đây, nói theo kiểu nhà Phật là cơ duyên đã chín muồi. Thầy bèn trụ tích, chọn nơi đây làm điểm dừng chân trên con đường hoằng pháp. Khi nghe thầy quyết định ở đây, nhiều huynh đệ khuyên:

- Vùng sa mạc hoang vu, người không có bao nhiêu, trụ ở đây thì lợi ích gì?

Còn những đồng hương Phật tử xa gần khi nghe thầy về Thanh Châu Sa trấn thì ái ngại:

- Ở đây ít người Việt, khí hậu khắc nghiệt, dân địa phương ít thân thiện...Thầy ở đây chắc không thuận tiện đâu!

Thầy cảm ơn tất cả nhưng ý thầy đã quyết thì không thể nào lung lay được, người ngoài làm sao biết được cái cảm xúc khi mà tâm thầy giao thoa với làn sóng điện vô hình của mảnh đất này. Thầy cũng tự nhủ:

- Mình đi tu không phải để hưởng thụ, tìm nơi sướng...Đi tu là nối tiếp bước Thế Tôn, đem giáo pháp đến mọi nơi, vả lại đây là vùng biên địa chưa tiếp xúc Phật pháp bao giờ thì lại càng cần thiết biết bao.

Thầy dành dụm tiền cúng dường, tiền ủng hộ của các đồng tham đạo hữu...mua trả góp một căn nhà nhỏ và sửa sang thành một đạo tràng nho nhỏ, xinh xinh, tuy đơn sơ nhưng rất thanh tịnh. Ngay khởi đầu đã khá thuận lợi, vì vùng này xa xôi nên tiền nhà đất cũng rẻ thật nhiều so với những vùng

khác. Thầy lấy tên trần làm tên đạo tràng luôn thể, tự tay thầy khắc vào tấm gỗ thông bốn chữ: Thanh Châu Sa Tự và treo trước hiên nhà. Ngày mở cửa thầy mời những người Việt trong trấn và cả những người bản địa láng giềng. Buổi sáng hôm ấy trời trong xanh và gió mát dịu lắm. Thầy làm lễ sám tịnh, khai môn và an vị luôn, rất đơn giản, không rườm rà và cầu kỳ như những buổi lễ mà ta thường thấy. Sau đó thầy khoản đãi trà và bánh ngọt. Mọi người vui vẻ và trao đổi khá thoải mái. Ông James, một người da trắng sống gần bên chỉ tượng đức Bồ Đề Sư hỏi:

- Phật, ông ấy là thượng đế hay thần?

Thầy giải thích:

- Oh không, đơn giản chỉ là một người giác ngộ và chỉ đường mà thôi!

Ông ta lại thắc mắc:

- Giác ngộ cái gì và chỉ đường đi đâu?

Thầy bảo:

- Phật là bậc giác ngộ, giác ngộ lẽ thật của cuộc đời này là vô thường. Con người, vạn vật và thế giới vốn vô thường, luôn thay đổi, sanh - diệt trong từng phút giây. Giác ngộ đời là khổ, mọi người sống trong sự ràng buộc lẫn nhau. Giác ngộ nguồn gốc của khổ đau và chỉ ra con đường thoát khổ, chỉ cách giải thoát mình và giúp người cùng giải thoát.

Ông James lại nói:

- Sao ông Phật không mang chúng ta ra khỏi ràng buộc khổ đau? Sao không ban cho chúng ta sự hạnh phúc an lạc?

Thầy từ bi cười:

- Bệnh nhân là người có bệnh, bác sĩ cho thuốc và hướng dẫn điều trị, muốn hết bệnh thì người bệnh phải uống thuốc và hành theo chỉ dẫn. Giả sử bác sĩ uống thuốc giùm cho người bệnh thì người bệnh đâu có hết bệnh được!

Tiếng vỗ tay tán thưởng rào rào, vợ chồng ông Boyce thì thâm trao đổi gì đấy rồi hỏi thầy:

- Ông Phật không phải thượng đế cũng không phải thánh thần, vậy đây có phải là một tôn giáo không?

Thầy lại gần hai người và cười từ ái:

- Nếu hiểu là một tôn giáo cũng được mà nói là một sự giáo dục của Phật cũng không sai, thậm chí cho là một hệ thống triết học hay nhân sinh quan...cũng đúng cả! Phật giáo gồm thân cả, cái nhãn mác không quan trọng, cái chính là thực hiện những chỉ dẫn!

Bà Barbara giờ tay xin nêu lên vấn đề:

- Vậy muốn theo Phật thì phải làm sao?

Thầy trả lời vấn tắt:

- Muốn theo Phật để thành tu sĩ thì khó, cần nhiều điều kiện và giới luật, phép tắc... còn chỉ là người tại gia thì rất đơn giản. Chỉ cần tin Phật, chịu quy y quay về nương tựa Phật và cần giữ gìn năm điều không nên làm sau: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu.

Bà Barbara bảo:

- Năm điều ấy là đạo đức căn bản, không cứ gì theo Phật mới phải giữ gìn năm giới này. Tôi nghĩ mọi người trên thế gian

này ai cũng nên giữ gìn, điều này sẽ đem lại an vui, hạnh phúc cho chính họ và những người xung quanh họ. Nếu ai ai cũng giữ gìn năm giới này thì xã hội bớt loạn động, phạm pháp, gia đình không xào xáo...

Thầy rất vui khi nghe bà Barbara nói thế nên tán thán:

- Bà thật dễ thương, nhìn nhận vấn đề thông thoáng và chính xác. Làm người ai cũng nên giữ gìn năm điều ấy, không cần chi cái nhãn mác là tín đồ của đạo nào.

Anh Thanh Việt, một cư dân ở đây trên hai mươi năm. Hôm nay là lần đầu tiên được gặp thầy và vui vì thấy ngôi chùa Phật đầu tiên. Anh xúc động như thấy cả quê hương được tái hiện qua hình ảnh ngôi chùa. Anh lên tiếng:

- Các chùa trong nước cũng như hải ngoại đều có xin xăm, bói quẻ, coi phong thủy, ngày giờ tốt xấu... Vậy thầy có làm không?

Thầy ngưng vài giây rồi khẳng định:

- Thật ra thì chỉ có các chùa Bắc tông mới làm thế! Phật giáo Bắc truyền chịu ảnh hưởng nặng nề của Tàu. Người Tàu thêm thoát nhiều thứ tà vào trong Phật giáo, những thứ mà anh vừa nói đều là sản phẩm Tàu cả. Thầy dung hoà giữa hai trường phái mà thực hành. Thầy cũng sẽ không làm những việc ấy vì nó vô ích, không giúp gì được cho việc phát triển trí huệ và giải thoát; thậm chí nó còn làm cho người ta thêm lạc lối vì mê!

Anh Thanh Việt lại hỏi:

- Thầy có thể giải thích pháp danh của thầy cho chúng con

hiếu?

Thầy cười thoải mái nhưng vẫn giữ đúng lễ:

- Sư phụ của thầy ban cho thầy là: Thanh Đồng Giáo, hy vọng là thầy đem lời dạy của Phật đi hướng dẫn, chỉ dạy cho mọi người cùng tu học để phát triển trí huệ và giải thoát. Pháp danh thường căn cứ theo tên cha mẹ đặt cho cộng với phẩm tính mà vị thầy nhìn thấy hay kỳ vọng nơi mình và cộng thêm vào đó là những chữ nối tiếp dòng truyền thừa..

Buổi trà đàm thật thân mật, thoải mái nhưng vẫn đúng lễ. Ai nấy đều hoan hỷ và hài lòng! cuối buổi, nhiều người xin phát tâm quy y theo Phật. Thầy làm lễ cho họ thệ nguyện quy y, giữ gìn năm giới. Thầy chọn cho mỗi người một pháp danh và giải thích rõ ràng:

- Chúng ta vốn có nhiều nhân duyên sâu xa xưa kia chứ không thể một sớm một chiều mà gặp nhau được! Hôm nay quả đã thành, sen đã nở. Mọi người đến đây cùng quay về nương tựa Phật. Chúng ta đều là con Phật, mong mọi người hãy mở lòng ra yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau, cũng giữ gìn năm điều căn bản trên cho cuộc sống hoà bình, an lạc. Ông Jame sẽ có pháp danh là: Thanh Đồng Tân, một người mới quy y, một cận sự mới, một người mới bắt đầu bước trên con đường giải thoát. Bà Barbara sẽ có pháp danh là: Thanh Đồng Huệ, huệ là loài hoa thơm thanh khiết, huệ còn là trí huệ. Bà là một cận sự nữ mới, hy vọng hương đức hạnh và trí huệ của bà ngày một phát triển. Chồng bà Barbara có pháp danh là: Thanh Đồng Phước, một cận sự nam mới, ông cùng với vợ đều là người mới tìm về ngôi nhà Phật Pháp, học Phật cần cả huệ lẫn phước. Anh Thanh Việt có pháp danh là: Thanh Đồng Hương, một cận sự nam, một vị con Phật vốn đồng hương với

thầy.

Mọi người vui vẻ và thích thú với pháp danh của mình. Ông James vợ chồng bà Barbara và tất cả đồng hương cùng chấp tay niệm danh hiệu đức Bốn sư và tạ ơn thầy.

Bầu trời sa mạc xanh ngắt không một gợn mây, nắng chói chang như đổ lửa, cát và gió cuộn vào nhau bay bốn phương trời. Ấy vậy mà Thanh Châu Sa vẫn xanh tươi, mát mẻ lạ thường. Cây bồ đề con mà pháp lữ tặng, thầy trồng trước sân đã bắt đầu trở lá non, trông cây rất khỏe mạnh và tràn đầy nhựa sống. Hôm nay cây còn nhỏ nhưng mai này Thanh Châu Sa sẽ có thêm một cội bồ đề góp phần che mát và làm trong lành thêm cho tiểu trấn này.

TRỘM HƯƠNG

Ánh trăng bàng bạc nhuộm cả không gian này, xuyên qua những tán lá tàng cây. Ánh trăng rơi xuống khu vườn tạo nên những hình thù kỳ lạ cứ lấp loáng, mỗi khi có cơn gió thổi qua thì biến thành muôn hình vạn trạng sinh động lạ lùng. Dưới ánh vàng ngà ngà, khu vườn trở nên đẹp một cách huyền hoặc nhưng thanh bình đến vô cùng. Hoa trong vườn lặng lẽ tỏa hương, những đoá hồng kiêu sa thì đã ngậm vành, hàng ngàn nụ lai thanh khiết hương bay ngan ngát, đám dã yên, hoa bướm... thì rực rỡ sắc màu, góc vườn hoa xoan thơm bát ngát. Riêng những đoá quỳnh thì lặng lẽ như muôn đời nay, từng lớp cánh mỏng xếp lớp như những lần lựa là xiêm y. Hoa quỳnh là những lớp xiêm y hay xiêm y xếp lại tạo thành thì cũng chẳng ai dám đoán chắc cả! mùi hương cũng thanh tao, thoát tục lắm.

Khu vườn đang tịch mịch bỗng nhiên có tiếng nói, tiếng cười văng vẳng:

- Ô, các bạn xem kia! những đoá quỳnh đang nở dưới trăng, nõn nà trinh bạch và thơm quá.

Một bọn nữ liêu trai từ đâu kéo đến khu vườn, đưa thì nâng niu hoa hồng, đưa thì vờn quanh hoa bướm... Một lát thì cả bọn cùng xúm quanh mấy chậu quỳnh, ngắm nghía say sưa rồi bắt đầu múa hát véo von. Khu vườn dường như sáng lấp

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

lánh dưới trăng, xiêm y của các nữ liêu trai rập rờn như những làn sóng quanh những đoá quỳnh...Người chị cả bảo:

- Nay các em, đêm nay trăng đẹp và hoa quỳnh nở, đây là giây phút tuyệt nhất của bọn chúng mình. Vậy ai sẽ sáng tác và ngâm một đoản khúc mừng hoa đây?

Cả bọn nhao nhao:

- Chỉ có Thanh Nguyệt Hoàng là thích hợp nhất, cô ấy thi tứ phong phú lại có giọng ca trong trẻo như pha lê.

Thanh Nguyệt Hoàng bẽn lẽn cười nhưng cũng bước ra và bắt đầu ngâm:

Xiêm y vũ khúc nghệ thường
Tháng ngày chịu nổi gió sương mà thành
Đêm nay trời đất an lành
Bốn phương hội tụ một cảnh thiên hương

Tiếng hoan hô, tiếng vỗ tay rộn vang cả khu vườn! Bất chợt có tiếng hét:

- Bọn nữ liêu trai to gan, dám vào vườn trộm hương!

Cả bọn giật mình kinh sợ, lúm lét nhìn quanh thì thấy một người cao to, ăn vận như võ quan. Cả bọn định thần lại thì ra là thần giữ vườn. Người chị cả lấy can đảm bước ra:

- Thưa ngài, chúng em thấy vườn đẹp dưới trăng nên tụ lại hát ca mừng hoa nở chứ nào có ý trộm hương!

Thần giữ vườn vẫn thị uy:

- Hoa nở hương tỏa là để cúng dường Thế Tôn, nào phải để

cho các cô thưởng thức!

- Dạ, chúng em cũng biết vậy nhưng chúng em chỉ múa ca, ngâm vịnh nào có ảnh hưởng gì đến hương. Cô chị nhỏ nhẹ thưa

Y vẫn hồ đồ đe nẹt:

- Không cãi lời thôi, các cô phải bị trừng phạt!

Lúc ấy có một người từ sau những lùm cây bước ra, trông có vẻ nho nhã nhưng phục sức thì giống tăng nhân, tướng người thanh cao và tiêu sái lắm. Người ấy có giọng nói khá thanh nhưng tiềm tàng nội lực rất thâm hậu:

- Thưa ngài, các cô ấy nào có ý trộm hương, xin đừng làm khó bọn họ.

Thần giữ vườn vẫn khăng khăng:

- Các cô ấy phải bị trừng phạt, tôi chỉ làm trách nhiệm của tôi.

Người kia bèn bảo:

- Các cô ấy múa hát làm cho khu vườn thêm đẹp. Hoa quỳnh có thêm các tỷ muội, xiêm y trên cành và xiêm y của các cô ấy cũng hoà vũ khúc dưới trăng... Một cảnh tượng như bồng lai tiên cảnh, lẽ nào ngài không thấy? Tôi có vật này xin bảo lãnh cho bọn họ.

Nói xong, người ấy giơ cao một vật gì đó có vẻ như là thẻ bài ngà hay là cái pháp phái mà các vị trưởng lão thường đeo để hộ thân. Thần giữ vườn có vẻ xui hấn:

- Nể lòng ngài tôi không bắt tội các cô ấy nhưng mỗi người

phải để lại một giải lụa trên cành hoa quỳnh.

Các nữ liêu trai mừng rỡ cười và cảm ơn vị khách lạ kia:

- Xin cảm ơn ngài đã nói giúp cho, xin cho bọn em được biết quý danh.

Người khách lạ bảo:

- Ta vốn là du sĩ Thanh Hoàng Tú, trước kia từng thọ giới với hoà thượng Thanh Đồng Nguyên trong hai mươi năm, công phu cũng khá, kiến văn cũng đủ nhưng vì bản tánh trắng hoa không buông đặng nên phút cuối lúc lâm chung đọa, may nhờ dư phước nên làm khách sĩ ở Phù Dung trấn này, vậy còn các cô thì sao?

Người chị cả thưa:

- Bọn em vốn là ca nữ của thành Hạc Hoa, lúc sống lấy đêm làm ngày, dâng tiếng ca cho người mua vui, những trận cười thâu đêm, cuộc vui đầy tháng nơi cao lầu, trà đình, tửu điểm...Khi còn thanh sắc thì bọn công tử, đại gia đua nhau đưa đón, khi tàn thì họ vứt như chiếc dép rách. Sau khi chết vẫn còn chút phước nên được ngụ ở đây, thức ăn dồi dào, áo quần không thiếu...Mỗi mùa trăng đều đến đây thưởng hoa, không hiểu sao đêm nay lại bị thần giữ vườn làm khó?

Vị khách sĩ nói:

- Các cô không biết đó thôi, ông ấy vốn là quan đốc trấn Phù Dung trong ba mươi năm, tuy thanh liêm nhưng vì quá yêu trấn này nên khi chết thần thức không chịu đi vẫn ở lại đây. Giờ ông ấy là thần giữ vườn vậy!

Bọn nữ liêu trai cùng ồ lên:

- Thảo nào bọn em thấy đáng và nghe giọng quen quen nhưng không biết là đã gặp ở đâu.

Vị khách sĩ hỏi:

- Các cô có thấy điều gì rất lạ thường trong đêm trăng ở khu vườn này không?

Cả bọn nữ liêu trai ngơ ngác nhìn nhau, tím tím bàn tán nhưng chẳng phát hiện ra điều gì khác thường cả. Bấy giờ vị khách sĩ cười nói:

- Hoa quỳnh vốn nở vào mùa thu, hôm nay là tháng tư có sao hoa quỳnh lại nở?

Cả bọn ồ lên ngạc nhiên vỡ lẽ ra nhưng vẫn không sao hiểu vì sao hoa quỳnh nở vào đêm trăng trong tháng tư này. Vị khách sĩ thông thả kể: Ta với nữ thần chủ mệnh vụ mùa vốn là chỗ thâm tình. Tên nàng là Hợp Hoan Tụ Hỷ, có lần ta yêu cầu nàng xuống lệnh cho hoa quỳnh nở vào tháng tư. Nàng bảo với ta:” Em hoàn toàn có thể làm được nhưng em không làm vậy, vì làm vậy là cưỡng bức, là bắt ép nhau, là trái lý tự nhiên, nghịch lẽ đất trời. Hoa quỳnh vốn mong manh, thanh tân và tinh khiết đến dường nào. Hoa quỳnh nở giữa đêm không bị bướm ong trêu ghẹo, không bị mắt tục tò mò...Em không thể ép buộc hoa quỳnh. Nhưng em sẽ thỏa thuận với hoa quỳnh để một lần chịu theo ý chàng. Chàng hãy nhớ chỉ một lần này thôi nhé!”, đây là lý do tại sao đêm trăng tháng tư hôm nay hoa quỳnh tung bùng sắc hương như vậy!. Kể xong câu chuyện vị khách sĩ lại hỏi:

- Các cô có nhớ hôm nay là ngày gì không?

Bọn nữ liêu trai lại ngơ người ra giây lát rồi mắt sáng lên:

- Ô, Trăng tròn tháng tư, ngày đản sinh của đức Thế Tôn.

Vị khách sĩ dẫn cả bọn đi đến bên cây mộc lan, dưới gốc cây có pho tượng Bồ Sư ngồi an nhiên trầm mặc. Pho tượng nhỏ xinh xinh nhưng dường như làn sóng an lạc tỏa ra khắp đất trời, thỉnh thoảng gió xao động làm cho ánh trăng xuyên qua tàng lá ngời trên thân tượng, cảnh vật bình yên đẹp đến nao lòng. Cả bọn thấy lòng thư thái và hoan hỷ quá nên đồng loạt sụp lạy đê đầu sát đất. Sau khi đánh lễ ba lần, bọn nữ lưu trai cùng vị khách sĩ ngồi tĩnh tọa quanh pho tượng; chừng một canh giờ sau thì vị khách sĩ bảo:

- Để mừng ngày đản sanh của Thế Tôn, trong các cô ai là người ứng tác giỏi thì hãy soạn khúc ngâm dâng lên cúng dường?

Cả bọn còn ngẫm nghĩ lựa lời thì Thanh Tú Hoa thỏ thẻ:

- Em xin dâng cúng dường khúc ca mừng ngày đản sanh đức từ phụ.

Nói xong cô đứng dậy chỉnh xiêm y, đánh lễ Thế Tôn xong thì bắt đầu múa và cất tiếng ca:

Như vàng dương sáng soi đường
Như trăng vắng vặc tình thương không cùng
Từ trong đêm tối mịt mùng
Bao nhiêu hung hiểm muôn trùng bủa vây
Ngài về thị hiện nơi đây
Vạch đường giải thoát chỉ bày chúng sanh
Này đây là cả tâm thành
Dốc lòng thâm tạ ơn lành Thế Tôn

....

Tiếng ca thánh thót với chất giọng trong vắt đến lạ lùng, bình thường Thanh Tú Hoa vẫn có tiếng là người có chất giọng được ví trong như nước suối giữa rừng, nước ở đầu non nhưng đêm nay cô ca xuất thần và giọng ca trong trẻo vô ngần. Tiếng ca của Thanh Tú Hoa làm xôn xao hoa lá trong vườn, hương tỏa ngào ngạt, sóng âm bay lên không gian dường như làm lay động cả trăng rằm. Vàng trắng tỏa hào quang, muôn triệu vì sao cứ nhấp nháy cháy rực lên màu sáng xanh biếc. Từng đàn bạch hạc bay qua dưới ánh trăng. Các thiên thần từ đâu bay về quanh cây mộc lan cung kính chấp tay đánh lễ Thế Tôn. Một cảnh tượng vô cùng vi diệu mà vị khách sĩ và bọn nữ liêu trai chưa từng thấy bao giờ.

Sáng sớm hôm sau chủ vườn ra thăm thì y trở mắt ngạc nhiên:

- Ô lạ quá! Hoa quỳnh vốn tàn héo sau một đêm, có sao đợt hoa này vẫn còn tươi và thoảng hương dù trời đã sáng?

Y lại xem xét kỹ càng hơn từng bông một và lẩm bẩm:

- Dường như hoa có thêm mấy lần lụa mỏng trắng muốt quanh nhụy hoa!

Y đi quanh quần trong vườn, xem xét và có vẻ nghi ngờ:

- Hình như có ai vào vườn hoa trong đêm qua? đâu đây còn phảng phất mùi hương lạ lắm, ta chưa ngửi thấy bao giờ.

Không biết y nghĩ gì sau một hồi đi loanh quanh vườn, về mặt nhiều nỗi ngạc nhiên băn khoăn. Khi đến dưới cội mộc lan, nơi có tôn tượng đức bổn sư thì y vỡ lẽ ra, vỡ trán thềm thốt lên:

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Kỳ lạ thật! xưa nay chưa từng thấy bao giờ, có sao hoa quỳnh lại nở vào rằm tháng tư?

VĂN TỰ KINH CHỮ NGHĨA ĐỜI

Năm xưa khi Phật thuyết kinh, hoàn toàn dùng khẩu ngữ vì bấy giờ nhân loại chưa có chữ viết (xứ Ấn). Sau khi Phật diệt độ, các đệ tử Phật mới kết tập lại những gì Phật dạy để lưu truyền cho đời sau. Đạo Phật dần dần truyền sang các xứ khác, truyền đến đâu thì kinh điển cũng được phiên dịch sang ngôn ngữ của xứ ấy. Lúc ban đầu kinh Phật được ghi chép bằng tiếng Phạn (Sanscrit, Pali) sau đó thì dịch sang tiếng: Sinhale, Pakistan, Afghanistan, tiếng Tàu, Thái, Nhật, Hàn, Việt... và sau nữa là tiếng Pháp, Anh, Tây Ban Nha...

Đọc, tụng kinh Phật mỗi người có lợi ích khác nhau vì mức độ thấu hiểu và thâm nhập khác nhau. Phàm người đã từng đọc, tụng kinh Phật có thể hiểu hay không, có thể nhớ hay quên...nhưng có một câu này thì ai ai cũng thuộc lòng, ai ai cũng biết. Cho dù đó là trí hay ngu, sang hay hèn, già hay trẻ... Đó là câu mở đầu thông thường trong các kinh Phật:” Ta nghe như thế này...” Câu này có vẻ đơn sơ, tầm thường, tưởng như không có gì, chẳng có ý nghĩa gì nhưng kỳ thật nó thật thâm sâu và đầy ý nghĩa, nó vô cùng vi diệu! vì nó trống rỗng như hư không nên vô cùng vi diệu. Hư không chứa được tất cả mà hư không vẫn trống rỗng. Không thể giữ lấy hình hài, không thể nắm bắt được hư không vì thế mà vi diệu. Dem ngôn ngữ mà bình luận, phân tích, chia chẻ kinh Phật thì cũng như đem thước thợ may mà đo hư không vậy!

“Ta” ở câu này là ai? Có thật có cái “ta” chăng? Ở nghĩa hẹp

có thể hiểu là ngài Anan- người tuyên đọc lời Phật dạy, là năm trăm vị A La Hán kết tập kinh điển. Còn nghĩa rộng thì có thể hiểu là những người đọc, tụng kinh Phật, là tất cả chúng sanh trong các pháp giới, là tất cả những ai đọc kinh Phật, là tánh giác, là Phật tánh của mỗi chúng sanh...

“Nghe” là văn, là thính tuy nhiên có nhiều cách nghe, nghe lơ đãng, nghe thoáng qua, nghe kỹ càng... Trong các cách nghe thì “Đế thính” là cách nghe sâu sắc nhất, là lắng lòng mà nghe, là tập trung toàn bộ tư tưởng tinh thần mà nghe. Ở đây nhất định là “Đế thính”! thế nhưng nghe cái gì? Nghe kinh Phật, kinh Phật vô cùng mênh mông như biển cả, cao như núi thì biết nghe từ đâu? nghe như thế nào đây?

Chỉ nghe mỗi hai từ “Nhu thị”, mà “Nhu thị” còn có: Nhu thị tánh, nhu thị tướng, nhu thị thể, nhu thị lực, nhu thị tác... Quả thật rắc rối, hoa cả mắt, bận cả tâm thể thì làm sao mà nghe? rốt cuộc “Nhu thị” là cái gì? Là như thế đó! Là như vậy! là sự thật đúng như vậy, sự thật đúng như thế đó!

Ở góc độ cận cọt thì: Tôi lập lại đúng những lời Phật đã nói! ở góc độ rộng lớn thì như thị là: Chơn tướng của tất cả mọi vật, mọi việc nó vốn như thế! chơn tướng ấy là gì? Là khổ-không-vô thường-vô ngã, là sanh-trụ-dị-diệt... bởi vậy mới có: Khổ-tập-diệt-đạo, mới có Bát chánh đạo, thập nhị nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo... Chơn tướng sự thật nó như thế nhưng vì con người, vì chúng sanh mê lầm, vì chấp chặt vào sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp, vì trói buộc trong tài-sắc-danh-thực-thùỵ mà triền miên khổ, luân hồi bất tận. Chỉ cần nghe “Nhu thị”, biết cái “Nhu thị” và hành cái “Nhu thị” thì lập tức giải thoát! Không có ai trói buộc mình, tự mình buộc mình thì cũng tự mình giải thoát cho mình. Phật - Bồ tát

đã thị hiện đã chỉ bày phương cách, con đường đi; đã cho mình nghe cái “Nhu thị” vậy thì cứ “Nhu thị” mà hành, cứ y theo “Nhu thị” thì sẽ hết khổ, hết ràng buộc vậy! Con người chịu trách nhiệm với chính số phận mình, những gì mình có hôm nay là cái quả đã gieo trong quá khứ; những gì mình gieo hôm nay thì sẽ gặt nó ở ngày mai. Không có thượng đế, thần linh nào có quyền ban phước hay giáng họa cả. Ngay cả các vị trời cũng còn dính chặt vào sắc-hương-thanh... và khi hết phước cũng đọa như thường.

Nhu thị là đúng như thế đấy! chân tướng sự thật của vũ trụ, của nhân sinh nó như thế đấy! muốn hết khổ, muốn giải thoát thì cứ nghe như thế, hành như thế! sẽ đắc được giải thoát. Ai tin thì theo, không tin thì thôi. Đạo Phật không có bắt buộc, không có giáo điều, không có cực đoan... Nói theo ngôn ngữ hiện đại thì rất tự do và dân chủ. Ai cũng có thể tin theo hoặc lia bỏ. Ai cũng có thể hành theo và đạt được địa vị giác ngộ tối cao. Ai cũng có thể thành Phật nếu cứ nghe và hành đúng như thị! vì thế mà nghe được như thị và hành đúng như thị quả là một việc vô cùng quan trọng.

Ta đã nghe như thế này rồi, nhưng còn “Một thuở nợ” nghĩa là sao? một thuở nợ là thuở nào? ở đâu? ngày, tháng, năm nào? đời nào? Sao không ghi xuống cụ thể rõ ràng? Nghe qua cứ tưởng như chuyện cổ tích.” Ngày xưa ngày xưa ở tại một làng nợ...”, “Một thuở nợ” tưởng chừng như mơ hồ, mông lung nhưng thật sự là sự vi diệu cùng cực, không thể dùng từ ngữ khác hay khái niệm khác thay được. Khi Phật thuyết pháp, thời ấy là thời đại dân tộc bộ lạc. Ấn Độ có cả trăm quốc gia, mỗi quốc gia dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Lịch pháp chưa có, hoặc giả có thì cũng sơ khai và khác biệt vô cùng. Nếu đem năm, tháng, ngày, giờ ghi xuống thì chết

cứng và sai biệt lớn, không thể linh hoạt mà hoằng truyền sang xứ khác và truyền thừa cho đời sau. Thời gian vốn vô thủy vô chung, không gian vốn không đầu không cuối, quốc độ thiên sai vạn biệt. Bên này bán cầu là ngày thì bên kia là đêm. Bên này trái đất là mùa hè thì bên kia mới mùa đông...Ấy là chưa nói đến sự khác biệt giữa các cảnh giới khác nhau, những cảnh giới phi thời gian, phi không gian...Bởi vậy dùng năm, tháng, ngày, giờ là không thể được! Việc này cũng giống như Phật -Bồ tát vốn vô tướng nên có thể hiện mọi tướng, còn con người chấp chặt một tướng chết cứng nên không thể nào mà hiện tướng khác được. Vì vậy việc dùng chữ “ Một thuở nợ” là vô cùng vi diệu, vô cùng linh hoạt. Bất cứ thời nào, đời nào, quốc độ nào... Kinh Phật cũng đều khế cơ khế lý vì nó được nghe và chép vào “ Một thuở nợ”. Năm, tháng, ngày, giờ mãi sau này con người mới chế ra để cho tiện công việc và cuộc sống (Nghĩ cũng mắc cười, con người chế ra năm, tháng, ngày,giờ rồi lại tưởng tượng thêm ra kiết-hung, tốt-xấu... để rồi mắc kẹt, dính chặt vào đó luôn)

Sau này kinh Phật truyền đến đâu thì dịch ra ngôn ngữ xứ ấy, việc lý giải cũng có nhiều sai biệt, cộng với sự giao thoa của văn hoá bản địa mà phát sinh nhiều trường phái khác nhau. Tuy nhiên tất cả cùng chấp nhận và giữ vững cái cốt lõi: Tứ diệu đế, Bát thánh đạo, Thập nhị nhân duyên, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo... thì là Như thị! Một thuở nợ từ thời thế Tôn cho đến một thuở nợ chư tổ và hôm nay vẫn mãi là “Một thuở nợ”, mai sau vẫn cứ là “Một thuở nợ”, vĩnh viễn là “ Một thuở nợ”

Ta nghe như thế này, một thuở nợ...vĩnh viễn vi diệu như thế!

VỀ TUYẾT SƠN

Tiếng niệm chú rì rào trầm hùng vang rền cả đại điện, bóng các tăng sĩ trong màu áo huyết dụ lấp lờ, tay lần tràng hạt trong ánh đèn bơ lung lay trông thành kính vô cùng. Toàn bộ mọi người như nhập thần vào câu chú, thân người ngồi đó mà thần thức như ở cung trời nào chứ chẳng phải trên mặt đất này. Khói trầm phảng phất bay lên, pho tượng Phật trên toà tay bắt ấn kiết tường, mắt mở to như nhìn thấu những tấn tuồng của trò đời, thông suốt những nỗi đau của chúng sanh, biết tường tận tâm can của của mỗi người.

Mở mắt ra nhìn đồng hồ báo thức ở cạnh bàn, mới ba giờ sáng. Sư Viễn cảm thấy sáng khoái lạ thường bèn dậy sớm hơn thường lệ, ngồi bắt ấn niệm lục tự chơn ngôn. Chỉ chừng giây lát là sư thấy chấp chờn lung linh vô vàn hoa trắng bay bay, trông ra như pha lê, lại như sương khói ẩn hiện, lúc thì biến hoá vô số sen trắng ngập trong đất trời. Lòng an lạc lạ lùng, trên gương mặt sư thoáng nụ cười vô hình thể như năm xưa ngài Ca Diếp nhìn đoá sen trên tay Thế Tôn vậy.

Đã ba năm rồi, kể từ ngày kết nghĩa với sư Rinpoche ở tu viện Rajahanta. Sư Viễn đã học và phát hiện một cung trời mới lạ của Phật pháp ở thế gian này, một cánh cửa huyền diệu được mở ra với bao nhiêu kỳ bí lại vừa mới mẻ của Phật giáo và văn minh của tuyết sơn. Nền văn minh ấy đang bị phá huỷ và đồng hoá bởi sự tham lam, tàn độc của lũ người ngạo mạn

tự xưng mình là cái rốn của vũ trụ. Hàng chục ngàn ngôi chùa bị san bằng, hàng triệu người vừa là tăng sĩ và dân chúng bị giết... Dòng người lần lượt vượt qua núi tuyết đi tìm đất sống. Người ở lại thì oằn mình rên siết dưới sự cai trị tàn độc của bọn người vô minh. Sư Rinpoche từ đất tị nạn ấy được gửi sang thành Át Lăng này để hoằng pháp và tạo một nhịp cầu với thế giới bên ngoài, hầu có thể đưa ra thế giới tiếng kêu đau thương của đồng loại đang ngày đêm bị bách hại trên tuyết sơn. Sư Viễn quen sư Rinpoche trong một lần tham quan vườn hoa Botanical, ban đầu chỉ chào hỏi xã giao, sau đó nói chuyện về Phật pháp, về chuyện đất nước mình, dân tộc mình... Hai sư cảm thấy tương đắc tâm đồng với nhau, sau buổi ấy hai sư thường viếng thăm chùa của nhau. Qua nhiều lần đàm đạo, dù mới quen nhưng mà cảm thấy thông hiểu nhau như từ lâu, hai sư bèn kết nghĩa huynh đệ. Cái tâm rộng mở, khảng khái, cái nỗi đau của hai dân tộc đã làm cho hai người có cùng tâm sự nên nhanh chóng thông cảm với nhau. Nhân duyên gần là thế, còn căn nguyên sâu xa thì không biết, vì cả hai cũng chỉ là những ông tăng bình thường mà thôi. Nào ai đã chứng đắc Arahanta đâu mà biết được cội nguồn của tấn bi kịch dân tộc mình. Có lần sư Rinpoche hỏi:

- Tôi sẽ về tuyết sơn, đệ có muốn đi một chuyến không?

Sư Viễn hoan hỷ nhận lời, sư xin sư phụ và gia đình một ít tiền làm lộ phí, chuyến bay của hãng Delta đưa họ đáp xuống đất nước của những kẻ tham tàn đang bách hại dân tộc sư Ripoche, từ đó mới bắt xe đi lên tuyết sơn. Quá trình Từ xin giấy thông hành cho đến khi đặt chân lên đất Lasha tốn không biết bao nhiêu công sức và phiền toái, những đòi hỏi, hoành họ, tra vấn và cả vùi vĩnh nữa. Biết làm sao được? đây là căn bệnh mãn tính của những nhân viên ở các xứ độc tài, lạc hậu,

chậm tiến.

Sư Rinpoche tâm sự:

- Thật buồn cười, mình về nhà mình mà mình phải xin phép kẻ ngoại lai trên đất nước mình!

Trước khi khởi hành lên tuyết sơn, sư Rinpoche đã mượn trước một bình oxy nhỏ và mang theo một số thuốc cần thiết, vì sư biết sư Viễn sẽ gặp rắc rối về sức khỏe. Người ở đồng bằng lần đầu lên núi cao ai cũng bị thế cả. Xe lên độ cao hai ngàn mét, không khí lạnh lắm rồi và sư Viễn cảm thấy hơi khó chịu. Xe lên ba ngàn mét, sư viễn bắt đầu hơi khó thở nhưng vẫn còn chịu nổi, lúc này nhìn ra thảo nguyên mênh mông bát ngát lòng sư thấy khoan khoái nên tạm quên cái cảm giác khó chịu kia. Xe nghỉ giữa đường cho mọi người xuống vệ sinh và vận động thân thể một tí cho đỡ mệt mỏi. Khí trời lạnh, ấy thế mà cỏ trên thảo nguyên còn xanh, xa xa có những vạt vàng trông như một tấm thảm kéo dài đến tận chân trời. Bây giờ mới tháng bảy, lúc này là lúc tiết trời đẹp nhất trong năm, từng đàn trâu yark, cừu nhón nhơ gặm cỏ, thỉnh thoảng mới thấy một túp lều du mục của người Tạng chắn gia súc. Xa xa là những rặng núi tuyết cao ngất trời, tuyết sơn vĩnh cửu trắng tinh khôi, không biết là mây trời rơi xuống hay tuyết hắt lên hư không. Sư Viễn thấy lòng hoan hỷ vô cùng, dang hai tay quay vòng và hát to bài Chú Đại Bi bằng tiếng Phạn. Đoạn sư nằm dài trên cỏ như một gã du tử quên rằng mình là một tu sĩ đang khoác cà sa. Sư cao hứng ứng tác:

Tuyết sơn, tuyết sơn

Mây trắng nghìn năm rong ruổi

Mà mỗi mùa qua lại thanh tân

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Trâu yark già
Lội qua dòng nước lạnh
Gặm cỏ xanh chẳng thấy bầu trời xanh
Miền tuyết lãnh
Vết chân gã du tử chưa kịp in hằn
Gió đùa ngọn cỏ xoa mắt dấu
Người đâu?
Ta đâu?
Đến đi hạt bông cỏ những mùa sau
Thảo nguyên mênh mông
Chẳng ngại câu sắc không

Xe lại lên đường, chạy bon bon cả buổi không thấy bóng người, thỉnh thoảng gặp một gia đình người Tạng giữa đồng cỏ, người đàn bà vắt sữa, những đứa trẻ chơi đùa với nhau, chúng hồn nhiên sống và lớn lên như cộng cỏ giữa thảo nguyên. Cuộc sống của họ thiếu thốn những tiện nghi vật chất thiết yếu nhất của con người, thế mà họ vẫn nhẫn nại và lạc quan yêu đời. Họ thành tâm và cung kính với tam bảo một cách cao độ, có thể nói không có ai cung kính và đặt trọn niềm tin vào Phật pháp như người dân Tạng. Họ lạy Phật, năm vóc gieo sát đất, cứ mỗi bước đi là lại lạy xuống, cung đường có dài bao nhiêu cũng không làm họ nhụt chí. Họ coi cái chết cũng rất nhẹ, cứ tự nhiên như ăn cơm uống nước, chết rồi thì cái thân tứ đại lại bố thí cho các loài chim . Người Tạng sinh ra, lớn lên và chết đi trên tuyết sơn hết sức hiền lành, mộ đạo chẳng hại ai bao giờ. Ấy vậy mà bọn người tham lam, tàn độc từ dưới đồng bằng kéo lên cướp đất, phá chùa, giết người, hủy hoại văn hoá của họ...Càng nghĩ sự Viễn cang như người mộng du, không còn biết là mình đang

ngồi trên chuyến xe này. Lần đầu về tuyết sơn, tâm hồn sự mở rộng ra như chưa từng mở vậy bao giờ. Tuyết sơn vừa hoang sơ, huyền bí lại vừa thiêng liêng biết bao. Sư Viễn thấm mệt nhưng tinh thần rất khoan khoái

Xe lên một ngọn đồi, nơi ấy có một pho tượng trắng toát cao lồng lộng giữa thảo nguyên xanh, mây trắng trên đầu lơ lửng như ngừng trôi. Một phong cảnh vừa lặng lẽ mà lại hào hùng, vừa lãng mạn mà cô đơn. Mọi người ghé vào tham quan, sư viễn nghe chuyện công chúa Văn Thành từ lâu, giờ mới diện kiến, dù chỉ là một pho tượng. Sư Viễn khâm phục tài nghệ của người nghệ sĩ tạc tượng, pho tượng cứ như một vị công chúa thật của nghìn năm trước. Nàng công chúa Trường An về làm hoàng hậu miền tuyết lãnh. Nàng ra đi chắc không ít lệ đã đổ ra theo mỗi bước đường, một ra đi không bao giờ trở lại, vận lý đường của ngàn năm trước là cả một cuộc tử sinh. Ban đầu chỉ là cuộc hôn nhân chính trị, sự giao hảo giữa nhà Đường và Tùng Tán Cán Bố, nhưng dần dần đã thành tình yêu. Trai tài gái sắc là lẽ thường xưa nay. Sư Viễn ngắm pho tượng mà thì thầm:” đẹp quá, sống động quá! cứ ngỡ xiêm y của nàng phơ phất thảo nguyên này!”. Sau khi đi quanh pho tượng và viếng ngôi đền tưởng niệm, sư Viễn ngồi xếp bằng trên cỏ xanh, lòng lại nhớ sử cũ Huyền Trân công chúa về làm hoàng hậu xứ Champa. Ngọc Hân công chúa về làm hoàng hậu nhà Tây Sơn. Hai nàng công chúa Đại Việt xem ra bất hạnh hơn Văn Thành công chúa của Đường triều. Mặc dù bọn họ đều là những cuộc hôn nhân chính trị, là những nạn nhân của quyền lực và lợi ích của triều đình, cho dù sau đó có nảy sinh tình yêu vì cái lẽ trai tài gái sắc vốn rất thường tình. Sư Viễn cảm thương cái khổ của kiếp người, nhất là phụ nữ. Họ phải mang nặng đẻ đau, quần quật làm lụng, vun vén cho

gia đình, lo cho chồng con... Nếu họ có phước, sinh ra có sắc đẹp thì sẽ trở thành đồ vật để mặc cả đổi đất, giao kết chính trị... dù có dùng cái mỹ từ nào đi nữa thì số phận họ cũng khổ đau. Văn Thành, công chúa của Đường triều về làm hoàng hậu miền tuyết lạnh, một đi không trở lại bao giờ!

Xe lên bốn ngàn mét thì sư Viễn choáng, không thở nổi, áp suất loãng, đầu nặng muốn chúc xuống mà chân như ngược lên. Bây giờ sư Rinpoche mở bình oxy cho thở:

- Người đồng bằng lần đầu lên cao ai cũng thế, từ từ sẽ quen thôi!

Bữa ăn chiều dọn ra có khoai tây, ít rau, thịt hun khói, sữa trâu yark. Sư Viễn còn mệt nên chỉ ăn qua loa chút ít khoai tây rồi thôi. Sư Rinpoche bảo:

- Ta biết đệ không ăn thịt đã hai mươi lăm năm nay, nhưng giờ phải ăn một chút để lấy sức đi cho trọn hành trình này.

Sư Viễn cầm miếng thịt hun khói lên, dù biết nó là tam tịnh nhục nhưng lập tức trước mắt sư hiện ra cảnh tượng con trâu yark bị cắt cổ, đập đầu tiếng nó rống thảm thiết, ánh mắt nó van lơn chảy nước mắt... sư Viễn bèn bỏ xuống.

Sư Rinpoche lại nói:

- Miếng thịt hun khói này đã nhiều năm rồi, nếu ở điều kiện bình thường thì nó hoá đất từ lâu. Giờ đệ hãy xem nó như miếng gỗ, cục đất vậy!

Sư Viễn lại cầm miếng thịt lên toan cắn, lập tức cảnh xẻ thịt con trâu yark lại hiện ra, đầu con trâu yark cắt lìa khỏi thân rồi mà đôi mắt nó còn mở thao láo, trông tha thiết van lơn

lắm. Sư Viễn buông xuống

- Đệ hơi mệt, vả lại cũng không đói, để hôm sau vậy!

Sư Rinpoche bảo:

- Ở đây khí hậu vô cùng khắc nghiệt, không cây cối nào sống nổi, rau quả chỉ có vào tháng hè, nếu không ăn thịt thì sẽ chết. Trâu yark cho thịt, sữa và da để mọi người tồn tại, ngay cả đèn cúng dường cũng bằng sữa của nó, nếu không có trâu yark chắc chẳng ai sống nổi! ăn thịt cũng là bắt đắc dĩ, bằng không sẽ chết trước khi việc học đạo hoàn thành.

Tối hôm ấy sư Viễn tham dự tụng kinh chung với toàn bộ các sư trong tu viện Tenzin Mandala. Mấy trăm người rì rào tụng, tiếng Tạng trầm hùng như có sức lay động tận tâm can con người, tiếng tụng rền cả đại điện, lời kinh bay lên xao động cả ngân hà. Sư Viễn biết chút chút tiếng Tạng, chỉ mới thuộc Tâm Kinh và chú Đại Bi bằng tiếng Phạn. Sư thì thầm tụng lục tự chơn ngôn Om Mani Pad Me Hum, đến khi các sư tụng đến Tâm Kinh thì sư Viễn mới hoà nhịp kịp. Buổi lễ tan, nhìn lên thấy tượng Tùng Tán Cán Bố được thờ như một vị bồ tát. Pho tượng rất oai phong uy vũ, hai mắt mở to nhìn xuyên tâm kẻ đối diện, tà ma nhìn thấy ắt thất kinh. Sư Viễn chột nghĩ:” Tùng Tán Cán Bố là vua, là hộ pháp hay bồ tát đây?” phải chăng đôi mắt mở to thấy rõ đâu là trung thần, gian nịnh để mà cai trị quốc gia? phải chăng đôi mắt mở to của hộ pháp để mà thấy rõ đâu tà, đâu chánh để mà tòi tà phụ chánh? phải chăng đôi mắt mở to của bồ tát để nhìn tường tận nỗi đau của kiếp người, của chúng sanh?

Đêm ấy sư Viễn ngủ lại ở một căn phòng vắng của tu viện, nửa đêm mơ màng thấy một vị hộ pháp hỏi:” Phải chăng sư

định phá giới, ăn thịt?” còn đang ngỡ ngác thì một vị hộ pháp khác lại đến:” Phải chăng sư định không ăn thịt, để rồi kiệt sức và vĩnh viễn nằm lại tuyết sơn?”. Sư Viễn choàng tỉnh dậy, đêm Tây Tạng im lặng đến tận cùng. Từ miền đất cao nhất của cõi nhân gian này, những âm thanh của đời thường rất hiếm khi có, tất cả lặng lẽ, tịch mịch đến độ nghe rõ mồm một tiếng lòng sâu thẳm trong tâm mình. Cái im lặng của đất trời, của tuyết sơn, của thảo nguyên; cái im lặng của những pho tượng nghìn năm mở to đôi mắt nhìn nhơn gian biến động sao mà hùng tráng đến như vậy!

Bốn giờ sáng sư Viễn dậy cầu kinh cùng các sư trong tu viện, sau khoá lễ thì kinh hành quanh tu viện. Sư thấy từng tốp người Tạng hướng về tu viện mà lay, họ lay dài xuống đất, cả thân thể nằm sát đất, cứ từng bước là lại lay xuống. Họ xuất phát từ các hướng khác nhau, quãng đường xa gần khác nhau nhưng tất cả hướng về tu viện mà lay, lòng thành kính lay cả động đất trời.

Mấy hôm sau sư Rinpoche dẫn sư Viễn lên viếng cung Potola, một cung điện mà cũng là một tu viện, dù đã thấy qua phim, ảnh nhưng sư Viễn vẫn sững sờ trước một Potola vĩ đại, quá to lớn, quá đồ sộ, vượt qua sự tưởng tượng của mình. Từ ngàn xưa, người Tạng với hai bàn tay không mà họ dựng được Potola cũng như hàng ngàn ngôi tự viện vô cùng đồ sộ như thế! Sống trên tuyết sơn khắc nghiệt vậy mà người Tạng đã có một nền văn minh Phật giáo kiệt xuất, khiến người ta phải tâm phục khẩu phục! Những công trình kiến trúc, những tranh, tượng, điêu khắc, kinh sách... đều tuyệt vời. Sư Viễn bước từng bước, lấy tay sờ vách tường mà cứ ngỡ mình đang ngược dòng thời gian trở về những thế kỷ xa xưa. Bên ngoài Potola, người Tạng từ bốn phương hướng về mà lễ lay. Họ từ

các vùng xa xôi hành hương về đây để lễ Phật và âm thầm tưởng nhớ đến ngài Dalai Lama, mỗi bước chân là lay dài phủ phục xuống đất. Trên thế gian này không có nơi nào mà con người thành tâm, cung kính đến như thế. Mặc dù họ sống trong thiếu thốn vật chất, bị cai trị tàn bạo nhưng họ vẫn kham nhẫn và hết lòng cung kính tam bảo.

Tuần sau, khi những triệu chứng khó thở vì không khí loãng đã giảm bớt, không còn choáng váng nữa. Sư Rinpoche dẫn sư Viễn đi hành hương núi Kalas, ngọn núi cao tưởng chạm trời xanh, từng nhóm người Tạng mang theo thực phẩm, nước uống để hành hương quanh ngọn núi thiêng này. Tấm lòng mộ đạo, chơn chất, thuần khiết của họ khiến sư Viễn không ngớt cảm phục. Thỉnh thoảng sư thấy những bộ tóc, lông xương của người chết trên đường đi. Sư thêm thấm thía sự vô thường là như thế nào và càng dễ buông bỏ cái tấm thân tứ đại này, việc này cũng giống như phép quán tử thi mà Thế Tôn đã dạy.

Hôm sau tu viện Tenzin Mandala diễn ra thảo kinh đơn, các giáo thọ và các sư trẻ lần lượt tra vấn hỏi đáp lẫn nhau. Sân tu viện giống như một cuộc thi đình ngày xưa, các vấn đề giáo lý, kinh, luật, luận đều bàn luận đến độ như cãi cọ vậy. các sư dùng lời, cử chỉ, hành động tay, chân và toàn thân. Nếu một người chưa từng biết đến Phật giáo Tây tạng thì có lẽ sẽ ngứa mắt vì thấy sao mà lộn xộn, không trang nghiêm, không có oai nghi như các sư dưới đồng bằng. Cuộc vấn đáp kéo dài lê thê, từng vấn đề được truy đến căn nguyên gốc rễ, cứ như người lột bẹ chuối, lột đến khi không còn lột được nữa mới thôi. Sư Viễn không hiểu nổi, sư Rinpoche phải thông dịch hộ cho.

Những ngày trên tuyết sơn, sư Viễn có cảm giác mình lạc vào một vùng đất lạ lùng không phải của thế gian này. Một nguồn cội đông phương vô cùng huyền bí và thiêng liêng. Lòng sư mến mộ và khâm phục tinh thần của người Tạng, sống với băng tuyết, sống dưới sự cai trị tàn độc của ngoại xâm mà họ vẫn kham nhẫn và cung kính tam bảo đến như vậy. Có một vị sư Tây Tạng, sau khi ra khỏi nhà tù và vượt thoát sang Ấn Độ, ngài đã nói với vị Phật sống rằng:” Dù bị tra tấn tàn bạo nhưng cái con sợ nhất là không giữ được lòng từ bi với chính kẻ bách hại mình”

Đây quả là hành trạng của bồ tát, tâm của bồ tát, người thường làm sao mà làm nổi được việc này! Các vị sư Tây Tạng đã tự thiêu thân mình để thức tỉnh kẻ thủ ác chứ nhất định không làm hại đến họ. Người Tạng đang sống và đang hành như vậy!

Đêm cuối cùng trên tuyết sơn, trước khi về lại Ất Lăng thành. Sư Viễn cùng với các sư trong tu viện ngồi niệm Om Ma Ni Pad Me Hum. Tượng đại nhật Phật mở to mắt nhìn sư, tượng hộ pháp mở to mắt nhìn sư, tượng Tùng Tán Cán Bố cũng mở to mắt nhìn sư. Đèn tuyết sơn lung linh qua đĩa sữa trâu yark. Bóng các sư lắc lư trong tiếng niệm trầm hùng.

VỀ VỚI THIÊN NHIÊN

Ngày chiến sĩ trận vong cũng như những ngày lễ khác của xứ này, người dân nghỉ ngơi, đi chơi, thăm thú họ hàng... Năm nay ngày lễ vẫn còn dịch bệnh nên số người đi chơi giảm rất nhiều, các thương xá, nhà hàng vẫn còn đóng cửa nếu có mở cũng rất hạn chế khách. Ngày chiến sĩ trận vong là ngày lễ quốc gia, tưởng niệm công ơn những người đã vì đất nước mà xả thân, những anh hùng vệ quốc, xây dựng tổ quốc, những người con ưu tú vì lý tưởng tự do mà hiến thân. Hiến thân cho tự do của xứ sở Cờ Hoa và cả tự do của một phần nhân loại trên thế gian này.

Ngày lễ của xứ sở này không có những bài diễn văn dài thòng lòng nghe không kịp nuốt mặt, không có những chính khách lên gân với lời lẽ đao to buá lớn, chém sứt chặt đanh, lại càng không có lệnh phải chung hình ông kẹ bà chẳng hay cờ này cờ nọ. Cả xứ sở tìm đồ con mắt cũng không có một câu khẩu hiệu nào. Ngày lễ là của dân người dân tận hưởng ngày nghỉ của mình, người thì lên rừng, kẻ xuống biển, hoặc ở nhà mở tiệc BBQ. Chỉ đơn giản thế thôi! Nhưng khi xứ sở cần thì mọi người sẵn sàng!

Ngày lễ năm này tôi lái xe về với thiên nhiên, một vùng rừng núi xanh mướt, nơi có ngọn thác Amicalalo. Nơi này vốn là đất của người Mỹ bản địa mà chúng ta quen gọi là người Da Đỏ. Ngọn thác không lớn lắm nhưng độ cao gần như thẳng đứng, nước từ trên đỉnh núi chảy xuống ào ạt suốt ngày đêm.

Ngàn năm trước, tôi chưa đến nó đã chảy thao thức như thế rồi, ngàn năm sau chắc chắn nó sẽ còn chảy như thế. Trước khi đến được chân thác, xe chạy qua những vùng thôn quê mênh mông bát ngát. Thôn quê ở đây đất rộng mênh mông, mỗi người nông dân có cả trăm hoặc ngàn mẫu tây. Hoặc là trồng đậu, bắp... và các loại nông sản khác. Cũng có nhiều trang trại chỉ để trồng cỏ không mà thôi, cái màu xanh của cỏ mát mắt, các trang trại nối tiếp nhau, chỉ ngăn cách bằng hàng rào gỗ thấp tới đầu gối, chỉ là trang trí làm duyên, chỉ là dấu hiệu thôi chứ chẳng phải để bảo vệ, những con bò và ngựa nhón nhơ gặm cỏ trông sao mà thanh bình chi lạ. Người nông dân ở đây bao đời nay như thế, cuộc sống bình yên, thanh thản họ chưa bao giờ biết đến những từ: Tịch thu, trưng dụng, qui hoạch, giải toả, quốc hữu hoá, sở hữu chung... Tôi bất chợt nổi cái ý nghĩ khủng khiếp:” Giá mà mình bất ngờ đột tử giữa vùng quê này, rồi tái sinh làm một anh chàng Mỹ trắng, sống những tháng ngày yên ả với đồng quê, mặc kệ thế sự của thiên hạ, thế chẳng phải hạnh phúc lắm sao?” nhưng tôi lại phì cười với cái ý nghĩ đó. Tôi biết rằng nếu làm một anh chàng Mỹ ở nông thôn này thì sẽ không còn cơ hội tiếp xúc hoặc tu học Phật. Đồng quê Mỹ là xứ sở của người da trắng, dân da màu: Đen, Mẽ, Á châu khó mà sống nổi và cũng không chịu nổi cái tĩnh lặng ở đây. Đồng quê Mỹ là đất của Tin Lành, tìm đồ mất không có lấy một ngôi chùa, không ai biết đến đạo Phật. Đồng quê Mỹ là nơi giữ cái hồn, cái bản sắc Mỹ. Đồng quê Mỹ đẹp, thanh bình với những con đường chạy giữa những trang trại cho đến tận chân trời, thỉnh thoảng gặp một ngôi nhà nhỏ bán hoa, một đồng nông sản trước cổng (người mua tự lấy và tự bỏ tiền vào cái lon). Xe cứ chạy bon bon, có lúc vào những thị trấn nhỏ, xa xưa với toà thị chính cổ kính. Những toà thị chính của các thị trấn đồng quê nó

man mác hoài niệm của thời đi mở cõi lập quốc, nó vừa cổ, vừa tịch mịch như mảnh hồn của trăm năm trước. Ở những thị trấn đồng quê, những thị trấn cổ thường có những cửa hàng nho nhỏ bán đồ cổ, tiệm kẹo truyền thống, nhà hàng bé tí... rất Mỹ, rất đặc trưng, rất hợp với những tâm hồn lãng mạn hoài cổ. Đến thì háo hức, đi thì lưu luyến, xe chạy qua rồi vẫn ngoái đầu xem lần cuối.

Tôi lại nghĩ thầm:” Nếu mình tái sinh làm anh chàng Mỹ trắng ở đồng quê này, sống với thiên nhiên. Mùa xuân nằm trên cỏ nhìn người yêu tết hoa đại đội đầu, đời như thế cũng đáng sống biết là bao!” cái duyên phận và phước đức như thế cũng đủ lớn để quên nỗi khổ của đời, nỗi khổ của sanh tử luân hồi...Có lẽ cũng vì phước báo hữu lậu như thế mà sanh tử luân hồi miên viễn vô biên. Tôi lái xe giữa đồng quê mà những ý nghĩ cứ lung linh trong tâm, những ký ức từ xa xăm đâu mà lại hiện về như cuốn phim quay chậm. Tôi lại nhớ một câu chuyện:” Làm vua trong bảy ngày” (không nhớ tác giả là ai) và tự cười thầm:” Giá những điều ước có thật thì tôi sẽ ước mình tái sinh bảy lần nữa thôi, kiếp nào làm anh chàng nông dân giữa trang trại hoa vàng, một kiếp làm chàng công tử hào hoa rong chơi cho kỳ hết những thành cổ: Roma, vienna, London, Athen...Một kiếp khác làm tay cowboy miền viễn tây, kiếp khác làm tay chơi ở thành đô hoa lệ New York, Paris, Hollywood... cho đến kiếp thứ bảy thì trở thành thiền sư ở tuyết sơn”. Nhà Phật thường bảo:” tâm tưởng sự thành” hoặc là:” Tông tâm tưởng sanh”, những ý nghĩ nảy ra vốn có hạt giống từ trong tạng thức (A lại da thức). Có lẽ nào tôi đã từng như thế nên nay hoàn cảnh làm cho nó phát lộ ra ý nghĩ này, vừa nghĩ vừa cười thầm. Bất chợt vợ ngồi bên hỏi:” Anh nghĩ gì mà cười thầm hoài vậy?” tôi vẫn cười không ngớt, nói

ra ý nghĩ khủng điên thì người sẽ bảo ta khủng điên thật chứ chẳng phải chơi!

Bảy lần tái sinh lại ở nhân gian là mức tối đa của một người trước khi chứng quả Arahanta. Người đã chứng tứ quả A La Hán thì dứt sanh tử luân hồi, từ đây như mây trắng bay, tâm tư vắng lặng, dứt bật mọi khổ đau, sung sướng. Cái phước báo của thế gian này đầy đủ hoặc, con người mê đắm chấp trước nên mới phải luân hồi. Phước báo thế gian tuy làm cho sanh tử chẳng dừng nhưng đâu dễ có và cũng đâu phải ai cũng có. Bằng chứng là những người nông dân ở đồng quê kia quả là ít so với hàng tỉ người trên thế gian này ngày đêm sống trong khổ đau thiếu ăn, thiếu mặc, chiến tranh, cường hào ác bá...hoặc giả sống ở những vùng đất đai khô cằn, ít ỏi, nhiều thiên tai địch họa...

Người nông dân Mỹ sống ở đồng quê nhưng không có nghĩa là lạc hậu hay chậm tiến hơn ở thành phố, không đâu! Họ vẫn tiếp cận với khoa học kỹ thuật, vẫn thụ hưởng đầy đủ những phương tiện vật chất hiện đại của nền văn minh này. Người nông dân Mỹ là người đang lưu giữ và bảo tồn bản sắc Mỹ, những nét đặc trưng chưa bị pha trộn lai tạp như ở những thành thị phồn hoa đô hội. Có lẽ cũng vì thế mà người nông dân Mỹ có tánh bảo thủ hơn, ít cởi mở hơn người Mỹ ở nơi phố xá thành đô.

Nước Mỹ mới hơn ba trăm tuổi, tuy quá trẻ nhưng có một sức mạnh phi thường, không chỉ về kinh tế, quân sự mà còn ở sức mạnh mềm (soft power) đó là tính nhân văn cao cả, tinh thần tự do bất diệt, văn hoá khai phóng... “ Hãy đưa cho ta nỗi khổ nhọc của người...” (lời khắc dưới chân tượng nữ thần tự do), hoặc là: Tự do không phải tự nhiên mà có “

Freedom is not free”... Đó là tính cách Mỹ, đặc trưng Mỹ, bản chất Mỹ. Mỹ là đẹp (âm Hán Việt, nghĩa của từ Hán đã khẳng định như thế)

Trước khi xe vào khu vực đồng quê, trên xa lộ tôi thấy những bảng đèn dùng để thông báo tin tức tình hình xa lộ: kẹt xe, tai nạn.... chẳng hạn). Trong mùa dịch người ta cho chạy những hàng chữ rất hay, vừa nghiêm túc vừa hài hước: “ Wash your hand, watch your speed”, đặc biệt có một câu mà ai thấy cũng phải phì cười và xem lại cách lái xe của mình:” Drive safety or we call your mom”, quả thật trên đường có không ít những tài xế ẩu, bất cẩn giành đường, lấn làn xe, hoặc thô lỗ như những đứa trẻ hư, cần phải gọi mẹ chúng hét hét cho vài roi! Người ta bảo người Mỹ thường rất nghiêm, ít đùa cợt chớ nhả như người Việt, chuyện gì cũng làm quan trọng hoá (serious) nhưng xem ra người Mỹ cũng rất hài hước, dí dỏm và chơi chữ cũng là một tay sành điệu.

Thác nước Amicalalo, vùng đồng quê Japer, con sông Chatahoochee, Chatanooga, Cherokee... những địa danh của người Da Đỏ xa xưa. Họ là chủ nhân của những vùng đất này và cả Bắc Mỹ, thời gian biến thiên, thế sự vô thường, dòng đời thăng trầm trôi chảy không ngừng. Người da trắng đến đây khai phá và cũng đã tiêu diệt rất nhiều những bộ lạc Da Đỏ. Người da trắng đã lập nên xứ sở Cờ Hoa, giương cao ngọn cờ tự do và cổ vũ cho tự do trên toàn thế giới. Xứ sở Cờ Hoa đã cưu mang và dang tay tiếp nhận hàng chục triệu người khắp thế gian này. Họ là những nạn nhân của chiến tranh, đói nghèo, bất công xã hội, kỳ thị chủng tộc, kỳ thị tôn giáo, phân biệt chính trị, giới tính...có vô số những người vốn không có vấn đề gì nhưng vẫn tìm đến đây để thực hiện giấc mơ Mỹ, thậm chí có rất nhiều người giàu có, con cháu viên chức cấp

cao của những nước khác cũng tìm đến Mỹ... điều ấy cho thấy sức hút đầy hấp dẫn của xứ sở này! Người Việt đến đây cũng trôm trôm bốn mươi lăm năm (tuy kẻ trước người sau), phần nhiều cuộc sống đều yên ổn, an no, cũng có một số thành công lớn nhưng cũng có một số vẫn nghèo (quả là cái phước kém quá, dù đến Mỹ nhưng vẫn nghèo, nghèo rớt mồng tơi, thậm chí phải sống không nhà). Người Việt ở xứ sở này, nhận đây làm quê hương thứ hai của mình, ít có ai muốn hồi về cố quốc nhưng lòng vẫn hoài cố quận. Quê hương là thế, chỉ có thể rút con người ra khỏi quê hương chứ không thể rút quê hương ra khỏi tâm con người. Quê hương thứ hai này cũng thế mà thôi! Làm sao xa rời được (xa rồi lấy gì mà ăn), xa rồi thì nhớ những đồng quê mênh mông bát tận chân trời kia chịu sao nổi, một mai xa thì nhớ ánh đèn màu của Las Vegas chẳng phân biệt được ngày và đêm. Quê hương thứ hai này trong ngày lễ chiến sĩ trận vong làm cho người ta nhớ thế nào là nhân đạo, thế nào là hoà hợp, hoà giải. Nội chiến chấm dứt, quân hai bên bình đẳng với nhau, không có lễ mừng chiến thắng, không có nhục mạ bên thua. Người sống sống hoà bình với nhau, người chết chôn chung một nghĩa trang, không có lính bên này hay bên kia, mỗi ngôi mộ đều một tấm bia như nhau, một lá cờ, một bông hoa... Bình đẳng, tôn trọng và đều được tưởng nhớ chung! Thế gian này dễ gì có nơi nào làm được như thế, nếu không muốn nói rằng chỉ có mỗi ở xứ sở Cờ Hoa mà thôi!

Ngày lễ chiến sĩ trận vong, về với thiên nhiên, tắm ở nguồn cội của ngọn thác Amicalalo mà tâm hồn như gột bỏ bao nhiêu phiền muộn, thư thái nhẹ nhõm cả tâm thần. Không khí trong lành thơm mùi hoa cỏ dại của đồng quê mà mình dường như cảm nhận “ Tịnh Độ: ở quanh đây.

VESAK

Bầu trời đen kịt, từng lần chớp loé lên chẳng chịt rạch nát không gian, những tia chớp xanh lè bén như lưỡi đao trủy thủ mà lại nóng kinh hồn, hễ phóng đụng vật gì thì vật ấy cháy và nát ra. Sấm đi đùng đong đến tận đường địa ngục, sấm bỏ tan cả đá, đánh vỡ những gì cản đường của nó. Gió giật từng hồi, thổi tung tất cả những vật trên đường đi, cả đất trời như tận thế. Các vị thiên sợ sệt, khép thân không dám nói lời nào. Giọng Ma Hê Thủ La Thiên Vương rền vang át cả tiếng sấm:

- Ta là chúa tể của vũ trụ, sức mạnh vô song, quyền lực vô biên, không có ai sánh bằng ta. Kẻ nào chống lại ta tất phải chết, ta thống trị vũ trụ này tám vạn đại kiếp.

Y dứt lời thì từng bực lửa lớn phùng phùng bốc lên, hỏa diệm sơn phun khói lửa ngất trời. Sóng từ bốn biển ầm ầm nổi, những cơn sóng thần cao vượt mọi thành trì có trên mặt đất. Đám ma quân rung rung kéo đến, hình thù quái dị, gớm ghiếc. Chúng nhe nanh, múa vuốt, nhảy múa reo hò ầm ĩ. Tên đầu đảng hét lên:’

- Này Cồ Đàm, tại sao cứ ngồi mãi ở đây? Hãy về với cung vàng điện ngọc, ở đây ông có tất cả: địa vị cao quý, tiền của phong lưu, vợ đẹp con xinh, rượu ngon gái đẹp... và bao nhiêu thú vui tiêu khiển khác, tất cả cung phụng ông! có sao ông đến ngồi dưới gốc cây này để nhận lấy bao nhiêu khổ

nhọc?

Thích Ca Mâu Ni vẫn lặng im bất động, ngài ngồi như thể núi non, vẻ mặt bình thản không một gợn ưu tư. Bọn ma quân thấy thế càng tức giận sục sôi, chúng phun lửa toan đốt ngài nhưng lửa không chạm được đến thân. Chúng lại dâng nước, hòng cuốn trôi ngài nhưng nước bốc hơi. Chúng lại làm ra động đất, định chôn vùi ngài nhưng cơn chấn động loang đến gần ngài thì tự khắc tan. Dùng bao nhiêu phép thuật mà không làm gì được, hết cách chúng hậm hực bỏ đi. Bây giờ xuất hiện vô số ma nữ, mắt đẹp mày xinh, thân hình lồ lộ uốn éo, chúng múa may ca hát và dỡ trò mon trớn, vuốt ve dụ khị:

- Ngài còn trẻ, sức lực sung mãn, thân hình tráng kiện, tinh thần minh mẫn... sao không hưởng lạc thú của cuộc đời? có sao từ bỏ những lạc thú? có sao sống khắc khổ, hành xác như thế? chúng em sẵn sàng hầu hạ ngài, đem lại cho ngài những phút giây hoan lạc nhất của kiếp người.

Thích Ca Mâu Ni vẫn an nhiên bất động, gương mặt sáng như trăng rằm, an hoà từ tốn mà khí lực ngất trời. Giờ đủ trò khêu gợi mà không lung lạc được Thích Ca, bọn chúng hết cách và tự tan biến như bóng đêm lúc bình minh lên.

Sao Mai lấp lánh trên bầu trời, đêm chuyển dần về sáng, một làn sóng an hoà, khoan khoái lan tỏa trong đất trời, quang minh bùng lên, mặt đất chấn động sáu cách. Ngài thoáng mỉm cười, nụ cười nhẹ như gió thoảng, như cánh hoa mạn thù sa, hoa mạn đà la bay trong hư không. Thế rồi ngài lên tiếng sau bốn mươi chín ngày thiền định dưới cội cây:

- Hồi gã thợ làm nhà kia, ta đã lang thang bao nhiêu kiếp để

tìm người, nay ta đã gặp. Từ đây bao nhiêu cột, kèo, rui, mè... gãy tan hết! Từ đây vĩnh viễn không còn luân hồi sanh tử nữa, đây là kiếp chót của ta.

Ngài đã chứng tam minh, lục thông. Chư thiên từ các tầng trời hoan hỷ vây quanh rải hoa cúng dường Phật, bậc chánh đẳng chánh giác. Đất trời rạng rỡ trong năm sắc màu quang minh vô cùng kỳ diệu, muôn hoa khoe sắc, chim hót véo von... muôn thú cùng các loài vây quanh. Hào quang của Phật soi đến ba ngàn thế giới. Ánh sáng chiếu vào cung điện Ma Hê Thủ La Thiên Vương, y giật mình kinh sợ, không biết ánh sáng từ đâu mà rực rỡ như thế, hơn cả quang minh nhật nguyệt và tinh tú. Vũ trụ sáng lạn, ánh sáng nhu nhuyến, ôn hoà làm cho chúng thiên nhơn đều thấy tâm thần lắng dịu, khoan khoái. Y dùng thiên nhãn nhìn thì thấy Thích Ca Mâu Ni đã thành chánh đẳng chánh giác dưới cội cây bồ đề. Đây là lần thứ hai quang minh và chấn động làm rung rinh cung điện của y. Lần thứ nhất, cách đây hai mươi chín năm, khi bà Ma Gia phu nhân hạ sanh Tất Đạt Đa ở vườn Lâm Tỳ Ni. Năm ấy y đã kinh sợ và bất an, y biết rồi đây sẽ có người vượt hơn ngôi vị thiên chủ của y, sẽ có quyền lực lớn hơn y... càng nghĩ y càng lo lắng, y bèn tìm đến chỗ đức Phật đang thiền định

- Nay ông Cồ Đàm, ông có quyền năng lớn hơn tôi chăng? Tôi có thể biến thân to như núi Tu Di, vậy ông có thể làm như thế không?

Thế Tôn từ tốn bảo y:

- Ta không có quyền năng, ta không phải là thượng đế hay thánh thần, ta lại càng không dùng đến pháp thuật biến hoá.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

- Vậy sao ông có thể tạo ra quang minh và chấn động cung điện của ta và cả ba ngàn thế giới?

- Ta chẳng có ý làm thế, tự nhiên thế thôi.

- Ông không thể tranh ngôi thiên chủ với ta được đâu!

- Ta chẳng thèm cái ngôi thiên chủ ấy, chư thiên cũng không ngoài vòng sanh tử, bản thân người dù có thọ tám vạn đại kiếp rồi khi hết phước vẫn đọa như thường. Chắc người cũng đã từng nhiều lần chứng kiến năm tướng suy hao của chư thiên khi hết phước?

- Đúng thế, tôi đã vô số lần thấy năm tướng suy hao, vậy ông đã vượt qua sanh tử rồi chăng?

- Không sai, đây là kiếp chót của ta! Ta đến thế gian này để dạy chư thiên, phi nhân và con người con đường vượt qua khổ đau, ra khỏi luân hồi sanh tử.

- Tôi là Ma Ha Thủ La Thiên Vương, là chủ tể vũ trụ, không có ai lớn hơn tôi, không có ai mạnh hơn tôi, quyền lực của tôi vô biên, tôi sống tám vạn đại kiếp. Còn ông, ông bảo không có pháp thuật quyền năng gì, vậy sao ông có thể thoát ra khỏi sanh tử luân hồi?

- Ta đã thực hiện thiền định, thanh lọc tâm ý. Ta đã buông xuống mọi ràng buộc của ngũ dục lục trần, cấu uế phiền não, lìa ly cấu, không còn dính mắc bụi trần, lậu hoặc đã đoạn, vô nhiễm ái dục... nên tự nhiên là khỏi sanh tử luân hồi. Ta có nhiều pháp môn, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà giáo hoá!

Nói xong, Thế Tôn đứng dậy đi đến vườn Lộc Uyển. Năm

anh em Kiều Trần Như vừa thoáng thấy Thế Tôn, họ định bỏ đi, tâm ý các vị ấy cho là Thế Tôn không còn chịu nổi khổ cực để tu hành nên có ý coi thường. Họ định bỏ đi nhưng không sao đi được. Sắc tướng của Thế Tôn quá tuyệt hảo, bọn họ chăm chăm nhìn, lòng đầy ngờ vực. Thế Tôn vào giữa vườn, bọn họ tự nhiên sụp lạy đánh lễ mà không hiểu vì sao. Thế Tôn ân cần nói pháp cho bọn họ, lần thứ nhất ngài nói:” Đây là khổ tính bức bách, đây là tập tính chiêu cảm, đây là đạo tính có thể tu, đây là diệt tính có thể chứng”. Lần thứ hai ngài bảo:” Đây là khổ ta đã biết, đây là tập ta đã đoạn, đây là đạo ta đã tu, đây là diệt ta đã chứng”. Lần thứ ba ngài dạy:” Đây là khổ các ông nên biết, đây là tập các ông nên đoạn, đây là đạo các ông nên tu, đây là diệt các ông nên chứng”. Chuyển pháp ba lần rồi ngài gọi:

- Nay các ông, các ông bị khách trần quấy nhiễu nên không thể chứng đắc!

Kiều Trần Như nghe đến đây lập tức khai ngộ, sau đó chứng đắc trở nên giải không đệ nhất. Bấy giờ chư thiên khắp các tầng trời rải hoa cúng dường, Càn Thát Bà tấu nhạc, vô số hương chiên đàn và các loại hương khác xông lên. Ma Hê Thủ La Thiên Vương thấy thế thì bao nhiêu kiêu hãnh tan biến, tâm ý y như căn phòng tối được ánh dương chiếu soi. Y sụp lạy đánh lễ Thế Tôn. Y cầu xin sám hối và phát nguyện sẽ đời đời hộ trì chánh pháp.

Thế rồi chánh pháp của Như Lai như ngọn hải đăng soi rọi thế gian này, người người quay về nương tựa, hàng trời người đều được lợi ích lớn lao. Một số vượt thoát sanh tử luân hồi, vô số khác thì sống trong tỉnh thức, thúc liễm thân tâm, tinh thần an lạc, buông bỏ mọi phiền não, ràng buộc... Ma Vương

Ba Tuần cảm thấy quyền lực của y bị lung lay nghiêm trọng. Con người trên thế gian và bao chúng sanh khác đều do y cai quản xưa nay, nay họ tu theo chánh pháp nên lần lượt thoát sanh tử, vượt qua sự cương toả của y. Lòng y bất an và giận dữ. Y tìm đến chỗ Như Lai gây nhiễu sự:

- Bao nhiêu chúng sanh do tôi cai quản, nay bọn họ tu theo chánh pháp của ông, bọn họ vượt thoát sanh tử, những kẻ còn lại cũng sống an lạc, không còn chịu sự khống chế của tôi, quyền lực của tôi bị ông phá hủy. Tôi sẽ phá chánh pháp của ông!

Thích Ca Mâu Ni điềm nhiên bảo:

- Tà không thể thắng chánh, nguoi không thể nào phá được chánh pháp của Như Lai!

Ma Vương Ba Tuần cười nham hiểm:

- Được rồi, tôi sẽ chờ đến thời mạt pháp. Tôi sẽ cho con cháu của tôi khoác cà sa.

Nghe thế, đức Thế Tôn trầm ngâm không nói một lời nào nữa. Ngài biết y nói đúng và y sẽ làm thế, trí huệ của Như Lai biết chuyện vốn sẽ là như thế, không thể nào khác được, cũng không thể làm gì hơn.

Dòng đời biến thiên thịnh suy liên li, dòng thời gian trôi không ngừng, chẳng mấy chốc đã đến lúc Thế Tôn nhập niết bàn. Ngài nằm giữa hai hàng cây Sa La. Hàng tứ chúng vây quanh buồn bã, rơi lệ. Chư thiên hội tụ về, sầu đau hiện rõ trên gương mặt. Ma Hê Thủ La Thiên Vương quỷ tâu:

- Bạch đức Thế Tôn, ngài vào niết bàn vô dư, chúng con bơ

vơ không nơi nương tựa biết làm sao đây?

Đức Phật dạy:

- Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà ra đời, chỉ dạy chúng sanh nhập tri kiến Phật. Nay Như Lai vào niết bàn nhưng chánh pháp còn đó cho đến khi có một vị Phật khác ra đời. Các ông cứ y theo chánh pháp mà hành thì cũng như Như Lai còn tại thế!

Ma Hê Thủ La Thiên Vương lại tâu:

- Bạch đức Thế Tôn, chúng con xin vâng lời, xin nguyện hộ trì chánh pháp của Như Lai, hộ trì tất cả những ai hành đúng chánh pháp của Như Lai.

Ngài A Nan quỳ bên Thế Tôn, buồn rầu thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn vào niết bàn rồi thì ai làm thầy chỉ dạy chúng con?

Đức Phật ân cần:

- Hãy lấy giáo giới làm thầy, các ông tự thấp đuốc lên mà đi!

Thế Tôn vào niết bàn, chánh pháp được các đồ đệ mang đi giáo hoá bốn phương trời, hoằng hoá độ vô số chúng sanh, tuy nhiên càng về sau thì có nhiều hiện tượng suy hao, hư hoại và thêm bớt những cái vốn không có của thời chánh pháp và tượng pháp. Lời nguyện năm xưa của Ma Vương Ba Tuần đã ứng nghiệm, nhiều kẻ khoác cà sa nhưng làm việc ma, tuy hình tướng sa môn nhưng thực chất là con cháu của Ma Vương Ba Tuần. Chúng ngày đêm phá hoại pháp, lũng đoạn tăng đúng như lời huyền ký của Thế Tôn:” Sư tử trùng phạm thực sư tử nhục”. Tuy có phá hoại nhưng pháp của Như

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Lai vẫn tồn tại vững mạnh, vẫn là con đường duy nhất thoát khổ đau, thoát sanh tử luân hồi. Pháp của Như Lai chỉ mất đi khi nào có một vị Phật khác ra đời.

Thời gian như nước chảy hoa rơi, như vó câu qua cửa sổ, mới đó mà đã trải qua hai ngàn năm trăm sáu mươi tư năm, kể từ khi Thế Tôn thị hiện đản sanh ở quốc độ này. Vườn Lâm Tỳ Ni năm xưa vẫn còn những di chỉ của thế Tôn. Ngày nay tại cõi Nam Thiệm bộ châu có một xứ sở vô cùng giàu có, trù phú, cuộc sống phong lưu, dân tứ xứ kéo về. Hàng đệ tử của Thế Tôn cũng tìm đến lập đạo tràng giáo hoá chúng sanh. Hàng Thích tử đem giáo pháp của Thế Tôn dạy chúng. Có nhiều sắc dân xưa nay chưa hề biết đến Phật pháp, nhờ thế mà được lợi lạc lớn. Các xứ trong quốc độ ấy liên kết nhau, tạo nên một hội quốc liên nhằm đoàn kết hỗ trợ cho nhau, giúp nhau trong các vấn đề thế sự. Hàng năm, hội đồng của liên hiệp các quốc gia ấy cử hành trọng thể lễ kỷ niệm ngày đản sanh của Thế Tôn. Hàng Thích tử toàn thế giới họp lại chọn ngày rằm tháng tư làm ngày Vesak, kỷ niệm ba sự kiện lớn trong đời của Thích Ca Mâu Ni Phật, đó là ngày đản sanh, ngày thành đạo và ngày Phật nhập niết bàn. Phật thị hiện đản sanh và nhập niết bàn ấy là hoá thân, pháp thân Phật thì nào có sanh diệt, vẫn thường trụ khắp mười phương và hiện hữu cả quá khứ, hiện tại và vị lai.

New York, năm một ngàn chín trăm chín mươi chín, tại phiên họp thứ năm mươi tư đã đồng thuận chọn ngày rằm tháng tư âm lịch để kỷ niệm ba sự kiện quan trọng trong cuộc đời đức Phật Thích Ca, đồng thời tôn vinh những đóng góp cho hoà bình, văn hoá của Phật giáo. Một tôn giáo lâu đời luôn đề cao phẩm giá con người, tôn trọng sự thật, tràn đầy trí tuệ và tình thương.

VÔ THƯỜNG LÃNG ĐĂNG

Có một nhà khoa học từng phát biểu:” Cuộc đời này không có gì chắc chắn và tuyệt đối cả, duy chỉ có câu nói này là chắc chắn tuyệt đối”. Trong đạo các thiền sư cũng thường dạy:” Thế gian này chẳng có gì chắc chắn cả, duy có cái chết là chắc nhất, thật nhất”. Xem ra đạo và đời nhìn nhận lẽ vô thường khá tương đồng. Cuộc sống hàng ngày cũng vậy, mọi người chúng ta vẫn thường nói vô thường, lý sự về vô thường, tuy biết nhưng từ biết cho đến ứng xử và hành động là một khoảng cách xa diệu vợi. Bằng chứng cũng dễ thấy, nó biểu hiện mọi lúc mọi nơi, mọi giới trong xã hội, hễ động đến một tí quyền lợi: tiền bạc, danh tiếng, sắc dục, ngủ nghỉ, ăn chơi... thì lập tức quên bặt vô thường ngay!

Thế vô thường là gì? Là sự thay đổi liên tục không dừng dứt, sự thay đổi chuyển dịch sanh tử liên li trong từng phút giây, thay đổi từ vật chất, hoàn cảnh bên ngoài cho đến tâm ý bên trong. Nhỏ nhiệm như từng tế bào sanh diệt liên miên, lớn hơn thì con người, động vật, nhà cửa, núi non cho chí hành tinh, vũ trụ...Con người và vạn vật, mọi việc luôn ở trong trạng thái chuyển dịch, thay đổi; có cái biến đổi nhanh lẹ ngắn ngủi nhưng cũng có cái chậm chạp tính bằng năm tháng, thế kỷ hoặc tỷ năm thậm chí lâu hơn nữa mà khả năng của con người không thể đếm nổi. Tỷ như phù du sớm sanh tới chết, hoa sớm nở tới tàn đó là ngắn, còn dài thì sự hình thành và

biến mất của một quốc gia, một nền văn minh, hoặc vô cùng dài lâu như sự hình thành và biến mất của một hành tinh, một vũ trụ...

Về tâm ý thì sự thay đổi còn nhanh không thể tưởng, một sát na có đến chín mươi cái niệm sanh diệt, thất tình lục dục trong tâm biến đổi không ngừng, nó chịu sự tác động từ bên ngoài, chấp chặt vào: sắc , thanh, hương, vị xúc, pháp; gắn kết với: tài, sắc, danh, thực, thù. Vì thế mà cái tâm (vọng) luôn loạn động, đổi thay, sớm yêu chiều ghét, hờn, giận, mừng, vui, chán... nay nắng mai mưa. Mọi vật, mọi việc vô thường, thế gian vô thường, vì thế mà nhà phật dạy chúng ta phải nhìn nhận cho rõ và buông bỏ để mà sống trong an lạc.

Vô thường tác động lên con người và hành động của con người lại làm gia tốc cho sự vô thường thêm nhanh hơn, sự biến đổi sanh diệt còn khốc liệt hơn, tỷ như ngày xưa người ta khai phá một khu rừng thì phải mất nhiều tháng năm nhưng ngày nay với công cụ hiện đại thì chỉ cần một vài ngày là ủi sạch. Ngày xưa chiến trận với vũ khí thô sơ thì thời gian tính bằng tháng năm, ngày nay với vũ khí hiện đại: hoả tiễn, bom hạt nhân, vũ khí laser, vũ khí hoá học... thì có thể kết thúc nhanh trong vài ngày hoặc tuần. Con người trong thế giới hiện đại đang đối mặt với tốc độ biến đổi chuyển dịch của vô thường rất nhanh chóng. Con dịch do virus Corona hiện nay là một minh chứng rõ ràng cho thấy tốc độ nhậm lệ của biến thiên vô thường. Những cơn dịch trong quá khứ của loài người, tốc độ lây lan chậm và hạn chế trong phạm vi nhất định. Con dịch Corona virus ngày hôm nay thì lây lan nhanh chóng và lan truyền trên toàn thế giới. Việc lây lan nhanh và rộng khắp cũng bởi văn minh của con người, máy bay, tàu thuyền, xe...(âu cũng là mặt trái của toàn cầu hoá vậy)

Con dịch đang gây ra hậu quả nặng nề, hàng chục triệu người mắc bệnh, hơn triệu rưỡi người chết, kinh tế đình đốn, giao dịch và mọi hoạt động xã hội ngưng trệ, con người hoang mang lo sợ... Liệu người Phật tử có học được bài học gì chăng? Hay có áp dụng được chút ít sở học vào cuộc sống hiện tại chăng?

Con dịch Corona này đã chứng minh cho mọi người thấy rõ tính chất khổ, không, vô thường, vô ngã. Đây là những pháp ấn mà nhà Phật vẫn thường nói đến.

Thế gian này là một thế giới khổ, ba khổ (khổ khổ, hoại khổ, hành khổ), tám khổ (sinh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, oán tắng hội, ái biệt ly, ngũ ấm xí thạnh). Ba khổ, tám khổ là căn bản còn chia nhỏ thì thì vô số khổ. Trong con dịch bệnh này thì mắc bệnh hay không mắc đều khổ cả (đau đớn, chết chóc, mất việc, mất tiền, phong toả, hoang mang lo sợ...) khổ cả thân lẫn tâm. Thế giới này là thế giới khổ, Sa – Bà là kham nhẫn là khổ, là chịu đựng kia mà. Còn về chữ không, ở đây không phải là không có gì, là trống trơn mà là không thật có. Con người cho đến muôn loài và vật chất đều là duyên hợp mà sanh ra, duyên tan thì hoại đi chứ hoàn toàn không thật có. Con người và vạn vật đều cấu thành từ đất, nước, gió, lửa, không đại nhưng con người còn có thêm thức đại. Nhân duyên đủ thì tụ thành, hết duyên thì tan rã. Nhà Phật vẫn bảo: “Nhuệ như mộng huyễn, như bào ảnh, như lộ, như điện” là thế! có đó nhưng không thật có. Vô thường, như đã nói ở trên, con người và vạn vật thay đổi, sanh diệt liên miên trong từng phút giây. Giờ đây dịch bệnh còn làm cho tốc độ sanh diệt, thay đổi nhanh hơn nữa. Vô thường chẳng chừa ai, chẳng phân biệt ai: trí-ngu, sang-hèn, giàu-nghèo, quan-dân... Vô ngã, thật sự không có cái “ngã” độc lập, tất cả chỉ là các duyên hoà

hợp mà sanh ra, chỉ là sự tập hợp của điều kiện cần và đủ, ví như một ngôi nhà, ấy là sự kết hợp của: gạch, gỗ, sắt, xi măng, công thợ... Rồi mỗi món đó lại là sự kết hợp của những nguyên tố khác, khi tất cả hợp lại thành một vật mà ta tạm cho tên là “ cái nhà”, một khi hết duyên thì “ cái nhà” lại rã rời thành từng món và mỗi món đó lại tan rã ra thành những nguyên tố khác nhau. Thật tế không thể tìm thấy một cái độc lập gọi là nhà.

Con dịch Corona hôm nay cũng cho thấy cái thân mình quá thật mong manh yếu ớt lắm, con virus nhỏ bé đến độ không thể nhìn thấy bằng mắt thường nhưng quật ngã con người, giết chết hàng vạn người như chơi. Thân người là tập hợp của máu, mỡ, thịt, da... bề ngoài trông đẹp đẽ vậy nhưng bên trong chứa toàn chất hôi thối, tanh tưởi. Thân người chẳng tinh chút nào, nó như con dao, nếu biết dùng thì tạo phước và thăng tiến còn ngược lại thì tạo nghiệp xấu và họa. Thọ là khổ, bình thường đã khổ vì mưu sinh, vì hệ lụy những mối ràng buộc, vì bao nhiêu thứ khác, nay dịch bệnh thì khổ thêm. Tuy cuộc sống cũng có Cái vui nhưng rồi vẫn đi đến khổ (hành khổ) và vô thường biến hoại thì dĩ nhiên là khổ. Tâm vô thường, thân vốn không thật thì tâm sao thật được! nó là vọng tâm lấy lòng với thất tình lục dục, nó thay đổi không ngừng khi yêu khi ghét, lúc thương lúc giận.... Vô ngã, điều ấy đã thấy như ví dụ cái gọi là “cái nhà”, muôn pháp đều vô ngã, không có cái gì để gọi là cái “ngã”, cái độc lập cả. Trong cơn dịch bệnh này, ta thấy dù là vật chất (sắc) hay tâm ý (danh) cũng đều không có một cái ngã độc lập, tất cả chỉ là duyên sanh mà thôi. Thân vốn là tứ đại, không đại và thức đại mà hình thành, con virus giết chết cái thân, thì thân lại trở về với đất nước gió lửa. cái tâm gá ở cái thân thì như làn sóng điện,

sẽ duyên vào một cảnh giới cao hơn hay sa vào cảnh giới thấp hơn (tùy theo phước đức, tùy theo cái nghiệp thiện -ác mà khi cái thân còn sống đã tạo). Nhà Phật gọi là thần thức, không phải là linh hồn bất biến, vĩnh viễn như các tôn giáo khác vẫn quan niệm như thế! ở bài viết này bút giả chỉ khái quát sơ sơ chứ không dám nói sâu hơn vì cũng chẳng đủ khả năng để nói thêm.

Cơn dịch Corona virus thật sự nguy hiểm, nhưng người Phật tử hiểu và áp dụng sở học của mình vào đời sống thì sẽ không đến nỗi sợ sệt hoang mang. Dịch bệnh là kiếp nạn, là nghiệp chung của con người, muốn hay không muốn, tội hay vô tội đều phải chịu chung vậy: bệnh tật, chết chóc, phong toả! Sanh tử là lẽ thường, chết là chắc chắn, không sớm thì muộn, không lúc này cũng lúc khác, không lý do này cũng lý do khác... không ai có thể thoát chết, vì vậy mà cứ bình thản sống (có hoảng sợ, hoảng loạn cũng không thoát chết, thậm chí có thể chết nhanh hơn). Một mặt tuân theo các chỉ dẫn của cơ quan y tế phòng ngừa dịch bệnh, mặt khác áp dụng ngay những sở học vào cuộc sống, biến pháp học thành pháp hành. Chắc cũng có không ít người cho rằng Phật giáo sao bị quan, toàn nói vô thường, khổ, vô ngã, chết... Chẳng có gì bị quan cả! biết rõ, nhìn nhận chân đề mà khỏi bị quan, để sống bình thản. Ví như có người sợ ma, lúc trời chạng vạng mờ mịt nhìn gà hoá cuốc, nhìn vật hoá ma. Giờ có ánh dương soi rọi, mọi vật rõ ràng thì không còn sợ ma nữa.

Ôn dịch nguy hiểm nhưng thế giới hôm nay các nguồn thông tin hỗ trợ mạnh mẽ mỗi nguy đó làm cho con người càng thêm hoang mang. Nếu ở các nước độc tài thì bùng bít, che dấu và bóp méo sự thật làm cho người dân không biết rõ sự thật. Ở các nước tự do thì truyền thông và mạng xã hội quá

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

nhieu nhieu loạn làm cho người dân cũng hoang mang không biết đâu mà lần, quá nhiều tin giả, tin xấu, tin lập đi lập lại...tác động mạnh vào tâm ý người dân, dịch bệnh đã khổ mà thêm hoang mang lo sợ nữa! thậm chí có vô số tin vô thưởng vô phạt nhưng nó làm dậy sóng tâm lý đám đông, gây thêm rối rắm trong lúc cơn dịch hoành hành. Bưng bít hay nhieu loạn đều là hai thái cực thái quá, từ đây ta lại thấy thêm một điều nữa: Trung đạo, con đường mà Thế Tôn đã chỉ dạy, tránh cả hai thái cực!

Cuộc sống hôm nay, cơn dịch bệnh này là điều không thể tránh khỏi, vậy thì ta cứ bình thản sống, làm tốt nhất trách vụ một con người trong cộng đồng, trách vụ một Phật tử. Giả sử vạn nhất bất đắc dĩ mà mình chịu chung nghiệp với những người không may mắn thì mình vẫn có thể hy vọng và biết đâu đó là: “ Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay”- thơ TLTP

VU LAN MÙA DỊCH

Mỗi độ tháng bảy âm lịch về, người con Phật lại nao nức chuẩn bị cho mùa hiếu hội. Vu Lan báo hiếu đã trở thành một lễ hội quan trọng trong đạo Phật cũng như truyền thống văn hoá của dân tộc. Một năm có nhiều ngày lễ nhưng với người con Phật có lẽ ngày tết, ngày lễ Phật đản sanh và lễ Vu Lan là quan trọng nhất

Không ai biết chắc lễ Vu Lan hình thành và du nhập vào nước ta từ khi nào, nhưng ngày nay đã ăn sâu vào máu thịt không thể thiếu được. Người con Phật vốn lấy hiếu làm đầu, “Hiếu hạnh vi tiên”. Nho giáo cũng coi trọng chữ hiếu nhưng không trọn vẹn và có phần bất cập, cái hiếu của Nho gia cũng phụng dưỡng cha mẹ nhưng phải nói dối tông đường, nếu không lập gia đình hoặc không có con là bất hiếu, thậm chí là đại bất hiếu: “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”. Chữ hiếu nhà Phật thì khác, cao cả hơn, trọn vẹn hơn, sâu sắc hơn, “Hiếu dưỡng phụ mẫu” là nền tảng, là điều tiên quyết của mọi người con Phật, nếu chưa hiếu với cha mẹ thì đừng nói gì đến học Phật, tu Phật. “Hiếu dưỡng phụ mẫu” là điều kiện tiên quyết trong tam phước mà kinh Vô Lượng Thọ đã nói. “Hiếu dưỡng phụ mẫu” không chỉ là chăm lo thân xác, quần áo, cơm nước, thuốc men... và còn phải chú trọng đến tinh thần nữa, lo cho cha mẹ an lạc, hướng dẫn cha mẹ sao cho tinh thần thoải mái, vui vẻ... Nếu cha mẹ đã tin tam bảo, hộ trì tam bảo, nương

tạ tam bảo thì quá tốt; còn nếu như cha mẹ chưa có tín tâm ở tam bảo thì tạo mọi điều kiện để cha mẹ tiếp xúc với tam bảo, tạo niềm tin cho cha mẹ hướng về tam bảo, giúp cha mẹ trồng nhân lành ở tam bảo chẳng hạn như: đưa cha mẹ đi chùa, tụng kinh, niệm Phật, làm công quả, hành hương Phật tích, bố thí...Có như thế mới là trọn hiếu. Cha mẹ cũng như bao người khác, ngoài phần thân còn có tâm thức, cái thân thì chỉ trong vòng trăm năm nhưng thần thức thì vô cùng quan trọng, không chỉ đời này mà nhiều đời khác nữa, việc hướng dẫn tinh thần cho cha mẹ là cách báo hiếu sâu sắc nhất, vì đó là cách giúp cha mẹ tạo được tư lương thiện lành để một khi hết số thì có thể tái sinh vào cõi an lành, có một hậu thế tốt đẹp hơn.

Chữ hiếu trong nhà Phật còn mở rộng ra, không chỉ “Hiếu dưỡng phụ mẫu” một đời này mà còn hiếu với ông bà tổ tiên đã quá vãng. Bởi vậy lễ Vu Lan ngoài việc báo hiếu cha mẹ hiện tiền mà còn chú nguyện cho cứu huyền thất tổ được siêu sinh tịnh độ

Lễ Vu Lan xuất phát từ điển tích ngài Mục Liên cứu mẹ thoát khỏi u đồ, sau này có thêm thoát những yếu tố dân gian bản địa như: chuyện bà Thanh Đề với bánh bao nhân thịt chó... nhưng cốt lõi vẫn là chuyện báo hiếu của người con Phật, báo hiếu mẹ cha, tưởng nhớ tổ tiên. Chữ hiếu trong nhà Phật lớn lắm, không chỉ hiếu với cha mẹ mình, không chỉ biết ơn với cha mẹ mình mà còn mở rộng ra thành tứ trọng ân: Ôn Phật, đã mở đường sáng, đường giải thoát, đường vượt sanh tử cho chúng sanh. Ôn thầy tổ, truyền trao, chỉ dạy, sách tấn. Ôn quốc độ, đã cư mang, đã cho mình một nơi sống an cư lập nghiệp. Ôn đàn na tín thí, tất cả mọi người và mọi loài cùng cộng sinh, tác động qua lại lẫn nhau (điều này cũng là lý

tương tức, cái này sinh cái kia sinh, cái này diệt cái kia diệt).
Mình tồn tại được là nhờ cộng sinh chung với nhau và với
muôn loài. Cái ơn mình mang lớn lắm, có ai đó đã viết về
công ơn cha mẹ:

Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ

Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha

Cha mẹ được ví như hai vị Phật đầu tiên của mỗi con người,
nhờ có cha sanh mẹ dưỡng mà ta mới có mặt trên cuộc đời
này, nhờ công lao cha mẹ mà ta ăn học nên người, trước khi
là một Phật tử thì mình đã là một người con. Bởi vậy công lao
cha mẹ to lớn lắm, nói hết lời cũng không tả được. Cha mẹ là
hai vị Phật đầu tiên của mỗi con người, có biết ơn cha mẹ, có
hiếu với cha mẹ thì mới có thể nói đến biết ơn kẻ khác. Văn
học Phật giáo có câu chuyện rằng: “ Có anh thanh niên trẻ
muốn học Phật, dốc lòng đi tìm Phật. Anh ta chẳng ngại núi
non hiểm trở, rừng thiêng nước độc, chẳng ngại đường xa
cách trở...đi khắp nơi cầu kiến cao nhân, tham vấn đạo hữu
nhưng vẫn chẳng thỏa mãn, vẫn không thấy Phật. Một ngày
kia anh ta gặp một vị tăng, ông tăng bảo anh ta quay về nhà,
người đầu tiên mà anh gặp ấy chính là Phật! Anh vâng lời
quay về, người mẹ già vui mừng cập rập ra mở cửa, mắt mũi
kèm nhèm, dép chiếc trái chiếc phải...Anh ta chột ngộ ra và
ôm chầm lấy mẹ: Mẹ chính là vị Phật!”

Văn học dân gian cũng có cả kho viết về mẹ cha, có lẽ bốn
câu lục bát dưới đây là tiêu biểu nhất, đầy đủ nhất, hay nhất...
Hầu như ai cũng biết, ai cũng thuộc (chỉ e lớp trẻ thời 4.0,
thời 5G này hình như không có mấy em biết)

Công cha như núi Thái Sơn

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Hoặc như:

Con người có tổ có tông

Như cây có cội như sông có nguồn

Cũng có người bảo:” Sao các tu sĩ bỏ cha mẹ mà đi tu? vậy có tròn hiếu không?”. Xin thưa rằng: Đó là cái nhìn cạn cợt, phiến diện, thiếu hiểu biết, thấy gần mà chẳng thấy xa, chấp nhỏ mà bỏ lớn... Những vị tu sĩ ấy chính là đại hiếu. Các vị tu sĩ không chỉ lo cha mẹ mình mà còn lo cho cha mẹ khắp thiên hạ. Các vị tu sĩ ấy chính là phước điền cho mọi người, đi tu không gần gũi cha mẹ nhưng ngày đêm đang tạo phước đức cho cha mẹ, lo cho tương lai hậu sanh của cha mẹ , hồi hướng công đức cho khắp pháp giới chúng sanh. Đi tu vừa sử lỗi tự tâm, tự thăng tiến vừa chăm lo cho thân thức của cha mẹ đó là cách báo hiếu tích cực nhất, mà không phải ai cũng làm được.

Mỗi mùa Vu Lan về, người Phật tử về chùa tụng kinh, niệm Phật, cầu siêu, cài hoa báo hiếu cha mẹ, cầu cho ông bà tổ tiên quá vãng, cầu cho khắp pháp giới chúng sanh. Mỗi nụ hoa cài trên áo, nhắc nhở người con Phật về công ơn cha mẹ, về trách nhiệm người con Phật, giờ đây đã trở thành một tập tục đẹp và nhiều ý nghĩa. tiếc rằng năm nay dịch bệnh tràn lan, mọi người không thể về chùa được (có một vài chùa tổ chức lễ Vu Lan nhưng rất giới hạn số lượng người tham gia, vì tuân thủ quy định khoảng cách an toàn của nhà cầm quyền.

Phật pháp bất ly thế gian pháp là vậy!). Lễ Vu Lan năm nay sẽ tổ chức trực tuyến, có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại (sau này thì không biết có còn lập lại?). Lễ Vu Lan, lễ báo hiếu tổ chức trực tuyến trên mạng Internet, người Phật tử không thể vãn tập về chùa như những năm trước thì tham gia trực tuyến vậy (tùy duyên mà). Người Phật tử ở nhà vẫn cứ tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền như công khoá thường lệ, tham gia đóng góp từ thiện, thực hiện phóng sanh bằng cách ăn chay... sau đó cũng hồi hướng công đức cho cha mẹ, cho ông bà tổ tiên, cho khắp pháp giới chúng sanh. Tất nhiên cũng có người lo lắng, có chút xiu công đức mà hồi hướng khắp pháp giới chúng sanh thì nhằm nhò gì? Xin thưa rằng: Một đóm sáng loé lên trong đêm tối, một người hướng về hưởng ánh sáng thì đóm sáng ấy chẳng sáng hơn, cũng đóm sáng ấy mà muôn người hướng về thì đóm sáng ấy cũng chẳng suy đi.

Vu Lan mùa dịch, mọi người ở nhà có thể tận dụng thời gian ấy mà công phu, đọc sách, đọc kinh điển... cũng là một cách trau dồi trí tuệ. Người học Phật phải biết rằng: Phước không thể cứu, chỉ có huệ mới cứu được mình, phước với huệ phải có cả hai mới vẹn toàn. Chỉ có phước mà không có huệ thì như voi được đeo anh lạc, tuy no đủ, trang sức đẹp nhưng ngu si. Còn nếu chỉ có huệ mà không có phước, thì chứng đến A La Hán mà ngày ngày ôm bát khát thực về không, chẳng có tí thức ăn nào. Bởi thế mà đức Phật được tôn xưng là bậc “Lưỡng túc tôn”, hoặc “Phước trí nhị nghiêm”.

Lễ Vu Lan gắn liền với tích Mục Kiền Liên, ai ai cũng biết, kinh sách đã viết nhiều, thiết nghĩ không cần lập lại. Ở đây xin nhắc một khía cạnh khác: Ngài Mục Kiền Liên vốn được tôn xưng là thần thông đệ nhất, nhờ có thần thông mà biết mẹ

đọa u đồ. Thần lực của ngài không cứu được nên phải cầu đến thần lực của mười phương tăng. Thần lực mười phương tăng làm cho mẹ ngài chuyển đổi tâm niệm, nhờ chuyển đổi tâm niệm mà lập tức thoát khỏi u đồ. Cứu độ là giúp cho bà chuyển đổi tâm niệm chứ không phải dùng thần lực nhắc bổng bà ra khỏi u đồ. Khi tâm niệm san tham, bồn sên... thì thức ăn đưa lên miệng lập tức hoá lửa (lửa sân hận, tham lam, giận dữ...). Khi tâm niệm chuyển hoá thì cảnh u đồ lập tức thành thanh lương. Điểm này cũng giống như câu kệ:” Hoả diệm hoá hồng liên” vậy!

Một tâm mười pháp giới, tâm này là Phật, tâm này làm Phật, Một niệm tâm chuyển thì mọi sự chuyển theo. Y báo tùy thuộc vào chánh báo, chánh báo chuyển thì y báo chuyển theo. Địa ngục, thiên đàng cũng một niệm tâm mà ra. Bà mẹ của ngài Mục Kiền Liên khi tâm niệm còn mê thì ở u đồ, khi tâm niệm tỉnh giác thì sanh thiên. Mùa Vu Lan đến, mọi Phật tử, mọi người cùng gởi một tâm niệm thiện lành vào trong hư không, biết đâu chuyển đổi tâm niệm của một chúng sanh nào đó trong u đồ, biết đâu trong số ấy có cha mẹ, ông bà, thân hữu nhiều đời nhiều kiếp của mình.

Phật giáo sử có một minh chứng hùng hồn về sự chuyển biến thay đổi lớn của y báo khi chánh báo chuyển. Vua Asoka là một bạo chúa, hung hăng hiếu chiến, gây ra bao cảnh núi xương sông máu, khói lửa binh đao...nhưng từ khi một niệm tâm thay đổi, ông đã trở thành một vị vua hiền, một hộ pháp vĩ đại, ông đem lại thái bình an lạc cho dân, hoằng dương Phật pháp, chính các con ông cũng xuất gia và mang Phật giáo đến Tích lan và sau đó lan truyền qua những quốc gia nam Á khác.

Tâm chuyển tướng chuyển, tâm tướng sự thành... lý là thế nhưng thật tế thì ngàn muôn không được một, vô cùng khó. Con người bị cái nhìn lệch lạc (thiên kiến, biên kiến, kiến thủ...), bị mê mờ vì ngũ dục và chấp cho là thật (tài, sắc, danh, thực, thù) nên rất khó chuyển. Trong kinh sách Phật có truyện anh chàng Vô Nãi, y giết người lấy xương ngón tay mà xâu chuỗi, khi gặp Phật thì tỉnh ngộ, hồi tâm chuyển ý, buông đao, theo Phật tu học mà chứng thành quả, bởi thế nhà thiền mới nói “Đồ đao lập địa”.

Lịch sử nước ta cũng có việc tương tự, đời Lê mạt, vua Vĩnh Trị hạ chỉ bãi Phật biếm tăng, trục xuất tu sĩ ra khỏi Thăng Long và đày đi xa. Thiền sư Tông Diễn đã can đảm đứng ra can gián và thuyết phục được vua, sau đó vua rút lại chỉ và còn ăn năn sám hối. Vua cho vời những thợ tài hoa nhất tạc một pho tượng Phật ngồi trên lưng vua, vua nguyện lấy thân làm toà. Pho tượng vua quỳ phủ phục dưới đất làm toà cho Phật ngồi quả là độc đáo nhất của nước ta, có thể nói là độc nhất vô nhị không chỉ của Việt Nam mà có thể cả thế giới (vì chưa thấy Phật giáo sử nước nào có chuyện vua lấy thân làm toà cho Phật ngồi như thế cả). Ngày nay pho tượng “ Lấy thân làm toà” còn thờ ở chùa Hoè Nhai.

Trong đời thường, thỉnh thoảng chúng ta cũng nghe đây đó có những đại ca xã hội đen, những tay anh chị giang hồ có số má, không việc ác nào không dám làm, đâm thuê chém mướn, dắt gái bảo kê, đả thương truy sát, vào tù ra khám... ấy vậy mà bỗng nhiên hoàn lương hướng thiện, giúp người giúp đời, sống ẩn nhẫn thâm lặng, cam chịu cả đàm tiếu lẫn oan trái... Ấy cũng là từ một niệm tâm thay đổi mà ra, niệm trước là ác là sai quấy, niệm sau là thiện lành. Một niệm tâm chuyển thì con người chuyển, hoàn cảnh chuyển!

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

Mùa Vu Lan lại về, tiếc rằng năm nay dịch bệnh hoành hành, chùa chiền không tổ chức lễ được. Phật tử cũng hạn chế về chùa, chỉ còn cách lên mạng trực tuyến mà thôi, âu cũng tùy duyên. Cái quan trọng là tự thân mỗi Phật tử phải thật sự biết ơn cha mẹ, thật sự báo hiếu cha mẹ chứ không phải làm màu, hay chỉ làm mỗi ngày lễ Vu Lan. Mỗi người tự thân tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, hành thiện, phóng sanh... và hồi hướng công đức cho cha mẹ và ông bà quá vãng được siêu thoát, cha mẹ hiện tiền thân an tâm lạc. Cầu cho khắp pháp giới chúng sanh cùng an lạc, cầu cho dịch bệnh sớm qua đi.

Mùa Vu Lan đến

Dịch bệnh hoành hành khắp chốn

Hiếu hội năm nay lỗi hẹn

Mình ở nhà nghĩ nhớ tổ tiên

Suy tưởng công lao khó nhọc của mẹ cha

Mùa Vu Lan đến

Dâng lời khấn nguyện

Cha mẹ hiện tiền thân an tâm lạc

Ông bà quá vãng đặng siêu sanh

Ngày và đêm an lành

Người và muôn loài sống trong tình thương tình thức

Mùa Vu Lan đến

Ánh đạo vàng soi sáng khắp thế gian này

Trời phương đông mây trắng bay

Trời phương tây, người con Phật hướng về nguồn cội

Hiếu hạnh muôn đời không đổi

Giải thoát là mục tiêu tối thượng

An lạc giữa đời thường

Lời sư tử hồng vang động khắp mười phương

XÃ HỘI HIỆN ĐẠI VÀ ĐẠO PHÁP

Sự phát triển của kỹ thuật điện toán và công nghệ thông tin đã và đang làm thay đổi một cách sâu sắc mọi mặt của xã hội hôm nay, đạo pháp cũng không nằm ngoại lệ. Các mạng xã hội với vô vàn tin tức thật và giả ngày ngày tung hỏa mù làm xáo trộn đời sống, tâm tư, tình cảm con người. Những thông tin về đạo pháp có cả tốt lẫn xấu tác động mạnh đến mọi người. Xưa nay nhà thiền thường ví von:” Cánh bướm bên này khê vỗ mà bên kia thế giới dậy sóng sơn hà”. Ngày nay nó thành hiện thực, không còn là ẩn dụ, ví von nữa. Từ một góc nào đó của thế giới, chỉ cần ngón tay khê chạm vào bàn phím máy điện toán thì cả xã hội rần rần lên, lòng người dậy sóng bùng bùng, hoặc là vui mừng, hoặc là phẫn nộ... tùy theo cái tin tức mà người ta đăng lên. Nếu ngoài đời thì còn có biện pháp chế tài, trong đạo thì không, bởi vậy có nhiều tác hại không nhỏ.

Đạo Phật truyền thừa qua hơn hai mươi lăm thế kỷ, truyền đến đâu thì kết hợp với bản sắc văn hoá của địa phương ấy, bởi vậy nên đạo Phật ở mỗi xứ có hình thái, sắc vóc khác nhau, khác về: lễ nghi, nghi thức, phẩm phục, cách hành trì... nhưng nhìn chung vẫn là hai dòng chính: Bắc truyền và Nam truyền, về phương pháp thì chia ba nhánh chính là: Thiền, Tịnh và Mật tông (trong ấy lại chia nhiều môn phái khác nữa). Tuy nhiều khác biệt nhưng tất cả đều thống nhất nhìn nhận: Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni Buddha) là người

khai sáng đạo, giáo lý căn bản là: Khổ, Không, vô ngã, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo...

Phật giáo Việt Nam có cả hai dòng chính và ba pháp môn ấy. Đạo Phật Việt Nam cũng như văn hoá Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề Phật giáo và văn hoá Trung Hoa. Người Việt Nam Phần lớn tu theo Tịnh Độ, lấy việc niệm Phật là chính. Việc niệm Phật quả là có lợi ích lớn, đem lại an lạc, an tâm, bình yên cho biết bao người và đã bao đời nay. Ấy vậy mà hiện nay có một số thầy lên mạng NET năng nặc bài bác: không có Phật A Di Đà, không có thế giới Tây Phương Cực Lạc, niệm Phật không phải là chánh pháp... Việc có hay không có Phật A Di Đà Và Tây Phương Cực Lạc đâu đáng để tranh cãi hay bài bác. Nhà Phật vẫn bảo:” Nhất thiết duy tâm tạo”, “ Tất cả không ngoài một niệm tâm”... cả sơn hà đại địa, vũ trụ mênh mông, thời gian vô thủy vô chung, chúng sanh vô lượng... cũng không ngoài một niệm tâm. Vậy thì Phật A Di Đà và thế giới Phương Tây cũng từ một niệm tâm. Phật Thích Ca Mâu Ni và thế giới Sa Bà cũng thế thôi! nhiều vị cực đoan đến độ mĩa mai cả kinh điển Đại thừa (Bắc truyền), đòi phế bỏ cả chư tổ, chỉ tôn thờ mỗi Phật Thích Ca Mâu Ni thôi. Giả sử không có chư tổ, liệu đạo Phật có truyền tới ngày nay không? Chư tổ là gạch nối giữa Phật Thích Ca Mâu Ni, là truyền thừa từ đức Bổn cho đến hôm nay, nếu không có khúc kết nối này thì liệu đạo Phật có còn tồn tại chăng? Các vị cao tăng kết tập kinh điển chẳng phải là chư tổ chăng?

Việc giới bình dân ít chữ, việc cụ ông cụ bà niệm Phật bao lâu nay, giờ bảo không đúng chánh pháp, giờ bảo các cụ đi học giáo lý chính thống, học thiền, học quán nguyên thủy quả là điều không tưởng! việc bài bác này gây sự xáo trộn, hoang

mang trong hàng Phật tử sơ cơ, gây nhiều tranh luận phi lý, vô bổ. Giả sử những vấn đề này giới hạn trong cuộc hội thảo, nghiên cứu của các thầy, các học giả Phật học thì hợp lý hơn. Ngoài việc cực đoan bài xích này, hiện nay lại có một hiện trạng cực đoan ngược chiều lại đó là việc chủ trương: Chỉ thờ và niệm duy nhất Phật A Di Đà, các Phật khác không niệm; chỉ tụng kinh Vô Lượng Thọ (hoặc kinh A Di Đà) không học hay tụng các kinh điển khác, chỉ chăm chăm cầu vãng sanh... cực đoan đến độ xưng tán Phật A Di Đà là tối tôn, không có một vị Phật nào có thể sánh bằng. Quá nhiều Phật tử sơ cơ ào ào chạy theo phong trào, lại bày ra áo xống khác, cách lạy mới, tái quy y, đặt lại pháp danh... Việc cực đoan này khiến nhiều người có cảm giác giống như “cuộc chính biến” vậy! mọi trạng thái cực đoan đều không tốt, không hợp lý, không phải lẽ cho dù là ngoài đời, huống chi đây là trong đạo pháp. Các vị quên rằng, đạo Phật luôn chủ trương trung đạo kia mà!

Phật giáo Bắc truyền quả là có những cái phi pháp, những cái ấy vốn không có trong giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni. Hiện nay nó tăng trưởng và phát tác mạnh mẽ, lan tràn khắp mọi nơi: Nạn chùa to Phật lớn, nạn dâng sớ giải hạn, cúng sao, xin xăm, bói toán... người sơ cơ không rõ lý đã đành. Người khoác cà sa lại hòa theo, khuếch trương thêm vì mục đích trục lợi, vì danh văn lợi dưỡng, vì đạo tâm và chánh kiến không vững...Dấu ấn văn hoá Tàu nó in sâu vào tâm thức người Việt, ngay cả khi ra hải ngoại đã lâu, tiếp xúc văn minh đã lâu ấy vậy mà vẫn cứ nhất thiết phải rước sư tử Tàu, La Hán Tàu, pháp khí Đài Loan... Sư tử Tàu, con cái một chân đạp sư tử con, tượng trưng cho sự duy trì giống giống. Con đực, một chân đạp quả địa cầu, tượng trưng cho sự thống trị thế giới. Đó là tư tưởng Nho gia, chẳng liên can gì tới giáo

pháp Phật đà cả. Hình tượng sư tử bốn mặt trên các trụ đá của vua Asoka, tượng trưng cho sự đồng minh, tinh tấn của chánh pháp Như Lai thì chẳng ai biết đến. Thật tình mà nói, những tượng sư tử Tàu, La Hán Tàu... tạc bằng đá trắng mà các chùa (từ trong nước đến hải ngoại) rước về chung chẳng có chút giá trị nghệ thuật nào cả, chẳng qua là trang trí để thỏa mãn chút thị hiếu mà thôi!

Không riêng gì Phật giáo Việt Nam, Phật giáo các nước cũng đang đối mặt với những thử thách nghiệt ngã, sự tác động của công nghệ thông tin, kỹ thuật điện toán, mạng xã hội, sự lũng đoạn của thể lực chính trị...

Phật giáo Trung Quốc giờ chỉ là cái áo hào nhoáng, tiêu biểu như Thiếu Lâm Tự, vốn là ngôi cổ tự ngàn năm giờ như một công ty giải trí, một cỗ máy làm tiền, hàng năm thu nhập cả trăm triệu đô. Tà sư và phi quan kết cấu nhau trục lợi , phá hoại đạo pháp, phục vụ mục đích chính trị thế tục. Hầu hết các chùa đều bị chặn cổng bán vé tham quan, kinh doanh đủ thứ...

Phật giáo Nhật Bản càng thâm hơn, mặc dù ở Nhật không bị chi phối bởi quan quyền và chính trị. Hàng chục ngàn ngôi chùa hoang phế, không có người tu, không có trụ trì, dùng người máy thuyết pháp, thậm chí phế bỏ giới luật, sư được phép lấy vợ, sinh con đẻ cái (vấn đề này vốn từ lâu, dưới các tướng quân Shogun) để có người thừa tự giữ chùa. Năm xưa Phật cắt ái từ thân, ly gia đoạn dục... thì nay đi ngược lại.

Phật giáo Đại Hàn đáng báo động đỏ, hầu hết mọi người thành thị (nhất là giới trẻ) đã chuyển sang đạo Tin Lành

Phật giáo Việt Nam bị chính trị lũng đoạn và điều khiển,

ngày xưa nêu cao đạo pháp và dân tộc thì nay tuyên bố “Đạo pháp và xhcn “. Chùa to Phật lớn vô cùng lộng lẫy như từ cấm thành mọc lên khắp nơi để làm du lịch, để tô vẽ mặt mày. Có những ngôi chùa cổ cũng bị phá dỡ xây mới, mặc cho giới kiến trúc phản đối vì họ biết tình trạng chùa vẫn còn tốt! Nếu ngày xưa Phật bỏ cung vàng điện ngọc, bỏ lầu đài nhung lụa... thì ngày nay lại dồn hết tâm lực để dựng lầu đài, mặc nhung lụa... nhiều ông tăng danh văn lợi dưỡng, dựa thế lực thế tục, kết cấu quan quyền đảng đàn nói lời xu nịnh, nói nhảm, nói xàm... làm cho hàng Phật tử sơ cơ bất mãn, ảnh hưởng xấu đến mọi người, làm cho cái nhìn của người dân đối với đạo pháp trở nên tiêu cực.

Phật giáo Việt Nam hải ngoại cũng có những vấn đề khó. Nhiều tăng, ni không thông tiếng Anh, trong khi giới trẻ thì không rành tiếng Việt. Cách hành trì và quan niệm không thích hợp với môi trường mới, không phù hợp với lớp trẻ sinh ra và lớn lên ở hải ngoại. Ví dụ như: Trong đạo Phật phải có hương hoa, có tác bạch, có thỉnh lễ... thì mới nói pháp. Trong khi ấy nhà thờ Tin Lành cho người đi đến từng nhà, từng khu phố, gặp gỡ từng người để chiêu dụ. Họ đem theo tài liệu đủ thứ tiếng và nhiều phương tiện khác để lôi kéo người ta theo đạo.

Sách vở vẫn bảo:” Trung ngôn nghịch nhĩ”, dân gian thì nói:” Thuốc đắng già tật, sự thật mất lòng”...Sự thật thường khó nghe, chối tai, dễ bực mình... nhưng nó lại có ích. những lời dãi bôi, lời đường mật xạo sự... tuy nghe sướng tai nhưng lại có hại! Những giòng chữ này viết ra không phải để chỉ trích, chê bai hay đả phá... mà thật lòng mong sao được lắng nghe để chấn tác cho mọi việc trở nên tốt đẹp hơn.

Lớp trẻ Việt sinh ra và lớn lên ở hải ngoại có thể nói tiếng Việt nhưng đọc và hiểu thì rất hạn chế, hoặc có thể nói là không. Hàng tuần các em đều đến chùa lễ Phật, học tiếng Việt...nhiều em cũng thuộc lòng bài niệm hương, tán Phật nhưng khi hỏi ý nghĩa thì các em không biết, đó là những bài kệ ngắn, nói chi đến kinh văn hay giáo lý... Mong sao các bậc tôn đức, các anh chị huynh trưởng, các học giả Phật giáo... quan tâm đến, chẳng hạn như: biên soạn tài liệu tiếng Anh, tìm phương pháp thích hợp cho lớp trẻ. Lối sống Phương Tây nặng về vật chất, hưởng thụ và tiêu xài, đặt cá nhân lên trên. Xã hội phương Tây sung túc, tự do có bao nhiêu là quyền rũ, dụ hoặc... Nếu không có phương pháp phù hợp thì e rằng chẳng bao lâu nữa giới trẻ Việt hải ngoại cũng sẽ đi theo cái vết của Phật giáo Đại Hàn , Nhật Bản. Bây giờ chúng ta có hối tiếc cũng muộn màng rồi!

Ý NGHĨA CỦA NHỮNG BIỂU TƯỢNG TRONG ĐẠO PHẬT

Đạo Phật đồng hành với dân tộc đã hơn hai ngàn năm nay. Người Việt tiếp xúc với đạo Phật hầu như đủ các trường phái, pháp môn: Bắc tông, Nam tông, nguyên thủy, mật tông. Trong các tông ấy lại chia chi li hơn nữa như: thiên tông (của cả Bắc lẫn Nam truyền), tịnh độ, kim cương thừa... Nếu như quý thầy, quý học giả uyên thâm, hiểu biết sâu nội dung cũng như những biểu tượng của Phật giáo thì những Phật tử sơ cơ như chúng mình thì hiểu biết cạn cợt, thậm chí không biết hoặc là biết một cách mơ hồ, sai lệch. Thực tế có nhiều Phật tử sơ cơ chúng mình hiểu về đạo rất cạn, những giáo lý căn bản cũng không nắm được, tuy cũng xưng là Phật tử, cũng đi chùa nhưng chỉ biết xì sụp lễ lạy, bỏ chút tiền vào thùng phước sương, cầu xin này nọ, nhờ thầy cầu an, cầu siêu... hiểu đạo chỉ nhiều đó thì oan cho Phật quá. Đó là nội dung đạo, còn những biểu tượng trong nhà phật cũng chẳng biết ý nghĩa là gì. Đức Phật đã từng nói:” Tin ta mà không hiểu ta tức là phỉ báng ta”. Bài viết này không dám đề cập đến nội dung giáo lý, chỉ xin trình bày sơ lược chút ít ý nghĩa của những biểu tượng trong đạo Phật.

Trong các biểu tượng của đạo Phật, hoa sen có lẽ là một biểu tượng thông dụng nhất, sử dụng nhiều nhất. Hầu hết các pho tượng hay tranh vẽ về Phật, Bồ Tát đều ở tư thế ngồi hoặc

đứng trên bông sen. Tại sao lại là bông sen mà không phải là một loại hoa nào khác? Hoa sen là loài hoa phổ biến ở Ấn Độ cũng như nhiều nước châu Á khác. Hoa sen mọc trong bùn lầy nhưng không dính bùn, hoa sen vượt lên trên bùn lầy để nở và tỏa hương. Việc tạo tác hình tượng Phật và Bồ Tát đứng hay ngồi trên hoa sen là ngụ ý Phật và Bồ Tát cũng như hoa sen vậy. Vượt lên trên vũng bùn ngũ dục, không dính, không nhiễm, từ vũng bùn ngũ dục mà vươn lên để trở thành bậc chánh đẳng chánh giác. Hoa sen nở ra là có hạt ngay trong liên bông, bởi thế ngụ ý là nhân quả đồng thời, nhân quả không tách rời được. Hình tượng đức Phật sơ sinh bước bảy bước trên hoa sen quả là một hình tượng đẹp, ý nghĩa sâu xa, hiếm có một hình tượng nào của thế gian có thể hay hơn, nhiều ý nghĩa hơn. Bảy hoa sen tượng trưng cho thất chúng, cũng có thể hiểu là ba thời và bốn phương, điều ấy muốn thể hiện Phật có khắp đông, tây, nam, bắc và có ở cả quá khứ, hiện tại, vị lai. Khi đức Thế Tôn giờ canh hoa sen lên, pháp hội thánh chúng ngơ ngác không hiểu gì, chỉ có mỗi ngài Ca Diếp thoáng cười mỉm và đức Phật truyền trao phó chúc cho ngài. Hoa sen lúc này tượng trưng cho chánh pháp nhãn tạng của Như Lai. Ngài Ca Diếp hiểu được ẩn ý của Phật nên được phó chúc là thế. Hoa sen được dùng trang trí sâu rộng trong đạo Phật, trong nghệ thuật Phật giáo...

Chúng ta thường thấy tôn tượng hay tranh vẽ đức bổn sư Thích Ca mâu Ni thường ngồi dưới cội bồ đề, thật sự chẳng có cây nào là cây bồ đề cả. Sa môn Cù Đàm ngồi thiền suốt bốn mươi chín ngày cho đến thành chánh đẳng chánh giác, cái cội cây ấy cũng nhờ thế mà được gọi là cây bồ đề. Bồ đề là tiếng Phạn, có nghĩa là giác ngộ. Hữu tình chúng sanh mới có thể giác ngộ, vô tình chúng sanh không thể. Một khi chánh

báo chuyển thì y báo chuyển theo, chánh báo là chính con người ấy, hữu tình chúng sanh ấy, y báo là hoàn cảnh nhân sự, vật chất chung quanh. Đức Phật là một hữu tình chúng sanh đã giác ngộ, nhờ đó mà cái cội cây ấy được gọi theo là bồ đề.

Cụm từ “ Sư tử hống”, “ toà sư tử” thường lập đi lập lại trong kinh điển cũng như trong lời nói hàng ngày nơi cửa Phật. Sư tử là vua trong loài thú, một khi nó rống lên thì chim muông thú rừng kinh sợ mà im lặng và không dám cử động. Đức Phật thuyết pháp được ví như sư tử hống. Phật thuyết pháp làm cho trời người ba cõi hoan hỷ nhưng ma vương và ngoại đạo phải kinh sợ, không dám tự tung tự tác. Lời thuyết pháp là sư tử hống, chỗ Phật ngồi là toà sư tử

Biểu tượng chữ vạn thường thấy trên ngực các pho tượng Phật, được dùng trang trí trên nóc điện, cổng, ô gió và rất nhiều nơi trong chùa chiền, đền tháp, kinh sách... Chữ vạn có ý nghĩa là cát tường, thanh tịnh, tròn đầy công đức... là một trong ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp của đức Phật. Trong kinh tạng Pali của Phật giáo nguyên thủy thì không có đề cập đến chữ vạn. Chữ vạn vốn là chữ Swastika (Phạn ngữ) xuất phát từ Ấn Độ giáo và cũng có nhiều trong các nền văn minh Ấn- Âu. Biểu tượng chữ vạn ở Việt Nam hay các nước châu Á khác thì không có vấn đề gì, nhưng khi sử dụng chữ vạn ở Âu - Mỹ thì cần tế nhị một chút, đã từng xảy ra sự xô xát giữa sinh viên Phật tử Thái và sinh viên Do Thái. Nhiều người Âu - Mỹ - Do Thái không biết cái ý nghĩa của chữ vạn Swastika, họ lầm lẫn với biểu tượng thập ngoặc của Đức Quốc Xã

Lá cờ Phật giáo xuất hiện khá muộn so với quá trình hình

thành và phát triển của Phật giáo. Lần đầu tiên xuất hiện ở Colombo (Sri Lanka) năm 1885. Sau đó ông Henry Steel Olcott, là đại ý hải quân Mỹ, ông đến Tích Lan để nghiên cứu Phật học và đã đề xuất thay đổi và cho ra lá cờ ngũ sắc mà chúng ta thấy hiện nay. Tại đại hội Phật giáo quốc tế năm 1950 ở Tích Lan đã công nhận lá cờ ngũ sắc làm cờ chung cho Phật giáo quốc tế. Năm màu của lá cờ tượng trưng cho ngũ căn, ngũ lực (Phật giáo Nhật thì quan niệm năm màu ấy tượng cho ngũ trí Như Lai). Màu trắng là tín, màu đỏ là tấn, màu vàng là niệm, màu xanh là định, màu cam là huệ. Giải màu hỗn hợp thì tượng trưng cho sự đoàn kết và thống nhất của Phật giáo toàn thế giới.

Trong Phật giáo thường dùng hình tượng sư tử hay voi để trang trí, voi và sư tử cũng là biểu tượng thông dụng. Bà Ma gia phu nhân nằm mơ thấy voi trắng sáu ngà từ cung trời Đâu Suất đi xuống và vào hông phải của bà. Đó là điềm báo sanh thanh nhân, sáu ngà voi trắng tượng trưng cho lục độ ba la mật vậy. Tượng Bồ tát Phổ Hiền cỡi voi, bồ tát Văn Thù cỡi sư tử. Ấy là biểu trưng của nghệ thuật, thật sự các ngài chẳng cỡi voi hay sư tử chỉ cả. Voi to lớn vững vàng, trầm tĩnh, từng bước đi chắc chắn... tượng trưng cho đại định. Sư tử vô cùng oai phong dũng mãnh, một khi nó cất tiếng rống thì muôn loài im bật, sư tử tượng trưng cho sự tinh tấn dũng mãnh vậy. Tượng ngài Phổ Hiền cỡi voi nhằm thể hiện sự đại định, đức hạnh. Tượng ngài Văn Thù cỡi sư tử cầm thanh gươm trí huệ tượng trưng cho sự dũng mãnh và tinh tấn, dùng trí huệ để phá phiền não vô minh.

Phật tử chúng ta dù là theo Bắc Truyền hay Nam truyền cũng đều quen thuộc với hình ảnh đức Quán Thế Âm bồ tát cầm nhánh dương liễu tưới nước cam lộ. Phật tử các nước Việt,

Trung, Hàn, Nhật đều cung kính và xem đức Quán Thế Âm như mẹ hiền, dùng nhành dương liễu rưới nước cam lộ để dập tắt lửa phiền não, để cứu khổ ban vui. Nhành dương liễu có ý nghĩa nhẫn nhục, uyển chuyển. Bình Cam lộ còn gọi là tịnh bình tượng trưng cho sự thanh tịnh giới đức, nguồn an lạc vô biên, lòng từ vô hạn. Cũng có người đọc kinh và sanh thắc mắc:” Rốt cuộc bồ tát Quán Thế Âm là nam hay nữ?”. Bồ tát vốn vô tướng, không có một tướng nhất định, tùy tâm niệm chúng sanh mà hiện tướng. Ta có thể thấy Quán Thế Âm bồ tát có bốn tay, sáu tay, tám tay, ngàn mắt ngàn tay... Đó đều là ý nghĩa biểu trưng, các cánh tay tượng trưng cho năng lực, hành động, không gì mà không thể. Các con mắt tượng trưng cho sự soi xét thấu đáo những nỗi phiền não khổ đau của chúng sanh. Vô tri vô sở bất tri, vô năng vô sở bất năng

Phật giáo Nam truyền ở Campuchia, Lào, Tháiland, Myanmar, miền Tây Nam bộ Việt Nam, Champa xưa... thường tạc tượng hay vẽ tranh đức Phật ngồi trong lòng rắn thần Naga, những cái đầu của nó vươn cao và xoè ra như cái lọng để che mưa nắng cho đức Phật. Theo truyền thuyết thì Naga đã che chở mưa nắng giông tố cho đức Phật trong bốn mươi chín ngày thiền định dưới cội cây. Rắn thần Naga và chim thần Garuda vốn là anh em cùng cha khác mẹ trong sử thi Mahabharata. Ban đầu rắn thần Naga được sử dụng trong Hindu giáo nhưng dần dần được dùng trong Phật giáo như là vị thần hộ pháp.

Nếu hoa sen là biểu tượng được sử dụng nhiều nhất trong Phật giáo thì bánh xe pháp có lẽ là đứng hàng thứ hai. Tuy là hàng thứ hai nhưng ý nghĩa còn quan trọng hơn biểu tượng hoa sen. Bánh xe pháp là tượng trưng cho giáo pháp của Thế Tôn. Bánh xe pháp được in trên kinh sách, tạc vào tường, bệ

thờ, trên mái chùa... Bánh xe pháp tượng trưng cho sự thường chuyển của Phật pháp. Phật pháp cũng như muôn sự vật, sự việc của sơn hà đại địa phải luôn luôn chuyển, chuyển là động, là sanh; không chuyển thì là hoại, là chết. Phật pháp thượng trụ khắp mười phương ba đời, luôn chuyển khắp ba cõi. Bánh xe pháp có thể có tám cãm, mười hai cãm hoặc ngàn cãm... Bánh xe pháp tượng trưng cho tứ thánh đế, bát thánh đạo... Người Tây Tạng, Nepal chế ra luân xa cầm tay, họ xoay không ngừng dù là tụng kinh, niệm chú, hành thiền, kể cả nghỉ ngơi... luân xa cầm tay quay không ngừng để cho Phật pháp thường chuyển, để lời kinh, lời cầu nguyện tỏa ra trong trời đất. Bánh xe pháp tượng trưng cho giáo lý của Phật đà, có công năng đưa người từ mê đến giác, từ vô minh đến quang minh, từ địa ngục đến niết bàn... lại bánh xe pháp có thể nghiền nát mê lầm, phiền não. Bánh xe pháp luôn tiến về trước... Hình tượng bánh xe pháp có rất sớm, cụ thể trên những phế tích từ thời vua Asoka đã có. Ngày nay bánh xe pháp được trân trọng trên lá cờ của nước Ấn Độ

Trong các món pháp khí của Phật giáo, cây tích trượng thường được các thiền sư sử dụng, vừa là cây gậy vừa là vật giúp khai ngộ cho không ít trường hợp. Thiền sư kể thiền sư Lâm Tế thường dùng gậy với những chiêu: đả, hát, bồng đã khai ngộ cho nhiều đệ tử và hành giả. Cây tích trượng có ba bộ phận và mười hai cái khoen (tượng trưng cho thập nhị nhân duyên). Những nhà sư khát thực dùng nó để đi đường, những cái khoen phát tiếng kêu làm cho súc sanh dưới đất biết mà tránh khỏi bước chân của các nhà sư, lại cũng để báo cho đàn na tín thí biết có nhà sư đến khát thực ở trước nhà mình. Tích trượng có tiếng Phạn là Khakhala, nghĩa là gậy đức hạnh và trí tuệ, có thể làm vui phiền não, làm cho sáng

suốt, hết khổ đau. Tích tượng còn là biểu tượng cho cho năng lực sức mạnh của chánh pháp. Hình tượng ngài Địa Tạng bồ tát dùng tích tượng để mở địa ngục, phá địa ngục. Cầm tích tượng còn biểu thị chánh pháp phải hiểu tường tận thấu đáo, phải thực hành đúng như lời Phật dạy. Địa Tạng là đất tâm, dùng tích tượng là sức mạnh chánh pháp để mở cửa địa ngục cũng chính là khai mở cái tâm vọng, cái tâm mê mờ, cái vô minh. Các vị hoà thượng dùng tích tượng để tăng thêm phần oai nghi mỗi khi thượng đường, lại dùng để dẫn vong trong các đám tang giúp tăng thêm tín tâm, an tâm của tín đồ...

Bình bát là vật dụng không thể thiếu đối với các tu sĩ Nam tông, nguyên thủy hay phái khất sĩ. Bình bát dùng thân nhận thức ăn cúng dường của tín thí, có thể xem như ruộng phước cho mọi người, vừa là cơ duyên để giáo hoá... Bình bát nêu gương sống phạm hạnh, tam y nhất bát, đoạn trừ kiêu căng và ngã mạn, tránh xa hai thái cực hưởng thụ và khổ hạnh, đoạn trừ lòng tham tích chứa cất giữ...

Phướn là một loại cờ, may bằng gấm, vải... có thể năm màu, trên ấy thêu tên Phật hay bồ tát, cũng có thể là câu thần chú hay câu kinh... treo phướn tượng trưng cho sự oai nghiêm của đức Phật, có nhiều tích giải thích khác nhau nhưng điều ấy không quan trọng, chính yếu là mình nhìn cờ phướn thì tín tâm tăng trưởng, lòng cung kính cũng rất mực, nhìn thấy phướn trong chánh điện như nhìn thấy Phật. Ngoài sân thì chỉ treo phướn vào những ngày lễ lớn, những sự kiện trong Phật giáo...Liên quan đến lá phướn, có một giai thoại thật hay. Năm ấy khi lục tổ Huệ Năng đến chùa Pháp Tính của ngài Ấn Tông, Huệ Năng (lúc này vẫn còn thân phận cư sĩ) vô tình chứng kiến hai vị tăng đang bàn cãi: “phướn động hay gió động”, ngài bảo:” Chẳng phải phướn động, cũng chẳng phải

gió động mà tâm nhân giả động”. Giai thoại này trở thành một điển tích hay và đầy ý nghĩa trong thiền sử Bắc tông.

Tràng thì may bằng vải, hình dạng giống như cái ống gió. Ngày xưa khi khoa học kỹ thuật còn lạc hậu, việc thông báo truyền tin vô cùng hạn hẹp. Mỗi khi có pháp hội thì nhà chùa hay đạo tràng sẽ kéo tràng lên, ý nghĩa là cho biết ở đó sẽ có pháp hội hoặc có những sự kiện gì xảy ra trong đạo tràng...

Những biểu tượng trong đạo Phật còn nhiều lắm, những ý nghĩa hay ẩn ý cũng rất nhiều, có lẽ dành cho bài viết sau. Giờ xin nói thêm chút ít về ý nghĩa của việc dâng hương đăng hoa quả cúng dường. Việc dâng hoa quả là thể hiện tâm thành của mình, không phải dâng để Phật, bồ tát hưởng. Chư Phật cần gì đến hoa quả, hoa là tượng trưng cho nhân, quả là cái quả, nhân nào thì quả nấy, gieo nhân sẽ gặt quả. Hương, trầm là tượng trưng cho ngũ phần hương: giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến... Ngọn đèn tượng trưng cho quang minh, ánh sáng, trí huệ... dùng trí huệ phá vô minh, dùng trí huệ để phá mê mờ phiền não. Đạo Phật là đạo của trí huệ, không dùng cảm tình hay sự mơ hồ mê tín. Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, ai ăn nấy no, ai uống thuốc người ấy hết bệnh...

Tóm lại việc dâng hương đăng hoa quả là biểu hiện lòng thành kính, là lễ nghi, là xưng dương, là thực hiện các pháp lành...Mình phải hiểu chút chút thì mình mới có thể tu học Phật. Tu mà không học là đi mà không biết đi đâu, đi như thế nào và sẽ về đâu. Học mà không tu thì chỉ như cái dây sách, miệng nói thao thao mà chẳng chịu đi, bệnh cũng chẳng hết. Mình đọc kinh sách, niệm Phật, ngồi thiền... để ba nghiệp thanh tịnh, để hiểu nghĩa lý kinh sách và lời Phật dạy, để phân biệt chánh tà. Đạo Phật có mặt ở thế gian này đã hai mươi

lăm thế kỷ rồi, tuy có lúc thịnh suy. Đạo Phật truyền đến đâu thì thích ứng với văn hoá địa phương và căn cơ của cư dân ở đấy. Cứ đến mỗi địa phương với nền văn hoá khác nhau thì lại bổ sung thêm những sắc thái mới, có thêm biểu tượng mới. Tuy nhiên cái cốt lõi của đạo Phật thì không thay đổi, cho dù đó là dòng Bắc truyền, Nam truyền, nguyên thủy hay mật tông... Đạo Phật vẫn duy nhất một vị giải thoát, một mục đích duy nhất thức tỉnh và giác ngộ chúng sanh. Hai mươi lăm thế kỷ quả là dài so với một đời người nhưng chẳng là bao so với dòng thời gian vô thủy vô chung. Giáo pháp của Thế Tôn vẫn tồn tại cho đến khi có một vị Phật khác ra đời. Pháp Phật vẫn thường chuyển suốt quá khứ, hiện tại và vị lai, vẫn thường chuyển trong khắp mười phương hư không.

YẾN

Thế là được ba năm theo nghề, An bây giờ đã là một thợ leo giỏi có tiếng của công ty. Ngày mới vào nghề, ai cũng cười An, chê nó không thể leo được. Anh Bàn, người giới thiệu dẫn dắt nó vào nghề nhiều lúc cũng gắt:

- Mày nhát hít, làm sao làm được đây?

Chú Bội an ừ

- Từ từ sẽ dần thôi, khi xưa chú mới vào nghề cũng vậy!

Mấy tháng đầu người ta cho nó theo làm phụ những việc vặt vãnh, tập leo dưới thấp, nhớ lần đầu leo lên giàn. An run cầm cập, những cây tre trông nhỏ bé và mong manh quá, sóng dưới chân vỗ ì oạp, vách đá chỗ thì nham nhở, chỗ thì trơn trượt, từ trên giàn nhìn xuống muốn chóng mặt. Nhưng vào nghề rồi thì phải chịu, mỗi ngày leo cao hơn chút nữa, có không ít lần An muốn bỏ cuộc, nhìn vách đá thấy ón lạnh sống lưng, gió rít rần rật, sóng biển âm âm vậy mà mồ hôi mặt chảy xuống môi mẩn mẩn. An cũng chẳng còn tâm trí nào để phân biệt cái mặn do hơi nước biển đọng lại hay do mồ hôi. Tập riết rồi quen, ngày An gỡ được ba mươi tổ yến đầu tiên, Anh mừng lắm, coi như đã thạo nghề. Nhóm thợ đi chung vỗ vai An chúc mừng:” chú em khá lắm”.

Thời gian vẫn vô tình trôi qua, con nước cứ đầy rồi vơi, hết mùa gió chướng thì xuân lại về. Đàn yến bắt đầu làm tổ để chuẩn bị đẻ trứng. Những người thợ lại dong thuyền ra hang lầy tổ yến về cho công ty. Yến bay rợp trời, trông nhỏ xíu vậy

nhưng sức dẻo dai khó có ai bì kịp, mỗi ngày nó bay cả trăm dặm để kiếm thức ăn. Sự kiên nhẫn của yến cũng không ai sánh bằng, không từ ngữ nào mô tả trọn vẹn. Yến khạc nước dãi từ trong thân của mình để trét thành tổ, An và những người thợ leo gỡ lấy tổ của nó. Nó lại kiên nhẫn vắt kiệt nước trong thân để làm tổ lần thứ hai, rồi cũng bị con người cướp đi. Lần thứ ba thì nước trong người nó không còn đủ, nó phải khạc cả máu để làm tổ, những cái tổ lần thứ ba này có những sợi màu đỏ của máu nên gọi là huyết yến. Con người ta quý lắm, giá mắc kinh khủng, Người ta cho huyết yến là cực kỳ bổ dưỡng và sung sức. An và những người thợ lấy tổ yến đem về cho công ty, người ta sơ chế rồi đóng hộp để bán cho giới nhà giàu và phần nhiều là để xuất khẩu. Tổ yến là một trong những món ngon bổ dưỡng hàng đầu, là món mà những người nhiều tiền ưu tiên chọn, bọn họ dùng yến bồi bổ thân thể hưởng thụ lạc thú cuộc đời. Nếu ngày xưa chỉ có vua và hoàng gia mới được dùng, bây giờ thì giới quan gia, đại gia nhiều tiền lắm của xài thoải mái

Tổ yến đầu tiên mà An gỡ khỏi vách đá là yến loại hai, trong tổ còn có hai con chim non đang há mỏ chờ mẹ mớm mồi. An lúng túng không biết đặt hai con chim non kia vào đâu để gỡ tổ. An đeo mình trên giàn tre, bám sát vách đá, bên dưới sóng biển vỗ ào ạt, vực sâu thăm thẳm, trên đầu bầy yến bay loạn xạ. Yến thấy những người thợ leo lên vách đá cướp tổ của nó, chúng nó bay lượn quanh những người thợ, kêu rít rít liên hồi, cái âm thanh nhỏ nhưng cộng hưởng của cả chục ngàn con và hồi hưởng của vách đá làm cho âm ấy như mũi dùi xoáy vào tai. Cái âm thanh của sự tuyệt vọng, sự cầu cứu mà những con yến bé nhỏ hiền lành đành chịu bất lực, chỉ còn biết cất tiếng kêu bi thương. Trong khoảng khắc cực kỳ ngắn, An nhớ lời

những người thợ lành nghề truyền dạy:” Cứ vút trứng và chim non để lấy tổ”, vói trứng chín thì An vút mà không có bất cứ vẩn vương gì, nhưng đây là hai con chim non, nó đang chờ mẹ nó mớm mồi, nó hiền lành và vô tội, nở nào ném xuống biển? Lòng An thấy bất nhẫn không đành, An đu mình lòn qua mấy cây sào tre tìm đến những cái tổ khác, càng leo cao, lòng hang càng hẹp và tối dần, mức độ nguy hiểm cũng tăng theo độ cheo leo, được cái lên cao thì tổ yến mới nhiều, những góc ngách nguy hiểm thì tổ yến dày đặc, những cái tổ trắng trắng xinh xinh như bàn tay, như miếng bánh hỏi. An vói tay tới một tổ yến trước mặt, lại đụng phải chim non, rướn thêm tí thì thấy rõ hai con chim con còn chưa mở mắt, nằm gọn cái tổ xinh xinh. Anh rút tay lại, cứ như thế suốt cả buổi, tổ nào cũng có chim non. Đến buổi nghỉ để ăn, An đếm số tổ lấy được quá ít. Anh Bàn la lỏi

- Làm ăn như vậy thì tiêu tùng! Có nhiều đó sao đủ sở hụi chi tiêu trong ngày, còn nói chi đến vợ và con ở nhà trông đợi!

Anh Bàn vào nghề đã lâu, anh thấu hiểu vì sao An chỉ lấy được nhiều đó. Anh cũng đã trải qua những giây phút ban đầu khi gỡ tổ yến gặp chim non, cũng ngần ngại, cũng dằn vặt không nở ném, rồi một lần nhắm mắt tặc lưỡi ném, cứ thế làm tới nên cảm giác chai sạn dần, lâu riết chẳng còn xúc cảm nữa, cứ gặp là ném thôi, giờ thì anh cũng như những người thợ khác, cứ ném chúng như ném hòn sỏi xuống biển. Anh tâm sự

- Cũng vì cơm áo gạo tiền nên phải làm thế thôi, mình không có ý hại nó, nhưng không làm thì vợ con sống sao đây?”

Chú Bội rít một hơi thuốc lá rồi ném tàn thuốc xuống biển, chú lại hớp một chút nước mắm nhĩ để giữ ấm thân. Chú là

người có thâm niên lâu nhất nhóm thợ, nhiều anh em được chú dạy cho cách dựng giàn tre, cách leo và cả cách đối phó với những con rắn biển khi gỡ tổ yến gặp phải. Chú Bội khô đét, đen nhẻm, cái khô rắn rỏi của dân biển, cái thân thể ấy được trui rèn qua nước mặn, gió biển và sự leo trèo bao nhiêu năm nay. Chú bảo An

- Trước khi ra hang đã cúng tổ rồi, mình làm nghề này thì phải vậy thôi, mình không cố ý hại chúng nhưng mình và người nhà cần phải sống!

An ngồi lặng lẽ không nói lời nào, nó co ro mắt nhìn đắm đắm ra biển. Nó vốn không nghề nghiệp gì, lông bông riết vừa chán đời vừa không có tiền chi tiêu. Anh Bàn là anh họ của nó, xin cho nó vào công ty để đi lấy tổ yến, từ ngày vào nghề, vừa có tiền cho vợ con vừa bớt phải nhậu triền miên. An thấy vui hẳn lên, cái vui chưa được bao lâu thì nó phải đối mặt với sự nghiệt ngã của nghề này. Bàn tâm nó còn trong sáng và hiền thiện, nó không nỡ quăng chim non xuống biển. Ngày trước khi chưa vào nghề, trong những cuộc nhậu nó vẫn thường nghe người ta kháo nhau về cái chuyện lấy tổ yến quăng chim non. Bàn nhậu nhiều người cho là ác, thất đức, nào ngờ bây giờ nó lại ở vào hoàn cảnh oái ăm này. An suy nghĩ mông lung về những tổ yến với chim non; về những người thợ làm chung như anh Bàn, chú Bội; rồi còn vợ con nó đang ở nhà trông ngóng... Không biết định mệnh thế nào mà người vợ yêu thương của nó lại mang tên của loài chim nhỏ bé hiền lành kia. Nó đang tham gia phá tổ của loài chim mang tên vợ nó, vợ An không đẹp nhưng được cái hiền và thủy chung, lại chu đáo trong ngoài, những ngày An chưa có việc làm, vợ nó vẫn bươn chải lo ba bữa cơm cho cả nhà, nhiều lần nó nhậu say về quậy phá nhà cửa nhưng vợ nó vẫn nhẫn nại

chịu đựng. Thế rồi đưa con ra đời, túng thiếu lại càng thêm ngặt hơn, từ ngày vào công ty đi lấy tổ yến, nó có tiền để vợ con chi tiêu, lòng nó vui và trở nên nhẹ nhõm làm sao. Lúc mới vào làm, lương bổng chẳng bao nhiêu, vì người ta trả lương theo sản phẩm, dần dà thạo việc nên lương cũng tăng lên, tuy chẳng thể gọi là dư dả nhưng tạm đủ trang trải cho vợ con, ngoài ra cũng có dư chút đỉnh để dành phòng khi đau yếu, những tưởng suôn sẻ xuôi chèo mát mái. Bây giờ An đối diện với việc ném chim non xuống biển, lòng An thật bất an, không ném chim non thì không có sản phẩm, bỏ việc này thì biết làm gì bây giờ? rồi vợ con và cuộc sống ra sao? cả trăm mối ngổn ngang. Giờ lên giàn lại đến, anh Bàn vỗ vai An

- Đành vậy thôi, bằng không thì vợ con sẽ ra sao? Chim cũng chỉ là loài vật, người ăn súc sinh chim muông là chuyện thường tình!

An không ừ hử chi, uể oải đứng dậy đi theo anh Bàn, thật tình An chẳng thấy mình có đồng ý hay không đồng ý lời anh Bàn vừa nói. An biết việc người ăn súc sinh là thường, nhưng ném chim non xuống biển lại là việc khác. Leo lên giàn mà lòng An trống trải lạ thường, tâm tư dường như lúc này ở đâu đâu, xa xa bên kia vách đá là chú Bội, còn anh Bàn thì gần như chạm trần hang. Hàng vạn con yến bay loạn xạ ngẫu, tiếng kêu lách rích va vách đá dội lại nghe nhức cả tai. Cái sóng âm của kẻ thấy hiểm nguy, tiếng kêu của kẻ biết sắp mất tổ, mất con xoáy vào trong tâm những con người khốn khổ kia. Họ cũng đang kiếm cơm cho vợ con họ, họ cũng lo cho tổ ấm của họ, biết làm sao bây giờ, cuộc chơi nghiệt ngã của dòng đời! Sóng biển ào ạt nhưng không át nổi sóng âm rít rít của loài chim yến. An vói tay gỡ cái tổ bên phải, vì xa quá và chất nhờn gắn chặt nên cái tổ rách ra, mấy cái trứng rơi xuống

như hạt bụi, trứng chim quá nhỏ mà không gian bao la nên mấy cái trứng rơi xuống là mất hút ngay. An gỡ tiếp một cái tổ trên đầu, hai con chim non rơi xuống, tiếng kêu chíp chíp vừa lọt tai là cái thân chim mất hút không còn thấy đâu cả, tiếng kêu cũng bị gió bạt đi. An cắn răng làm tới, những cái trứng và những con chim non cứ thế rơi xuống biển, không còn suy nghĩ gì nữa, An cứ gỡ tổ yên như một người máy. Lòng nó khép lại để khỏi phải phân tâm, thả những con chim nhỏ xuống biển mà lòng trống không, đơn giản chỉ là cái tay làm mà thôi, mắt không còn nhìn theo cái cục thịt bé tí hon rơi như lần đầu nữa. Mắt An giờ đang bận soi bói tìm kiếm những tổ yến khác trong những kệt đá, những lỗ hổng hay ẩn sau lớp vách lõm chồm. An leo lên một cái ngách khác, ở đó có vô số tổ yến ken trắng vách. Những con chim yến thấy người vụt bay ra ào ạt, cũng có những con ở xa hơn một chút thì bám vách đá nghiêng nghiêng đầu thám thính. An thấy rõ nhiều con khác vẫn miệt mài quẹt nước dãi làm tổ, vệt nước dãi sền sệt từ miệng chúng chảy xuống và quện vào cái tổ còn dở dang. An trườn người tới, gỡ thêm khá nhiều tổ yến, có tổ còn hơi âm ẩm của thân chim, của chất nhờn chưa kịp khô. Cái túi An đeo cũng gần đầy, An nhủ lòng gỡ thêm tí nữa sẽ xuống. An đu mình leo lên chừng hai mét nữa, những tổ yến như bàn tay nhỏ nhắn trắng trẻo của cô gái, một cái tổ khá to so với những tổ chung quanh, An nhìn thấy hai cái mỏ nhỏ xíu đang há to, kêu chíp chíp, bỗng hai con chim trống và mái, có lẽ bố mẹ chúng, bay vụt qua mặt An, chúng nó cứ bay xà quần quanh An, vừa bay vừa kêu rín rít. Anh không hiểu là chúng tấn công mình hay chúng van xin mà tiếng kêu thảm thiết quá. An, một tay bám chặt ngách đá, một tay vung xua đuổi chim, hai con chim kia dường như quyết liệt bảo vệ tổ và chim con. An cũng quyết lấy tổ để lo cho tổ ấm của mình, cả

hai cùng quyết liệt nhưng cái quyết liệt của chim sao bằng được cái quyết liệt của người. An cheo leo trên vách đá, trông vô cùng nhỏ bé, nhìn từ xa thì An cũng không khác cái tổ yến dính trên vách đá kia. So với An thì con chim kia còn nhỏ biết là bao giữa cái không gian mênh mông này. Nó đã nhỏ máu để làm tổ, nó đã bay hàng trăm dặm để kiếm mồi nuôi con, nó đã mang nặng và đẻ đau nhưng muôn loài khác, sức nó chưa kiệt nhưng tánh linh nó đau đớn đến cùng cực. Khi An ném hai con chim con của nó xuống biển và gỡ cái tổ bỏ vào túi thì cũng là lúc An nghe tiếng rít chít chít bén như dao xoay bên tai. Hai con chim cả trống và mái lao thẳng vào vách đá như mũi tên bắn, hai cái xác lập tức rơi xuống biển, một vài cộng lông chim phát phơ theo gió giữa hư không. Vách đá xám xịt in một vết máu tí xíu. An há hốc mồm kinh ngạc trước sự việc diễn ra quá nhanh và khốc liệt, trong khoảng khắc vô tình, An buông tay bùm miệng thì cả thân thể An rơi theo hai con chim kia. Thân chưa chạm đáy hang hay sóng nước, thân An còn lơ lửng giữa không trung. An như ngủ mê, thấy thằng cu tí đang há miệng chờ mẹ nó dứt com, thằng cu tí háu ăn, com dứt không kịp nó la hét âm ỉ, tiếng hét tắt lịm khi An chạm tảng đá đáy hang. Những tiếng hét khác của chú Bội, anh Bàn và những người thợ khác đồng loạt vang lên, tiếng hét cộng hưởng từ vách đá của hang dội lại như kéo dài ra trước khi tan loãng vào hư không.

Cuối năm ấy yến sào hút hàng, có bao nhiêu cũng không đủ bán, giá lại cao ngất ngưỡng, một ký lô lên đến bốn ngàn đô la Mỹ, đó là loại hạng hai, loại huyết yến thì phải đến năm ngàn hoặc hơn nữa. Nhà hàng Đại Phúc Trung là một mối làm ăn quan trọng của công ty, có bao nhiêu họ thầu hết, với hệ thống chân rết của mình, Đại Phúc Trung không chỉ dùng

yến để phục vụ thực khách lăm tiền của trong nước mà còn để xuất khẩu qua Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, Mỹ, Canada. Những nhà hàng thường bậc trung và giới bình dân khó mà vớ tới những món hàng đắt tiền này. Nhà hàng Đại Phúc Trung, ngoài những món có tiếng xưa nay như: Nhân sâm bát bửu, hũn chường, tinh tượng, pín cộp... thì món huyết yến chưng đông trùng hạ thảo là một bí quyết ẩm thực riêng biệt. Dân chơi đồn đại món ấy cực bổ dưỡng, người suy kiệt chỉ cần hai chén là phục hồi, khách huê tình ăn chơi trác táng nhất định phải dùng món này mới trụ được dài lâu. Một chén huyết yến với đông trùng hạ thảo có thể giúp khách làng chơi hành lạc cả đêm mà không mệt mỏi. Huyết yến chưng của Đại Phúc Trung còn được đồn đại là làm cho cơ thể tươi nhuận trẻ trung, da dẻ hồng hào, xanh tóc sáng mắt, sống thọ dài lâu... Bởi vậy, thực khách không chỉ là quý ông mà còn là quý bà nhiều tiền lăm của, những phu nhân của quan gia, nữ đại gia đều là thực khách thường xuyên của Đại Phúc Trung. Giá của một chén huyết yến có thể lên đến hai trăm đô, tùy theo những món chưng kèm theo.

Ngày tắt niên đến, Trần Nhất Thế, một ông trùm của thành đô vừa là cổ đông chính của nhà hàng, tổ chức tiệc chiêu đãi quan gia và những mối lái làm ăn ở Đại Phúc Trung, những món sơn hào hải vị đã quá tầm thường với bọn họ. Nhà hàng bày chế ra món mới đặc trưng chưa có nhà hàng nào ở thành phố này nấu được, đó là món huyết yến chưng bạch nõn đồng trinh. Món này chỉ phục vụ cho một nhóm thực khách đặc biệt mà thôi. Những lời ca tụng cho sự bổ dưỡng và sung sức của món này thì khỏi phải nói, có thể coi như thuốc tiên, đẹp da, sung mãn, trường thọ... Thực khách đủ điều kiện để nếm thử món này không nhiều, nhất định phải là những người

ngoài tiền bạc, thế lực còn phải là quen biết thâm sâu với Đại Phúc Trung mới có cơ hội nếm qua. Khách của buổi tiệc toàn những tay có máu mặt như Lê Kim Ngân, một tay bán trời không văn tự, hàng hoá muốn xuất nhập đều phải qua tay y. Nguyễn Công Vụ, một ông trùm kinh tài, của chìm của nổi của các quan gia không thể thiếu sự tiếp sức của y. Lý Thừa Lệnh, ông trùm của những phi vụ giàn xếp, những rắc rối từ pháp luật cho đến xã hội đen, nếu không có y thì không thể yên...Đàn em xã hội đen của nhà hàng cùng với mặt vụ của các quan bố trí mấy vòng để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cuộc vui của các đại ca và quan gia. Với thế lực và tiền bạc của họ, những món ăn dầu cầu kỳ và đắt nhất thiên hạ, những trò chơi thác loạn đến loài vật cũng không thể bằng đều có cả trong đêm nay. Giang hồ đồn rằng, bọn nhà giàu Âu - Mỹ tuy giàu hơn nhưng không thể sánh bằng bọn quan gia và đại gia trong nhà hàng Đại Phúc Trung này.

Sau bữa tiệc ấy, ngày kế tin tức nóng hổi từ báo chí đăng một cái tin ngắn gọn:” Ông Lê Kim Ngân bị chết vì té lầu hôm tiệc tất niên”, ngoài ra không có bất cứ bình luận hay thông tin nào khác. Thiên hạ xì xầm đoán già đoán non nguyên nhân chết, nào là: say rượu bất cẩn, thủ tiêu diệt khẩu, tranh ghế hạ độc thủ, nhóm đối đầu nhanh tay hơn...dù xôn xao vậy nhưng gia đình và cơ quan chủ quản vẫn giữ im lặng theo đúng câu ngạn ngữ “ thủ khẩu như bình”. Chuyện ông trùm Ngân chưa yên thì dân mạng lại dậy sóng vì cái tin ông Nguyễn Nhất Thế bị bệnh lạ. Người ta bảo sau bữa tiệc huyết yến chung bạch noãn đồng trình ấy, ông Thế tự dưng da thịt trương phù và nhiều vết nứt rỉ ra những tia máu, trông giống như những sợi huyết trên tổ huyết yến, hai tay và chân thì quắp lại như đôi cánh yến gãy nhưng có kẻ lại bảo giống hình dạng bào thai

trong bụng mẹ. Có vô số bình luận trên mạng, nhiều người ra vẻ rành đông y bảo:”Huyết yến đã bổ, lại chung với bạch noãn đồng trình nên chất bổ bộc phát mạnh, làm cho những mạch máu xung huyết nên vỡ, và lại nhiều chất khác xung khắc nhau cùng nạp vào cơ thể cùng lúc nên kỵ nhau...”. tất nhiên cũng có không ít những ý kiến thiên về tâm linh tỷ như báo oán của nhau thai. Có người khẳng định:”Những con yến non chết oan và những con chim yến mất tổ, mất con đã báo oán”. Ngoài ra còn có vụ ông trùm giàn xếp họ Lý bị ngã ngựa phải xộ khám, gia đình phải bồi hoàn hàng triệu Mỹ kim...Thiên hạ hả hê, dân mạng khen chê không tiếc lời, giữa một rừng tin tốt có, xấu có, giả có, thiệt có, đúng có, sai có... nhưng chuyện mấy ông trùm sau bữa tiệc huyết yến tưởng chừng như nhất thiên hạ kia lại hoá ra là tiệc hoạ.

Mùa xuân rồi lại đến, đất trời như tươi mới hơn, muôn hoa đâm chồi nảy lộc. Chị Yến dắt cu tí ra nghĩa địa bên chân núi giáp biển để tảo mộ cho anh An. Chị chú tâm đốt hương khấn vái rì rầm, cầu anh sống khôn chết thiêng phù hộ cho cu Tí. Cu Tí thì chạy lúp xúp dọc mép biển rượt đuổi những con hải âu. Từng bầy chim yến bay rợp cả khoảng trời, bay xập xoè trên mặt biển, cánh yến chao lượn giữa muôn trùng nước non, chúng lại tìm về hang cũ miệt mài nhỏ dãi xây tổ.

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI

VỀ TÁC GIẢ

Nguyễn Thanh Hiền

Nick name: Steven Nguyen,

Bút danh: Tiểu Lục Thần Phong, Đồng Thiện, Thanh Nguyễn...

Sinh quán: Diêu Trì – Bình Định

Hiện đang sinh sống tại Atlanta (Georgia)

Có viết bài cho Việt Báo, Chánh Pháp, Thư Viện Hoa Sen, All Poetry...

Tác Phẩm đã in: Giữa con đường với vết trâm, Mộng Trùng Hoa, Em Vẫn Là Nỗi Đau Đời, Hoa Đào Năm Ấy, Hạc Cầm, Kể Chuyện Mà Chơi, Exemplary Poetry

Tác Phẩm chưa in: Có Ngờ Gì Không, Tản văn và truyện ngắn, Chuyện Cũ Phù Dung Trần (truyện dài), Tạ ơn (trường ca), Khúc Trường Ca Hoa (trường ca), Theo em vào giữa giáo đường (thơ), Việt Sử Ca (thơ)...